

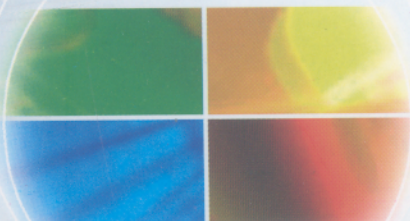
VŨ KHẮC TRAI

Chủ biên

BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

380

*câu Hỏi & Đáp
dành cho doanh nghiệp*



NHÀ XUẤT BẢN GIAO THÔNG VẬN TẢI

HÀ NỘI, THÁNG 2 - 2006

Chủ biên
VŨ KHẮC TRAI

BẢO HỘ QUYỀN
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

*380 câu Hỏi & Đáp
dành cho doanh nghiệp*

*Thân tặng Anh Tạ Trí Hùng
Giám đốc Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia*



Vũ Khắc Trai

HÀ NỘI, THÁNG 2 - 2006

Lời nói đầu

Sở hữu Trí tuệ đang trở thành vấn đề được các doanh nghiệp rất quan tâm, nhất là trong bối cảnh Việt Nam đang chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Tuy nhiên, sự hiểu biết về Sở hữu Trí tuệ của không ít doanh nghiệp còn hạn chế, đặc biệt là những kiến thức về luật pháp sở hữu công nghiệp.

Với sự trợ giúp của Ngân hàng Thế giới thông qua chương trình hỗ trợ kỹ thuật dành cho Việt Nam trong khuôn khổ kế hoạch gia nhập WTO, do Viện Khoa học Xã hội Việt Nam điều phối, nhóm tác giả do ông Vũ Khắc Trai làm chủ biên được sự hỗ trợ tích cực của Cục Sở hữu Trí tuệ đã soạn thảo và ấn hành cuốn “Bảo hộ Quyền Sở hữu Công nghiệp - 380 câu Hỏi & Đáp dành cho doanh nghiệp” nhằm giúp cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, làm quen với môi trường pháp lý và kinh doanh mới trong bối cảnh nước ta gia nhập WTO.

Đây là cuốn sổ tay hướng dẫn thực hành về sở hữu công nghiệp, được biên soạn dưới hình thức Hỏi- Đáp, trong đó các câu hỏi và trả lời ngắn gọn, dễ hiểu đều tập trung vào những quy định chủ yếu, đang có hiệu lực của hệ thống Văn bản pháp luật về bảo hộ quyền SHCN mà doanh nghiệp cần biết với mục đích cung cấp cho doanh nghiệp những kiến thức cơ bản về sở hữu công nghiệp cũng như làm rõ những lợi ích của việc bảo hộ quyền SHCN đối với doanh nghiệp. Đồng thời, cuốn sổ tay này còn giúp cho doanh nghiệp nắm bắt và vận dụng những quy định pháp luật liên quan đến việc đăng ký và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp để có thể chủ động thực hiện những biện pháp bảo vệ quyền lợi của mình trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Cuốn sổ tay này còn là tài liệu tham khảo bổ ích đối với các tổ chức Nghiên cứu & Triển khai, các cơ quan quản lý khoa học công nghệ và mọi tổ chức, cá nhân quan tâm đến việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp của mình ở trong và ngoài nước.

Sổ tay “Bảo hộ Quyền Sở hữu Công nghiệp - 380 câu Hỏi & Đáp dành cho doanh nghiệp” được cập nhật với những thay đổi mới nhất trong Luật Sở hữu Trí tuệ được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (kỳ họp thứ 8, Khóa XI) thông qua ngày 19 tháng 11 năm 2005 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/07/2006.

Để giúp cho các doanh nghiệp nhận biết được những điểm khác biệt và bổ sung theo Luật Sở hữu Trí tuệ mới, Ban biên tập đã bổ sung vào phần trả lời các câu hỏi những điểm mới trong các quy định có liên quan của Luật Sở hữu trí tuệ so với các quy định hiện hành. Những điểm được bổ sung sẽ được thể hiện nổi bật bằng chữ in đậm sau hàng chữ “Luật Sở hữu Trí tuệ” (***Luật SHTT***).

Văn phòng Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam và Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam hân hạnh giới thiệu cuốn sổ tay này với độc giả.

Martin G. Rama

Chuyên gia Kinh tế Trưởng

Văn phòng Ngân hàng Thế giới
tại Việt Nam

Phạm Đình Chương

Cục trưởng

Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam

MỤC LỤC

Chương I : Những vấn đề chung về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

1. Các khái niệm, thuật ngữ	1
2. Cơ sở pháp lý của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	6
3. Thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp	8
4. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	14
5. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	16
6. Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	26

Chương II : Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá và tên gọi xuất xứ hàng hoá

A. Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá	29
1. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với nhãn hiệu hàng hoá	36
2. Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá	50
3. Hành vi xâm phạm quyền của Chủ NHHH	55
4. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài	59
5. Sự cần thiết của việc đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài	59
6. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài theo Thỏa ước Madrid	60
7. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài theo Công ước Pari	65
B. Bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hoá	68

Chương III: Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp

1. Các khái niệm, thuật ngữ	75
2. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với kiểu dáng công nghiệp	79
3. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp	94
4. Xâm phạm quyền sở hữu KDCN của Chủ kiểu dáng công nghiệp	99
5. Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ra nước ngoài	102

Chương IV: Bảo hộ sáng chế và giải pháp hữu ích

1. Khái niệm về sáng chế và giải pháp hữu ích	105
2. Sự cần thiết của việc bảo hộ quyền SHCN đối với SC/GPHI	110
3. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với SC/GPHI	112
4. Tra cứu thông tin sáng chế	133

5. Bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích	136
6. Những hành vi xâm phạm quyền của Chủ SC/GPHI	142
7. Đăng ký bảo hộ SC/GPHI ở nước ngoài	143
A. Sự cần thiết của việc đăng ký bảo hộ SC/GPHI ở nước ngoài	143
B. Đăng ký bảo hộ SC/GPHI ở nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN	147
C. Đăng ký bảo hộ SC/GPHI ở nước ngoài theo Hiệp ước hợp tác về sáng chế	151

Chương V: Bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới SHCN

1. Khái niệm chung	157
2. Bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh	157
3. Bảo hộ quyền SHCN đối với tên thương mại	160
4. Bảo hộ quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý	166
5. Bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN	168

Chương VI: Thực thi quyền sở hữu công nghiệp

1. Những vấn đề chung	171
2. Biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN	173
3. Biện pháp truy cứu trách nhiệm hình sự	182
4. Biện pháp kiện dân sự	184
5. Các biện pháp kiểm soát biên giới nhằm bảo đảm thực thi quyền SHCN	190

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1. CÁC KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

Tài sản trí tuệ là gì?

Các thành quả do trí tuệ con người tạo ra thông qua hoạt động sáng tạo, bao gồm các tác phẩm văn học nghệ thuật (âm nhạc, hội họa, điêu khắc...); các sản phẩm sáng tạo khoa học kỹ thuật (sáng chế, bí quyết kỹ thuật...) hay các giống cây trồng đều được coi là tài sản và tài sản đó gọi là tài sản trí tuệ.

Quyền sở hữu trí tuệ là gì?

Quyền sở hữu trí tuệ là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả; quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Quyền tác giả là gì?

Quyền tác giả (hay còn gọi là bản quyền) là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật. Quyền liên quan đến quyền tác giả là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn; bản ghi âm, ghi hình và cuộc phát sóng.

Đối tượng của quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng của quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm các cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, cuộc phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá.

Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả gồm:

- Tác phẩm viết;
- Các bài giảng, bài phát biểu;
- Tác phẩm sân khấu và các loại hình biểu diễn nghệ thuật khác;
- Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, video;
- Tác phẩm âm nhạc, hội họa, kiến trúc;
- Tác phẩm tạo hình, mỹ thuật ứng dụng;

- Các công trình khoa học, sách giáo khoa, giáo trình;
- Các bức họa đồ, bản vẽ, sơ đồ, bản đồ có liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;
- Tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải;
- Phần mềm máy tính.

Tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả phải là bản gốc, tức là được tác giả sáng tác chứ không phải là sao chép tác phẩm của người khác.

Quyền sở hữu công nghiệp là gì?

Quyền sở hữu công nghiệp (SHCN) là quyền hợp pháp của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn (thiết kế bố trí), nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá, bí mật kinh doanh và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

Quyền SHCN có thể chia thành hai nhóm:

- Quyền sở hữu đối với các thành tựu sáng tạo công nghệ như: sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, thiết kế bố trí;

- Quyền sở hữu đối với các chỉ dẫn thương mại như: nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Luật SHTT: Đối tượng quyền SHCN bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý.

Bảo hộ quyền SHCN là gì?

Bảo hộ quyền SHCN là việc Nhà nước, thông qua hệ thống luật pháp và các cơ quan có thẩm quyền, xác lập quyền sở hữu đối tượng SHCN cho tổ chức, cá nhân và thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm quyền đó được thực thi, chống lại mọi sự xâm phạm của người khác.



"Thành quả nghệ thuật và sáng chế nảy sinh từ trí tuệ nhân loại. Những thành quả đó đảm bảo cho con người một cuộc sống xứng đáng với mình. Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ nghệ thuật và sáng chế"

Hàng chữ ghi trên vòm tròn của trụ sở Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) tại Geneve (Thụy Sĩ)

Đăng ký đối tượng SHCN là gì?

Đăng ký đối tượng SHCN là thủ tục hành chính do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành nhằm xác lập quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng của một tổ chức, cá nhân đối với một đối tượng sở hữu công nghiệp nhất định (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá).

Hình thức đăng ký là ghi nhận đối tượng SHCN được bảo hộ vào Sổ đăng ký quốc gia tương ứng và cấp Văn bằng bảo hộ cho Chủ sở hữu đối tượng đó.

Đối tượng SHCN được đăng ký trên cơ sở kết quả xem xét Đơn đăng ký do tổ chức, cá nhân nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo các quy định của pháp luật.

Tài sản trí tuệ đang trở thành thước đo khả năng tồn tại và thành đạt trong tương lai của các doanh nghiệp. Năm 1982, khoảng 62% tài sản của các công ty Hoa Kỳ là tài sản vật chất (đất đai, nhà xưởng, thiết bị, máy móc...) nhưng đến năm 2000 con số này đã giảm xuống chỉ còn 30%. Ở Châu Âu, vào đầu những năm 1990 tài sản trí tuệ đã chiếm hơn 1/3 tổng giá trị tài sản của các doanh nghiệp.

Quyền SHCN được xác lập như thế nào?

Quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu hàng hoá và quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá muốn được xác lập và bảo hộ phải tiến hành đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ theo thủ tục quy định.

Các đối tượng SHCN khác như: bí mật kinh doanh, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý (trừ trường hợp tên gọi xuất xứ hàng hoá), quyền sở hữu tự động phát sinh khi hội đủ các điều kiện quy định, không cần phải đăng ký.

Luật SHTT:

Quyền SHCN được xác lập như sau:

- Quyền SHCN đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý (kể cả tên gọi xuất xứ hàng hoá) được xác lập trên cơ sở đăng ký hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; riêng đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký;

- Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó;

- Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó;

- Quyền chống cạnh tranh không lành mạnh được xác lập trên cơ sở hoạt động cạnh tranh trong kinh doanh.

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN là gì?

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN do Cục Sở hữu trí tuệ cấp là chứng chỉ duy nhất của nhà nước xác nhận quyền SHCN của chủ thể được cấp Văn bằng, quyền tác giả của tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và xác nhận khối lượng, phạm vi bảo hộ đối với quyền SHCN.

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có hiệu lực trên toàn lãnh thổ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Các loại Văn bằng bảo hộ được cấp gồm: Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa.

Luật SHTT:

- Văn bằng bảo hộ sáng chế là Bằng độc quyền sáng chế và Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

- Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý ghi nhận tổ chức quản lý tập thể quyền đối với chỉ dẫn địa lý, các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tính chất đặc thù về điều kiện địa lý và khu vực địa lý tương ứng. Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý là Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý.

Số đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và số Văn bằng bảo hộ đã cấp trong năm 2005

Đối tượng sở hữu công nghiệp	Số Đơn đã nộp	Số Văn bằng bảo hộ đã cấp		
		cho người Việt Nam	cho người nước ngoài	Tổng số
Nhãn hiệu hàng hoá	17975	6427	3333	9760
Kiểu dáng công nghiệp	1338	508	218	726
Sáng chế	1952	27	641	668
Giải pháp hữu ích	249	41	33	74
Tên gọi xuất xứ hàng hoá	1	1		1

Thế nào là nguyên tắc nộp đơn đầu tiên?

Luật SHCN của Việt Nam quy định việc cấp Văn bằng bảo hộ theo nguyên tắc “nộp đơn đầu tiên”, có nghĩa là nếu có từ hai chủ thể trở lên nộp Đơn yêu cầu bảo hộ cho cùng một đối tượng SHCN thì Người nộp đơn đầu tiên sẽ được cấp Văn bằng bảo hộ nếu đối tượng đó đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, những người nộp sau sẽ bị từ chối.

Quyền ưu tiên đối với Đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ được xác định như thế nào?

Quyền ưu tiên đối với Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN được xác định theo ngày ưu tiên. Ngày ưu tiên là ngày Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ tới Cục Sở hữu Trí tuệ. Người nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá có thể yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên trên cơ sở một đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ với cùng một đối tượng được nộp sớm hơn tại một nước khác hoặc trên cơ sở việc trưng bày đối tượng nêu trong đơn tại một triển lãm quốc tế chính thức hoặc được thừa nhận là chính thức tổ chức tại Việt Nam hoặc tại một nước khác.

Thời hạn nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ để được hưởng quyền ưu tiên được quy định như sau:

- Nếu người nộp đơn yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Công ước Pari thì thời hạn nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ tại Việt Nam là 12 tháng đối với đơn sáng chế, giải pháp hữu ích; 6 tháng đối với đơn kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá, tính từ ngày nộp đơn đầu tiên hoặc là 6 tháng tính từ ngày đối tượng được trưng bày tại triển lãm.

- Nếu đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích được nộp theo Hiệp ước PCT thì thời hạn là 21 tháng đối với đơn quốc tế có chỉ định tại Việt Nam hoặc là 31 tháng đối với đơn quốc tế có chọn Việt Nam nếu việc chọn đó được thực hiện trong thời hạn 19 tháng tính từ ngày nộp đơn đầu tiên.



Từ những chiếc xe đạp đầu tiên được cấp Bằng sáng chế trong những năm 1870 và 1880, tính đến nay đã có khoảng 50 nghìn sáng chế đã được đăng ký và áp dụng, nhờ đó xe đạp đã trở thành phương tiện đi lại rất thuận tiện và được nhiều người ưa chuộng.

2. CƠ SỞ PHÁP LÝ CỦA VIỆC BẢO HỘ QUYỀN SHCN

Những văn bản pháp luật nào về bảo hộ quyền SHCN đã được ban hành?

- Những văn bản pháp luật về bảo hộ quyền SHCN đang có hiệu lực thi hành gồm:

+ Bộ Luật dân sự được Quốc hội khoá 9 thông qua ngày 28/10/1995 trong đó có Chương II, phần 6 về “bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp” gồm các điều khoản từ 780 đến 805;

+ Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về SHCN (Được sửa đổi bổ sung theo Nghị định 06/2001/NĐ-CP ngày 1/2/2001 của Chính phủ);

+ Nghị định 54/2000/NĐ-CP ngày 03.10.2000 của Chính phủ về bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN;

+ Nghị định 12/1999/ NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN;

+ Nghị định 42/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02.05.2003 về bảo hộ quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;

+ Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31-12-1996 của Bộ KH-CN-MT hướng dẫn thi hành các quy định về thủ tục xác lập quyền SHCN và các thủ tục khác trong Nghị định 63/CP;

+ Thông tư 29/2003/ TT-BKHCN ngày 05-11-2003 của Bộ KH-CN hướng dẫn các thủ tục xác lập quyền SHCN đối với kiểu dáng công nghiệp;

+ Thông tư 30/2003 /TT-BKHCN ngày 05.11.2003 của Bộ KH-CN hướng dẫn thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế/giải pháp hữu ích;

+ Thông tư 132/2004/TT-BTC ngày 30-12-2004 của Bộ Tài chính quy định về phí và lệ phí SHCN;

+ Thông tư 825/2000/ TT-BKHCMNT ngày 3/5/2000 của Bộ KH-CN-MT hướng dẫn thi hành Nghị định 12/1999/NĐ-CP

- Văn bản pháp luật về SHCN có hiệu lực từ ngày 01.07.2006:

+ **Luật sở hữu trí tuệ** được Quốc hội khoá 11, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 19 .11. 2005 (sau đây viết tắt là **Luật SHTT**) .



Biểu tượng của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới- World Intellectual Property Organisation

Trụ sở Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) tại Geneve-Thụy sỹ

Doanh nghiệp có thể tìm kiếm những Văn bản pháp luật về bảo hộ quyền SHCN ở đâu?

Doanh nghiệp có thể tra cứu các văn bản pháp luật về SHCN trong Công báo nhà nước hoặc trong Công báo SHCN do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành. Cách tốt nhất để có được các văn bản pháp luật về SHCN là truy cập vào trang Web của Cục Sở hữu trí tuệ theo địa chỉ:

<http://www.noip.gov.vn>

Việt Nam tham gia các Điều ước quốc tế nào về SHCN?

Trong lĩnh vực bảo hộ quyền SHCN, Việt Nam tham gia các Điều ước quốc tế sau:

- Công ước Stockholm (1967) về việc thành lập Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam tham gia từ 02. 07.1976;
- Công ước Paris về bảo hộ quyền SHCN (1883 -1979), Việt Nam tham gia từ ngày 08.03.1949;
- Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa (1891 - 1979), Việt Nam tham gia từ 08.03.1949;
- Hiệp ước hợp tác Patent-PCT (1970), Việt Nam tham gia từ 10.03.1993.
- Hiệp ước thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ (2000).
- Hiệp ước hợp tác Việt Nam - Thụy Sĩ trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ (1999).

3. THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Tại sao doanh nghiệp cần đăng ký bảo hộ đối tượng SHCN?

Quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá và quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá chỉ phát sinh trên cơ sở đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Nếu doanh nghiệp tạo ra một đối tượng SHCN mà không đăng ký bảo hộ thì khi có người khác sao chép, bắt chước, sử dụng đối tượng đó để đưa ra thị trường, người có đối tượng SHCN không có cơ sở pháp lý để ngăn cản việc làm đó và sẽ mất khả năng thu hồi vốn đầu tư, thu lãi và tái đầu tư.

Ai có quyền nộp Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN?

- Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/ giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp thuộc về:

+ Tác giả, các đồng tác giả tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp bằng công sức và chi phí riêng của mình;

+ Người sử dụng lao động đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp do người lao động tạo ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được giao, nếu không có thoả thuận khác;

+ Cá nhân, pháp nhân giao kết hợp đồng thuê nghiên cứu, triển khai khoa học - kỹ thuật với tác giả, nếu không có thoả thuận khác.

- Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá thuộc về cá nhân, pháp nhân hoặc các chủ thể khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp.

- Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hoá thuộc về những tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm đặc biệt tại địa phương có các tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên các điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt của địa phương đó.

Luật SHTT:

Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của Việt Nam thuộc về Nhà nước. Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý.



TRỤ SỞ CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ
tại 386 Nguyễn Trãi, Quận Thanh xuân- Hà nội

Cơ quan nào có thẩm quyền tiến hành thủ tục đăng ký quyền SHCN?

Cơ quan có thẩm quyền tiến hành thủ tục đăng ký quyền SHCN là Cục Sở hữu trí tuệ, thuộc Bộ Khoa học Công nghệ.

Cục Sở hữu trí tuệ có trụ sở tại 386 Nguyễn Trãi – Quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (04) 858 3069, 858 3425

Fax: (04) 858 8449

E-mail: noip@fpt.vn

Website: [http:// www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)

Đơn yêu cầu bảo hộ quyền SHCN có thể nộp ở đâu?

Đơn yêu cầu bảo hộ quyền SHCN có thể nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ (386 Nguyễn Trãi, quận Thanh xuân, Hà Nội) hoặc tại các Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ ở thành phố Hồ chí Minh (9B Tú Xương, quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du, quận Hải Châu). Đơn yêu cầu bảo hộ quyền SHCN cũng có thể nộp dưới hình thức thư bảo đảm gửi qua bưu điện đến các địa điểm nói trên.

Doanh nghiệp có thể ủy quyền cho người khác thực hiện các thủ tục xác lập và bảo hộ quyền SHCN không?

Có. Theo quy định hiện hành thì doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức cá nhân nào của Việt Nam có thể tự mình hoặc ủy quyền cho người khác đại diện cho mình thực hiện các thủ tục đăng ký và bảo hộ quyền SHCN.

Người đại diện trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc xác lập và bảo hộ quyền SHCN phải là một Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp hoặc người đại diện theo pháp luật..

Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì?

Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải đảm bảo tính thống nhất và phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức như: Mỗi đơn chỉ được yêu cầu cấp một Văn bằng bảo hộ, loại Văn bằng bảo hộ được yêu cầu cấp phải phù hợp với đối tượng SHCN nêu trong đơn; mọi tài liệu của đơn phải làm bằng tiếng Việt; nếu tài liệu nào cần lập theo mẫu thì bắt buộc phải sử dụng các mẫu đó...

Tính thống nhất của đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được quy định như thế nào?

Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ phải bảo đảm tính thống nhất, cụ thể là: mỗi đơn chỉ được yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ với một đối tượng hoặc một số đối tượng cùng loại thống nhất với nhau về mục đích sử dụng.



Nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu trí tuệ

Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT) xử lý theo trình tự nào?

Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý theo trình tự tổng quát sau:

- Xét nghiệm hình thức: Cục Sở hữu trí tuệ kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hình thức đối với Đơn từ đó đưa ra kết luận Đơn có hợp lệ hay không hợp lệ;

- Công bố Đơn hợp lệ: Những Đơn được chấp nhận hợp lệ đều được công bố trên Công báo SHCN (Tập A) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng;

- Xét nghiệm nội dung: Cục Sở hữu trí tuệ đánh giá khả năng được bảo hộ của đối tượng nêu trong Đơn theo các tiêu chuẩn bảo hộ từ đó đưa ra quyết định đăng ký hoặc từ chối đăng ký đối tượng SHCN đó;

Đối với Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, Cục Sở hữu trí tuệ chỉ tiến hành xét nghiệm nội dung khi có yêu cầu xét nghiệm nội dung; yêu cầu xét nghiệm phải được nộp trong thời hạn quy định kể từ ngày

công bố đơn và người yêu cầu xét nghiệm nội dung phải nộp lệ phí xét nghiệm nội dung theo quy định;

- Đăng bạ và cấp Văn bằng bảo hộ: Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận đối tượng SHCN được bảo hộ vào Sổ đăng ký quốc gia tương ứng và cấp Văn bằng bảo hộ cho Chủ sở hữu đối tượng đó.

- Công bố Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ra quyết định, Cục Sở hữu trí tuệ công bố quyết định cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN trên Công báo SHCN (tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng.

Người nộp đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận đơn hợp lệ hoặc từ chối cấp Văn bằng bảo hộ không? Thủ tục khiếu nại được thực hiện như thế nào?

Có. Người nộp đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận Đơn hợp lệ hoặc từ chối cấp Văn bằng bảo hộ. Người khiếu nại phải làm đơn khiếu nại nộp cho Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ trong đó phải ghi rõ họ tên, địa chỉ của người khiếu nại; số, ngày ký, nội dung của quyết định bị khiếu nại; nội dung, lý lẽ, dẫn chứng minh họa cho lý lẽ khiếu nại cũng như đề nghị cụ thể về việc sửa chữa hoặc huỷ bỏ quyết định có liên quan...

Nếu không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, người khiếu nại có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ (khiếu nại lần thứ 2) hoặc khởi kiện ra Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính.

Sau khi đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố, người nộp đơn có quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn không?

Không. Quyền sở hữu đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp chỉ phát sinh trên cơ sở Văn bằng bảo hộ quyền SHCN cấp cho người nộp đơn. Tuy nhiên nếu phát hiện có người bắt đầu sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đồng nhất với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn thì người nộp đơn có quyền thông báo về việc nộp đơn cho người sử dụng đó biết. Nếu người sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp vẫn tiếp tục việc sử dụng mặc dù đã được thông báo thì sau khi Văn bằng bảo hộ được cấp, Chủ Văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu người đã sử dụng sáng

chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp trả một khoản tiền đền bù tương đương với khoản thanh toán cho việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN tương ứng cho người khác trong khoảng thời gian tương ứng.

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có thể bị đình chỉ hiệu lực trong những trường hợp nào?

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có thể bị đình chỉ hiệu lực trong những trường hợp sau:

- Chủ Văn bằng bảo hộ tuyên bố từ bỏ các quyền được hưởng theo Văn bằng bảo hộ tương ứng;

- Chủ Văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực Văn bằng bảo hộ (đối với sáng chế, giải pháp hữu ích) hoặc lệ phí gia hạn hiệu lực (đối với nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp) đúng thời hạn quy định;

- Chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, chủ Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá không còn tồn tại hoặc không hoạt động mà không có người kế thừa hợp pháp;

- Chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, chủ Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá không sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá trong 5 năm liên tục trước ngày có yêu cầu đình chỉ hiệu lực mà không có lý do chính đáng.

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN bị huỷ bỏ hiệu lực trong trường hợp nào?

Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có thể bị huỷ bỏ hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Vào thời điểm cấp Văn bằng bảo hộ, đối tượng nêu trong Văn bằng bảo hộ không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật;

- Văn bằng bảo hộ được cấp cho người không có quyền nộp đơn.

Trong trường hợp Văn bằng bảo hộ bị huỷ bỏ hiệu lực thì không làm phát sinh quyền SHCN.

Ai có quyền đề nghị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực một Văn bằng bảo hộ quyền SHCN?

Doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào đều có quyền yêu cầu đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ đã cấp.

Người yêu cầu đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực một Văn bằng bảo hộ phải nộp yêu cầu đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực trong đó phải nêu rõ lý do và phải nộp lệ phí đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực theo quy định.

Cục Sở hữu trí tuệ công bố những thông tin gì liên quan đến các đối tượng SHCN đã nộp Đơn đăng ký hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ?

Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp cho công chúng thông tin về các đối tượng SHCN đã nộp Đơn đăng ký hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN bằng việc ấn hành định kỳ Công báo SHCN. Công báo SHCN là tài liệu pháp lý công bố các thông tin liên quan đến việc xác lập, chuyển dịch, thay đổi, đình chỉ, vô hiệu các quyền SHCN cũng như nội dung, phạm vi bảo hộ các quyền đó. Công báo SHCN được ấn hành định kỳ hàng tháng, mỗi tháng 2 Tập:

- Tập A công bố:

+ Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá đã được chấp nhận là đơn hợp lệ;

+ Các Văn bản mới, các nội dung sửa đổi, bổ sung của các văn bản pháp luật về SHCN.

- Tập B công bố:

+ Các Văn bằng bảo hộ đã được cấp và đã được đăng bạ, các nhãn hiệu hàng hoá được bảo hộ tại Việt Nam thông qua việc đăng ký theo Thỏa ước Madrid;

+ Các quyết định về việc sửa đổi, đình chỉ, huỷ bỏ, gia hạn hiệu lực các Văn bằng bảo hộ đã cấp;

+ Các quyết định về việc đăng ký các Hợp đồng Li xăng, Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu các đối tượng SHCN...



Từ bàn tính

... đến máy tính



Công nghệ chế tạo và ứng dụng máy tính điện tử đã có những bước tiến nhảy vọt nhờ hơn 100.000 nghìn sáng chế. Ngày nay máy tính điện tử đã được sử dụng rộng rãi trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của con người.

4. BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Những ai được coi là Chủ sở hữu đối tượng SHCN?

Chủ sở hữu đối tượng SHCN (sau đây gọi tắt là Chủ SHCN) là tổ chức, cá nhân được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Văn bằng bảo hộ hoặc Chủ đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam theo Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá. Chủ SHCN cũng có thể là người được chuyển giao, thừa kế một cách hợp pháp quyền sở hữu đối tượng SHCN.

Chủ sở hữu công nghiệp có những quyền gì?

Chủ SHCN (trừ Chủ giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá) có quyền:

- Độc quyền sử dụng đối tượng SHCN;
- Chuyển giao quyền sử dụng, để thừa kế hoặc chuyển giao quyền sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp cho người khác;
- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

Chủ sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ gì?

Chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có nghĩa vụ:

- Trả thù lao cho tác giả hoặc các đồng tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp về việc đã tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nếu chủ sở hữu và tác giả không có thỏa thuận khác;
- Sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu của quốc gia hoặc/và của xã hội (trường hợp đối với những sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có ảnh hưởng đặc biệt đối với an ninh, quốc phòng, bảo vệ sức khoẻ của nhân dân hoặc bảo vệ môi trường);
- Nộp lệ phí duy trì hiệu lực hoặc gia hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ.

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hoá, người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có nghĩa vụ sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hóa liên tục và không được đình chỉ việc sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hóa 5 năm liên tục.

Chủ SHCN có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi Văn bằng bảo hộ không?

Có. Chủ văn bằng bảo hộ có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận mọi sự thay đổi về tên, địa chỉ của Chủ văn bằng bảo hộ và những thay đổi về Chủ văn bằng bảo hộ (chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, chia tách, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý của cơ sở kinh doanh ...).

Để được sửa đổi các nội dung trên, Chủ văn bằng bảo hộ phải nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu sửa đổi và lệ phí sửa đổi. Yêu cầu sửa đổi phải gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu sửa đổi Văn bằng bảo hộ, làm theo mẫu quy định;
- Bản gốc Văn bằng bảo hộ;
- Tài liệu xác nhận việc thay đổi Chủ văn bằng bảo hộ (Giấy chứng nhận quyền thừa kế, Giấy chứng nhận về việc sáp nhập, phân tách pháp nhân...) đối với trường hợp ghi nhận thay đổi về Chủ văn bằng bảo hộ;
- Chứng từ nộp lệ phí sửa đổi Văn bằng bảo hộ;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện).

Chủ SHCN có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại Văn bằng bảo hộ không?

Có. Trong các trường hợp dưới đây, Chủ SHCN có thể nộp đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp lại Văn bằng bảo hộ:

- Văn bằng bảo hộ bị mất, với điều kiện phải giải trình lý do xác đáng;
- Văn bằng bảo hộ bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ ... đến mức không sử dụng được).

Người yêu cầu cấp lại Văn bằng bảo hộ phải nộp phí cấp lại Văn bằng.

Hồ sơ yêu cầu cấp lại Văn bằng bảo hộ gồm các tài liệu gì?

Hồ sơ yêu cầu cấp lại Văn bằng bảo hộ phải gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp lại Văn bằng bảo hộ (làm theo mẫu quy định);
- Văn bản giải trình lý do khiến Văn bằng bảo hộ bị mất hoặc bị hỏng;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);
- Chứng từ nộp phí cấp lại Văn bằng bảo hộ.

Ai được công nhận là tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp?

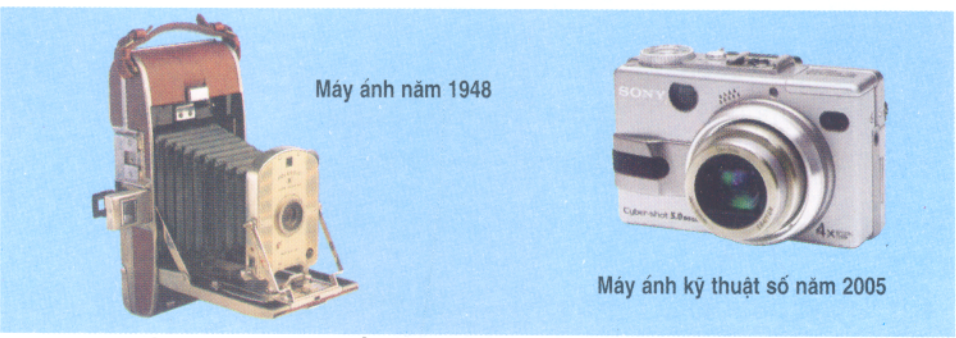
Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp là người

sáng tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đó. Các đồng tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp là những người cùng sáng tạo ra sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp đó.

Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có quyền gì?

Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có các quyền sau đây:

- Được ghi tên trong Văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và các tài liệu khoa học khác;
- Nhận thù lao khi sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp được sử dụng, nếu chủ sở hữu và tác giả không có thoả thuận khác;
- Yêu cầu xử lý, khởi kiện về việc xâm phạm quyền của mình;



5. CHUYỂN GIAO QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Quyền chuyển giao quyền SHCN của chủ đối tượng SHCN được quy định như thế nào?

Chủ sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hoá có quyền chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng SHCN của mình cho cá nhân, pháp nhân hoặc chủ thể khác. Chủ Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá không được chuyển giao quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hoá đó.

Việc chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu đối tượng SHCN phải được thực hiện thông qua hợp đồng bằng văn bản và hợp đồng chuyển giao chỉ có giá trị pháp lý khi đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo quy định.

Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN là gì?

Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN là việc Bên giao (Chủ đối tượng SHCN) chuyển giao cho Bên nhận (một tổ chức, cá nhân bất kỳ

có nhu cầu sử dụng đối tượng SHCN) một phần hoặc toàn bộ quyền sử dụng đối tượng SHCN đó.

Việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN phải được thực hiện bằng Hợp đồng viết (được gọi là “Hợp đồng Li xăng”) và Hợp đồng Li xăng chỉ có giá trị pháp lý khi đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Luật SHTT: đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký (trên cơ sở quyết định cấp văn bằng bảo hộ của Cục Sở hữu trí tuệ), Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có hiệu lực theo thỏa thuận giữa các bên, nhưng chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp.

Theo tài liệu của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ thế giới thì tổng thu nhập từ Li xăng về sáng chế trên toàn thế giới tăng từ 10 tỷ USD năm 1990 lên 110 tỷ USD năm 2000; riêng hãng máy tính IBM (Mỹ) năm 2000 đã thu được 1,7 tỷ USD lợi nhuận từ Li xăng về sáng chế.

Chủ đối tượng SHCN được lợi gì khi chuyển giao Li xăng?

Thông qua việc chuyển giao Li xăng, Chủ SHCN có thể thu được những khoản lợi nhuận lớn (từ phí Li xăng) mà không cần phải đầu tư để khai thác, sử dụng đối tượng SHCN. Điều này đặc biệt thích hợp đối với trường hợp sản phẩm do Chủ SHCN sản xuất không đáp ứng với nhu cầu thị trường. Việc chuyển giao Li xăng cũng là hình thức có hiệu quả để Chủ SHCN mở rộng thị trường, tạo thêm uy tín cho chủ SHCN.

Doanh nghiệp mua Li xăng có thể thu được những lợi ích gì?

Bằng việc mua Li xăng, doanh nghiệp có thể sản xuất và đưa ra thị trường những sản phẩm mới, chất lượng cao, được gắn những nhãn mác có uy tín mà Chủ SHCN đã tạo dựng được sau nhiều năm nghiên cứu triển khai, quảng bá, tiếp thị sản phẩm nhờ đó mà thu được những khoản lợi nhuận có thể cao gấp nhiều lần so với các khoản tiền doanh nghiệp chi trả cho Chủ SHCN (phí Li xăng) vì không phải đầu tư công sức, tiền của cho hoạt động nghiên cứu – triển khai, quảng bá, tiếp thị sản phẩm.

Mặt khác, hàng hoá sản xuất theo Li xăng có giá cả rẻ hơn nhiều so với hàng hoá do chính Chủ SHCN sản xuất và xuất khẩu (sản xuất tại chỗ nên tận dụng được nhân công rẻ, giảm chi phí vận chuyển, tránh được hàng rào thuế quan...) do vậy có khả năng cạnh tranh lớn, doanh nghiệp càng có cơ hội mở rộng và phát triển sản xuất, kinh doanh.

Ai có quyền chuyển giao Li xăng?

Chủ sở hữu công nghiệp, người nắm giữ độc quyền sử dụng đối tượng SHCN là người có quyền chuyển giao Li xăng đối với đối tượng SHCN đó. Cần chú ý là Người chuyển giao Li xăng chỉ được phép chuyển giao phần quyền thuộc về mình, nếu quyền SHCN thuộc sở hữu chung thì việc chuyển giao Li xăng phải được sự đồng ý của tất cả các Chủ sở hữu chung.

Chủ giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXX hàng hoá không được chuyển giao quyền sử dụng TGXX hàng hoá đó.

Hợp đồng Li xăng là gì?

Hợp đồng Li xăng là Hợp đồng mà trong đó Bên giao (Chủ đối tượng SHCN) chuyển giao cho Bên nhận (một tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng đối tượng SHCN) quyền được sử dụng đối tượng SHCN trong phạm vi, thời hạn và với những điều kiện mà hai bên thoả thuận ghi trong hợp đồng.

Có mấy loại hợp đồng Li xăng?

Hợp đồng Li xăng có nhiều loại, những loại thường gặp là:

- Hợp đồng Li xăng độc quyền (hay còn gọi là Li xăng độc quyền): Là Hợp đồng mà theo đó Bên giao chuyển giao độc quyền sử dụng đối tượng SHCN cho Bên nhận và kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực, Bên giao không còn quyền sử dụng cũng như không được chuyển giao quyền sử dụng cho bên thứ ba, hay nói cách khác chỉ Bên nhận mới có quyền sử dụng đối tượng SHCN trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng;

- Hợp đồng Li xăng không độc quyền: Là Hợp đồng mà theo đó Bên giao (Chủ SHCN) chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN cho Bên nhận trong khi Bên giao vẫn có quyền sử dụng và có thể chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN cho bên thứ ba trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng.

- Hợp đồng Li xăng thứ cấp: Là hợp đồng Li xăng mà Bên giao không phải là Chủ đối tượng SHCN mà là người được chuyển giao Li xăng độc quyền và được phép chuyển giao Li xăng cho người thứ ba.

Có những quy định hạn chế nào đối với việc chuyển quyền sử dụng đối tượng SHCN?

Luật SHTT:

- Quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý không được chuyển giao;
- Quyền sử dụng nhãn hiệu tập thể không được chuyển giao cho tổ chức, cá

nhân không phải là thành viên của chủ sở hữu nhãn hiệu tập thể đó;

- Bên được chuyển quyền không được ký kết hợp đồng thứ cấp với bên thứ ba, trừ trường hợp được bên chuyển quyền cho phép;

- Bên được chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu có nghĩa vụ ghi chỉ dẫn trên hàng hoá, bao bì hàng hoá về việc hàng hoá đó được sản xuất theo hợp đồng sử dụng nhãn hiệu;

- Bên được chuyển quyền sử dụng sáng chế theo hợp đồng độc quyền có nghĩa vụ sử dụng sáng chế như chủ sở hữu sáng chế đó.

Hợp đồng Li xăng phải có những nội dung gì?

Hợp đồng Li xăng phải có những nội dung chủ yếu sau đây:

- Các Bên ký kết hợp đồng: Ghi rõ tên, địa chỉ đầy đủ của Bên giao và Bên nhận, tên và chức vụ của người đại diện cho mỗi bên;

- Căn cứ chuyển giao: Ghi rõ tên, số, ngày cấp và thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ thuộc quyền sở hữu của Bên giao hoặc tên, ngày ký, số đăng ký và thời hạn hiệu lực của Hợp đồng Li xăng độc quyền mà Bên giao nhận được độc quyền sử dụng (nếu là Li xăng thứ cấp);

- Phạm vi Li xăng: Phải ghi rõ loại Hợp đồng Li xăng (độc quyền, không độc quyền, thứ cấp), phạm vi đối tượng SHCN mà Bên nhận được quyền sử dụng là toàn bộ hay một phần khối lượng bảo hộ được xác lập theo Văn bằng bảo hộ, những hành vi sử dụng mà bên nhận được phép thực hiện, phạm vi lãnh thổ mà tại đó Bên nhận được phép khai thác, sử dụng đối tượng SHCN.

- Thời hạn Hợp đồng Li xăng: Xác định khoảng thời gian mà Bên nhận được phép sử dụng đối tượng SHCN (trong thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ hoặc thời hạn của Hợp đồng Li xăng độc quyền);

- Giá Li xăng và phương thức thanh toán: Ghi rõ khoản tiền mà Bên nhận trả cho Bên giao để được sử dụng đối tượng SHCN cũng như những quy định về thời hạn, phương tiện và cách thức thanh toán số tiền trên;

- Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên: Nêu rõ những thoả thuận về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên đối với nhau nhưng không được trái với các quy định của pháp luật;

- Điều kiện sửa đổi, đình chỉ, vô hiệu Hợp đồng: Gồm những thoả thuận về các điều kiện theo đó có thể sửa đổi, đình chỉ, vô hiệu Hợp đồng phù hợp với nguyện vọng của hai bên và không trái với các quy định của pháp luật.

- Cách thức giải quyết tranh chấp khiếu nại: Có thể thoả thuận các phương cách sau để giải quyết các tranh chấp có thể nảy sinh giữa các

bên: tự thương lượng, thông qua Trọng tài, thông qua Tòa án hoặc kết hợp các phương cách trên.

Nghĩa vụ của các bên ký kết hợp đồng Li xăng được quy định như thế nào?

Nghĩa vụ của các Bên ký kết Hợp đồng Li xăng được quy định trong Nghị định 63/CP của Chính phủ “ quy định chi tiết về SHCN” và phải được thể hiện trong Hợp đồng Li xăng, cụ thể là:

- Nghĩa vụ của Bên giao: Đăng ký Hợp đồng Li xăng nếu việc đăng ký không được Bên nhận tiến hành, nộp thuế chuyển giao Li xăng theo pháp luật về thuế, giải quyết các tranh chấp với người thứ ba nếu việc chuyển giao gây ra tranh chấp, thực hiện các biện pháp cần thiết và phù hợp chống lại các hành vi xâm phạm của bên thứ ba gây thiệt hại cho Bên nhận.

- Nghĩa vụ của Bên nhận: Đăng ký Hợp đồng Li xăng nếu việc đăng ký không được Bên giao tiến hành, trả tiền chuyển giao Li xăng cho bên giao theo mức và cách thức do hai bên thoả thuận, chịu sự kiểm tra về chất lượng hàng hoá/dịch vụ mang nhãn hiệu được chuyển giao (nếu trong hợp đồng có thoả thuận về điều này), ghi chỉ dẫn trên sản phẩm, bao bì sản phẩm rằng hàng hoá được sản xuất theo Li xăng và chỉ rõ tên của Bên giao Li xăng.

Những điều khoản nào không được phép đưa vào hợp đồng Li xăng?

Hợp đồng Li xăng không được phép có những điều khoản hạn chế bất hợp lý quyền của Bên nhận Li xăng, đặc biệt là những điều khoản không xuất phát từ quyền của Bên giao đối với đối tượng SHCN hoặc không nhằm để bảo vệ các quyền đó, thí dụ:

- Trực tiếp hoặc gián tiếp hạn chế Bên nhận xuất khẩu sản phẩm được sản xuất theo Li xăng sang các vùng lãnh thổ mà Bên giao không nắm độc quyền nhập khẩu các sản phẩm đó;

- Buộc Bên nhận phải mua toàn bộ hoặc một tỷ lệ nhất định các nguyên liệu, linh kiện, phụ kiện, thiết bị từ nguồn do Bên giao chỉ định mà không nhằm đảm bảo mục tiêu Li xăng;

- Cấm Bên nhận cải tiến công nghệ được chuyển giao, buộc bên nhận phải chuyển giao miễn phí cho Bên giao các cải tiến do Bên nhận tạo ra hoặc quyền nộp đơn yêu cầu bảo hộ SHCN đối với các cải tiến đó.

Luật SHTT:

- Cấm bên được chuyển quyền khiếu kiện về hiệu lực của quyền SHCN hoặc về quyền chuyển giao của bên chuyển quyền.

Nếu việc chuyển giao Li xăng là một phần của Hợp đồng khác thì nội dung chuyển giao cần phải được thể hiện như thế nào?

Nếu việc chuyển giao Li xăng là một phần của Hợp đồng khác (Hợp đồng chuyển giao công nghệ, Hợp đồng cung cấp tiết bị toàn bộ....) thì nội dung chuyển giao Li xăng phải được lập thành một bộ phận riêng biệt so với các phần còn lại của Hợp đồng.

Số liệu về Hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN (Hợp đồng Li-xăng) từ 1997 đến 2004

Năm Year	Số đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao				Số giấy chứng nhận đã cấp			
	VN-VN	VN-VN	VN-VN	Tổng số	VN-VN	VN-VN	VN-VN	VN-VN
1997	18 (20)	68 (103)	25 (47)	111 (170)	13 (26)	21 (172)	9 (23)	43 (221)
1998	8 (8)	51 (183)	31 (44)	90 (235)	7 (7)	23 (167)	26 (67)	56 (241)
1999	15 (20)	59 (214)	20 (49)	94 (238)	9 (15)	46 (157)	20 (58)	75 (223)
2000	16 (18)	57 (208)	7 (31)	80 (257)	11 (14)	60 (159)	9 (32)	80 (205)
2001	11 (15)	62 (267)	11 (45)	84 (327)	15 (22)	52 (200)	12 (36)	79 (258)
2002	40 (48)	82 (312)	17 (42)	139 (402)	32 (40)	80 (335)	20 (60)	132 (435)
2003	81 (114)	77 (247)	9 (14)	167 (375)	34 (45)	60 (222)	5 (5)	99 (272)
2004	160 (215)	62 (160)	20 (92)	242 (467)	157 (222)	66 (139)	15 (84)	238 (445)
Tổng số	349 (458)	518 (1694)	140 (364)	1007 (2516)	278 (391)	408 (1551)	116 (365)	802 (2300)

(Số liệu trong ngoặc đơn là số đối tượng được chuyển giao; VN = người Việt Nam; NN = người nước ngoài)

Chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là gì?

Chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là việc Bên giao (Chủ đối tượng SHCN) chuyển giao cho Bên nhận (một tổ chức, cá nhân bất kỳ có nhu cầu sở hữu đối tượng SHCN) toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Văn bằng bảo hộ.

Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là gì?

Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là hợp đồng mà trong đó Bên giao (Chủ đối tượng SHCN) chuyển giao cho Bên nhận (tổ chức cá nhân có nhu cầu sở hữu đối tượng SHCN) mọi quyền và nghĩa vụ của Chủ văn bằng bảo hộ phát sinh từ Văn bằng bảo hộ và Bên nhận trở thành Chủ văn bằng bảo hộ từ ngày Hợp đồng chuyển giao được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN phải có những nội dung gì?

Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN phải bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Tên (họ tên) và địa chỉ đầy đủ của Bên giao và Bên nhận;
- Căn cứ chuyển giao: Văn bằng bảo hộ đã được cấp cho Bên giao hoặc đã được chuyển giao, để thừa kế cho Bên giao;
- Đối tượng chuyển giao;
- Giá cả chuyển giao;
- Quyền và nghĩa vụ của mỗi bên;
- Điều kiện sửa đổi, chấm dứt, vô hiệu Hợp đồng;
- Cách giải quyết khiếu nại, tranh chấp.

Có các quy định hạn chế nào đối với việc chuyển nhượng quyền SHCN?

Luật SHTT:

- Chủ SHCN chỉ được chuyển nhượng quyền của mình trong phạm vi được bảo hộ;
- Quyền đối với chỉ dẫn địa lý không được chuyển nhượng;
- Quyền đối với tên thương mại chỉ được chuyển nhượng cùng với việc chuyển nhượng toàn bộ cơ sở kinh doanh và hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó;
- Việc chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu không được gây ra sự nhầm lẫn về đặc tính, nguồn gốc của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu;
- Quyền đối với nhãn hiệu chỉ được chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện đối với người có quyền đăng ký nhãn hiệu đó.

Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN có phải đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ không?

Có. Mọi Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN (bao gồm Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối tượng SHCN), kể cả trường hợp việc chuyển giao quyền SHCN là bộ phận của một Hợp đồng khác đều phải được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ theo thủ tục quy định. Mọi thay đổi liên quan đến Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN đã được đăng ký, kể cả việc chuyển nhượng lại hợp đồng Li xăng đều phải được đăng ký như đối với việc chuyển giao quyền SHCN.

Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN cũng như những thay đổi liên

quan đến hợp đồng chỉ có giá trị pháp lý sau khi đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Luật SHTT : Hiệu lực của hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

1. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký (trên cơ sở quyết định cấp Văn bằng bảo hộ của Cục SHTT), hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu công nghiệp chỉ có hiệu lực khi đã được đăng ký tại cơ quan nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (Cục SHTT).

2. Đối với các loại quyền sở hữu công nghiệp được xác lập trên cơ sở đăng ký (trên cơ sở quyết định cấp Văn bằng bảo hộ của Cục SHTT), hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp có hiệu lực theo thoả thuận giữa các bên, nhưng chỉ có giá trị pháp lý đối với bên thứ ba khi đã được đăng ký tại cơ quan quản lý nhà nước về quyền sở hữu công nghiệp (Cục SHTT).

3. Hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp mặc nhiên bị chấm dứt hiệu lực nếu quyền sở hữu công nghiệp của bên giao bị chấm dứt.

Số liệu về Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN từ 1997 đến 2004

Năm	Số đơn đăng ký hợp đồng chuyển giao				Số giấy chứng nhận đã cấp			
	VN-VN	VN-VN	VN-VN	Tổng số	VN-VN	VN-VN	VN-VN	VN-VN
1997	37 (52)	3 (3)	109 (112)	147 (167)	16 (42)	1 (1)	21 (46)	38 (89)
1998	61 (69)	5 (25)	152 (308)	218 (402)	33 (43)	3 (14)	61 (166)	97 (223)
1999	108 (222)	7 (12)	104 (191)	219 (425)	78 (191)	5 (18)	90 (184)	173 (393)
2000	151 (191)	7 (7)	207 (456)	365 (654)	99 (171)	6 (7)	122 (375)	227 (553)
2001	145 (328)	3 (3)	218 (530)	366 (861)	117 (295)	7 (8)	146 (299)	271 (603)
2002	101 (201)	15 (16)	196 (574)	301 (780)	100 (222)	15 (23)	164 (411)	266 (635)
2003	139 (208)	10 (22)	227 (650)	376 (880)	122 (178)	4 (16)	246 (899)	372 (1086)
2004	171 (393)	7 (7)	191 (368)	369 (768)	157 (329)	11 (13)	231 (579)	359 (921)
Tổng số	913 (1604)	57 (99)	1004 (3189)	2363 (4937)	722 (1471)	52 (100)	149 (2949)	1083 (4503)

(Số liệu trong ngoặc đơn là số đối tượng sở hữu công nghiệp được chuyển giao quyền sở hữu ;

VN = người Việt Nam; NN = người nước ngoài)

Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN phải gồm những tài liệu gì?

Hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN phải bao gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai đề nghị đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN, làm theo mẫu do cục SHTT ban hành: (2 bản);
- Bản gốc hoặc bản sao Hợp đồng chuyển giao, kể cả phụ lục (nếu có) – 2 bản;
- Bản gốc Văn bằng bảo hộ (đối với trường hợp chuyển giao quyền sử hữu) hoặc Bản sao Văn bằng bảo hộ (đối với trường hợp chuyển giao quyền sử dụng). Nếu Hợp đồng cần đăng ký là Hợp đồng Li xăng thứ cấp thì phải kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng trên thứ cấp tương ứng;
- Văn bản đồng ý của các Chủ sở hữu chung về chuyển giao quyền nếu quyền SHCN là sở hữu chung, nếu không đạt được thỏa thuận thì phải có văn bản giải thích lý do không đồng ý của số Chủ sở hữu còn lại;
- Giấy phép kinh doanh của Bên nhận trong trường hợp chuyển giao quyền sở hữu hoặc chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hoá;
- Quyết định phê duyệt Hợp đồng của Bộ trưởng Bộ KH-CN (đối với trường hợp hợp đồng thuộc loại bắt buộc phải phê duyệt);
- Chứng từ nộp lệ phí đăng ký Hợp đồng;
- Giấy uỷ quyền (đối với trường hợp hồ sơ nộp thông qua đại diện SHCN).

Thủ tục đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN được thực hiện như thế nào?

Trường hợp hồ sơ đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN hợp lệ và nội dung của Hợp đồng phù hợp với quy định, cục SHTT sẽ tiến hành các thủ tục sau:

- Ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng;
- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng;
- Ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về đối tượng SHCN tương ứng và Sổ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN hoặc Sổ đăng ký hợp đồng Li xăng đối với từng trường hợp tương ứng;
- Ghi nhận vào Văn bằng bảo hộ và trao trả người nộp hồ sơ (đối với trường hợp chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN);

- Cấp Văn bằng bảo hộ (trường hợp chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu đối với một phần danh mục hàng hoá, dịch vụ);

- Đóng dấu đăng ký vào 2 bản hợp đồng và trao trả người nộp hồ sơ đăng ký 1 bản, lưu 1 bản;

- Công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng trên Công báo SHCN (tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng.

Khi đàm phán ký kết Hợp đồng cung cấp dây chuyền thiết bị để sản xuất một loại sản phẩm mới, đối tác nước ngoài yêu cầu doanh nghiệp phải trả tiền mua Li xăng cho một số đối tượng SHCN có trong hệ thống thiết bị đó, doanh nghiệp phải xử lý thế nào?

Trước hết doanh nghiệp cần yêu cầu đối tác nước ngoài đưa ra bằng chứng chứng minh quyền sở hữu đối tượng SHCN của mình ở Việt Nam. Doanh nghiệp cũng có thể tiến hành tra cứu (hoặc sử dụng dịch vụ tra cứu) để xác định đối tượng mà đối tác nước ngoài yêu cầu trả tiền mua Li xăng có được bảo hộ tại Việt Nam không?

Nếu đối tượng (hoặc các đối tượng) SHCN đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam và đang trong thời hạn hiệu lực thì doanh nghiệp cần tiến hành đàm phán với đối tác nước ngoài để đưa nội dung chuyển giao Li xăng vào Hợp đồng cung cấp thiết bị thành một bộ phận riêng biệt của Hợp đồng này với những thoả thuận của hai bên phù hợp với quy định của Hợp đồng Li xăng.

Nếu đối tượng (hoặc các đối tượng SHCN) không được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam (mặc dù có thể đã được bảo hộ ở nước ngoài) thì yêu cầu đối tác nước ngoài không đặt vấn đề trả tiền mua Li xăng cho các đối tượng SHCN đó.



6. TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp là gì?

Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN là doanh nghiệp đã đăng ký kinh doanh dịch vụ đại diện SHCN theo pháp luật.

Người đại diện SHCN là thành viên chuyên nghiệp của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN, được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Thẻ Người đại diện SHCN.

Chức năng của tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được quy định như thế nào?

Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có chức năng thực hiện các hoạt động dịch vụ sau:

- Đại diện cho người khác trước Cục Sở hữu trí tuệ và trước các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tiến hành các thủ tục xác lập và bảo hộ quyền SHCN;
- Tư vấn về các vấn đề liên quan đến các thủ tục xác lập và bảo hộ quyền SHCN;
- Thực hiện các dịch vụ khác liên quan đến thủ tục xác lập và bảo hộ quyền SHCN.

Quyền hạn của tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được quy định như thế nào?

Quyền hạn của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được quy định như sau:

- Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN không được nhân danh là đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ và của cơ quan quản lý về SHCN, không được thực hiện các quyền hạn của các cơ quan đó.
- Trong hoạt động dịch vụ đại diện SHCN, Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có quyền và trách nhiệm dân sự phù hợp với pháp luật dân sự.
- Chỉ những người được cấp thẻ đại diện SHCN mới được hành nghề đại diện SHCN.
- Tổ chức đại diện SHCN chỉ được hành động trong phạm vi được uỷ quyền và chỉ được tái uỷ quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN khác nếu có sự đồng ý bằng văn bản của người uỷ quyền.
- Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN không được thực hiện các hành động sau:
 - + đồng thời đại diện cho các bên tranh chấp nhau;
 - + rút đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ, tuyên bố từ bỏ sự bảo hộ, rút đơn khiếu nại về việc xác lập quyền SHCN nếu trong giấy uỷ quyền không ghi rõ điều đó.

+ tiết lộ các thông tin liên quan đến an ninh và lợi ích quốc gia khi tiến hành hoạt động đại diện.

Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có nghĩa vụ gì?

Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có các nghĩa vụ sau:

- Giữ bí mật thông tin, tài liệu được trao liên quan đến vụ việc mà mình đại diện;

- Thông tin trung thực và đầy đủ mọi thông báo, yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc cơ quan quản lý về SHCN, trao kịp thời Văn bằng bảo hộ và các quyết định khác cho bên được đại diện;

- Thông báo cho Cục Sở hữu trí tuệ hoặc cơ quan quản lý về SHCN mọi thay đổi về tên, địa chỉ và các thông tin khác của bên được đại diện, nếu cần thiết.

Trường hợp nào Người nộp đơn có thể uỷ quyền, trường hợp nào bắt buộc phải uỷ quyền cho tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thực hiện việc nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục có liên quan?

Các cá nhân, pháp nhân, các chủ thể khác của Việt Nam cũng như các cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, pháp nhân nước ngoài có đại diện hợp pháp tại Việt Nam hoặc có cơ sở sản xuất, kinh doanh thực thụ tại Việt Nam (thuộc các nước thành viên Công ước Pari) có thể đăng ký trực tiếp hoặc uỷ quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thực hiện việc nộp Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN tại Cục Sở hữu trí tuệ và tiến hành các thủ tục có liên quan.

Cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, pháp nhân nước ngoài không có đại diện hợp pháp và không có cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh thực thụ tại Việt Nam chỉ có thể nộp Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục có liên quan thông qua Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN.

Tại sao doanh nghiệp lại cần sử dụng dịch vụ đại diện SHCN trong quá trình xác lập và bảo hộ quyền SHCN?

Về nguyên tắc, các doanh nghiệp Việt Nam có thể tự mình làm và nộp Đơn đăng ký xác lập quyền SHCN trực tiếp với Cục Sở hữu trí tuệ hoặc uỷ quyền cho một Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thay mặt mình làm và nộp Đơn đăng ký.

Tuy nhiên việc làm và nộp Đơn đăng ký cũng như việc thực hiện các thủ tục cần thiết trong quá trình xác lập và bảo hộ quyền SHCN là việc làm phức tạp đòi hỏi người thực hiện phải nắm vững các quy định pháp

luật về SHCN, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thích hợp và những kinh nghiệm cần thiết.

Vì vậy, nếu doanh nghiệp chưa nắm vững luật pháp về SHCN, chưa hiểu rõ cách thức làm và nộp Đơn đăng ký và không có điều kiện tham vấn các Cơ quan quản lý Nhà nước về SHCN thì tốt nhất nên sử dụng dịch vụ chuyên nghiệp của các Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN.

Các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN với các chuyên gia được đào tạo cơ bản về SHCN, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ thích hợp lại tích lũy được những kinh nghiệm nghề nghiệp cần thiết có thể thực hiện tốt chức năng đại diện cho doanh nghiệp trước Cục Sở hữu trí tuệ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong việc xác lập và bảo hộ quyền SHCN.

Có bao nhiêu tổ chức dịch vụ đại diện SHCN đang được phép hoạt động tại Việt Nam?

Tính đến cuối năm 2004 đã có tổng cộng 35 tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN.



Điện thoại năm 1899



Điện thoại năm 2005



Hơn 100.000 sáng chế và hàng chục nghìn mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp liên quan đến điện thoại đã được đăng ký và áp dụng làm cho sản phẩm này ngày càng hoàn thiện.

Chương 2

BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ VÀ TÊN GỌI XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

A. BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

1. CÁC KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ

Nhãn hiệu hàng hóa là gì?

Nhãn hiệu hàng hoá là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ cùng loại của các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác nhau.

Nhãn hiệu hàng hoá là thuật ngữ dùng để chỉ chung cho hai loại nhãn hiệu:

- Nhãn hiệu gắn lên sản phẩm, bao bì sản phẩm để giúp người tiêu dùng phân biệt sản phẩm cùng loại của các cơ sở sản xuất khác nhau (nhãn hiệu hàng hoá);

- Nhãn hiệu gắn lên phương tiện dịch vụ, biển hiệu để giúp người sử dụng dịch vụ phân biệt dịch vụ cùng loại của các cơ sở kinh doanh, dịch vụ khác nhau (nhãn hiệu dịch vụ).

Như vậy nhãn hiệu dịch vụ cũng thuộc phạm trù nhãn hiệu hàng hoá.



Nhãn hiệu "PETROLIMEX" là nhãn hiệu dịch vụ được gắn lên các trạm bán xăng dầu của Tổng công ty xăng dầu Việt Nam (số GCN: 47421)



Nhãn hiệu "Vietnam Airline" và hình Bông sen vàng là nhãn hiệu dịch vụ được gắn lên máy bay của Tổng công ty hàng không Việt nam (số GCN: 41351)

Những dấu hiệu nào có thể sử dụng làm nhãn hiệu hàng hoá ?

Những dấu hiệu có thể dùng làm nhãn hiệu hàng hóa là: Từ ngữ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều, hoặc từ ngữ kết hợp với hình ảnh được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc

MILIKET *la Vie* **LiOA**

nhãn hiệu hàng hoá là từ ngữ



nhãn hiệu hàng hoá là hình ảnh
(số GCN: 2060)



nhãn hiệu hàng
hoá hình ba chiều
(số GCN: 4-
0058744)



nhãn hiệu hàng hoá là từ ngữ
kết hợp với hình ảnh
(số GCN: 97411)

Khi chọn dấu hiệu từ ngữ để làm nhãn hiệu hàng hóa, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì ?

Từ ngữ thường được các doanh nghiệp chọn làm nhãn hiệu hàng hóa. Khi chọn từ ngữ làm nhãn hiệu hàng hóa doanh nghiệp cần chú ý những điểm sau:

- Phải đọc được (phát âm được), có thể có nghĩa hoặc không có nghĩa;
- Có thể được thể hiện dưới dạng chữ viết thường, chữ hoa, chữ in hay chữ viết cách điệu;
- Có thể là tên người (son Bạch Tuyết, may Hồng Ngọc, xe máy Honda...), tên sự vật (khách sạn Hải Yến, cao su Sao Vàng, rượu Lúa Múi), hay hiện tượng (nhà hàng Sao Mai, dầu gội đầu SUNSHINE...), tên ghép (thuốc lá VINATABA, mì ăn liền MILIKET...), tên tự đặt (xà phòng OMO, sứ Thanh Thanh, đồ điện tử SONY...), tên địa danh (bia Sài Gòn, xi măng Kiên Giang, sứ Long Hầu...) v.v.

Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa phải đáp ứng những điều kiện gì ?

Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa phải đáp ứng những điều kiện chủ yếu sau:

- Được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố độc đáo, dễ nhận biết hoặc một số yếu tố kết hợp thành 1 tổng thể độc đáo dễ nhận biết;
- Không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với;
- + Nhãn hiệu hàng hóa của người khác đang được bảo hộ tại Việt Nam;

- + Nhân hiệu hàng hóa nêu trong đơn đăng ký nhân hiệu đã nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ có ngày ưu tiên sớm hơn;
- + Nhân hiệu hàng hóa nổi tiếng hoặc nhân hiệu hàng hóa của người khác đã được sử dụng hoặc đã được thừa nhận một cách rộng rãi;
- + Tên thương mại của doanh nghiệp khác đang được bảo hộ.
- + Không trùng với kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ hoặc đã được nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ với ngày ưu tiên sớm hơn;
- + Không trùng với một hình tượng, nhân vật đã thuộc quyền tác giả của người khác trừ trường hợp được người đó cho phép.

Những dấu hiệu nào không được bảo hộ là nhân hiệu hàng hóa ?

- Các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ là nhân hiệu hàng hóa:
- Dấu hiệu không có khả năng phân biệt (thí dụ các hình, hình học đơn giản, các chữ số, chữ cái hoặc tập hợp các chữ cái không có khả năng phát âm như một từ ngữ);
 - Các biểu tượng, hình vẽ thông thường của hàng hoá dịch vụ;
 - Các dấu hiệu mang tính mô tả đúng hoặc sai lệch về hàng hoá dịch vụ thời gian, địa điểm, phương pháp sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng, tính chất, thành phần, công dụng, giá trị, xuất xứ;
 - Các dấu hiệu trùng hoặc tương tự với dấu chất lượng, dấu kiểm tra, dấu bảo hành.

Luật SHTT :

- Dấu hiệu mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh của chủ thể kinh doanh;
- Dấu hiệu chỉ nguồn gốc địa lý của hàng hoá, dịch vụ, trừ trường hợp dấu hiệu đó đã được sử dụng và được thừa nhận rộng rãi với danh nghĩa một nhân hiệu hoặc được đăng ký dưới dạng nhân hiệu tập thể hoặc nhân hiệu chứng nhận;
- Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hoá;

Doanh nghiệp có thể lấy tên một địa danh để đăng ký nhân hiệu hàng hóa?

Tên địa danh (tên tỉnh, huyện, xã, thành phố, thị trấn...) có thể được đăng ký nhân hiệu hàng hóa với điều kiện phải được phép của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ở địa phương có tên địa danh đó, thí dụ nếu nhân hiệu có tên tỉnh, thành phố thì phải được phép của chủ tịch UBND tỉnh, thành phố...

Doanh nghiệp cần chú ý gì khi chọn dấu hiệu để đăng ký nhãn hiệu hàng hoá?

Khi chọn những dấu hiệu để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề sau:

- Nhãn hiệu hàng hoá phải có cấu tạo độc đáo, dễ nhận biết để có thể thực hiện chức năng phân biệt;

- Nên chọn từ ngữ hoặc từ ngữ kết hợp với hình ảnh để làm nhãn hiệu hàng hóa bởi vì người tiêu dùng có thể cảm nhận được nhãn hiệu đó cả bằng thị giác “mắt thấy” lẫn thính giác “tai nghe”;

- Từ ngữ chọn làm nhãn hiệu phải ngắn gọn, dễ đọc (dễ phát âm hoặc đánh vần) dễ nhớ và dễ truyền thụ từ người này qua người khác;

- Khi chọn từ ngữ kết hợp với hình ảnh thì phần hình ảnh trong nhãn hiệu phải được trình bày một cách độc đáo, ấn tượng, không nên chọn những hình ảnh cầu kỳ, phức tạp bởi lẽ khó lưu lại trong trí nhớ của người tiêu dùng. Rất ít doanh nghiệp chỉ chọn hình ảnh làm nhãn hiệu. Cần nhớ rằng màu sắc cũng là yếu tố tạo nên tính độc đáo, hấp dẫn của một nhãn hiệu.

- Những dấu hiệu được chọn làm nhãn hiệu hàng hóa phải đáp ứng những điều kiện nhất định và không thuộc những dấu hiệu không được bảo hộ là nhãn hiệu hàng hóa. Do vậy khi thiết kế nhãn hiệu hàng hóa để đăng ký, doanh nghiệp cần tra cứu thông tin hoặc tham vấn ý kiến chuyên gia để tránh tình trạng thiết kế được nhãn hiệu ưng ý nhưng lại bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối đăng ký bảo hộ.

Nhãn hiệu tập thể là gì ?

Nhãn hiệu tập thể là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là Chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên tổ chức đó.

Luật SHTT:

Nhãn hiệu tập thể là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là Chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên tổ chức đó.



VIGLACERA

Nhãn hiệu tập thể của Tổng Công ty Thủy
tinh và Gốm Xây dựng (số GCN: 53703)



vinatoba
HIGH QUALITY

Nhãn hiệu tập thể của Tổng công ty
Thuốc lá Việt nam (số GCN: 53100)

Nhãn hiệu chứng nhận là gì ?

Luật SHTT:

Nhãn hiệu chứng nhận là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hoá, dịch vụ của tổ chức cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên vật liệu, cách thức sản xuất hàng hoá, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu.

Nhãn hiệu liên kết là gì ?

Nhãn hiệu liên kết là các nhãn hiệu do cùng một chủ thể đăng ký, trùng hoặc tương tự nhau, dùng cho các sản phẩm, dịch vụ cùng loại hoặc tương tự nhau hay có liên quan tới nhau.



Các nhãn hiệu liên kết (nhãn hiệu chính "bitis", số GCN 49504) của Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tân

**MILKET MILIKET KET MIKET
MILKET MILIMEX BILIKET**

Các nhãn hiệu liên kết (nhãn hiệu chính "MILIKET", số GCN:1644) của Xi nghiệp Lương thực Thực phẩm "MILIKET"

Nhãn hiệu nổi tiếng là gì ?

Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu hàng hoá được sử dụng liên tục cho sản phẩm, dịch vụ có uy tín khiến cho nhãn hiệu đó được biết đến một cách rộng rãi.

Luật SHTT: Nhãn hiệu nổi tiếng là nhãn hiệu được người tiêu dùng biết đến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Việt Nam.



MICROSOFT.NET



Ba nhãn hiệu nổi tiếng nhất thế giới (2003):

1. "Coca cola" (số GCN 15868) trị giá 70,45 tỷ USD;
2. "MICROSOFT" (số GCN 50520) trị giá 65,17 tỷ USD;
- và 3. "IBM" (số GCN 1423) trị giá 51,77 tỷ USD

Các tiêu chí nào được xem xét khi đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng ?

Luật SHTT: Các tiêu chí sau đây được xem xét khi đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng :

- Số lượng người tiêu dùng liên quan đã biết đến nhãn hiệu thông qua việc mua bán, sử dụng hàng hoá/dịch vụ hoặc thông qua quảng cáo;
- Phạm vi lãnh thổ mà hàng hoá mang nhãn hiệu được tiêu thụ hoặc dịch vụ được thực hiện;
- Doanh số từ việc bán hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ mang nhãn hiệu hoặc số lượng hàng hoá đã được bán ra, lượng dịch vụ đã được cung cấp;
- Thời gian sử dụng liên tục nhãn hiệu;
- Uy tín rộng rãi của hàng hoá hoặc dịch vụ mang nhãn hiệu;
- Số lượng quốc gia bảo hộ nhãn hiệu;
- Số lượng quốc gia công nhận nhãn hiệu là nổi tiếng;
- Giá trị của nhãn hiệu dưới hình thức chuyển nhượng quyền đối với nhãn hiệu, chuyển giao quyền sử dụng, góp vốn đầu tư ...

Nhãn hiệu hàng hoá khác Nhãn hàng hoá ở điểm nào ?

Nhãn hiệu hàng hoá khác nhãn hàng hoá (hay còn gọi là nhãn sản phẩm) ở những điểm sau:

- Nhãn hiệu hàng hóa dùng để phân biệt hàng hoá cùng loại của các cơ sở sản xuất khác nhau và không được mang tính mô tả hàng hoá trong khi nhãn hàng hoá chủ yếu chứa các thông tin mang tính mô tả hàng hoá giúp người tiêu dùng nhận biết được hàng hoá đó;
- Nhãn hiệu hàng hóa có thể được bảo hộ thông qua việc đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu trí tuệ còn nhãn hàng hoá không cần đăng ký bảo hộ; tuy nhiên đối với những nhãn hàng hoá ngoài những thông tin về hàng hoá còn có những họa tiết, hoa văn mang tính thẩm mỹ thì có thể đăng ký bảo hộ như một đối tượng kiểu dáng công nghiệp;
- Sản phẩm lưu thông trên thị trường có thể gắn hoặc không gắn nhãn hiệu hàng hóa nhưng bắt buộc phải có nhãn hàng hoá. Nhãn hàng hóa phải có những thông tin chủ yếu sau: tên hàng hoá; tên, địa chỉ của doanh nghiệp sản xuất ra hàng hoá, thành phần cấu tạo, công dụng, thời hạn sử dụng, hướng dẫn sử dụng, điều kiện bảo quản...
- Một nhãn hiệu hàng hóa có thể sử dụng cho nhiều loại hàng hóa (ghi trong danh mục hàng hóa / dịch vụ có trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa) nhưng một nhãn hàng hoá chỉ sử dụng cho một loại hàng hoá.



Nhãn hiệu “ P/S” (số GCN 55967)
được gắn trên nhãn hàng hóa kem đánh răng
của Công ty Unilever N.V

Nhãn hàng hóa mỹ ăn liền của Công ty công
nghiệp thực phẩm Á châu trên có gắn nhãn
hiệu “ASIFOOD” (số GCN 44222)



Nhãn hiệu hàng hoá khác với tên thương mại ở những điểm nào?

Nhãn hiệu hàng hóa khác với tên thương mại ở những điểm sau:

- Tên thương mại và nhãn hiệu hàng hóa là hai đối tượng khác nhau của quyền SHCN. Nhãn hiệu hàng hóa có thể được bảo hộ thông qua việc đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ còn quyền sở hữu đối với Tên thương mại tự động phát sinh khi hội đủ các điều kiện quy định mà không cần phải đăng ký;
- Nhãn hiệu hàng hóa có chức năng phân biệt hàng hoá hay dịch vụ cùng loại của các doanh nghiệp khác nhau còn chức năng của tên thương mại là phân biệt các doanh nghiệp khác nhau trong cùng một lĩnh vực hoạt động sản xuất hoặc kinh doanh;
- Doanh nghiệp có thể sử dụng hoặc không sử dụng nhãn hiệu hàng hóa nhưng bắt buộc phải có tên thương mại để đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước (như Sở Kế hoạch Đầu tư) để có thể tiến hành hoạt động. Doanh nghiệp cũng phải sử dụng tên thương mại trong hoạt động sản xuất, kinh doanh để phân biệt doanh nghiệp mình với các doanh nghiệp khác;
- Thời hạn bảo hộ đối với nhãn hiệu hàng hóa là 10 năm (có thể gia hạn nhiều lần) còn quyền sở hữu đối với tên thương mại được bảo hộ khi Chủ sở hữu còn duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới tên thương mại đó.

Doanh nghiệp có thể lấy tên thương mại để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không?

Có thể, nhưng tên thương mại thường dài, nhiều yếu tố của tên thương mại không có tính phân biệt cao nên các doanh nghiệp thường lấy thành

phần phân biệt của tên thương mại để làm nhãn hiệu hàng hóa.

Ví dụ: "Xi nghiệp Lương thực-Thực phẩm MILIKET" hoặc "Công ty TNHH Xây dựng và Chế biến Thực phẩm KINH ĐÔ" là Tên thương mại, trong đó "MILIKET", "KINH ĐÔ" là thành phần phân biệt của các tên thương mại đó đã được bảo hộ là nhãn hiệu hàng hóa.



Nhãn hiệu "KINH ĐÔ" của Công ty TNHH xây dựng và chế biến thực phẩm Kinh Đô (số Giấy chứng nhận: 46564)

Ngoài chức năng phân biệt hàng hoá và dịch vụ của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khác nhau, nhãn hiệu hàng hóa còn được sử dụng vào mục đích gì?

Thông qua nhãn hiệu hàng hóa, người tiêu dùng chọn mua một loại sản phẩm vì họ đã mua và sử dụng sản phẩm đó nên biết rõ chất lượng của sản phẩm và doanh nghiệp sản xuất ra nó. Như vậy, bản thân nhãn hiệu hàng hóa đã chứa đựng những thông tin về nhà sản xuất cũng như chất lượng của hàng hoá, chính vì thế nhãn hiệu hàng hóa trở thành công cụ quảng bá và tiếp thị sản phẩm một cách hữu hiệu nhất mà doanh nghiệp đó có được.

2. THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SHCN ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU HÀNG HÓA

Tại sao Doanh nghiệp lại cần phải đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ?

Quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa chỉ phát sinh khi nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ (được ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu hàng hóa và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa) theo thủ tục quy định.

Nếu nhãn hiệu hàng hóa không được đăng ký bảo hộ thì khi doanh nghiệp đưa sản phẩm có gắn nhãn hiệu ra thị trường, người khác có thể bắt chước mà doanh nghiệp không có cơ sở pháp lý để yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc họ chấm dứt việc làm đó.

Mặt khác việc sử dụng một nhãn hiệu không được đăng ký có thể vi phạm một nhãn hiệu hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ của một doanh nghiệp khác và có thể bị xử lý theo pháp luật.

Doanh nghiệp có bắt buộc phải đăng ký nhãn hiệu mà mình đang sử dụng không ?

Không. Việc đăng ký nhãn hiệu là việc làm tự nguyện của doanh nghiệp. Không có quy định nào bắt buộc doanh nghiệp phải đăng ký nhãn

hiệu mà mình đang sử dụng. Doanh nghiệp muốn được độc quyền sử dụng một nhãn hiệu thì phải nộp đơn đăng ký nhãn hiệu đó theo thủ tục quy định.

Nên nhớ rằng việc khiếu kiện đòi chấm dứt hành vi xâm phạm một nhãn hiệu hàng hóa đã đăng ký bảo hộ đơn giản và đỡ tốn kém hơn nhiều so với việc tiến hành các hoạt động chống lại các hành vi giả mạo, cạnh tranh không lành mạnh.

Có thể nộp đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho nhãn hiệu đang được sử dụng không ?

Có thể. Các nhãn hiệu hàng hóa đang được sử dụng cũng như những nhãn hiệu hàng hóa dự định sẽ sử dụng đều có thể nộp đơn yêu cầu bảo hộ. Tuy nhiên việc sử dụng nhãn hiệu trước khi đăng ký có thể xảy ra tình trạng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã nộp đơn hoặc đã được đăng ký bảo hộ. Trong trường hợp đó chẳng những nhãn hiệu bị từ chối đăng ký mà việc sử dụng nhãn hiệu còn có thể bị coi là hành vi xâm phạm nhãn hiệu hàng hóa của người khác

Từ 1982 đến 2004 Cục SHTT đã nhận được 92235 đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, trong đó có 51194 đơn của người Việt nam và 41041 đơn của người nước ngoài. Hoa kỳ là nước có nhiều đơn đăng ký nhãn hiệu nộp vào Việt nam nhất: từ 2000 đến 2004, số đơn nhãn hiệu hàng hoá từ Hoa kỳ nộp vào Việt nam là 3.855 đơn, tiếp đến Nhật bản với 1.699 đơn.

Ai có quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa ?

Các doanh nghiệp tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp đều có quyền đăng ký nhãn hiệu cho sản phẩm do mình sản xuất hoặc cho dịch vụ mà mình thực hiện.

Các doanh nghiệp tiến hành hoạt động thương mại hợp pháp có quyền đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm do mình đưa ra thị trường nhưng được doanh nghiệp khác sản xuất với điều kiện doanh nghiệp sản xuất ra sản phẩm không sử dụng nhãn hiệu và không phản đối việc sử dụng nhãn hiệu đó.

Luật SHTT:

Tổ chức có chức năng kiểm soát, chứng nhận chất lượng, đặc tính, nguồn gốc hoặc tiêu chí khác liên quan đến hàng hoá, dịch vụ có quyền đăng ký nhãn hiệu chứng nhận với điều kiện tổ chức đó không tiến hành sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ đó.

Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải gồm những tài liệu gì ?

Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải có những tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, làm theo mẫu quy định (3 bản);
- Mẫu nhãn hiệu (15 bản);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (1 bản);
- Chứng từ lệ phí Đơn (1 bản);

Ngoài ra tùy từng trường hợp cụ thể doanh nghiệp còn phải nộp các tài liệu sau:

- Giấy uỷ quyền nộp đơn nếu doanh nghiệp nộp đơn thông qua người đại diện SHCN (1 bản);
- Tài liệu xác nhận xuất xứ, giải thưởng, huy chương nếu nhãn hiệu có chứa các thông tin đó (1 bản sao);
- Giấy phép sử dụng tên riêng, biểu tượng, hình ảnh (của quốc gia, địa phương hay danh nhân): 1 bản;
- Quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể nếu đăng ký nhãn hiệu tập thể (1 bản).

Bảng phân loại hàng hoá và dịch vụ dùng để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là gì ?

Bảng phân loại quốc tế hàng hóa và dịch vụ được biên soạn và ấn hành theo Thỏa ước Nice (1957) về phân loại quốc tế hàng hóa và dịch vụ để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa. Trong lần xuất bản lần thứ 8, Bảng phân loại này gồm có 45 nhóm sản phẩm và dịch vụ (34 nhóm sản phẩm và 11 nhóm dịch vụ). Trong mỗi nhóm sản phẩm hay dịch vụ lại liệt kê tên sản phẩm hay dịch vụ thuộc nhóm đó.

Trong tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, doanh nghiệp phải chỉ rõ nhãn hiệu yêu cầu bảo hộ được sử dụng cho sản phẩm hay dịch vụ nào, thuộc nhóm nào của Bảng phân loại quốc tế hàng hoá và dịch vụ của Thỏa ước Nice.

Doanh nghiệp có thể yêu cầu bảo hộ một nhãn hiệu cho nhiều nhóm sản phẩm/dịch vụ và mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ có thể gồm một hoặc nhiều sản phẩm/dịch vụ khác nhau. Lệ phí đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tùy thuộc vào số nhóm sản phẩm/dịch vụ cũng như số sản phẩm/dịch vụ trong mỗi nhóm ghi trong tờ khai.

Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá được làm như thế nào ?

Mẫu tờ khai được Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp miễn phí cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp cũng có thể lấy mẫu tờ khai từ trang web của Cục Sở hữu trí tuệ theo địa chỉ: **<http://www.noip.gov.vn>**

Khi có mẫu tờ khai, doanh nghiệp cần điền đầy đủ những thông tin cần thiết vào các ô thích hợp, cụ thể như sau:

- Ô số 1: Ghi ký hiệu tự đặt để theo dõi đơn (không bắt buộc);
- Ô số 2: Dán một mẫu nhãn hiệu vào ô vuông phía tay trái. Mẫu nhãn hiệu có kích thước không vượt quá 80mm x 80mm và phải được trình bày đúng màu sắc cần được bảo hộ. Nếu không bảo hộ màu sắc, mẫu nhãn hiệu phải được trình bày dưới dạng đen trắng.

Phần mô tả nhãn hiệu phải chỉ rõ từng yếu tố cấu thành nhãn hiệu và ý nghĩa tổng thể của nhãn hiệu; mô tả dạng hình họa của các chữ, từ ngữ nếu đó là yếu tố phân biệt cần bảo hộ; các từ ngữ không phải là tiếng Việt phải được phiên âm và dịch ra tiếng Việt, nếu có nghĩa; nếu nhãn hiệu gồm nhiều phần tách biệt phải nêu rõ vị trí gắn từng phần của nhãn hiệu trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm.

- Ô số 4: Ghi tên và địa chỉ của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN nếu Đơn được nộp thông qua đại diện, nếu Đơn được nộp trực tiếp thì ô này để trống.

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KINH KÝ NHÂN HIỆP HANG HOA		DÃI NHẬN TÊN VÀ SỐ QUÂN	
Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ 384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội			
Người ký tên dưới đây là của Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận kinh ký nhân hiệp hang hoa...			
(1)	SỐ HẸN DỄ NHẬN BIẾT ĐƠN		
(2)	<u>Mã nhãn hiệu</u> ☐ Nhãn hiệu tập thể ☐ Nhãn hiệu hàng hóa ☐ Nhãn hiệu khác ☐ Nhãn hiệu hình chữ <u>Màu và nhận diện:</u> Màu sắc: Hình dạng vật lý khác: Màu vẽ	<u>Chỉ định về nhân hiệu</u> ☐ Nhập liệu tập thể ☐ Nhập liệu hàng hóa ☐ Nhập liệu khác ☐ Nhập liệu hình chữ <u>Màu và nhận diện:</u> Màu sắc: Hình dạng vật lý khác: Màu vẽ	
(3)	Tên đầy đủ	NHÀ CỬA SỞ QUÂN	Mã số
Địa chỉ			
Họ tên:	Số điện thoại:	(4) Số tiền kê khai KỶ VNĐ	
Số fax:	Email:		
Địa chỉ liên hệ trước cảnh:			

[illegible]

- Ô số 5: Ô này chủ yếu dành cho người nước ngoài nộp đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa tại Việt Nam có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo các điều ước quốc tế.

- Ô số 6: Đánh dấu vào các ô tương ứng với các khoản phí, lệ phí đã nộp theo Biểu mức thu phí, lệ phí SHCN thuộc Thông tư 132/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Ô số 7: Đánh dấu các tài liệu có trong Đơn vào các ô thích hợp, ghi rõ số trang, số bản. Nếu có tài liệu khác thì phải ghi rõ loại tài liệu đó vào dòng cuối cùng của ô này.

- Ô số (8): Phải liệt kê hàng hoá hoặc dịch vụ sẽ mang nhãn hiệu phù hợp với lĩnh vực kinh doanh trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và cần được phân thành nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về hàng hoá và dịch vụ theo Thỏa ước Nixơ, theo tuần tự từ nhóm có số thứ tự thấp đến nhóm có số thứ tự cao. Nếu doanh nghiệp không phân loại hoặc phân loại không chính xác, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tiến hành phân loại và doanh nghiệp phải nộp phí phân loại.

- Ô số 9: Xác nhận chữ ký của cá nhân lập tờ khai (trường hợp cá nhân đó thuộc tổ chức không có con dấu) bởi cơ quan công chứng hoặc UBND địa phương nơi chủ thể cư trú hoặc đặt cơ sở kinh doanh.

Doanh nghiệp làm thế nào để có thể biết được nhãn hiệu mình định đăng ký đã có ai đăng ký chưa ?

Để tránh việc nhãn hiệu của doanh nghiệp khi nộp đơn đăng ký bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối bảo hộ, trước khi nộp đơn đăng ký doanh nghiệp cần tiến hành tra cứu xem liệu nhãn hiệu mà mình định yêu cầu bảo hộ có trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu của người khác đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không?

Việc tra cứu nói trên được tiến hành dựa theo các nguồn thông tin sau:

- Công báo SHCN do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng;
- Đăng bạ quốc gia hoặc đăng bạ quốc tế nhãn hiệu hàng hóa được lưu giữ tại Cục Sở hữu trí tuệ;
- Cơ sở dữ liệu điện tử nhãn hiệu hàng hóa đăng ký trực tiếp tại Việt Nam do Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên mạng Internet theo địa chỉ: [http:// www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)
- Cơ sở dữ liệu điện tử về nhãn hiệu hàng hóa đăng ký bảo hộ theo Thỏa ước Madrid do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) công bố

trên mạng Internet theo địa chỉ: [http:// www. wipo.int](http://www.wipo.int)

Doanh nghiệp có thể tự tiến hành tra cứu hoặc sử dụng dịch vụ tra cứu nhãn hiệu hàng hóa của Cục Sở hữu trí tuệ với điều kiện phải trả lệ phí tra cứu theo quy định.

Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có thể nộp ở đâu và nộp bằng cách nào?

Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có thể nộp trực tiếp tại Cục Sở hữu trí tuệ (386- Nguyễn Trãi-Hà Nội) hoặc tại các Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú Xương-Quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du, Quận Hải Châu).

Đơn đăng ký nhãn hiệu cũng có thể nộp dưới hình thức thư bảo đảm gửi qua bưu điện tới các địa điểm nói trên.

Doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải nộp những khoản lệ phí gì ?

Ngay khi nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, doanh nghiệp phải nộp các khoản phí, lệ phí sau:

- Lệ phí nộp đơn (cho mỗi nhóm sản phẩm /dịch vụ): 150.000 đ;
- Lệ phí công bố đơn: 100.000 đ;
- Phí tra cứu thông tin phục vụ xét nghiệm đơn: 100.000 đ;
- Phí xét nghiệm nội dung đơn: 250.000 đ.

Khi có thông báo về kết quả xét nghiệm nội dung trong đó chỉ rõ nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ, doanh nghiệp phải nộp tiếp các khoản lệ phí sau:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 100.000đ;
- Lệ phí đăng bạ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 100.000đ;
- Lệ phí công bố quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 100.000đ

Doanh nghiệp có nên sử dụng dịch vụ đại diện SHCN để làm và nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không ?

Việc làm, nộp Đơn và theo đuổi Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nhìn chung không quá phức tạp nhưng dễ xảy ra sai sót và để khắc phục những sai sót đó thường tốn khá nhiều thời gian, công sức và cả chi phí.

Vì vậy, nếu doanh nghiệp không nắm vững các quy định về thủ tục đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và không có điều kiện tham vấn các cơ quan

chuyên môn có liên quan thì nên uỷ quyền cho một tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thay mặt mình làm và nộp đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Sau khi nộp đơn đăng ký và nhận được Thông báo chấp nhận đơn hợp lệ, doanh nghiệp có nên chuẩn bị sẵn bao gói sản phẩm có in nhãn hiệu để khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có thể nhanh chóng đưa sản phẩm mang nhãn hiệu ra thị trường tiêu thụ không ?

Nếu mới chỉ nhận được Thông báo chấp nhận Đơn hợp lệ, doanh nghiệp chưa nên in bao bì có chứa nhãn hiệu bởi lẽ Đơn đăng ký còn phải qua khâu xét nghiệm nội dung và nhãn hiệu trong đơn có thể bị từ chối bảo hộ vì trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu của người khác đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa. Trong trường hợp đó nếu huỷ bao bì đã in nhãn mác thì rất lãng phí còn nếu sử dụng thì có thể bị coi là xâm phạm quyền sở hữu nhãn hiệu của người khác và bị xử lý theo quy định.

Doanh nghiệp chỉ nên chuẩn bị sẵn bao gói sản phẩm có in nhãn mác trong các trường hợp sau:

- Đã nhận được Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung trong đó chỉ rõ nhãn hiệu được chấp nhận bảo hộ, hoặc
- Trước khi nộp đơn đăng ký, doanh nghiệp đã tiến hành tra cứu và biết được rằng nhãn hiệu chưa có ai đăng ký hoặc chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Trình tự xem xét Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Cục Sở hữu trí tuệ được thực hiện như thế nào ?

Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện các thủ tục xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo trình tự tổng quát sau:

- Xét nghiệm hình thức: Sau khi nhận Đơn, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hình thức đối với Đơn đăng ký từ đó đưa ra kết luận Đơn có hợp lệ hay không hợp lệ.

Nếu Đơn được coi là hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho Người nộp đơn Thông báo chấp nhận đơn hợp lệ. Trường hợp Đơn bị coi là không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho Người nộp đơn Thông báo dự định từ chối chấp nhận Đơn trong đó ghi rõ những thiếu sót khiến đơn bị coi là không hợp lệ.

Nếu trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thông báo, Người nộp đơn không có ý kiến hoặc ý kiến không xác đáng về dự định từ chối chấp nhận Đơn, Cục Sở hữu trí tuệ chính thức ra Thông báo từ chối chấp nhận Đơn và

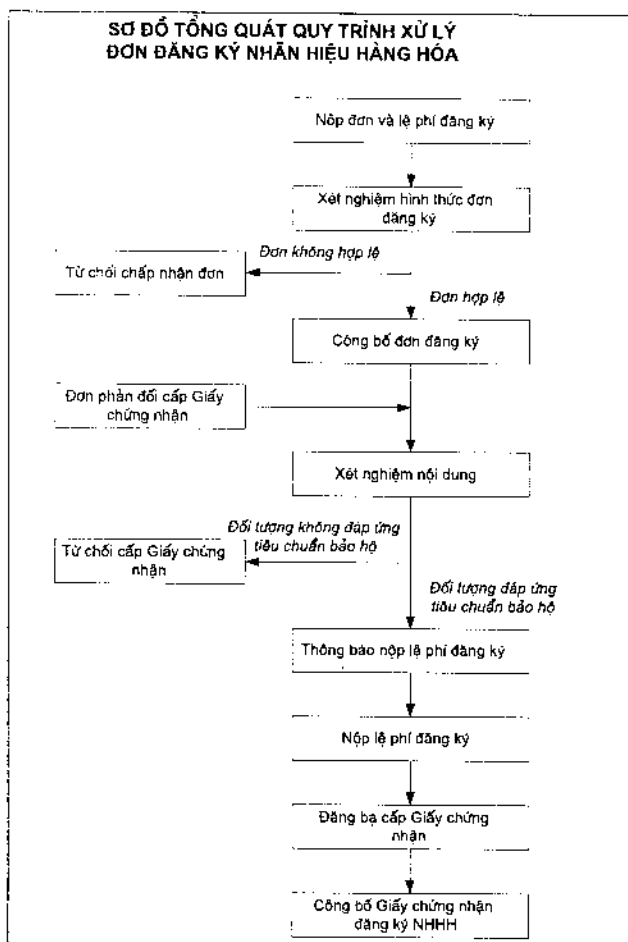
hoàn trả các khoản phí, lệ phí đã được nộp liên quan đến các công việc sau xét nghiệm hình thức theo yêu cầu của Người nộp đơn.

Thời gian xét nghiệm hình thức Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là 3 tháng tính từ ngày nộp đơn.

Luật SHTT: Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được thẩm định hình thức trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày nộp đơn.

- Công bố Đơn đăng ký: Các Đơn đăng ký được công nhận là hợp lệ được công bố trên Công báo SHCN (tập A) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng để cho mọi người biết nhãn hiệu đã có người nộp Đơn đăng ký. Sau khi công bố Đơn đăng ký, bất cứ ai cũng có quyền phản đối việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho Người nộp đơn có nêu rõ lý do.

- Xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký: Các Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng



hóa đã được công bố đều được xét nghiệm nội dung để đánh giá khả năng được bảo hộ của nhãn hiệu hàng hóa nêu trong Đơn theo các tiêu chuẩn bảo hộ. Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn, Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét các ý kiến phản đối việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa của người thứ ba và thông báo cho người có ý kiến về việc ý kiến đó có được chấp nhận hay không, nếu ý kiến không được chấp nhận phải nêu rõ lý do.

Kết quả xét nghiệm nội dung Đơn sẽ được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho Người nộp đơn trong đó nêu rõ nhãn hiệu hàng hóa có đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ hay không.

Nếu nhãn hiệu hàng hóa trong Đơn không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, trong Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ nêu rõ dự định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày thông báo Người nộp đơn phải có ý kiến về dự định từ chối đó. Nếu trong thời hạn trên Người nộp đơn không có ý kiến hoặc ý kiến không xác đáng, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ chính thức từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Nếu nhãn hiệu hàng hóa trong Đơn đăng ký đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ, trong Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ấn định thời gian để Người nộp đơn nộp lệ phí cấp, đăng bạ và công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Thời gian xét nghiệm nội dung đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là 9 tháng tính từ ngày ký thông báo chấp nhận đơn hợp lệ.

Luật SHTT: Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được thẩm định nội dung trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày công bố đơn.

- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: Sau khi nhận được các khoản lệ phí do Người nộp đơn đăng ký nộp, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành ghi nhận nhãn hiệu hàng hóa, Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa vào Sổ đăng ký nhãn hiệu hàng hóa quốc gia và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho Người nộp đơn.

- Công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: Các Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đã cấp đều được công bố trong tháng thứ hai kể từ ngày ra quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên Công báo SHCN (tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng.

Nội dung của công bố Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?

Các thông tin liên quan đến Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được công bố trên Công báo SHCN (Tập A) gồm: Số Đơn, ngày nộp Đơn, ngày công bố Đơn, mẫu nhãn hiệu, phân loại hình, màu sắc bảo hộ, tên và địa chỉ của Người nộp đơn, tên của người đại diện SHCN (nếu có), phân loại sản phẩm / dịch vụ.

Dưới đây là ví dụ về công bố một Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên Công báo SHCN (Tập B) số tháng 5.2005:



(210) Số Đơn: 4-2004-09982 (220) Ngày nộp đơn: 20.09.2004
(540) Mẫu nhãn hiệu hàng hoá: (441) Ngày công bố đơn: 25.05.2005
(531) Phân loại hình: 3.1.1; A24.1.19
(591) Màu sắc: đen, trắng, xám, vàng, xanh nước biển, đỏ sẫm, da cam nhạt.
(731) Tên, địa chỉ của Người nộp đơn:
CLOSE JOINT-TOCK COMPANY-FIRM "LION" (RU)
125239, Moscow, ul. Koptevskaya, d. 41, Russian Federation
(740) Người đại diện: Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh
(PHAM & ASSOCIATES)
(540) Phân loại quốc tế sản phẩm/dịch vụ: Nhóm 31: Thúc ăn cho tôm

Nội dung công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?

Các thông tin liên quan đến Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được công bố trên Công báo SHCN (Tập B) gồm: Số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, ngày cấp GCN, số đơn, ngày nộp đơn, ngày hết hạn hiệu lực GCN, ngày công bố GCN, phân loại hình, màu sắc bảo hộ, mẫu nhãn hiệu hàng hóa, tên và địa chỉ của Người nộp đơn, tên người đại diện SHCN, phân loại sản phẩm/dịch vụ.

Dưới đây là ví dụ về một công bố Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa trên Công báo SHCN (Tập A) số tháng 4 năm 2005:

(111) Số GCN: 4-0059061 (151) Ngày cấp GCN: 14.12.2004
(210) Số đơn: 4-2003-09975 (220) Ngày nộp đơn: 07.10.2002
(181) Ngày hết hạn hiệu lực: 07.10.2012
(531) Phân loại hình: A1.5.6, A5.11.13
(450) Ngày công bố GCN: 25.01.2005
(591) Màu sắc bảo hộ: xanh lá cây, vàng, trắng
(731) Tên, địa chỉ của Chủ nhãn hiệu hàng hoá:
Công ty Xuất nhập khẩu mây tre Việt Nam
37 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà nội
(540) Mẫu nhãn hiệu:
(511) Phân loại sản phẩm/dịch vụ:



Nhóm 20: Các sản phẩm hàng thủ công làm từ mây tre, gỗ như: lồng, giỏ, dùng để đựng hoa quả và trang

trí làm bằng nguyên liệu mây, tre, nứa; các loại mảnh, bình phong làm bằng nguyên liệu tre, trúc, nứa, gỗ; giá để đĩa CD và sách báo làm bằng gỗ sơn mài, tre, bần, ghế, khung ảnh, khay (không phải là đồ gia dụng) làm bằng gỗ, gỗ sơn mài, song, mây, tre, nứa.

(740) Tên đại diện SHCN: Công ty TNHH Trường Xuân (AGELESS)

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với nhãn hiệu trong Đơn đăng ký đã được công bố không ?

Có. Sau khi Đơn đăng ký nhãn hiệu được công bố trên Công báo SHCN, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn cho Cục Sở hữu trí tuệ phản đối việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, trong đó phải nêu rõ lý do phản đối.

Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký nhãn hiệu, Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét đơn phản đối đó và thông báo cho doanh nghiệp về việc ý kiến phản đối có được chấp nhận hay không, nếu không chấp nhận phải nêu rõ lý do.

Trong quá trình xét nghiệm hình thức và xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, người nộp đơn có quyền yêu cầu bổ sung, sửa đổi các tài liệu đã nộp không ?

Có. Trong quá trình xét nghiệm hình thức và nội dung Đơn, kể cả trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo từ chối chấp nhận Đơn, Thông báo từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa hoặc Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, người nộp đơn có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung các tài liệu của Đơn và ghi nhận những thay đổi về tên, địa chỉ của người nộp đơn cũng như những thay đổi về người nộp đơn (chuyển nhượng Đơn, chuyển dịch quyền đối với Đơn do thừa kế, tách, sát nhập pháp nhân...)

Yêu cầu sửa đổi bổ sung tài liệu của Đơn cũng như yêu cầu ghi nhận những thay đổi về người nộp đơn phải được làm thành văn bản và người yêu cầu phải nộp lệ phí sửa đổi đơn với mức quy định hiện nay là 100.000 đ mỗi Đơn.

Người nộp đơn có quyền khiếu nại các Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận đơn, từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không ?

Có. Người nộp đơn có quyền khiếu nại với Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về Thông báo chính thức từ chối chấp nhận Đơn hoặc Quyết định từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Hồ sơ khiếu nại phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức quy định tại

thông tư 30/2003/TT-BKHCN của Bộ KHCN và người khiếu nại phải nộp lệ phí theo quy định.

Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (khiếu nại lần 2) hoặc khởi kiện theo thủ tục hành chính.

Hồ sơ khiếu nại các Thông báo, Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ phải gồm những tài liệu gì ?

Hồ sơ khiếu nại các Thông báo, Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ phải gồm những tài liệu sau :

- Tờ khai khiếu nại, làm theo mẫu quy định;
- Bản sao Quyết định hoặc Thông báo bị khiếu nại;
- Bản sao Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất (đối với khiếu nại lần thứ hai);
- Chứng cứ chứng minh lý lẽ khiếu nại (nếu cần);
- Giấy ủy quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);
- Chứng từ nộp lệ phí khiếu nại.

Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ đình chỉ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đã cấp không ?

Có. Doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ đình chỉ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nếu phát hiện một trong những trường hợp sau:

- Chủ nhãn hiệu hàng hóa không sử dụng nhãn hiệu trong 5 năm liên tục trước ngày nộp đơn yêu cầu đình chỉ mà không có lý do chính đáng;
- Chủ nhãn hiệu hàng hóa không còn tồn tại hoặc không hoạt động mà không có người thừa kế hợp pháp;
- Chủ nhãn hiệu hàng hóa không gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa theo thủ tục quy định.

Luật SHTT:

- Chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu đối với nhãn hiệu tập thể không kiểm soát hoặc kiểm soát không có hiệu quả việc thực hiện quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể.

Người nộp đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực phải nộp lệ phí đình chỉ hiệu lực với mức quy định là 150.000đ đối với một đề nghị.

Số Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá đã nộp và số Giấy chứng nhận đăng ký nhận hàng hóa đã cấp từ 1982 - 2005:

Năm	Số Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá			Số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá		
	của người Việt Nam	của người nước ngoài	Tổng số	cho người Việt Nam	cho người nước ngoài	Tổng số
1989-1992	4948	5232	10180	3815	3644	7459
1993	2270	3866	6136	1395	2137	3532
1994	1419	2712	4131	1744	2342	4086
1995	2217	3416	5633	1627	2965	4592
1996	2323	3118	5441	1383	2548	3931
1997	1645	3165	4810	980	1506	2486
1998	1614	2028	3642	1095	2016	3111
1999	2380	1786	4166	1299	2499	3798
2000	3483	2399	5882	1423	1453	2876
2001	3095	3250	6345	2085	1554	3639
2002	6560	2258	8818	3386	1814	5200
2003	8599	3536	12135	4907	2243	7150
2004	10641	4275	14916	5444	2156	7600
2005	-	-	17975	6427	3333	9760
Tổng số			110210	37630	31860	69220

Đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải gồm những tài liệu gì ?

Đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải gồm những tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu đình chỉ hiệu lực, làm theo mẫu quy định;
- Chứng cứ (nếu cần);
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua người đại diện);
- Chứng từ nộp lệ phí.

Người nộp đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực phải nộp lệ phí đình chỉ hiệu lực với mức quy định là 150.000đ đối với một đề nghị.



Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không ?

Có. Trong thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ hủy bỏ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa nếu phát hiện một trong những trường hợp sau:

- Người được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không có quyền nộp đơn đăng ký;
- Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu hàng hóa không đáp ứng các yêu cầu đối với một nhãn hiệu hàng hóa được bảo hộ.

Người nộp đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải nộp lệ phí hủy bỏ hiệu lực với mức quy định hiện nay là 150.000đ đối với một đề nghị.

Luật SHTT: Thời hiệu thực hiện quyền yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu là 5 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, trừ trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu được cấp do sự không trung thực của người nộp đơn.

Đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải gồm những tài liệu gì ?

Đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải gồm những tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu hủy bỏ hiệu lực, làm theo mẫu quy định;
- Các chứng cứ (nếu cần);
- Giấy ủy quyền (trường hợp nộp đơn thông qua người đại diện);
- Chứng từ nộp lệ phí.

Người nộp đơn yêu cầu hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa phải nộp lệ phí hủy bỏ hiệu lực với mức quy định hiện nay là 150.000đ đối với một đề nghị.

Khi một Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa bị đình chỉ hiệu lực vì lý do 5 năm liên tục không sử dụng thì người đề nghị đình chỉ hiệu lực có thể nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với nhãn hiệu đó không ?

Có. Đây là trường hợp thường xảy ra đối với những doanh nghiệp đã nộp đơn đăng ký một nhãn hiệu nhưng bị Cục Sở hữu trí tuệ từ chối đăng ký vì trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận

đăng ký nhãn hiệu hàng hóa; trong khi doanh nghiệp vẫn muốn sử dụng nhãn hiệu và khi xác định nhãn hiệu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không được sử dụng 5 năm liên tục thì đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đối với nhãn hiệu đó. Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét đơn đề nghị đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa đồng thời thông báo cho Chủ nhãn hiệu hàng hóa để họ có ý kiến. Nếu xét thấy lý do của việc không sử dụng nhãn hiệu là không chính đáng, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa và xem xét việc cấp Giấy chứng nhận cho người nộp đề nghị.

3. BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA

Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là gì ?

Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là thủ tục hành chính do Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành với ý nghĩa thừa nhận quyền sở hữu đối với nhãn hiệu hàng hóa.

Nhãn hiệu hàng hóa được đăng ký dựa trên cơ sở kết quả xem xét đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do Cục Sở hữu trí tuệ thực hiện theo các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung đơn.

Hình thức đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là ghi nhận nhãn hiệu và Chủ sở hữu nhãn hiệu vào Sổ đăng ký quốc gia về nhãn hiệu hàng hóa và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho Chủ sở hữu.

Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa được quy định như thế nào ?

Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa là 10 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ và có thể được gia hạn liên tiếp nhiều lần, mỗi lần là 10 năm.

Muốn gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, Chủ nhãn hiệu hàng hóa phải làm gì ?

Để được gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, trong vòng 6 tháng trước ngày Giấy chứng nhận hết hiệu lực, Chủ nhãn hiệu hàng hóa phải nộp hồ sơ yêu cầu gia hạn và lệ phí gia hạn cho

Cục Sở hữu trí tuệ. Mức lệ phí gia hạn được quy định là 450.000đ cho mỗi nhóm sản phẩm/dịch vụ.

Hồ sơ yêu cầu gia hạn có thể nộp muộn hơn thời hạn trên nhưng không quá 6 tháng tính từ ngày Giấy chứng nhận hết hiệu lực và Chủ nhân hiệu hàng hóa phải nộp lệ phí gia hạn cộng với 10% lệ phí gia hạn cho mỗi tháng nộp muộn.

Hồ sơ yêu cầu gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa gồm những tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (làm theo mẫu quy định);
- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa (nếu Chủ nhân hiệu yêu cầu ghi nhận gia hạn vào Giấy chứng nhận);
- Chứng từ lệ phí gia hạn;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp hồ sơ thông qua người đại diện).

Chủ nhân hiệu hàng hóa có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không?

Có. Chủ nhân hiệu hàng hóa có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận những thay đổi về tên, địa chỉ của Chủ nhân hiệu và thay đổi về Chủ nhân hiệu (đối với trường hợp chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, chia tách, sáp nhập chuyển đổi hình thức pháp lý của cơ sở kinh doanh...).

Người yêu cầu sửa đổi phải nộp đơn yêu cầu sửa đổi và lệ phí sửa đổi cho Cục Sở hữu trí tuệ. Mức lệ phí sửa đổi là 100.000đ đối với mỗi Giấy chứng nhận.

Đơn yêu cầu sửa đổi phải gồm những tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu sửa đổi, làm theo mẫu quy định;
- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;
- Tài liệu xác nhận việc thay đổi Chủ nhân hiệu hàng hóa (trường hợp yêu cầu ghi nhận thay đổi về chủ nhân hiệu hàng hóa);
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua người đại diện);
- Chứng từ lệ phí sửa đổi Giấy chứng nhận.

Luật SHTT: Chủ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN sửa đổi quy chế sử dụng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận.

Doanh nghiệp có cần phải đăng ký bảo hộ những thay đổi đối với nhãn hiệu của mình đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa không?

Nhiều nhãn hiệu, bao gồm cả những nhãn hiệu nổi tiếng, thường được sửa đổi đôi chút hoặc trải qua những năm tháng tồn tại đã có những thay đổi nhỏ để tạo cho doanh nghiệp một hình ảnh hiện đại hơn, làm cho nó phù hợp với môi trường quảng cáo mới trên các phương tiện truyền thông đại chúng và làm tăng sự hấp dẫn đối với người tiêu dùng. Tuy nhiên khi sửa đổi nhãn hiệu, doanh nghiệp phải hết sức thận trọng và cần tham vấn ý kiến của cơ quan SHCN có thẩm quyền hoặc một đại diện SHCN để xem liệu nhãn hiệu sửa đổi có cần phải đăng ký như là một nhãn hiệu mới không ?

Dưới đây là sự thay đổi của một số nhãn hiệu:



(1988)



(1996)



(1997)



(2003)



- Nâng niu bàn chân Việt

(2004)

Nhãn hiệu "Bitis" của Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên



(1914)

(1921)

(1933)

(1941)



(1956)

Nhãn hiệu "cô gái che ô" được sử dụng lần đầu tiên ở Mỹ năm 1914, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá năm 1946



1900



1904



1909



1930



1948



1955



1961



1971



1995



1999

Nhãn hiệu hình con sò của hàng SHELL INTERNATIONAL PETROLEUM CO LTD (ANH) Bắt đầu sử dụng từ năm 1900 đã được sửa đổi nhiều lần. Mẫu nhãn hiệu hình con sò sửa năm 1990 là một trong số 35 nhãn hiệu của Hãng SHELL đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam (số Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: 1449)

Ai được công nhận là chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa ?

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa là:

- Chủ thể được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa;
- Chủ sở hữu đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid đã được chấp nhận bảo hộ tại Việt Nam;
- Tổ chức, cá nhân được chuyển giao hoặc được thừa kế một cách hợp pháp quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá.

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa có quyền gì ?

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa có các quyền sau đây:

- Độc quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa;
- Chuyển giao quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu, để thừa kế quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa cho người khác;
- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

Luật SHTT: Chủ nhãn hiệu có các quyền tài sản sau đây :

- Sử dụng, cho phép người khác sử dụng nhãn hiệu (quy định tại điều 124,
- Ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu (quy định tại điều 125, Luật SHTT)
- Định đoạt nhãn hiệu (chuyển nhượng quyền sở hữu và chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu cho người khác).

Việc sử dụng nhãn hiệu hàng hóa thuộc quyền của Chủ sở hữu bao gồm những hành vi sử dụng nào?

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa được độc quyền thực hiện các hành vi sử dụng nhãn hiệu hàng hóa sau đây:

- Gắn nhãn hiệu lên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;
- Lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán sản phẩm mang nhãn hiệu được bảo hộ;
- Nhập khẩu hàng hoá mang nhãn hiệu được bảo hộ.

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa có nghĩa vụ gì ?

Chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa có nghĩa vụ sử dụng nhãn hiệu hàng hóa liên tục và không được đình chỉ việc sử dụng nhãn hiệu quá 5 năm liền. Nếu chủ nhãn hiệu hàng hóa không sử dụng nhãn hiệu trong 5 năm

liên tục mà không có lý do chính đáng thì Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa có thể bị đình chỉ hiệu lực từ ngày đầu tiên sau thời hạn 5 năm nói trên.

Luật SHCN: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp nhãn hiệu không được chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc người được chủ sở hữu cho phép sử dụng trong thời hạn 5 năm liên tục trước ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp việc sử dụng được bắt đầu hoặc bắt đầu lại trước ít nhất 3 tháng tính đến ngày có yêu cầu chấm dứt hiệu lực.

Trường hợp nhãn hiệu in trên nhãn sản phẩm và nhãn sản phẩm đó được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì có thể coi nhãn hiệu được sử dụng một cách hợp pháp không ?

Việc một cơ quan có thẩm quyền chấp thuận một nhãn sản phẩm của doanh nghiệp không có nghĩa là việc sử dụng nhãn hiệu in trên nhãn sản phẩm đó là hợp pháp trừ phi nhãn hiệu đã được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp có thể sử dụng một nhãn hiệu (dưới hình thức in trên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm) mà không cần đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ nhưng phải bảo đảm việc sử dụng đó không vi phạm quyền sở hữu nhãn hiệu của người khác.

Nếu như nhãn hiệu in trên nhãn sản phẩm trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa thì việc sử dụng nhãn hiệu như vậy bị coi là bất hợp pháp và có thể bị xử lý theo pháp luật.

Một số nhãn hiệu gắn trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm có kèm theo dấu hiệu ®, dấu hiệu đó có ý nghĩa gì ?

Dấu hiệu ® thường được dùng để chỉ cho mọi người biết là nhãn hiệu đã được bảo hộ độc quyền và như vậy chỉ những nhãn hiệu đã được đăng ký và đang trong thời hạn hiệu lực mới được gắn thêm dấu hiệu này.

Khi nhãn hiệu được gắn dấu hiệu ® bị vi phạm thì người có hành vi vi phạm không thể nêu lý do là không biết nhãn hiệu đã được bảo hộ để trốn tránh trách nhiệm. Mặt khác dấu hiệu này cũng nhắc nhở mọi người rằng Chủ nhãn hiệu rất coi trọng việc bảo hộ nhãn hiệu của mình nên tốt nhất là đừng có bất chước để tránh mọi sự rắc rối có thể xảy ra do việc bất chước đó.



Nhãn hiệu của Công ty XDTM Đồng Tâm
TNHH đã được cấp GCNĐKNHHH
(số GCN 50823)



Nhãn hiệu của Công ty TNHH sản xuất thương mại
Thiên long đã được đăng ký bảo hộ
(số GCN 36725)

Doanh nghiệp phải làm gì để bảo vệ nhãn hiệu của mình đã được đăng ký bảo hộ ?

Khi được đăng ký bảo hộ, nhãn hiệu trở thành tài sản của doanh nghiệp. Tài sản đó càng có giá trị khi sản phẩm mang nhãn hiệu giành được uy tín của đông đảo người tiêu dùng do vậy doanh nghiệp phải thực hiện mọi biện pháp để bảo vệ nhãn hiệu của mình.

Để bảo vệ nhãn hiệu đã đăng ký, doanh nghiệp phải thường xuyên theo dõi, phát hiện những tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm nhãn hiệu của mình.

Khi phát hiện hành vi xâm phạm, doanh nghiệp cần thông báo cho người xâm phạm về việc nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của mình và yêu cầu người đó chấm dứt hành vi xâm phạm. Nếu người xâm phạm không chấm dứt hành vi xâm phạm theo yêu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể đề nghị các cơ quan thực thi pháp luật xử phạt hành chính hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

Doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực thi pháp luật trong việc phát hiện và xử lý vi phạm nhãn hiệu bằng cách cung cấp thông tin về người xâm phạm và những bằng chứng về hành vi xâm phạm của họ.

4. HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN CỦA CHỦ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA **Những hành vi nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ nhân** **hiệu hàng hóa ?**

Những hành vi dưới đây do bất cứ tổ chức, cá nhân nào thực hiện nhằm mục đích kinh doanh mà không được Chủ nhân hiệu hàng hóa cho phép đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ nhân hiệu hàng hóa:

- Gắn (thể hiện dưới mọi hình thức: in, dán, đính, đục, dập...) lên sản phẩm, bao bì sản phẩm dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với

nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ cho sản phẩm cùng loại hoặc sản phẩm tương tự với sản phẩm đó;

- Đưa vào lưu thông (bán, vận chuyển), quảng cáo (thể hiện trên các phương tiện thông tin, biển hiệu, phương tiện kinh doanh...) nhằm để bán, chào bán, tàng trữ để bán cũng như xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được bảo hộ cho sản phẩm cùng loại hoặc tương tự với sản phẩm đó;

- Tiến hành dịch vụ dưới tên gọi, biểu tượng hoặc gắn trên phương tiện dịch vụ dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu dịch vụ được bảo hộ cho dịch vụ cùng loại hoặc tương tự với dịch vụ đó.

Luật SHTT: Các hành vi sau đây được thực hiện mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu thì bị coi là xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu:

- Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng với hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó;

- Sử dụng dấu hiệu trùng với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng đó có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

- Sử dụng dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu được bảo hộ cho hàng hoá, dịch vụ trùng, tương tự hoặc liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục đăng ký kèm theo nhãn hiệu đó, nếu việc sử dụng đó có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

- Sử dụng dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu nổi tiếng hoặc dấu hiệu dưới dạng định nghĩa, phiên âm từ nhãn hiệu nổi tiếng cho hàng hoá, dịch vụ bất kỳ, kể cả hàng hoá, dịch vụ không trùng, không tương tự và không liên quan tới hàng hoá, dịch vụ thuộc danh mục hàng hoá, dịch vụ mang nhãn hiệu nổi tiếng, nếu việc sử dụng đó có khả năng gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hoá hoặc gây ấn tượng sai lệch về mối quan hệ giữa người sử dụng dấu hiệu đó với chủ sở hữu nhãn hiệu nổi tiếng.

Một dấu hiệu (dùng làm nhãn hiệu hàng hóa) như thế nào thì bị coi là trùng với một nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ ?

Một dấu hiệu bị coi là trùng với một nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ nếu dấu hiệu đó có cấu tạo, cách trình bày, màu sắc, cách phát âm (đối với dấu hiệu là từ ngữ), ý nghĩa hoàn toàn trùng lặp với cấu tạo cách trình bày, ý nghĩa, màu sắc, cách phát âm của nhãn hiệu đang được bảo hộ hay nói cách khác dấu hiệu đó giống y hệt nhãn hiệu đang được bảo hộ.



Nhãn hiệu dầu gội đầu “Lifebuoy” (số GCN 30791) và “Clear” (số GCN 20040) của Unilever NV (ảnh bên phải mỗi hình) và những nhãn hiệu (giả) trùng lặp với những nhãn hiệu đang được bảo hộ (ảnh bên trái mỗi hình) cho cùng loại sản phẩm là xà phòng gội đầu

Một dấu hiệu (dùng làm nhãn hiệu hàng hóa) như thế nào thì bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu hàng hóa đang được bảo hộ ?

Một dấu hiệu bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với một nhãn hiệu đang được bảo hộ nếu dấu hiệu đó có một số đặc điểm về cấu tạo, cách trình bày, ý nghĩa màu sắc, cách phát âm (đối với dấu hiệu là từ ngữ) tương tự với cấu tạo, cách trình bày, ý nghĩa, màu sắc, cách phát âm của nhãn hiệu đang được bảo hộ đến mức không dễ dàng phân biệt được với nhãn hiệu đó.



Nhãn hiệu “Alpenliebe” của Cty liên doanh sản xuất kẹo” Perfetti Việt nam” (số GCN 31426)



Nhãn hiệu vi phạm: tương tự về nhãn hiệu cho sản phẩm cùng loại



Nhãn hiệu chè “Lipton” của Unilever VN (số GCN1761)



Nhãn hiệu vi phạm: tương tự về nhãn hiệu cho sản phẩm cùng loại

Một sản phẩm như thế nào thì bị coi là cùng loại với sản phẩm mang nhãn hiệu đang được bảo hộ ?

Một sản phẩm bị coi là cùng loại với sản phẩm mang nhãn hiệu đang được bảo hộ khi sản phẩm đó nằm trong danh mục sản phẩm ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa.

Một sản phẩm như thế nào thì bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đang được bảo hộ ?

Một sản phẩm bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu được bảo hộ nếu sản phẩm đó có chức năng, công dụng, phương thức sử dụng, kênh tiêu thụ tương tự với chức năng, công dụng, phương thức sử dụng, kênh tiêu thụ của sản phẩm mang nhãn hiệu được bảo hộ.

Trường hợp nào có thể kết luận việc sử dụng một dấu hiệu làm nhãn hiệu hàng hoá là hành vi xâm phạm quyền của chủ nhãn hiệu hàng hóa ?

Việc sử dụng một dấu hiệu làm nhãn hiệu có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền của chủ nhãn hiệu hàng hóa nếu thuộc một trong các tình huống sau:

- Dấu hiệu trùng với nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của chủ nhãn hiệu và sản phẩm mang dấu hiệu cùng loại với sản phẩm mang nhãn hiệu;
- Dấu hiệu tương tự với nhãn hiệu và sản phẩm mang dấu hiệu cùng loại với sản phẩm mang nhãn hiệu;
- Dấu hiệu trùng với nhãn hiệu và sản phẩm mang dấu hiệu tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu.

Trong trường hợp nào thì việc khai thác, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa ?

Việc khai thác, sử dụng nhãn hiệu hàng hóa không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu nhãn hiệu hàng hóa trong các trường hợp sau:

- Sử dụng nhãn hiệu hàng hóa không nhằm mục đích kinh doanh;
- Sử dụng sản phẩm mang nhãn hiệu do chủ nhãn hiệu, người được chuyển giao quyền sử dụng đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài.

Luật SHTT:

- Sử dụng nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu nhãn hiệu đó đã đạt được sự bảo hộ một cách trung thực trước ngày nộp đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đó.

5. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ RA NƯỚC NGOÀI

A. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA RA NƯỚC NGOÀI

Tại sao Doanh nghiệp cần bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa ở nước ngoài ?

Việc bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa mang tính lãnh thổ: Nhãn hiệu đăng ký ở nước nào thì chỉ được bảo hộ trên lãnh thổ của nước đó. Muốn mở rộng phạm vi bảo hộ nhãn hiệu của mình sang lãnh thổ nước khác thì doanh nghiệp phải làm thủ tục đăng ký nhãn hiệu ở nước đó. Một trong những lý do cơ bản của việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài là nhằm giành được độc quyền khai thác, sử dụng và ngăn cản người khác khai thác, sử dụng nhãn hiệu của doanh nghiệp tại nước xin đăng ký bảo hộ. Đây là việc làm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với những doanh nghiệp muốn mở rộng hoạt động của mình ra nước ngoài dưới hình thức đầu tư hoặc xuất khẩu hàng hoá.

Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá sang một nước mà không đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa ở nước đó thì có thể xảy ra hậu quả gì ?

Khi một sản phẩm mang nhãn hiệu không được bảo hộ ở nước mà sản phẩm được xuất sang thì nhãn hiệu đó rất có thể bị người khác bắt chước, nhất là đối với những nhãn hiệu tạo dựng được uy tín trên thị trường nước đó.

Nguy hại hơn là nhãn hiệu đó có thể bị chính người nước sở tại lấy đăng ký bảo hộ và sản phẩm mang nhãn hiệu của doanh nghiệp có thể bị cấm không được nhập khẩu vào thị trường nước đó.

Sản phẩm mang nhãn hiệu không đăng ký bảo hộ ở nước nhập khẩu còn có nguy cơ vi phạm quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa của người khác đã được bảo hộ tại nước đó và như vậy hậu quả mà doanh nghiệp phải gánh chịu sẽ rất lớn. Chính vì những lý do nêu trên nên đối với các doanh nghiệp có hàng hoá xuất khẩu thì khâu đầu tiên cần làm là đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá cho sản phẩm của mình tại nước mà sản phẩm định xuất sang.

Doanh nghiệp nên chọn những nước nào để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa?

Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài là việc làm phức tạp và tốn kém vì vậy chỉ những doanh nghiệp có hoạt động đầu tư ở nước ngoài hoặc có sản phẩm xuất khẩu thì mới nên đặt vấn đề đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài và việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa ra nước ngoài của

các doanh nghiệp này cũng chỉ nên tập trung vào nước (hoặc những nước) mà doanh nghiệp có ý định đầu tư để sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu hoặc xuất khẩu sản phẩm mang nhãn hiệu.

Việc đăng ký nhãn hiệu ở những nước mà doanh nghiệp không có ý định đầu tư hoặc xuất khẩu hàng hoá là việc làm tốn kém không cần thiết.

B. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA RA NGOÀI THEO THỎA ƯỚC MADRID

Hệ thống đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid là gì?

Hệ thống đăng ký quốc tế nhãn hiệu theo thỏa ước Madrid là hệ thống được xây dựng trên cơ sở của hai văn kiện: Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa và Nghị định thư liên quan đến Thỏa ước Madrid. Các nước tham gia ký kết một hoặc hai văn kiện này cùng tạo thành Liên minh Madrid (the Madrid Union) đặt dưới sự quản lý của Văn phòng quốc tế thuộc Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) có trụ sở tại Geneva, Thụy sĩ.

Mục đích chủ yếu của hệ thống đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid là tạo khả năng cho các tổ chức, cá nhân ở mỗi nước thành viên bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá của mình tại một số hoặc toàn bộ các nước thành viên tham gia liên minh thông qua việc nộp một đơn đăng ký duy nhất cho Văn phòng quốc tế của WIPO.



Nhãn hiệu sữa “Mẹ bồng con” Của Công ty cổ phần Sữa Sài gòn được đăng ký bảo hộ theo Thỏa ước Madrid tại 11 nước
(Số đăng bạ quốc tế 704000)



Nhãn hiệu “Miss Saigon” của Công ty cổ phần mỹ phẩm Sài gòn được đăng ký bảo hộ tại 5 nước theo Thỏa ước Madrid
(Số đăng bạ quốc tế 827280)

Nội dung cơ bản của Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu là gì?

Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa (sau đây gọi tắt là Thỏa ước Madrid) được ký kết năm 1891 và được sửa đổi lần cuối cùng năm 1979. Tính đến nay Thỏa ước Madrid đã có 52 nước thành viên. Việt Nam tham gia thỏa ước này từ 8.3.1949.

Thoả ước Madrid có nội dung cơ bản sau: Chủ Sở hữu nhãn hiệu của một quốc gia thành viên có thể yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu của mình ở một số hoặc tất cả các nước thành viên của Thoả ước thông qua việc nộp một đơn đăng ký duy nhất (gọi là đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa) cho Văn phòng quốc tế của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) thông qua cơ quan SHCN quốc gia.

Thoả ước Madrid không tạo nên một đăng ký duy nhất có hiệu lực đối với tất cả các nước thành viên mà chỉ là sử dụng một đơn duy nhất để thực hiện việc đăng ký nhãn hiệu riêng biệt tại các nước thành viên. Vì vậy, kể từ ngày việc đăng ký quốc tế được thực hiện tại Văn phòng quốc tế, việc bảo hộ đối với nhãn hiệu tại tất cả các nước khác có liên quan phải được thực hiện như đối với nhãn hiệu được nộp đơn trực tiếp tại cơ quan SHCN quốc gia.

Thời hạn hiệu lực của đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa được quy định như thế nào ?

Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại Văn phòng quốc tế có hiệu lực trong 20 năm và có thể được liên tục gia hạn cho 20 năm tiếp theo.

Để được gia hạn hiệu lực, trong vòng 6 tháng trước ngày đăng ký quốc tế hết hạn hiệu lực, Chủ nhãn hiệu hàng hóa phải nộp đơn xin gia hạn và lệ phí gia hạn cho Văn phòng quốc tế thông qua cơ quan SHCN quốc gia.

Lệ phí đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hoá được quy định như thế nào?

Lệ phí đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thoả ước Madrid gồm các khoản sau:

- Lệ phí cơ bản: 653 Franc Thụy Sĩ đối với nhãn hiệu đen, trắng;
903 Franc Thụy Sĩ đối với nhãn hiệu màu cho 3 nhóm sản phẩm/dịch vụ đầu tiên (theo bảng phân loại hàng hoá và dịch vụ dùng để đăng ký nhãn hiệu hàng hóa);
- Phí bổ sung cho mỗi nhóm sản phẩm, dịch vụ từ nhóm thứ tư trở đi: 73 Franc Thụy Sĩ;
- Phí bổ sung đối với mỗi nước chỉ định: 73 Franc Thụy Sĩ.

Sau khi nhãn hiệu được Văn phòng quốc tế ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa, Chủ nhãn hiệu có thể yêu cầu mở rộng phạm vi bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa sang lãnh thổ nước khác không ?

Có. Nếu Chủ nhãn hiệu hàng hóa muốn mở rộng phạm vi bảo hộ sang lãnh thổ các quốc gia khác sau khi nhãn hiệu đã được đăng ký quốc tế,

Chủ nhãn hiệu phải nộp đơn yêu cầu cho Văn phòng quốc tế thông qua cơ quan SHCN quốc gia.

Những nước nào là thành viên của Thoả ước Madrid ?

Thoả ước Madrid hiện có 52 nước thành viên gồm:

Anbani, Angiêri, Acmenia, Áo, Azecbaijan, Belarut, Bỉ, Butan, Bosnia và Hezegovina, Bungari, Trung quốc, Croatia, Cuba, Sec, CHDCND Triều tiên, Ai cập, Pháp, Đức, Hungari, Italy, Kazakhtan, Kenya, Kyrgikistan, Latvia, Lesotho, Liberia, Lichtenstein, Luxambua, Monaco, Rumani, Nga, San Marino, SieraLeon, Maroc, Mông cổ, Mozambic, Hà lan, Ba lan, Bồ đào nha, Mondova, Slovakia, Slovenia, Tây ban nha, Sudan, Soazilan, Thụy sỹ, Tatjikistan, Nam tư (cũ), Ucraina, Uzbekistan, Việt Nam và Nam tư.

Ưu điểm của việc đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thoả ước Madrid là gì ?

Đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa có những ưu điểm nổi bật sau:

- Chủ nhãn hiệu hàng hóa chỉ cần nộp một đơn đăng ký (Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa) bằng một loại ngôn ngữ (tiếng Pháp) và một khoản lệ phí cho một cơ quan duy nhất (Văn phòng quốc tế của WIPO) để bảo hộ nhãn hiệu của mình ở nhiều quốc gia;

- Chủ nhãn hiệu hàng hóa không cần phải thuê người đại diện SHCN thay mặt mình để thực hiện các thủ tục xác lập quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa ở từng quốc gia;

- Sau khi nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa, Chủ nhãn hiệu không cần phải chờ đợi cơ quan SHCN của mỗi nước được chỉ định ra quyết định chấp nhận đăng ký. Sau thời hạn quy định, cơ quan này không có thông báo từ chối thì nhãn hiệu tự động được bảo hộ tại quốc gia đó;

- Những thay đổi sau khi đăng ký quốc tế (như thay đổi tên, địa chỉ của chủ sở hữu, giảm bớt danh mục hàng hoá, dịch vụ ghi trong đăng ký) có thể được ghi nhận tại một số quốc gia thành viên được chỉ định thông qua một bước thủ tục và nộp một khoản lệ phí.

- Thời hạn hiệu lực của Đăng ký quốc tế thường dài hơn thời hạn hiệu lực của đăng ký quốc gia (20 năm so với thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa do Cục Sở hữu trí tuệ cấp là 10 năm).

Doanh nghiệp có quyền nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid không ?

Có. Vì Việt Nam là thành viên tham gia Thỏa ước Madrid nên doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào của Việt Nam đều có quyền nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo Thỏa ước Madrid với điều kiện nhãn hiệu yêu cầu đăng ký quốc tế đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam.

Doanh nghiệp cần phải làm gì để nhãn hiệu của mình có thể được bảo hộ tại các nước thành viên của Thỏa ước Madrid ?

Nếu nhãn hiệu của doanh nghiệp chưa được bảo hộ tại Việt Nam thì việc đầu tiên doanh nghiệp cần phải làm là tiến hành các thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đó tại Cục Sở hữu trí tuệ. Sau khi nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các thủ tục làm và nộp đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa cho Văn phòng quốc tế, cụ thể là:

- Làm đơn: Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa phải làm theo mẫu quy định. Doanh nghiệp có thể nhận mẫu đơn đăng ký miễn phí tại Cục Sở hữu trí tuệ. Đơn phải làm bằng tiếng Pháp bằng cách ghi các thông tin cần thiết vào các ô dành riêng cho Người nộp đơn và phải kèm theo mẫu nhãn hiệu. Trong đơn cần ghi rõ các nước thành viên của Thỏa ước Madrid mà Người nộp đơn muốn nhãn hiệu được bảo hộ;

- Người nộp đơn cần tính tổng số tiền lệ phí phải nộp cho Văn phòng quốc tế theo biểu lệ phí in trên mẫu đơn. Sau khi kiểm tra số tiền lệ phí phải nộp là đúng hoặc sau khi được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo chính xác số tiền lệ phí phải nộp, Người nộp đơn phải nộp khoản lệ phí đó cho Văn phòng quốc tế. Ngoài khoản lệ phí đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa nộp cho Văn phòng quốc tế, người nộp đơn còn phải nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ khoản phí thực hiện thủ tục đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa với mức quy định hiện nay là 1.500.000đ cho mỗi đơn đăng ký quốc tế. Doanh nghiệp có thể tham vấn ý kiến của Cục SHTT trong việc làm đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa.

- Nộp đơn: Đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cũng như lệ phí đăng ký quốc tế được nộp cho Văn phòng quốc tế thông qua Cục Sở hữu trí tuệ. Doanh nghiệp không được nộp đơn trực tiếp cho Văn phòng quốc tế. Sau khi đơn được Cục Sở hữu trí tuệ nộp cho Văn phòng quốc tế, mọi giao dịch giữa Người nộp đơn và Văn phòng quốc tế đều phải thông qua Cục Sở hữu trí tuệ, kể cả việc sửa đổi tài liệu, hạn chế danh mục sản phẩm, chuyển giao quyền đã được đăng ký.

Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa của doanh nghiệp được xử lý như thế nào ?

Đơn đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa của doanh nghiệp được xử lý như sau:

- Nếu đơn đăng ký quốc tế đáp ứng các yêu cầu về đơn, Văn phòng quốc tế sẽ ghi nhận nhãn hiệu vào Sổ đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa, thông báo cho cơ quan SHCN của các nước được chỉ định và công bố nhãn hiệu đăng ký quốc tế trên Công báo nhãn hiệu hàng hóa của Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới đồng thời gửi Giấy chứng nhận đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa tới Chủ nhãn hiệu hàng hóa thông qua cơ quan SHCN quốc gia.

- Bảo hộ nhãn hiệu tại quốc gia được chỉ định.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ khi nhận được Thông báo của Văn phòng quốc tế, Cơ quan SHCN của nước được chỉ định phải tiến hành xét nghiệm nội dung đơn đăng ký quốc tế như đối với đơn quốc gia nộp trực tiếp tại cơ quan này và phải có kết luận về khả năng bảo hộ nhãn hiệu tại nước mình. Nếu nhãn hiệu không có khả năng bảo hộ hoặc bị từ chối từng phần thì trong thời hạn trên cơ quan SHCN của nước được chỉ định phải thông báo bằng văn bản cho Người nộp thông qua Văn phòng quốc tế có nêu rõ lý do từ chối.

Nếu hết thời hạn quy định (12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo) mà cơ quan SHCN của nước được chỉ định không có Thông báo từ chối thì nhãn hiệu mặc nhiên được bảo hộ tại nước đó.

Tính đến cuối tháng 7-2005 đã có 54573 nhãn hiệu nước ngoài được chỉ định bảo hộ tại Việt nam thông qua Thỏa ước Madrid và khoảng hơn 50.000 nhãn hiệu đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam, trong khi đó chỉ có 94 nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt nam được đăng ký bảo hộ ở nước ngoài theo Thỏa ước Madrid.

Doanh nghiệp có quyền khiếu nại quyết định từ chối bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa của cơ quan SHCN nước được chỉ định không ?

Có. Trong thời hạn 3 tháng tính từ ngày cơ quan SHCN nước được chỉ định gửi Thông báo từ chối, doanh nghiệp có quyền nộp đơn khiếu nại quyết định của cơ quan này. Kết quả giải quyết khiếu nại được cơ quan của nước được chỉ định thông báo bằng văn bản cho Văn phòng quốc tế. Văn phòng quốc tế sẽ ghi nhận tuyên bố chấp nhận hoặc từ chối bảo hộ ghi trong Thông báo của cơ quan SHCN nước được chỉ định vào Sổ đăng

ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa và chuyển cho doanh nghiệp bản sao của thông báo này.



Nhãn hiệu của Tổng công ty Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn được đăng ký bảo hộ ở 10 nước thành viên Thỏa ước Madrid (số Đăng bạ quốc tế 728537)



Nhãn hiệu của Tổng công ty lắp máy Việt nam đăng ký bảo hộ ở 14 nước thành viên Thỏa ước Madrid (số Đăng bạ quốc tế 848415)

Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về nhãn hiệu hàng hóa được đăng ký theo Thỏa ước Madrid ở đâu ?

Doanh nghiệp có thể tra cứu nhãn hiệu hàng hóa được đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid trong Công báo nhãn hiệu hàng hóa do Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới ấn hành hàng tháng được lưu giữ tại Cục Sở hữu trí tuệ. Doanh nghiệp cũng có thể tra cứu các nhãn hiệu do Văn phòng quốc tế công bố trên trang web của WIPO theo địa chỉ [http:// www. wipo.int](http://www.wipo.int)

Ngoài ra WIPO còn phát hành đĩa quang phục vụ tra cứu nhãn hiệu đăng ký quốc tế theo Thỏa ước Madrid có tên "ROMARIN", đĩa quang này cứ sau 3 tháng lại được cập nhập những công bố nhãn hàng mới của Văn phòng quốc tế.

Đối với các nhãn hiệu hàng hóa được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam thông qua Thỏa ước Madrid, doanh nghiệp có thể tra cứu trên Công báo SHCN do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hoặc trên trang Web của Cục Sở hữu trí tuệ trên mạng internet.

D. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HÓA RA NƯỚC NGOÀI THEO CÔNG ƯỚC PARI VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP (ĐĂNG KÝ TRỰC TIẾP)

Nội dung cơ bản của Công ước Pari về bảo hộ sở hữu công nghiệp là gì ?

Công ước Pari về bảo hộ SHCN quy định nguyên tắc đối xử quốc gia và quyền ưu tiên, theo đó doanh nghiệp có thể đăng ký nhãn hiệu của mình ở các nước thành viên của Công ước và được hưởng sự bảo hộ đối với nhãn hiệu đó như công dân của nước sở tại mà không có sự phân biệt đối xử (nguyên tắc đối xử quốc gia). Trong vòng 6 tháng kể từ ngày Đơn đăng ký nhãn hiệu của doanh nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam

chấp nhận hợp lệ, doanh nghiệp có thể nộp Đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu của mình tại bất cứ nước thành viên nào của Công ước và các Đơn nộp sau sẽ được coi như nộp cùng ngày với ngày nộp đơn tại Cục Sở hữu trí tuệ (nguyên tắc quyền ưu tiên). Điều đó giúp cho doanh nghiệp khi muốn bảo hộ nhãn hiệu của mình ở một số nước không phải nộp đồng thời tất cả các Đơn tại Việt Nam và các nước khác mà có đến 6 tháng để quyết định xem nên nộp đơn yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu của mình ở những nước nào và tiến hành nộp đơn ở nước được chọn lựa.



Trụ sở Cục Patent và Nhân hàng Hoa Kỳ

Đăng ký nhãn hiệu ra nước ngoài theo Công ước Pari (đăng ký trực tiếp) được áp dụng trong trường hợp nào ?

Hình thức đăng ký nhãn hiệu trực tiếp được áp dụng trong trường hợp quốc gia, nơi mà Chủ nhãn hiệu muốn nhãn hiệu của mình được bảo hộ, là thành viên của Công ước Pari nhưng không phải là thành viên của Thỏa ước Madrid. Số quốc gia này hiện rất lớn, gồm cả các nước công nghiệp phát triển như: Mỹ, Anh, Úc, Canada, Nhật bản...

Thủ tục đăng ký nhãn hiệu hàng hóa tại các nước nói trên được thực hiện tại cơ quan sở hữu công nghiệp nước đó.

Để được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu của mình ở nước ngoài dưới hình thức đăng ký trực tiếp, doanh nghiệp phải làm gì ?

Muốn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài, trước hết doanh nghiệp phải làm và nộp Đơn đăng ký nhãn hiệu đó tại Cục Sở hữu trí tuệ (Việt Nam). Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Đơn đăng ký nhãn hiệu của doanh nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận hợp lệ, doanh nghiệp có

thể nộp Đơn đăng ký cho cơ quan SHCN của nước mà doanh nghiệp muốn nhãn hiệu của mình được bảo hộ.

Là chủ thể nước ngoài, doanh nghiệp bắt buộc phải tiến hành các thủ tục làm và nộp đơn đăng ký cũng như các thủ tục liên quan khác thông qua một đại diện SHCN ở nước mà nhãn hiệu của doanh nghiệp muốn bảo hộ; ngoại trừ trường hợp doanh nghiệp có Cơ sở kinh doanh, Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện hoạt động thực sự tại nước đó thì có thể đăng ký trực tiếp với cơ quan SHCN quốc gia. Tuy nhiên ngay cả trong trường hợp này doanh nghiệp cũng cần sự trợ giúp của người đại diện SHCN ở nước sở tại bởi lẽ kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của người đại diện sẽ giúp cho doanh nghiệp tránh được những khó khăn do thiếu kiến thức về pháp luật nhãn hiệu hàng hóa hiện hành của nước mà doanh nghiệp yêu cầu bảo hộ nhãn hiệu cũng như đáp ứng các yêu cầu của cơ quan SHCN trong quá trình xét, đăng ký nhãn hiệu.

Khi đã chọn được người đại diện SHCN, doanh nghiệp có thể uỷ quyền để họ thực hiện các thủ tục làm, nộp đơn và theo đuổi đơn đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho đến khi nhãn hiệu được đăng ký tại cơ quan SHCN quốc gia.

Khi tiến hành các thủ tục đăng ký nhãn hiệu thông qua người đại diện SHCN thì ngoài lệ phí quốc gia phải nộp cho cơ quan SHCN, doanh nghiệp phải trả phí dịch vụ đại diện SHCN cho người đại diện.



Một số nhãn hiệu của các doanh nghiệp Việt Nam được đăng ký bảo hộ tại Hoa Kỳ theo Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

Doanh nghiệp có cần sự trợ giúp của Tổ chức đại diện SHCN trong nước khi đăng ký nhãn hiệu của mình ra nước ngoài không ?

Có. Đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ra nước ngoài là việc làm phức tạp cần được tư vấn tốt để tránh những sai sót không đáng có.

Các Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN trong nước có những chuyên gia am hiểu luật pháp và cách thức tiến hành việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu ở nước ngoài có thể tư vấn cho doanh nghiệp những gì cần làm để việc

đăng ký được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả. Các Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN trong nước còn có quan hệ thường xuyên với các đại diện SHCN ở nước ngoài nên có thể giới thiệu cho doanh nghiệp những đại diện có khả năng làm tốt các công việc được doanh nghiệp uỷ quyền với chi phí hợp lý.

B- BẢO HỘ TÊN GỌI XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Luật SHTT không coi Tên gọi xuất xứ hàng hoá là một đối tượng riêng biệt của quyền sở hữu công nghiệp mà là một dạng đặc thù của chỉ dẫn địa lý. (Xem phần bảo hộ chỉ dẫn địa lý)

Tên gọi xuất xứ là gì ?

Tên gọi xuất xứ hàng hoá là tên gọi địa lý của nước, địa phương dùng để chỉ xuất xứ của mặt hàng từ nước, địa phương đó với điều kiện những mặt hàng này có tính chất, chất lượng đặc thù dựa trên điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt (bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả hai yếu tố đó) của nước, địa phương đó quyết định.

“Nước mắm Phú quốc” và “Chè san tuyết Mộc Châu”, “Cà phê Buôn Mê Thuột” là ba tên gọi xuất xứ hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ.

Ai có quyền nộp đơn đăng ký Giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ hàng hóa ?

Mọi tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh tại lãnh thổ có địa danh tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa, cơ quan hành chính quản lý lãnh thổ có địa danh tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa đều có quyền nộp đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa.

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa nộp ở đâu ?

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa cũng như đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có thể nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ (386 Nguyễn Trãi, Hà Nội) hoặc tại Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú Xương, Quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du, Quận Hải Châu).

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa gồm những tài liệu gì ?

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa phải bao gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa, làm theo mẫu do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành: 3 bản;
- Bản sao tài liệu xác nhận quyền kinh doanh hợp pháp: 1 bản;
- Bản thuyết minh về đặc thù chất lượng của sản phẩm mang tên gọi

xuất xứ hàng hóa có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 1 bản;

- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền rằng sản phẩm do người nộp đơn sản xuất, kinh doanh thương mại có tính chất, chất lượng đặc thù và được sản xuất tại vùng lãnh thổ tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa đó: 1 bản;

- Giấy uỷ quyền (nếu nộp đơn thông qua người đại diện): 1 bản;

- Bản đồ mô tả phạm vi lãnh thổ tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa trong đó có chỉ rõ địa điểm sản xuất, kinh doanh của người nộp đơn: 1 bản;

- Chứng từ lệ phí nộp đơn: 1 bản;

Khi chuẩn bị các tài liệu nêu trên, người nộp đơn cần đặc biệt chú ý đến các tài liệu sau:

Bản thuyết minh về đặc thù chất lượng sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa phải chỉ rõ các yếu tố để nhận dạng sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa, các chỉ tiêu đặc tính chất lượng (như màu sắc, thể tồn tại, tỷ lệ các thành phần cấu tạo, các đặc trưng cảm quan...) đồng thời phải chỉ ra phương pháp (hay cách thức) kiểm định các đặc tính, chất lượng đó.

Bản thuyết minh cũng phải chỉ ra sự khác biệt về chất lượng của sản phẩm sản xuất tại vùng lãnh thổ tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa so với chất lượng sản phẩm cùng loại được sản xuất tại địa phương khác.

Tài liệu xác nhận của cơ quan có thẩm quyền: cơ quan có thẩm quyền ở đây có thể là cơ quan quản lý chất lượng, cơ quan hành chính địa phương tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa, tổ chức nghề nghiệp hoặc người tiêu dùng loại sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa đó.

Bản đồ mô tả phạm vi lãnh thổ tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa không nhất thiết phải vẽ theo tỷ lệ chính xác nhưng phải chỉ rõ phạm vi lãnh thổ mà tại đó sản phẩm tương ứng có tính chất, chất lượng đặc thù phụ thuộc vào điều kiện địa lý của vùng lãnh thổ đó và phù hợp với chất lượng của sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa như đã được chỉ dẫn trong bản thuyết minh chất lượng.



"Nước mắm Phú quốc" là tên gọi xuất xứ hàng hóa đã được đăng ký bảo hộ tại Việt nam

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa được xử lý tại Cục Sở hữu trí tuệ như thế nào ?

Đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa được xử lý tại Cục Sở hữu trí tuệ theo trình tự tổng quát sau:

- Xét nghiệm hình thức: Sau khi nhận đơn đăng ký, Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành kiểm tra việc tuân thủ các quy định về hình thức đối với đơn đăng ký để từ đó đưa ra kết luận đơn có hợp lệ hay không hợp lệ.

Nếu đơn đáp ứng các yêu cầu về hình thức, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ gửi cho Người nộp đơn Thông báo chấp nhận đơn hợp lệ và công bố đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa trên Công báo SHCN (Tập A) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng. Thời gian xét nghiệm hình thức đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa là một tháng tính từ ngày nộp đơn.

- Xét nghiệm nội dung: Đối với những đơn được chấp nhận hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ tiến hành xem xét khả năng được bảo hộ của tên gọi xuất xứ hàng hóa nêu trong đơn. Nếu tên gọi xuất xứ hàng hóa đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ra quyết định đăng bạ tên gọi xuất xứ hàng hóa và ghi nhận tên gọi xuất xứ hàng hóa vào Sổ đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa quốc gia.

Trường hợp Người nộp đơn đăng ký tên gọi xuất xứ hàng hóa cũng là người yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ xem xét và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa cho Người nộp đơn.

- Công bố Quyết định đăng bạ tên gọi xuất xứ hàng hóa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa: Quyết định đăng bạ tên gọi xuất xứ hàng hóa và Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa được công bố trên Công báo SHCN (Tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng.

Thời hạn bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa được quy định như thế nào ?

Tên gọi xuất xứ hàng hóa được bảo hộ vô thời hạn tính từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ ra Quyết định đăng bạ tên gọi xuất xứ hàng hóa, trừ trường hợp các yếu tố địa lý quyết định tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm bị thay đổi làm mất đi tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm đó.

Văn bằng bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa là gì ?

Văn bằng bảo hộ tên gọi xuất xứ hàng hóa là Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa. Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.

Ai có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa ?

Mọi tổ chức, cá nhân đang tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh tại lãnh thổ có địa danh tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa đều có quyền nộp đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa cho sản phẩm do mình sản xuất hoặc kinh doanh với điều kiện sản phẩm đó phải có tính chất, chất lượng đặc thù theo quy định của tổ chức, cơ quan có thẩm quyền của địa phương đó.

Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa phải gồm những tài liệu gì ?

Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa phải gồm các tài liệu sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa, được làm theo mẫu do Cục Sở hữu trí tuệ ban hành: 3 bản;
- Bản sao tài liệu xác nhận quyền kinh doanh hợp pháp: 1 bản;
- Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về sản phẩm do Người nộp đơn sản xuất hoặc kinh doanh thương mại có tính chất, chất lượng đặc thù và được sản xuất tại vùng lãnh thổ tương ứng với tên gọi xuất xứ hàng hóa đó: 1 bản;
- Giấy uỷ quyền, nếu đơn được nộp thông qua người đại diện: 1 bản;
- Chứng từ lệ phí nộp đơn: 1 bản.

Người nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa phải nộp những khoản phí, lệ phí gì ?

Người nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa phải nộp các khoản phí, lệ phí sau:

- | | |
|---|-----------|
| - Lệ phí nộp đơn: | 150.000đ |
| - Lệ phí công bố đơn: | 100.000 đ |
| - Phí xét nghiệm nội dung đơn: | 250.000đ |
| - Phí tra cứu thông tin phục vụ xét nghiệm: | 50.000đ |

Khi có thông báo kết quả xét nghiệm nội dung trong đó chỉ rõ người nộp đơn đáp ứng các tiêu chuẩn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa, người nộp đơn phải nộp các khoản lệ phí sau:

- Lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa: 100.000đ
- Lệ phí đăng bạ Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ

hàng hóa: 100.000đ
- Lệ phí công bố Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa: 100.000đ

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có quyền gì?

Doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có quyền:

- Sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa cho các sản phẩm của mình đã được ghi trong danh mục sản phẩm đăng ký;
- Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người khác chấm dứt hành vi vi phạm và bồi thường thiệt hại do đã sử dụng bất hợp pháp tên gọi xuất xứ hàng hóa hoặc dấu hiệu tương tự gây nhầm lẫn với tên gọi xuất xứ hàng hóa.

Việc sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa của doanh nghiệp được cấp GCN tên gọi xuất xứ hàng hóa bao gồm những hành vi nào?

Việc sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa thuộc quyền của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa bao gồm những hành vi sau:

- Gắn tên gọi xuất xứ hàng hóa được bảo hộ lên sản phẩm, bao bì sản phẩm, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;
- Lưu thông, chào bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán các sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa đang được bảo hộ;
- Nhập khẩu sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa đang được bảo hộ.

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có nghĩa vụ gì ?

Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa có nghĩa vụ:

- Sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa liên tục và không được đình chỉ việc sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa quá 5 năm liên;
- Bảo đảm chất lượng, tính chất đặc thù của sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa;
- Thực hiện các yêu cầu và tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như các tổ chức chuyên môn có liên quan thực

hiện việc kiểm tra chất lượng hàng hoá, giám định chất lượng, tính chất đặc thù của sản phẩm mang tên gọi xuất xứ hàng hóa khi cần thiết.

Trường hợp nào thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa bị đình chỉ hiệu lực ?

Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa bị đình chỉ hiệu lực trong những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa không sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa trong 5 năm liên tục mà không có lý do chính đáng;
- Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tên gọi xuất xứ hàng hóa không còn tồn tại hoặc không hoạt động mà không có người kế thừa hợp pháp.

Chương 3

BẢO HỘ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

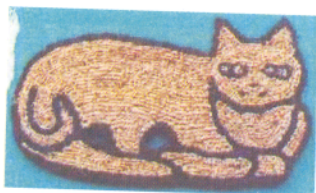
1. CÁC KHÁI NIỆM VỀ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Kiểu dáng công nghiệp là gì ?

Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng đường nét, hình khối, màu sắc hoặc sự kết hợp các yếu tố đó.



KDCN dạng hình khối (hình 3 chiều)
"Xe máy" (số Bằng 30003508000)



KDCN dạng hình phẳng (hình 2 chiều)
"Thảm chui chân"(số Đơn 319910085)

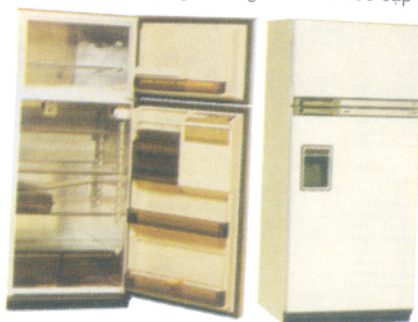
Thế nào là hình dáng bên ngoài của sản phẩm?

Hình dáng bên ngoài của sản phẩm là phần sản phẩm mà người sử dụng nhìn thấy được trong quá trình sử dụng.

Đối với những sản phẩm có nắp hoặc có thể gập được và khi sử dụng thường được mở ra (ví dụ: tủ lạnh, cặp sách....) thì phần sản phẩm nhìn thấy được khi mở ra cũng được xem là một phần hình dáng bên ngoài của sản phẩm.



hình dáng bên ngoài của chiếc cặp



hình dáng bên ngoài của chiếc tủ lạnh

Kiểu dáng công nghiệp muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?

Kiểu dáng công nghiệp muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện sau:

- Có tính mới đối với thế giới, có nghĩa là trước ngày nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó chưa được bộc lộ công khai ở bất cứ nơi nào trên thế giới dưới hình thức công bố hoặc sử dụng;
- Có khả năng dùng làm mẫu để chế tạo hàng loạt sản phẩm có hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp đó bằng phương pháp công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

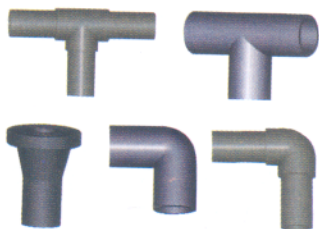
Luật SHTT: Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Có tính mới;
- Có tính sáng tạo;
- Có khả năng áp dụng công nghiệp.

Các đối tượng nào không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp ?

Các đối tượng dưới đây không được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp:

- Hình dáng bên ngoài của sản phẩm được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có trình độ trung bình trong lĩnh vực tương ứng, ví dụ:



- Hình dáng bên ngoài của sản phẩm do đặc tính kỹ thuật bắt buộc phải có hoặc chỉ mang đặc tính kỹ thuật, ví dụ:



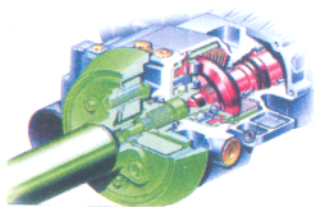
- Kiểu dáng các sản phẩm chỉ có giá trị thẩm mỹ (không dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp), ví dụ:



Hình dáng bên ngoài các công trình xây dựng dân dụng hoặc công nghiệp, ví dụ:



Hình dáng bên ngoài của sản phẩm không nhìn thấy được trong quá trình sử dụng, ví dụ:



Kiểu dáng công nghiệp như thế nào thì được công nhận là có tính mới đối với thế giới ?

Kiểu dáng công nghiệp được công nhận là có tính mới đối với thế giới nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Khác biệt cơ bản với các kiểu dáng công nghiệp được mô tả trong các đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ với ngày ưu tiên sớm hơn;

- Khác biệt cơ bản với kiểu dáng công nghiệp tương tự đã được công bố trong bất kỳ nguồn thông tin nào ở trong và ngoài nước tới mức căn cứ vào đó, người có trình độ trung bình trong lĩnh vực tương ứng có thể thực hiện được kiểu dáng công nghiệp đó.

Luật SHTT: Kiểu dáng công nghiệp được coi là có tính mới nếu kiểu dáng công nghiệp đó khác biệt đáng kể với những kiểu dáng công nghiệp đã bị bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác, ở trong nước hoặc ở nước ngoài, trước ngày nộp đơn hoặc trước ngày ưu tiên nếu đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được hưởng quyền ưu tiên.

Kiểu dáng công nghiệp được coi là chưa bị bộc lộ công khai nếu chỉ có một số lượng hạn chế người được biết và có nghĩa vụ giữ bí mật về kiểu dáng công nghiệp đó.

Trường hợp nào thì hai kiểu dáng công nghiệp không được coi là khác biệt cơ bản với nhau ?

Hai kiểu dáng công nghiệp không được coi là khác biệt cơ bản với

nhau nếu chỉ khác biệt bởi các đặc điểm tạo dáng không dễ dàng nhận biết và ghi nhớ được và các đặc điểm đó không thể dùng để phân biệt tổng thể hai kiểu dáng công nghiệp đó với nhau.

Kiểu dáng công nghiệp như thế nào thì được coi là có khả năng dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp ?

Kiểu dáng công nghiệp được dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp nếu có thể chế tạo hàng loạt bằng phương pháp công nghiệp hoặc thủ công nghiệp sản phẩm có hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp đó.

Luật SHTT: Kiểu dáng công nghiệp được coi là có khả năng áp dụng công nghiệp nếu có thể dùng làm mẫu để chế tạo hàng loạt sản phẩm có hình dáng bên ngoài là kiểu dáng công nghiệp đó bằng phương pháp công nghiệp hoặc thủ công nghiệp.

Tính sáng tạo của kiểu dáng công nghiệp được quy định như thế nào ?

Luật SHTT: Kiểu dáng công nghiệp được coi là có tính sáng tạo nếu căn cứ vào các kiểu dáng công nghiệp đã được bộc lộ công khai ở trong nước hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn hoặc trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trong trường hợp đơn được hưởng quyền ưu tiên, kiểu dáng công nghiệp đó không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực tương ứng.

Kiểu dáng các bộ phận của một sản phẩm hoàn chỉnh có thể được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp không?

Có. Kiểu dáng các bộ phận của một sản phẩm hoàn chỉnh có thể được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp nếu các bộ phận đó có kết cấu và chức năng nhất định, được sản xuất và lưu thông độc lập.



Kiểu dáng "Xe đạp", một sản phẩm hoàn chỉnh được cấp Bằng độc quyền KDCN số 0002806000

Kiểu dáng các bộ phận của sản phẩm cũng có thể được bảo hộ là KDCN: "Chân xích xe đạp"
(số Bằng ĐQKDCN 30003123000)

Nhãn sản phẩm (dùng để gắn lên sản phẩm hoặc in trên bao gói sản phẩm) có thể được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp không ?

Có thể. Nhãn sản phẩm nếu được trình bày một cách độc đáo bởi những họa tiết, họa văn mang tính thẩm mỹ có thể được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp.



Số đơn: 3200200012



Số đơn: 3200000274



Số đơn: 3200100855

Các nhãn sản phẩm trong đơn đăng ký bảo hộ KDCN

2. THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Ai có quyền nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp?

Những người sau đây có quyền nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp:

- Tác giả hoặc người thừa kế của tác giả nếu tác giả tự đầu tư kinh phí, phương tiện để tạo ra kiểu dáng công nghiệp;

- Tổ chức, cá nhân giao việc hoặc cung cấp kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả hoặc ký hợp đồng thuê việc với tác giả để tạo ra kiểu dáng công nghiệp, nếu không có thỏa thuận nào khác trong hợp đồng lao động hoặc hợp đồng thuê việc.

Luật SHTT:

Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng nhau tạo ra hoặc đầu tư để tạo ra kiểu dáng công nghiệp thì các tổ chức, cá nhân đó có chung quyền đăng ký và quyền đăng ký chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức, cá nhân đó đồng ý.

Yêu cầu về tính thống nhất của Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được quy định như thế nào?

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải đảm bảo tính thống nhất, tức là mỗi Đơn chỉ được yêu cầu cấp Bằng độc quyền đối với một kiểu dáng công nghiệp của một sản phẩm hoặc của một bộ sản phẩm và có thể bao gồm nhiều phương án khác nhau của kiểu dáng công nghiệp đó.

Bộ sản phẩm là tập hợp từ hai sản phẩm độc lập trở lên, thường được sử dụng cùng nhau hoặc để thực hiện chung một mục đích.

Các phương án khác nhau của một kiểu dáng công nghiệp là các biến thể của kiểu dáng công nghiệp thể hiện trên một sản phẩm hoặc bộ sản phẩm, không khác biệt cơ bản với nhau.



Kiểu dáng bộ bàn ghế của Xí nghiệp chế biến Lâm thổ sản (Khánh Hòa) được cấp Bằng độc quyền KDCN số: 30005298000



Kiểu dáng bộ ấm chén của Tác giả Bùi Xuân Hải (Hải Phòng) được cấp Bằng độc quyền KDCN số: 30000819000



Các phương án khác nhau của chiếc đồng hồ treo tường trong Đơn đăng ký bảo hộ KDCN số: 3200300073 của Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tôn Nguyễn (tp. Hồ Chí Minh)

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải bao gồm những tài liệu gì?

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải bao gồm các tài liệu chủ yếu sau đây:

- Tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, làm theo mẫu quy định;
- Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp;
- Bộ ảnh chụp, hoặc bộ bản vẽ kiểu dáng công nghiệp (05 bộ);
- Chứng từ lệ phí nộp đơn, lệ phí công bố đơn, phí xét nghiệm nội

dung, phí phân loại kiểu dáng công nghiệp (nếu người nộp đơn không phân loại).

Ngoài ra tùy từng trường hợp cụ thể, Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp còn phải có những tài liệu sau:

- Giấy uỷ quyền, nếu đơn được nộp thông qua người đại diện;
- Tài liệu xác nhận quyền nộp Đơn hợp pháp nếu người nộp Đơn được thừa kế, chuyển nhượng quyền nộp Đơn của người khác;
- Tài liệu xác nhận quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa (Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa), tên thương mại,... nếu kiểu dáng công nghiệp có chứa các dấu hiệu đó;
- Bản sao Đơn đầu tiên hoặc tài liệu chứng nhận trưng bày triển lãm nếu có yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên theo các điều ước quốc tế.

Doanh nghiệp có thể nhận mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và nhận sự hướng dẫn về thủ tục đăng ký kiểu dáng công nghiệp ở đâu ?

Mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cũng như các mẫu yêu cầu khác có liên quan được cung cấp miễn phí tại Cục Sở hữu trí tuệ (386 Nguyễn Trãi, Hà Nội) hoặc tại các Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú xương, quận 3) và thành phố Đà Nẵng (40 Nguyễn Du, Quận Hải Châu) hoặc tại các Sở Khoa học - Công nghệ địa phương (Bộ phận phụ trách sở hữu trí tuệ).

Doanh nghiệp cũng có thể yêu cầu được hướng dẫn các thủ tục làm và nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại các địa điểm nói trên.

Tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp được làm như thế nào?

Khi có mẫu tờ khai, người khai cần điền đầy đủ các thông tin vào các ô thích hợp theo hướng dẫn sau:

- Ô số 1: Người khai tự đặt ký hiệu để theo dõi đơn (không bắt buộc);
- Ô số 2: Người khai tự đặt tên cho kiểu dáng công nghiệp. Tên phải ngắn gọn, phản ánh chính xác bản chất của sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp, phù hợp với danh mục sản phẩm trong bảng phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp Lucacno;
- Ô số 3: Ghi đầy đủ các thông tin về người nộp đơn. Nếu người nộp đơn gồm nhiều tổ chức/cá nhân thì ghi tổ chức/cá nhân đầu tiên vào ô này, những tổ chức/cá nhân còn lại được ghi vào ô số 3 của trang bổ sung của Tờ khai;

- Ô số 4: Ghi đầy đủ thông tin về Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN nếu đơn được nộp thông qua đại diện, nếu đơn nộp trực tiếp thì ô này để trống;

- Ô số 5: Ghi đầy đủ thông tin về tác giả kiểu dáng công nghiệp. Nếu có nhiều tác giả thì chỉ ghi tác giả đầu tiên, các tác giả còn lại được ghi vào ô số 5 của trang bổ sung của tờ khai;

- Ô số 6: Ô này chủ yếu dành cho người nước ngoài có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo các điều ước quốc tế. Người khai ghi đầy đủ các thông tin liên đến quyền ưu tiên vào các cột tương ứng. Nếu không yêu cầu hưởng quyền ưu tiên thì để trống ô này;

- Ô số 9: đánh dấu vào các khung vuông tương ứng với các khoản phí, lệ phí đã nộp theo Biểu mức thu phí, lệ phí SHCN thuộc Thông tư 132/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Ô số 10: Đánh dấu các tài liệu có trong đơn vào các khung vuông thích hợp, ghi rõ số trang và số bản. Nếu có tài liệu khác thì phải ghi rõ loại tài liệu đó vào dòng sau cùng của ô này.

- Ô số 11: Người lập tờ khai phải ghi rõ nơi khai, họ tên, chức vụ, ký tên và đóng dấu của tổ chức (nếu có).

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP BẰNG QUỐC GIỚI Kiểu dáng công nghiệp		ĐƠN NHÂN DINH VÀ SỐ QUÂN	
Anh/giới: Cục Sở hữu trí tuệ 384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội			
Người ký tên dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.			
(1) SỐ QUÂN ĐƠN NHÂN DINH ĐƠN			
(2) TÊN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP		Kiểu dáng của sản phẩm là phương tiện bộวาง của kiểu đóng trong đơn số: nộp ngày:	Ngày nộp đơn là ngày... tháng... năm...
(3) NGƯỜI NỘP ĐƠN		Mã số:	
Tên đầy đủ:			
Địa chỉ:		Điện thoại:	
		Fax:	
Địa chỉ liên hệ (nếu có):		E-mail:	
Người nộp đơn này được theo dõi các thủ tục đăng công nghiệp (Người nộp đơn có thể được thông báo khác nhau tại trung tâm nộp đơn)			
(4) ĐẠI DIỆN		Mã số:	
Tên:		Điện thoại:	
(5) TÁC GIẢ		NGƯỜI KHAI KÝ TÊN	
Họ tên:		Quốc tịch:	
Địa chỉ:			
Tác giả này là người nộp đơn phụ (nếu có) ☐			
Người nộp đơn có tác giả khác (khác tại trung tâm nộp đơn)			

10. YÊU CẦU QUÂN VU TIỀN		[Họ tên, Số liên quân, địa chỉ gia đình]	
1. Theo đơn nộp đơn nộp học 2. Theo đơn được hưởng lương (báo lao trước liên) Đảm có đủ người nộp đơn nộp học Được hưởng quyền ưu tiên là: 1. Công việc 2. Thụ thuế khác, cụ thể là:	Số liên (đặc biệt) LIÊN QUÂN	Ngày nộp đơn (tháng, ngày, năm)	Ngày nhận đủ (tháng, ngày, năm)
PHẦN C (PHI)			
1. Lệ phí nộp đơn cho mỗi phương án của KACDN:	phương án 1: 150.000đ w		
2. Lệ phí công bố báo	hình 4. 10.000đ w		
3. Lệ phí công bố hình ảnh và tài liệu	phương án 1: 100.000đ		
4. Lệ phí thu phí của người nộp đơn	phương án 2: 250.000đ		
Tổng số tiền và lệ phí nộp được tính là: Đã hưởng 1/ hưởng pháp định (bên nhận báo, chuyển khoản)			
4. CÁC TÀI LIỆU CẦN THIẾT:		KIỂM TRA VÀ HỒ SƠ TÀI LIỆU	
1. Tài liệu	giới thiệu	_____	
Đảm có đủ báo, tiếng	giới thiệu	_____	
Báo báo về lãnh đạo	giới thiệu	_____	
Tài liệu các nhân quyền số hiệu hoặc nội dung báo KACDN, giới thiệu			
Tài liệu các nhân quyền số hiệu, giới thiệu	_____		
Thước kẻ giấy	_____		
1. Bản gốc	_____		
1. Bản gốc	_____		
Đảm có đủ nộp theo đơn			
Giấy chuyển nhượng quyền nộp đơn			
1. Công bố (phần 1) phí			
1. Tài liệu khác, cụ thể là:			
3. Kiểm tra, đánh giá, năm hàng năm, hàng năm của người nộp đơn (bên nhận báo)			

Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp cần được trình bày như thế nào?

Bản mô tả kiểu dáng công nghiệp phải có những nội dung sau đây:

- Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp;
- Lĩnh vực sử dụng của sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp: chỉ rõ

công dụng và lĩnh vực sử dụng của sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp muốn được bảo hộ;

- Các kiểu dáng công nghiệp ít khác biệt nhất đã biết: cần liệt kê, chỉ rõ nguồn gốc và mô tả một số kiểu dáng công nghiệp trong và ngoài nước có ít khác biệt nhất với kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn mà doanh nghiệp biết;

- Liệt kê ảnh chụp hoặc bản vẽ: Theo thứ tự hình phối cảnh, hình chiếu từ phía trước, phía sau, bên phải, bên trái, từ trên xuống, từ dưới lên và mặt cắt (nếu cần);

- Phần mô tả kiểu dáng công nghiệp: Phải trình bày đầy đủ các đặc điểm tạo dáng thể hiện bản chất của kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ, chỉ ra các đặc điểm tạo dáng mới, khác biệt với kiểu dáng công nghiệp ít khác biệt nhất đã biết phù hợp với bộ ảnh chụp bản vẽ.

Nếu kiểu dáng công nghiệp là bộ sản phẩm thì phải mô tả chi tiết kiểu dáng của từng sản phẩm trong bộ đó.

Nếu kiểu dáng công nghiệp gồm nhiều phương án thì phải thể hiện đầy đủ các phương án và chỉ rõ các đặc điểm khác biệt với phương án cơ bản của những phương án còn lại.

- Yêu cầu bảo hộ: Phải nêu rõ các đặc điểm tạo dáng cần được bảo hộ, tức là các đặc điểm mới, khác biệt với các kiểu dáng công nghiệp tương tự đã biết. Các đặc điểm tạo dáng cần được bảo hộ phải được trình bày theo trình tự: các đặc điểm về hình khối và / hoặc đường nét và / hoặc tương quan giữa các đặc điểm nói trên và/ hoặc màu sắc (nếu có).

Hãy cho ví dụ về một bản mô tả kiểu dáng công nghiệp đã được đăng ký bảo hộ !

Dưới đây là bản mô tả kiểu dáng "chai" trong Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của Hãng PEPSICO, INC(Hoa Kỳ) đã được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số: 3-0008092



H1



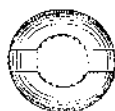
H2



H3



H4



H5



H6

Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp: Chai

Phân loại quốc tế kiểu dáng công nghiệp: 09.01

Lĩnh vực sử dụng của sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp: dùng để chứa chất lỏng

Liệt kê ảnh chụp/bản vẽ:

H.1:Hình phối cảnh

H.2:Hình chiếu từ phía trước

H.3:Hình chiếu từ phía bên trái

H.4:Hình chiếu từ bên phải

H.5:Hình chiếu từ trên xuống

H.6:Hình chiếu từ dưới lên

Phần mô tả: kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ là một chiếc chai, gồm cổ chai, vai chai và thân chai; nếu không kể các chi tiết trang trí khác thì chai là hình trụ tròn xoay. Đặc điểm tạo dáng mới của kiểu dáng được thể hiện ở các chi tiết trang trí khắc lõm trên bề mặt vai và thân chai, cụ thể như sau:

- Phần vai chai: có chiều cao bằng khoảng 1/2 thân chai, chi tiết trang trí gồm hai hình khắc lõm đối xứng qua trục chai có dạng hình thang cân, trên bề mặt phần khắc lõm được để trơn;

- Phần thân chai: Chi tiết trang trí gồm hai nhóm hình khắc lõm đối xứng nhau qua trục chai; mỗi nhóm gồm 3 hình xếp theo chiều thẳng từ trên xuống dưới., hai hình trên giống hình mặt trăng khuyết uốn cong về phía trên, hình dưới cùng có dạng giống như chiếc khiên.

- Phía trên thân chai, nằm giữa 2 cụm hình khắc lõm có 2 nhóm hình trang trí nhỏ đối xứng nhau qua trục chai, mỗi nhóm gồm hai chi tiết hình chữ V nằm ngang hướng phần góc nhọn vào nhau, có dạng " > <".

Yêu cầu bảo hộ: Đề nghị yêu cầu bảo hộ các đặc điểm tạo dáng mới như đã mô tả ở trên.

Bộ ảnh chụp hoặc bộ bản vẽ kiểu dáng công nghiệp phải đáp ứng những yêu cầu gì?

Bộ ảnh chụp hoặc bộ bản vẽ phải thể hiện đầy đủ các đặc điểm tạo dáng của kiểu dáng công nghiệp phù hợp với phần mô tả cũng như yêu cầu bảo hộ và phải tuân thủ các quy định sau:

- Phải rõ ràng và sắc nét, trên ảnh chụp/bản vẽ không được thể hiện sản phẩm khác với sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ;

- Tất cả các ảnh chụp/ bản vẽ phải theo cùng một tỷ lệ. Kích thước mỗi tấm ảnh chụp hoặc bản vẽ không được nhỏ hơn 90mm x 120mm và không

được lớn hơn 210 mm x297mm;

- Từng ảnh chụp hoặc bản vẽ phải được trình bày hoặc gắn trên giấy trắng khổ A4 (210mm x297mm) và phải được đánh số thứ tự theo quy định;

- Trong ảnh chụp hoặc bản vẽ phải có hình phối cảnh của sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp yêu cầu bảo hộ;

- Tùy thuộc vào yêu cầu bảo hộ, phải có thêm ảnh chụp hoặc bản vẽ các hình chiếu, mặt cắt đủ để thể hiện rõ các đặc điểm tạo dáng mới của kiểu dáng công nghiệp cần được bảo hộ.

- Mỗi phương án của kiểu dáng công nghiệp phải có ảnh chụp/ bản vẽ thể hiện đặc điểm khác biệt với phương án cơ bản;

- Đối với bộ sản phẩm phải có hình phối cảnh của cả bộ sản phẩm và các hình chiếu của riêng từng sản phẩm trong bộ đó.

- Đối với sản phẩm có nắp hoặc có thể gấp lại được (tủ, vali...) phải có hình sản phẩm ở trạng thái mở.

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có thể nộp ở đâu?

Cũng như Đơn đăng ký các đối tượng SHCN khác, Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có thể nộp trực tiếp tại Cục Sở hữu trí tuệ (386 Nguyễn Trãi - Hà Nội) hoặc tại các Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú xương - Quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du- Quận Hải Châu).

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp cũng có thể nộp dưới hình thức thư bảo đảm gửi qua bưu điện tới các địa điểm nói trên.

Khi nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp phải nộp những khoản phí, lệ phí gì ?

Ngay khi nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp phải nộp các khoản phí, lệ phí sau:

- Lệ phí nộp Đơn (đối với mỗi phương án của kiểu dáng công nghiệp) 150.000 đ

- Lệ phí công bố Đơn 100.000đ

Nếu có trên 1 hình thì từ hình thứ 2 trở đi phải nộp thêm cho mỗi hình 50.000 đ

- Phí tra cứu thông tin phục vụ xét nghiệm Đơn 100.000đ

- Phí xét nghiệm nội dung Đơn (cho mỗi phương án của từng sản phẩm) 250.000đ

Khi có thông báo kết quả xét nghiệm nội dung, doanh nghiệp phải nộp tiếp các khoản lệ phí sau:

- Lệ phí cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp: 100.000đ
- Lệ phí đăng bạ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp 100.000đ
- Lệ phí công bố quyết định cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp 100.000đ

Nếu có trên 1 hình thì từ hình thứ 2 trở đi phải nộp thêm cho mỗi hình 50.000đ

Tại sao doanh nghiệp lại cần phải tra cứu kiểu dáng công nghiệp trước khi nộp Đơn đăng ký ?

Tra cứu kiểu dáng công nghiệp trước khi nộp Đơn đăng ký là việc làm rất hữu ích đối với doanh nghiệp. Căn cứ vào kết quả tra cứu, doanh nghiệp có thể biết được khả năng bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp để từ đó quyết định việc có nộp Đơn đăng ký hay không, nhờ vậy mà tránh được những chi phí không cần thiết cho việc làm và nộp đơn đăng ký.

Doanh nghiệp có thể tự tiến hành việc tra cứu hoặc sử dụng dịch vụ tra cứu kiểu dáng công nghiệp của Cục Sở hữu trí tuệ.

Việc tra cứu kiểu dáng công nghiệp có thể được thực hiện dựa trên các nguồn thông tin sau:

- Công báo SHCN do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng;
- Đăng bạ quốc gia về kiểu dáng công nghiệp được lưu giữ tại Cục Sở hữu trí tuệ;
- Cơ sở dữ liệu kiểu dáng công nghiệp được đăng ký theo thoả ước La hay công bố trên trang Web của WIPO: <http://ipdl.wipo.int>
- Cơ sở dữ liệu về kiểu dáng công nghiệp đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp bằng độc quyền do Cục Sở hữu trí tuệ công bố trên mạng internet theo địa chỉ: <http://www.noip.gov.vn>

Doanh nghiệp có cần sử dụng dịch vụ đại diện SHCN trong việc làm và nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp không ?

Về nguyên tắc, doanh nghiệp Việt nam có quyền nộp Đơn trực tiếp hoặc uỷ quyền cho một tổ chức dịch vụ đại diện SHCN nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp cho Cục Sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp là vấn đề phức tạp về mặt pháp lý vì vậy nếu doanh nghiệp chưa nắm vững thủ tục làm và nộp Đơn đăng ký cũng như không có điều kiện tham vấn các cơ quan quản lý nhà nước về SHTT thì tốt nhất

nên uỷ quyền cho một Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thay mặt mình thực hiện thủ tục xác lập quyền đối với kiểu dáng công nghiệp trước Cục Sở hữu trí tuệ.

Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có thể giúp doanh nghiệp trong việc làm, nộp Đơn và theo đuổi Đơn đăng ký cho đến khi được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, giúp gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, giải quyết các tranh chấp, vi phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp của doanh nghiệp...

Với đội ngũ chuyên gia được đào tạo chuyên sâu về SHCN và có kinh nghiệm hành nghề nhiều năm trong lĩnh vực bảo hộ kiểu dáng công nghiệp, các Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có thể thực hiện tốt các công việc mà doanh nghiệp uỷ quyền.

Khi nào thì doanh nghiệp nên công bố kiểu dáng công nghiệp của mình?

Một sai lầm mà các doanh nghiệp thường gặp phải là vội vã công bố kiểu dáng công nghiệp mới của mình trước khi nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ (đưa sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp mới ra thị trường, giới thiệu, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, in trong các catalog giới thiệu sản phẩm...). Việc làm đó có thể làm mất tính mới của kiểu dáng công nghiệp và cho dù sau đó doanh nghiệp có nộp đơn đăng ký thì kiểu dáng công nghiệp cũng có thể bị từ chối bảo hộ.

Do vậy, doanh nghiệp chỉ nên công bố kiểu dáng công nghiệp mới của mình sau khi đã nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ, và an toàn nhất là sau khi đã được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

Trình tự xem xét Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ được thực hiện như thế nào ?

Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ xem xét theo trình tự tổng quát sau:

- Xét nghiệm hình thức: Là kiểm tra việc tuân thủ các qui định về hình thức đối với Đơn để từ đó đưa ra kết luận Đơn có hợp lệ hay không hợp lệ. Đối với những Đơn hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người nộp Đơn Thông báo chấp nhận Đơn hợp lệ, còn đối với những Đơn bị coi là không hợp lệ, Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho người nộp Đơn Thông báo dự định từ chối chấp nhận Đơn trong đó có nêu rõ lý do.

Thời gian xét nghiệm hình thức Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp là một tháng tính từ ngày nộp Đơn.

- Công bố Đơn hợp lệ: Tất cả các Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được chấp nhận hợp lệ đều được công bố trên Công báo SHCN (tập A) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng. Đơn được công bố trong tháng thứ 2 tính từ ngày chấp nhận Đơn hợp lệ.

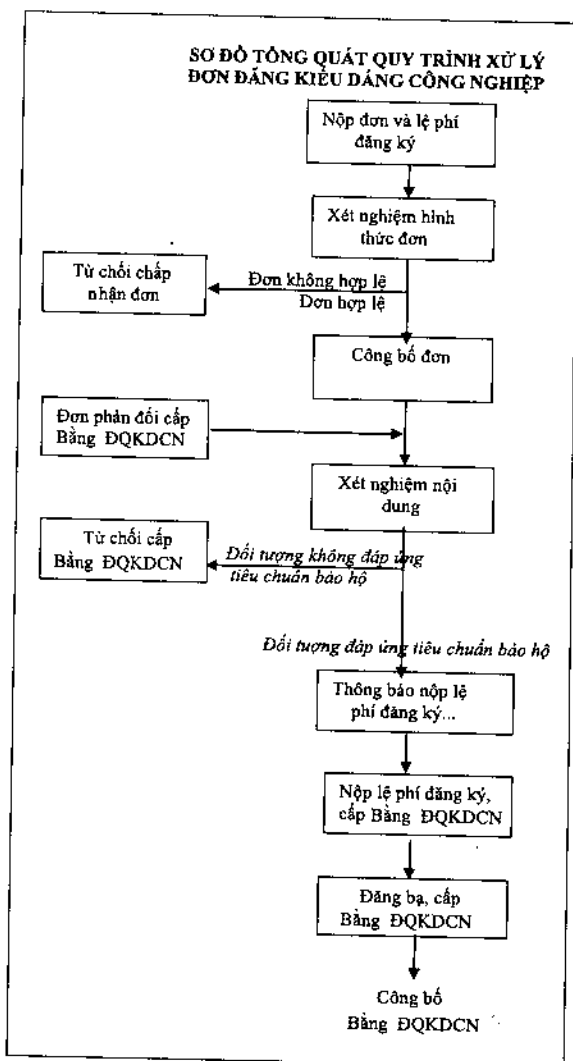
- Xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký: Các Đơn đăng ký đã công bố đều được xét nghiệm nội dung để đánh giá khả năng được bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp theo các tiêu chuẩn bảo hộ, xác định phạm vi (khối lượng) bảo hộ tương ứng.

Thời hạn xét nghiệm nội dung là 6 tháng kể từ ngày công bố Đơn. Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn, Cục Sở hữu trí tuệ phải xem xét ý kiến của người thứ ba (nếu có) về việc ủng hộ hoặc phản đối việc cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

Kết quả xét nghiệm nội dung Đơn sẽ được thông báo cho người nộp Đơn trong đó chỉ rõ kiểu dáng công nghiệp có đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ hay không.

Trường hợp kiểu dáng công nghiệp đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ, trong Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung, Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu người nộp Đơn nộp lệ phí cấp Bằng, lệ phí đăng bạ và lệ phí công bố quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

- Đăng ký kiểu dáng công nghiệp: Đối với những kiểu dáng công nghiệp đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ và người nộp Đơn đã nộp lệ phí cấp



Bằng, lệ phí đăng bạ và lệ phí công bố quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ghi nhận kiểu dáng công nghiệp, Chủ kiểu dáng công nghiệp và Tác giả kiểu dáng công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về kiểu dáng công nghiệp, cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho người nộp Đơn.

- Công bố quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp:

Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp được công bố trên Công báo SHCN (tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành định kỳ hàng tháng. Quyết định cấp Bằng được công bố trong tháng thứ hai kể từ ngày ra quyết định.

Việc bảo mật đối với đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trước khi công bố được quy định như thế nào?

Luật SHTT:

Trước thời điểm đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên công báo SHCN, cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có trách nhiệm bảo mật thông tin trong đơn. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN làm lộ bí mật đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp thì bị xử lý kỷ luật; nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Nội dung công bố Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?

Những thông tin liên quan đến Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo SHCN (Tập A) gồm: Số công bố Đơn, số Đơn, ngày nộp Đơn, ngày công bố Đơn, tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp, số phương án yêu cầu bảo hộ, tên và địa chỉ của người nộp Đơn, tên tác giả, tên người đại diện, ảnh chụp / hình vẽ kiểu dáng công nghiệp.

Dưới đây là ví dụ về một công bố Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp trên Công báo SHCN (Tập A) số 5.2005:

(11) Số công bố Đơn: 8097

(21) Số Đơn: 3-2004-00575

(28) Số phương án/c bảo hộ: 01

(22) ngày nộp Đơn: 17.09.2004

(51) Phân loại kiểu dáng công nghiệp: 12-08

(43) Ngày công bố Đơn: 27.06.2005

(30) 2004-008406 19-03-2004JP

(54) Tên sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp: ÔTÔ

(71) Tên, địa chỉ của người nộp Đơn:

1. TOYOTA JIDOSHA KABUSHIKI KAISHA (JP)

1, Toyota-cho, Ikeda-shi, Osaka-fu. 563-8651. Japan

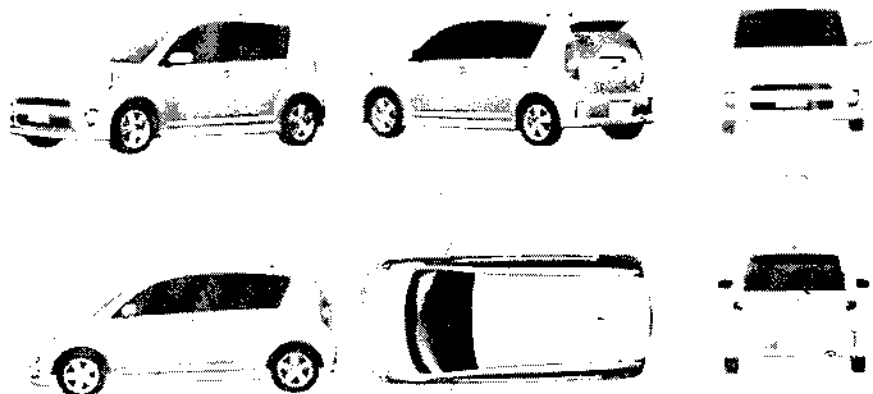
2.DAIHATSU KOGYO KABUSHIKI KAISHA (JP)

1-1,Daihatsu-cho,Ikeda-shi,Osaka-fu,563-8651Japan

(72) Tên tác giả: Michio TADA (JP),PARK JUNG SAM (JP),Eiji MURAKAMI (JP)

(74) Tên người đại diện:Công ty tư vấn SHCN và chuyển giao công nghệ (P&TB)

(55) Ảnh chụp hình vẽ



Nội dung công bố Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì?

Những thông tin liên quan đến Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp được công bố trên Công báo SHCN (Tập B) gồm: Số Bằng, ngày cấp Bằng, ngày công bố Bằng, số Đơn, ngày nộp Đơn, ngày hết hạn hiệu lực, phân loại kiểu dáng công nghiệp, số phương án yêu cầu bảo hộ, tên và địa chỉ của Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, tên tác giả, tên người đại diện, ảnh chụp/hình vẽ kiểu dáng công nghiệp.

Dưới đây là một ví dụ về công bố Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp trên Công báo SHCN (Tập B) Số tháng 1.2005:

(11) Số Bằng: 3-0008116

(15) Ngày cấp: 15.12.2004

(51) Phân loại kiểu dáng công nghiệp: 07.05

(21) Số Đơn: 3-2001-00312

(22) Ngày nộp Đơn: 05.04.2001

(45) Ngày công bố Bằng: 25.01.2005

(43) Ngày công bố Đơn: 27-08-2001

(30) Số đơn ưu tiên, ngày nộp đơn ưu tiên: DMA/005063 12.10.2000WO

(54) Tên kiểu dáng công nghiệp: Bàn là điện

(18) Ngày hết hạn hiệu lực: 05.04.2006

(28) Số phương án: 01

(73) Tên, địa chỉ của Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp:

KONINKLIJKE PHILIPS ELECTRONICS N.V (NL)

Groenewoudseweg 1 Eindhoven, the Netherlands

(72) Tên tác giả: Bassam Jabry (GB)

(74) Người đại diện: Công ty TNHH Sở hữu trí tuệ D&N(D&N)

(55) Ảnh chụp / hình vẽ kiểu dáng công nghiệp



Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp những thông tin chi tiết về bản chất kiểu dáng công nghiệp nêu trong Đơn đăng ký hoặc trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã được công bố trên Công báo SHCN không ?

Có. Sau khi công bố Đơn hoặc sau khi công bố Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp những thông tin chi tiết về bản chất kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn đăng ký hoặc trong quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Khi yêu cầu cung cấp thông tin, doanh nghiệp phải nộp lệ phí theo quy định.

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc bảo hộ kiểu dáng công nghiệp nêu trong Đơn đăng ký đã được công bố trong Công báo SHCN không ?

Có. Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền có ý kiến về việc ủng hộ hoặc phản đối việc cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho người nộp đơn. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm xem xét các ý kiến của doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc ý kiến đó có được chấp nhận hay không, Nếu ý kiến không được chấp nhận phải nêu rõ lý do.



Trong quá trình xét nghiệm hình thức và nội dung Đơn đăng ký, doanh nghiệp có thể đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ bổ sung, sửa đổi các tài liệu của Đơn đăng ký không ?

Có. Trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo từ chối chấp nhận Đơn, Thông báo từ chối cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc Quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung các tài liệu của Đơn, kể cả tách Đơn (tách một hoặc một số kiểu dáng công nghiệp trong Đơn kiểu dáng công nghiệp).

Doanh nghiệp phải nộp bản nội dung đã sửa đổi và bản thuyết minh nội dung sửa đổi so với nội dung chưa sửa đổi và phải nộp lệ phí yêu cầu

sửa đổi Đơn với mức 100.000 đ cho mỗi lần sửa đổi.

Trước khi quyết định cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp cũng có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận thay đổi về tên, địa chỉ của người nộp Đơn (chuyển nhượng Đơn, chuyển dịch quyền đối với Đơn do thừa kế, sát nhập, chia tách pháp nhân,...). Yêu cầu ghi nhận thay đổi phải làm thành văn bản và người yêu cầu ghi nhận phải nộp lệ phí với mức 100.000 đ cho mỗi lần ghi nhận.

Số đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đã nộp và số bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp từ năm 1989 đến 2005

Năm	Số đơn đăng ký KDCN			Số Bằng độc quyền KDCN đã cấp		
	của người Việt Nam	của người nước ngoài	Tổng số	cho người Việt Nam	cho người nước ngoài	Tổng số
1989-1992	1340	30	2058	830	20	850
1993	896	50	946	528	21	549
1994	643	73	716	524	27	551
1995	1023	108	1131	626	85	711
1996	1516	131	1647	798	68	866
1997	999	157	1156	261	62	323
1998	931	126	1057	728	94	822
1999	899	137	1036	841	94	935
2000	1084	119	1203	526	119	465
2001	810	242	1052	333	43	376
2002	595	235	830	368	9	377
2003	448	233	681	359	109	468
2004	686	286	472	412	235	647
2005	-	-	1338	508	218	726
Tổng số			15135	7642	1204	8846

Doanh nghiệp nộp đơn đăng ký có quyền khiếu nại Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận Đơn hoặc từ chối cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp không ?

Có. Doanh nghiệp nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có quyền khiếu nại với Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận Đơn hoặc từ chối cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (khiếu nại lần thứ hai) hoặc khiếu kiện ra Tòa án theo thủ tục tố tụng hành chính.

Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp không ?

Có. Doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn cho Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nếu chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp tuyên bố từ bỏ các quyền được hưởng theo Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp tương ứng;

Người yêu cầu đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền phải nộp đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực và lệ phí đình chỉ hiệu lực cho Cục Sở hữu trí tuệ. Mức lệ phí đình chỉ hiệu lực theo quy định hiện nay là 150.000 đ cho mỗi đơn đề nghị.

Doanh nghiệp có quyền đề nghị huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp không ?

Có. Doanh nghiệp hoặc bất cứ người thứ ba nào cũng có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nếu xét thấy có một trong những lý do dưới đây.

- Người được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp không có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và cũng không được người có quyền nộp đơn chuyển nhượng quyền đó;

- Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp thuộc về nhiều cá nhân, pháp nhân nhưng một trong số đó không đồng ý thực hiện việc nộp đơn;

- Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ không đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ;

- Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp ghi nhận sai tác giả do sự cố ý của người nộp đơn.

Muốn đề nghị huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp phải làm gì?

Muốn đề nghị huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, doanh nghiệp phải nộp hồ sơ yêu cầu huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực và lệ phí huỷ bỏ/đình chỉ hiệu lực cho Cục Sở hữu trí tuệ.

Mức lệ phí huỷ bỏ/đình chỉ hiệu lực đối với một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hiện nay là 150.000 đồng.

Hồ sơ yêu cầu huỷ bỏ/đình chỉ hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp phải bao gồm:

- Tờ khai yêu cầu huỷ bỏ/đình chỉ hiệu lực bằng độc quyền kiểu dáng

công nghiệp, làm theo mẫu qui định;

- Các chứng cứ, (nếu cần);
- Chứng từ nộp lệ phí;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp hồ sơ thông qua người đại diện).

Trường hợp nào doanh nghiệp cần phải đề nghị huỷ bỏ hoặc đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp ?

Doanh nghiệp cần phải đề nghị huỷ bỏ/đình chỉ hiệu lực một bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp khi gặp một trong những trường hợp sau:

- Doanh nghiệp muốn sử dụng kiểu dáng công nghiệp đó và có bằng chứng chứng minh rằng trước ngày người được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nộp đơn đăng ký, kiểu dáng đó đã được bộc lộ công khai (bày bán công khai hoặc được in trên các ấn phẩm quảng cáo, catalogue giới thiệu sản phẩm...);

- Doanh nghiệp đã sử dụng kiểu dáng công nghiệp công khai trước ngày người được cấp bằng nộp đơn đăng ký và có bằng chứng về việc sử dụng đó, nay doanh nghiệp muốn tiếp tục sử dụng kiểu dáng công nghiệp.

3. BẢO HỘ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Đăng ký kiểu dáng công nghiệp là gì?

Đăng ký kiểu dáng công nghiệp là thủ tục hành chính do Cục Sở hữu trí tuệ tiến hành nhằm thừa nhận quyền sở hữu đối với kiểu dáng công nghiệp.

Hình thức đăng ký kiểu dáng công nghiệp là ghi nhận kiểu dáng công nghiệp, Chủ sở hữu và tác giả kiểu dáng công nghiệp vào Sổ đăng ký quốc gia về kiểu dáng công nghiệp và cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp.

Kiểu dáng công nghiệp được đăng ký trên cơ sở kết quả xem xét đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp của doanh nghiệp căn cứ vào các qui định hiện hành về hình thức và nội dung đơn.

Hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp được quy định như thế nào?

Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ Việt nam. Thời hạn hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp là 5 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ và có thể được gia hạn liên tiếp 2 lần, mỗi lần là 5 năm.

Muốn gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, Chủ kiểu dáng công nghiệp phải làm gì ?

Để được gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, trong vòng 6 tháng trước ngày Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hết hiệu lực, Chủ kiểu dáng công nghiệp phải nộp hồ sơ yêu cầu gia hạn và lệ phí gia hạn cho Cục Sở hữu trí tuệ. Mức lệ phí gia hạn được quy định là 450.000đ.

Hồ sơ yêu cầu gia hạn có thể nộp muộn hơn thời hạn trên nhưng không quá 6 tháng tính từ ngày Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hết hiệu lực và Chủ kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí gia hạn cộng với 10% lệ phí gia hạn cho mỗi tháng nộp muộn.

Hồ sơ yêu cầu gia hạn gồm các tài liệu sau đây.

- Tờ khai yêu cầu gia hạn hiệu lực bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, làm theo mẫu quy định;
- Bản gốc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (nếu yêu cầu ghi nhận việc gia hạn vào bằng);
- Chứng từ nộp lệ phí gia hạn;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp hồ sơ nộp thông qua người đại diện).

Chủ kiểu dáng công nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp không ?

Có. Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận mọi sự thay đổi về tên, địa chỉ của Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và thay đổi về Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, sát nhập, phân tách, chuyển đổi hình thức pháp lý của cơ sở kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án). Người yêu cầu ghi nhận thay đổi tên và địa chỉ, thay đổi về Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp phải nộp lệ phí sửa đổi Văn bằng bảo hộ. Mức lệ phí yêu cầu sửa đổi là 100.000 đồng đối với mỗi lần sửa đổi.

Để được sửa đổi các nội dung nêu trên, Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp phải nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ đơn yêu cầu sửa đổi, gồm:

- Tờ khai yêu cầu sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, làm theo mẫu quy định;
- Bản gốc Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Tài liệu xác nhận việc thay đổi Chủ Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp (Giấy chứng nhận quyền thừa kế, Giấy chứng nhận về việc sát

nhập, hợp nhất, phân tách pháp nhân, Quyết định của Tòa án...);

- Chúng từ nộp lệ phí sửa đổi Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện).

Ai được công nhận là Chủ kiểu dáng công nghiệp ?

Chủ kiểu dáng công nghiệp là:

- Chủ thể được cấp bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp;
- Tổ chức, cá nhân được chuyển giao hợp pháp hoặc được thừa kế quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp.

Chủ kiểu dáng công nghiệp có quyền gì ?

Chủ kiểu dáng công nghiệp có các quyền sau đây:

- Được độc quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp;
- Chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc để thừa kế quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp cho người khác;
- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

Luật SHTT:

Chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp có các quyền tài sản sau đây:

- Sử dụng, cho phép người khác sử dụng kiểu dáng công nghiệp;
- Ngăn cấm người khác sử dụng kiểu dáng công nghiệp;
- Định đoạt kiểu dáng công nghiệp (chuyển nhượng quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp, chuyển quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp).

Việc sử dụng kiểu dáng công nghiệp thuộc quyền của Chủ kiểu dáng công nghiệp bao gồm những hành vi nào ?

Hành vi sử dụng kiểu dáng công nghiệp thuộc độc quyền của Chủ kiểu dáng công nghiệp là việc thực hiện một hoặc một số hành vi sau đây đối với kiểu dáng công nghiệp nhằm mục đích kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm có hình dáng bên ngoài được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp;
- Khai thác sản phẩm có hình dáng bên ngoài được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp;
- Đưa vào lưu thông, quảng cáo nhằm để bán, chào bán, tàng trữ để bán sản phẩm được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp;

- Nhập khẩu sản phẩm có hình dáng bên ngoài được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp.

Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả của chủ kiểu dáng công nghiệp được qui định như thế nào ?

Nếu tác giả không phải là Chủ kiểu dáng công nghiệp và nếu giữa tác giả và Chủ kiểu dáng công nghiệp không có thoả thuận nào khác thì Chủ kiểu dáng công nghiệp có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả hoặc các đồng tác giả theo mức thù lao và thời hạn trả thù lao như sau:

- Mức thù lao tối thiểu cho tác giả là 2% lợi nhuận thu được do việc sử dụng kiểu dáng công nghiệp trong mỗi năm sử dụng hoặc 15% tổng số tiền mà Chủ kiểu dáng công nghiệp nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do bán Lixăng.

- Việc thanh toán tiền thù lao cho tác giả phải được thực hiện chậm nhất là 2 tháng sau mỗi năm sử dụng hoặc không muộn hơn 1 tháng tính từ ngày Chủ kiểu dáng công nghiệp nhận tiền thanh toán do bán Lixăng.

Luật SHTT: Chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả theo các quy định dưới đây, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác:

- Mức thù lao tối thiểu mà Chủ sở hữu phải trả cho tác giả quy định như sau:

+ 10% số tiền làm lợi mà Chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp thu được do sử dụng kiểu dáng công nghiệp;

+ 15% tổng số tiền mà Chủ sở hữu kiểu dáng công nghiệp nhận được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do chuyển giao quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp.

- Trong trường hợp kiểu dáng công nghiệp được nhiều tác giả tạo ra, mức thù lao quy định trên đây là mức dành cho tất cả các đồng tác giả; các đồng tác giả tự thoả thuận phân chia số tiền thù lao do Chủ sở hữu chi trả.

- Thời gian thực hiện nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả kiểu dáng công nghiệp là suốt thời hạn bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp.

Ai được công nhận là tác giả kiểu dáng công nghiệp ?

Tác giả kiểu dáng công nghiệp là người đã sáng tạo ra kiểu dáng công nghiệp bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Các đồng tác giả kiểu dáng công nghiệp là những người cùng sáng tạo ra kiểu dáng công nghiệp đó.

Tác giả kiểu dáng công nghiệp có quyền gì?

Tác giả kiểu dáng công nghiệp có các quyền sau đây:

- Được nhận tiền thù lao do Chủ kiểu dáng công nghiệp trả khi sử dụng kiểu dáng công nghiệp với mức thù lao và thời hạn trả thù lao theo đúng quy định, nếu giữa tác giả và Chủ kiểu dáng công nghiệp không có thỏa thuận nào khác;

- Được ghi họ tên trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, trong Sổ đăng ký quốc gia về kiểu dáng công nghiệp cũng như trong các tài liệu công bố về kiểu dáng công nghiệp với danh nghĩa là tác giả của kiểu dáng công nghiệp đó;

- Yêu cầu xử lý hoặc khởi kiện về việc xâm phạm quyền tác giả của mình.

Quyền được nhận thù lao, quyền yêu cầu xử lý hoặc khởi kiện của tác giả kiểu dáng công nghiệp có thể được chuyển giao hoặc để thừa kế cho người khác.

Doanh nghiệp cần làm gì để bảo vệ kiểu dáng công nghiệp của mình khi kiểu dáng đó đã được đăng ký ?

Những sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp mới, độc đáo, được người tiêu dùng ưa chuộng thường trở thành đối tượng bị người khác bắt chước chế tạo, do vậy khi kiểu dáng công nghiệp đã được đăng ký, doanh nghiệp cần thông báo rộng rãi để mọi người biết, trước hết là để nâng cao uy tín của sản phẩm, mặt khác răn đe những người có ý đồ bắt chước kiểu dáng công nghiệp đó. Khi đưa sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ ra thị trường, doanh nghiệp cần thực hiện những biện pháp theo dõi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp của mình, đặc biệt là thông qua hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm. Khi phát hiện hành vi xâm phạm, doanh nghiệp cần thông báo cho người có hành vi xâm phạm về việc kiểu dáng thuộc quyền sở hữu của mình và yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm đó. Nếu người có hành vi xâm phạm không chấm dứt hành vi xâm phạm theo yêu cầu của doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể đề nghị cơ quan thực thi pháp luật ở địa phương (Quản lý thị trường, Công an kinh tế, Hải quan, Thanh tra KHCN) xử phạt hành chính hoặc khởi kiện tại toà án tỉnh thành phố trực thuộc trung ương theo trình tự tố tụng dân sự để đòi chấm dứt vi phạm và bồi thường thiệt hại. Trường hợp hành vi xâm phạm gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng thì có thể đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự theo điều 171 của Bộ Luật hình sự.

Doanh nghiệp cần phối hợp chặt chẽ với các cơ quan thực thi pháp luật trong việc phát hiện hành vi xâm phạm và cung cấp thông tin về người xâm phạm cũng như những bằng chứng về hành vi xâm phạm của họ.

Khi phát hiện ở thị trường nước ngoài một loại sản phẩm có kiểu dáng công nghiệp đẹp, doanh nghiệp có thể lấy kiểu dáng đó làm mẫu để chế tạo sản phẩm tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu không ?

Có. Doanh nghiệp có thể sản xuất sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp lấy mẫu từ nước ngoài để tiêu thụ trong nước với điều kiện kiểu dáng công nghiệp đó chưa được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam (có thể tiến hành tra cứu kiểu dáng công nghiệp để biết được việc này).

Nếu doanh nghiệp muốn xuất khẩu sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp đó sang nước khác thì trước khi xuất phải tiến hành tra cứu xem kiểu dáng công nghiệp có được bảo hộ tại nước mà doanh nghiệp định xuất sản phẩm sang không? Nếu kiểu dáng công nghiệp không được đăng ký bảo hộ tại nước đó thì có thể xuất khẩu sản phẩm mà không gặp rắc rối gì về mặt pháp lý liên quan đến quyền SHCN.

Trường hợp doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ thì doanh nghiệp có thể được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp nếu như kiểu dáng đó chưa được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam và chưa được công bố trong các tài liệu hiện có tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng cần nhớ rằng bất cứ ai cũng có quyền đề nghị hủy bỏ hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp của doanh nghiệp nếu như họ muốn sử dụng kiểu dáng công nghiệp đó và họ có bằng chứng chứng minh rằng kiểu dáng công nghiệp đã được bộc lộ công khai ở đâu đó (ở trong hoặc ngoài nước) trước ngày doanh nghiệp nộp đơn đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

4. XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP CỦA CHỦ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP

Thế nào là hành vi xâm phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp?

Việc khai thác, sử dụng một kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ (đang trong thời hạn hiệu lực của Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp) của bất cứ tổ chức, cá nhân nào không phải là Chủ kiểu dáng công nghiệp, người được chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng kiểu dáng công nghiệp, người có quyền sử dụng trước kiểu dáng công nghiệp nhằm mục đích kinh doanh đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp của Chủ kiểu dáng công nghiệp.

Những hành vi sử dụng nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ kiểu dáng công nghiệp?

Những hành vi khai thác, sử dụng kiểu dáng công nghiệp dưới đây nhằm mục đích kinh doanh mà không được Chủ kiểu dáng công nghiệp cho phép hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ cấp giấy phép sử dụng (Li-xăng không tự nguyện) đều bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ kiểu dáng công nghiệp:

- Sản xuất (chế tạo, gia công, lắp ráp, chế biến, đóng gói) sản phẩm, bộ phận sản phẩm đang được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp;

- Đưa vào lưu thông (bán, vận chuyển), quảng cáo (thể hiện trên các phương tiện thông tin, biển hiệu, phương tiện kinh doanh, các sản phẩm hàng hóa khác, phương tiện dịch vụ, chào hàng, khuyến mại, giấy tờ giao dịch kinh doanh) nhằm để bán; tàng trữ để bán các sản phẩm, bộ phận sản phẩm có hình dáng bên ngoài được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp hoặc có chứa một hoặc các bộ phận là thành phần tạo dáng cơ bản của kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ ;

- Nhập khẩu, xuất khẩu các sản phẩm, bộ phận sản phẩm có hình dáng bên ngoài được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp hoặc có chứa một hoặc các bộ phận là thành phần tạo dáng cơ bản của kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ;

- Sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để buôn bán, nhập khẩu, xuất khẩu để can, nhãn sản phẩm, bao bì sản phẩm mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ.

Trong trường hợp nào thì việc khai thác, sử dụng kiểu dáng công nghiệp không bị coi là xâm phạm quyền của chủ kiểu dáng công nghiệp ?

Việc khai thác, sử dụng kiểu dáng công nghiệp không bị coi là xâm phạm quyền của chủ kiểu dáng công nghiệp trong các trường hợp sau:

- Sử dụng kiểu dáng công nghiệp không nhằm mục đích kinh doanh;
- Sử dụng sản phẩm do chủ kiểu dáng công nghiệp, người được chuyển giao quyền sử dụng, người được cấp Li-xăng không tự nguyện, người có quyền sử dụng trước đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài;
- Việc sử dụng chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của các phương tiện vận tải của người nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời ở trong lãnh thổ Việt Nam;

Luật SHTT:

- Sử dụng kiểu dáng công nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc các mục đích phi thương mại, hoặc nhằm mục đích đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, thử nghiệm, sản xuất thử hoặc thu thập thông tin để thực hiện thủ tục xin phép sản xuất, nhập khẩu, lưu hành sản phẩm.

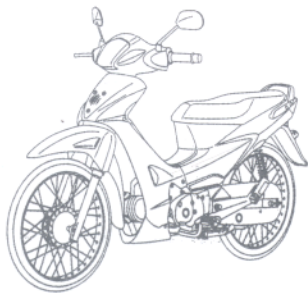
Thế nào là yếu tố vi phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp ?

Yếu tố vi phạm quyền sở hữu đối với kiểu dáng công nghiệp là sản phẩm hoặc bộ phận của sản phẩm được sản xuất trái phép có hình dáng bên ngoài trùng hoặc không khác biệt cơ bản với kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ.

Căn cứ để xác định yếu tố vi phạm là phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đã được xác định tại Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp, bao gồm các đặc điểm tạo dáng mới, khác biệt cơ bản với kiểu dáng công nghiệp đã biết tại thời điểm nộp Đơn.

Khi nào thì có thể kết luận một sản phẩm có yếu tố vi phạm quyền sở hữu kiểu dáng công nghiệp ?

Để xác định một sản phẩm hay bộ phận sản phẩm bị nghi ngờ vi phạm có chứa các yếu tố vi phạm một kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ hay không, cần phải so sánh tất cả các đặc điểm tạo dáng cơ bản thuộc phạm vi bảo hộ của kiểu dáng công nghiệp với các đặc điểm tạo dáng của sản phẩm hay bộ phận sản phẩm bị nghi ngờ vi phạm. Những trường hợp sau đây có thể kết luận là có yếu tố vi phạm:



Kiểu dáng xe máy của Honda Việt nam được cấp Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 4036



Kiểu dáng xe máy vi phạm có một tập hợp các đặc điểm tạo dáng hợp thành một tổng thể về cơ bản không khác biệt với tổng thể các đặc điểm tạo dáng thuộc phạm vi bảo hộ của Bảng ĐQKDCN số 4036



Nhân sản phẩm của Công ty cổ phần mỹ phẩm Saigon được cấp Giấy chứng nhận đăng ký KDCN số 2687



Nhân vi phạm có các đặc điểm tạo dáng cơ bản không khác biệt với kiểu dáng được bảo hộ

- Trên sản phẩm hay bộ phận sản phẩm bị nghi ngờ vi phạm có mặt tất cả các đặc điểm tạo dáng thuộc phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp;
- Trên sản phẩm hoặc bộ phận sản phẩm bị nghi ngờ vi phạm có tập hợp các đặc điểm tạo dáng hợp thành một tổng thể về cơ bản không khác biệt với tổng thể các đặc điểm tạo dáng thuộc phạm vi bảo hộ kiểu dáng công nghiệp.

5. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP RA NƯỚC NGOÀI

Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ra nước ngoài nhằm mục đích gì ?

Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở một nước chính là nhằm giành được độc quyền khai thác kiểu dáng công nghiệp tại nước đó, chủ yếu phục vụ cho mục đích xuất khẩu sản phẩm.

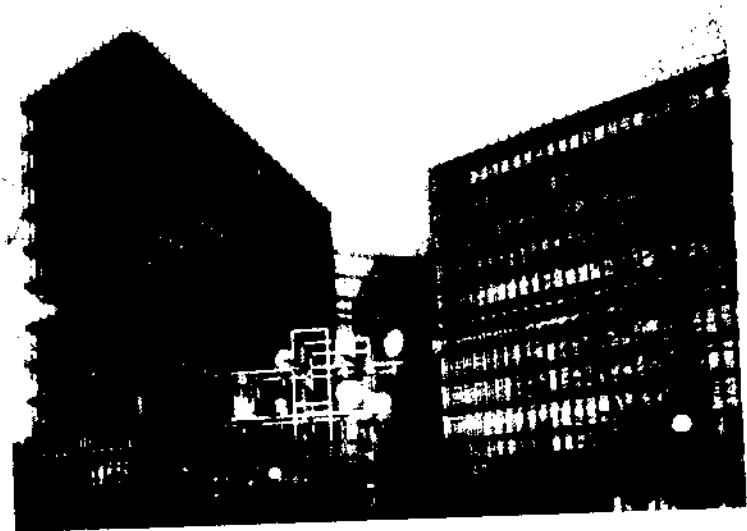
Nếu doanh nghiệp xuất khẩu một loại sản phẩm có kiểu dáng mới sang một nước nào đó mà không đăng ký bảo hộ kiểu dáng thì có thể xảy ra các tình huống sau:

- Sản phẩm có thể bị người khác sao chép mà doanh nghiệp không có cơ sở pháp lý nào để ngăn cản việc sao chép đó;
- Kiểu dáng sản phẩm của doanh nghiệp có thể bị người khác lấy đăng ký để được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Trong trường hợp này, để có thể tiếp tục xuất khẩu sản phẩm, doanh nghiệp buộc phải tiến hành các thủ tục để nghị hủy Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp đã cấp dẫn đến những lãng phí về thời gian, công sức và tiền của;
- Kiểu dáng sản phẩm của doanh nghiệp có thể vi phạm quyền sở hữu một kiểu dáng công nghiệp của người khác đã được đăng ký bảo hộ tại nước đó.

Đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở nước mà doanh nghiệp định xuất khẩu sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp đó chính là nhằm tránh xảy ra các trường hợp nêu trên.

Doanh nghiệp nên đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của mình ở những nước nào ?

Doanh nghiệp chỉ nên đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của mình ở những nước mà mình thực sự có ý đồ xuất khẩu sản phẩm hoặc đầu tư xây dựng cơ sở để sản xuất sản phẩm mang kiểu dáng công nghiệp đó. Nên nhớ rằng việc xuất khẩu sản phẩm sang một nước chỉ nên bắt đầu sau khi đã nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp tại Cơ quan SHCN quốc gia của nước nhập khẩu sản phẩm.



Trụ sở của Cơ quan Patent Châu Âu (EPO) tại Mynic, CHLB Đức

Doanh nghiệp có thể đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của mình ở nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp không?

Có thể. Vì Việt Nam là thành viên của Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN nên các doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức cá nhân nào của Việt Nam cũng đều có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của mình ở một hoặc nhiều nước thành viên Công ước và được hưởng sự bảo hộ đối với kiểu dáng đó như chính công dân của nước sở tại mà không có sự phân biệt đối xử (nguyên tắc đối xử quốc gia). Ngoài ra trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của doanh nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ (Việt Nam) chấp nhận hợp lệ, doanh nghiệp có thể nộp Đơn yêu cầu bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của mình ở bất cứ nước thành viên nào của Công ước Pari và các Đơn nộp sau sẽ được coi như nộp cùng ngày với Đơn nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ (quyền ưu tiên theo Công ước). Nhờ vậy mà doanh nghiệp khi muốn bảo hộ kiểu dáng công nghiệp của mình ở một hoặc một số nước không phải nộp đồng thời tất cả các Đơn tại Việt nam cũng như tại các nước mà có thời gian 6 tháng để chuẩn bị hồ sơ và tiến hành các thủ tục đăng ký tại từng nước.

Muốn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ra nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN doanh nghiệp phải làm gì?

Muốn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp ở nước ngoài, trước hết doanh nghiệp phải làm và nộp Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp đó tại Cục Sở hữu trí tuệ (Việt nam). Trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày Đơn

đăng ký kiểu dáng công nghiệp của doanh nghiệp được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận hợp lệ, doanh nghiệp có thể nộp Đơn đăng ký cho cơ quan SHCN của nước mà doanh nghiệp muốn bảo hộ kiểu dáng của mình.

Cũng giống như luật SHCN của Việt nam, luật SHCN các nước đều quy định người nước ngoài muốn nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp vào một nước phải thông qua người đại diện SHCN tại nước đó. Khi đã chọn được người đại diện, doanh nghiệp có thể ủy quyền cho họ thực hiện các thủ tục làm và nộp Đơn cũng như theo đuổi Đơn cho đến khi được cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp. Doanh nghiệp cũng có thể ủy quyền cho người đại diện thực hiện các công việc khác liên quan đến việc bảo hộ Kiểu dáng đó như xử lý tranh chấp, vi phạm; gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

BẢO HỘ SÁNG CHẾ - GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

(Luật Sở hữu trí tuệ không coi giải pháp hữu ích là đối tượng của quyền sở hữu công nghiệp mà chỉ quy định việc cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho người nộp đơn đăng ký sáng chế nếu có yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích)

1. KHÁI NIỆM VỀ SÁNG CHẾ VÀ GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Sáng chế là gì ?

Sáng chế là giải pháp kỹ thuật, có tính mới so với trình độ kỹ thuật trên thế giới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Giải pháp hữu ích là gì ?

Giải pháp hữu ích là giải pháp kỹ thuật có tính mới so với trình độ kỹ thuật thế giới, có khả năng áp dụng trong các lĩnh vực kinh tế xã hội.

Giải pháp kỹ thuật - đối tượng của sáng chế/ giải pháp hữu ích - là gì ?

Giải pháp kỹ thuật là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức và/hoặc phương tiện kỹ thuật nhằm giải quyết một vấn đề xác định.

Giải pháp kỹ thuật chỉ có thể thuộc một trong các dạng sau:

- Giải pháp kỹ thuật dạng vật thể (dụng cụ, máy móc, thiết bị, linh kiện, mạch điện...);
- Giải pháp kỹ thuật dạng chất thể (vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược phẩm...);
- Giải pháp kỹ thuật dạng vật liệu sinh học (gen; thực vật, động vật biến đổi gen...);
- Giải pháp kỹ thuật dạng quy trình (quy trình công nghệ; phương pháp chẩn đoán, dự báo, kiểm tra, xử lý...).

Luật SHTT: Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc áp dụng các quy luật tự nhiên.

Muốn được bảo hộ là sáng chế, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng những yêu cầu gì ?

Muốn được bảo hộ là sáng chế, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

- Có tính mới đối với thế giới;
- Có trình độ sáng tạo;
- Có khả năng áp dụng.

Luật SHTT: Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- + Có tính mới;
- + Có trình độ sáng tạo;
- + Có khả năng áp dụng công nghiệp.
- Sáng chế được bảo hộ dưới hình thức Bằng độc quyền giải pháp hữu ích nếu không phải là hiểu biết thông thường và đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:
- + Có tính mới;
- + Có khả năng áp dụng công nghiệp.

Muốn được bảo hộ là giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng được những yêu cầu gì ?

Muốn được bảo hộ là giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có tính mới đối với thế giới;
- Có khả năng áp dụng.

Yêu cầu về tính mới của sáng chế/giải pháp hữu ích được quy định như thế nào ?

Sáng chế/giải pháp hữu ích được công nhận là mới so với trình độ kỹ thuật thế giới, nếu trước ngày nộp Đơn đăng ký, sáng chế/giải pháp hữu ích đó:

- Không trùng với giải pháp được mô tả trong đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích đã được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ với ngày ưu tiên sớm hơn;
- Chưa bị bộc lộ công khai ở trong nước hoặc/và ở nước ngoài dưới hình thức sử dụng, hoặc mô tả trong bất kỳ nguồn thông tin nào tới mức mà căn cứ vào đó người có trình độ trung bình trong lĩnh vực tương ứng có thể thực hiện được sáng chế/giải pháp hữu ích đó.

Luật SHTT:

- Sáng chế được coi là chưa bị bộc lộ công khai nếu chỉ có một số lượng có hạn người được biết về sáng chế và những người đó có nghĩa vụ giữ bí mật sáng chế đó.

- Sáng chế không bị coi là mất tính mới nếu được công bố trong các trường hợp sau đây, với điều kiện đơn đăng ký sáng chế được nộp trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày công bố:

- + Sáng chế bị người khác công bố nhưng không được phép của người có quyền đăng ký;
- + Sáng chế được người có quyền đăng ký công bố dưới dạng báo cáo khoa học;
- + Sáng chế được người có quyền đăng ký trưng bày tại cuộc triển lãm quốc gia của Việt Nam hoặc tại cuộc triển lãm quốc tế chính thức hoặc được thừa nhận là chính thức.

Yêu cầu về khả năng áp dụng của sáng chế/giải pháp hữu ích được quy định như thế nào?

Sáng chế/giải pháp hữu ích được coi là có khả năng áp dụng nếu căn cứ vào bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích được mô tả trong Đơn đăng ký, bất kỳ người nào có trình độ trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng đều có thể thực hiện được sáng chế/giải pháp hữu ích đó và đều thu được kết quả như đã mô tả trong Đơn đăng ký.

Luật SHTT: Sáng chế được coi là có khả năng áp dụng công nghiệp nếu có thể thực hiện được việc chế tạo, sản xuất hàng loạt sản phẩm hoặc áp dụng lặp đi lặp lại quy trình là nội dung của sáng chế và thu được kết quả nhất định.

Một sáng chế như thế nào thì được coi là có trình độ sáng tạo ?

Một sáng chế được coi là có trình độ sáng tạo nếu nó là kết quả của nỗ lực trí tuệ và so sánh với trình độ kỹ thuật chung của thế giới tại ngày ưu tiên của Đơn đăng ký, sáng chế đó không nảy sinh một cách hiển nhiên đối với người có trình độ trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng.

Luật SHTT: Sáng chế được coi là có trình độ sáng tạo nếu căn cứ vào các giải pháp kỹ thuật đã được bộc lộ công khai ở trong nước



Việc chế tạo ra con dao đa năng bằng cách kết hợp những vật dụng đã biết không được coi là có trình độ sáng tạo để được cấp Bằng độc quyền sáng chế

hoặc ở nước ngoài trước ngày nộp đơn hoặc trước ngày ưu tiên của đơn đăng ký sáng chế trong trường hợp đơn đăng ký sáng chế được hưởng quyền ưu tiên, sáng chế đó là một bước tiến sáng tạo, không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình về lĩnh vực kỹ thuật tương ứng.

Các đối tượng nào không được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Các đối tượng sau đây không được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích:

- Ý đồ nguyên lý và phát minh khoa học;
- Phương pháp và hệ thống tổ chức quản lý kinh tế;
- Phương pháp và hệ thống giáo dục, giảng dạy và đào tạo;
- Phương pháp luyện tập cho vật nuôi;
- Hệ thống ngôn ngữ, hệ thống thông tin, phân loại sắp xếp tư liệu;
- Bản thiết kế và sơ đồ quy hoạch các công trình xây dựng, các đề án quy hoạch và phân vùng lãnh thổ;
- Giải pháp chỉ đề cập đến hình dáng bên ngoài của sản phẩm hoặc chỉ mang tính thẩm mỹ;
- Ký hiệu quy ước, thời gian biểu, các quy tắc và các luật lệ, các dấu hiệu tượng trưng;
- Phần mềm máy tính, thiết kế bố trí vi mạch điện tử, mô hình toán học, đồ thị tra cứu và các dạng tương ứng;
- Các giống động vật, thực vật;
- Phương pháp phòng bệnh, chẩn đoán và chữa bệnh cho người và động vật;
- Quy trình mang bản chất sinh học (trừ quy trình vi sinh) để sản xuất động vật và thực vật;
- Các đối tượng trái với lợi ích xã hội, trật tự công cộng, nguyên tắc nhân đạo.

Sáng chế và giải pháp hữu ích giống và khác nhau ở những điểm nào ?

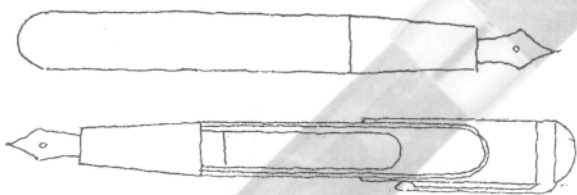
Sáng chế và giải pháp hữu ích đều là thành quả của hoạt động sáng tạo được thể hiện dưới dạng giải pháp kỹ thuật, tuy nhiên giải pháp kỹ thuật được công nhận là sáng chế phải thỏa mãn 3 điều kiện: mới đối với thế giới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng, còn đối với giải pháp kỹ thuật được công nhận là giải pháp hữu ích chỉ cần thỏa mãn 2 điều kiện: mới đối với thế giới và có khả năng áp dụng.

Yêu cầu về tính mới, khả năng áp dụng của sáng chế và giải pháp hữu ích cũng như các đối tượng loại trừ không được bảo hộ là sáng chế, giải pháp hữu ích cũng được quy định giống nhau.

Hãy cho một ví dụ cụ thể để làm rõ sự khác biệt giữa sáng chế và giải pháp hữu ích!

Việc tạo ra một dụng cụ viết gồm một bình đựng mực và ống dẫn mực từ bình đựng mực ra lưới gà, trên lưới gà là ngòi bút nhờ đó có thể viết liên tục được nhiều trang giấy đã thay thế cho loại bút gồm ngòi bút cắm vào quần bút mà mỗi lần viết phải chấm ngòi bút vào lọ mực. Đó chính là “Bút máy” được coi là một sáng chế lớn của thế kỷ 19.

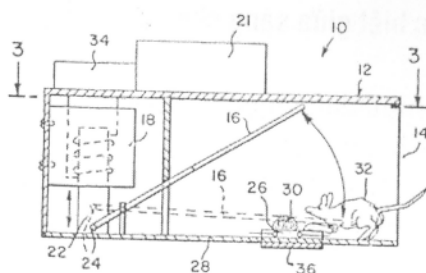
Những cải tiến làm cho chiếc bút máy thuận tiện hơn khi sử dụng, chẳng hạn làm bình đựng mực bằng cao su (vecxi) hay làm nắp bút có găm cài (những giải pháp không làm thay đổi nguyên lý hoạt động của bút máy) được công nhận là vật mẫu hữu ích (ta gọi là giải pháp hữu ích).



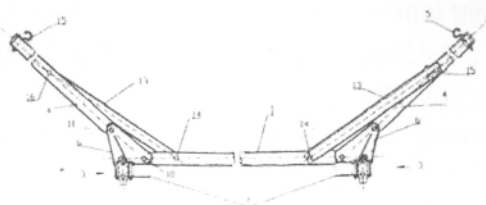
Chiếc bút máy ngày nay đang được sử dụng rộng rãi.

Liệu các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể có sáng chế khi mà luật pháp đòi hỏi sáng chế phải mới đối với thế giới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng?

Đúng là có những sáng chế có giá trị kỹ thuật cao, mang lại hiệu quả kinh tế lớn, đòi hỏi doanh nghiệp tạo ra chúng phải có trình độ công nghệ nhất định (thí dụ sáng chế ra một loại biệt dược mới, một thiết bị tự động điều khiển theo chương trình...). Tuy nhiên trong thực tiễn bảo hộ sáng chế ở các nước - kể cả các nước công nghiệp phát triển - có rất nhiều giải pháp kỹ thuật mà nhiều người cho là bình thường vẫn được cấp Bằng độc quyền sáng chế miễn là chúng đáp ứng những tiêu chuẩn mà pháp luật của nước đó yêu cầu đối với sáng chế. Những sáng chế như vậy chẳng những doanh nghiệp mà ngay cả những cá nhân với phương tiện vật chất và kinh phí hạn hẹp vẫn có thể nghiên cứu tạo ra, miễn là họ có ý chí sáng tạo.



Một kiểu bẫy chuột được Cục Patent và Nhân hàng Hoa kỳ cấp Bằng độc quyền sáng chế số 5.107.619 (28.4.1992).



Khung võng xếp của tác giả Lâm Tấn Lợi được Cục SHTT cấp Bằng độc quyền GPHI số 314

2. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC BẢO HỘ QUYỀN SHCN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Tại sao doanh nghiệp lại cần đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích do mình tạo ra ?

Để tạo ra một sản phẩm mới hay một quy trình công nghệ mới, doanh nghiệp phải đầu tư nhiều thời gian công sức và tiền của với hy vọng những thành quả sáng tạo đó sẽ đem lại cho doanh nghiệp những lợi ích kinh tế và tạo thế đứng cho doanh nghiệp trên thương trường. Song, nếu có người khác được quyền sao chép sản phẩm hay quy trình công nghệ đó thì sản phẩm sao chép của họ sẽ có giá cả cạnh tranh hơn bởi lẽ người sao chép không cần phải đầu tư cho việc nghiên cứu - triển khai mà vẫn có sáng chế/giải pháp hữu ích để sử dụng. Việc đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích chính là nhằm giành cho doanh nghiệp được độc quyền khai thác sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích đó trong một thời gian nhất định (đối với giải pháp hữu ích là 10 năm, đối với sáng chế là 20 năm kể từ ngày nộp đơn hợp lệ) đủ để doanh nghiệp thu hồi vốn đầu tư đã chi cho nghiên cứu- triển khai tạo ra sáng chế/giải pháp hữu ích, thu lãi để tái đầu tư, mở rộng sản xuất và cuối cùng là làm giàu cho doanh nghiệp.

Theo tài liệu của Văn phòng Các Chương trình Thông tin quốc tế của Bộ ngoại giao Hoa Kỳ thì chi phí cho việc phát triển một loại dược phẩm mới trung bình là 500 triệu USD. Nếu không được bảo hộ độc quyền sử dụng với danh nghĩa là SC, các Công ty dược phẩm không thể thu hút được vốn đầu tư cần thiết để thực hiện việc nghiên cứu - triển khai rất tốn kém và đầy rủi ro này!

Doanh nghiệp có thể khai thác sáng chế/giải pháp hữu ích do mình tạo ra mà không cần đăng ký bảo hộ không ?

Có thể. Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là việc làm hoàn toàn tự nguyện. Doanh nghiệp có thể tự quyết định đăng ký hay không đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích do mình tạo ra xuất phát từ lợi ích của doanh nghiệp.

Việc sử dụng (công khai) một sáng chế/giải pháp hữu ích mà không đăng ký có thể ngăn chặn bất cứ ai muốn đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích đó nhưng không ngăn chặn được người khác sao chép nó. Việc sao chép như vậy thường dẫn đến tổn thất đáng kể cho doanh nghiệp.

Mặt khác việc sử dụng một sáng chế/giải pháp hữu ích mà không đăng ký- cho dù sáng chế/giải pháp hữu ích do chính doanh nghiệp tạo ra - có thể dẫn đến việc xâm phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích của người khác mà doanh nghiệp không biết. Vì vậy trước khi sử dụng một sáng chế/giải pháp hữu ích do mình tạo ra mà không muốn đăng ký, doanh nghiệp cần tra cứu thông tin để khẳng định rằng sáng chế/giải pháp hữu ích đó chưa được đăng ký bảo hộ.

Doanh nghiệp có nên giữ bí mật sáng chế/giải pháp hữu ích để tự mình khai thác, sử dụng không ?

Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích không phải là cách duy nhất để doanh nghiệp lựa chọn khi tạo được một sáng chế/giải pháp hữu ích. Thay vì đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, doanh nghiệp có thể giữ bí mật tuyệt đối sáng chế/giải pháp hữu ích và tự mình khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích đó hoặc chuyển giao cho người khác sử dụng dưới hình thức chuyển giao “bí quyết công nghệ”. Giữ bí mật sáng chế/giải pháp hữu ích thường được áp dụng đối với những sáng chế/giải pháp hữu ích có nội dung phức tạp, đặc biệt là sáng chế/giải pháp hữu ích dạng quy trình để chế tạo sản phẩm dạng chất thể.

Cách làm này có lợi ở chỗ không cần phải đầu tư cho việc đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích hay cho việc duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ; không bắt buộc phải bộc lộ thông tin về bản chất sáng chế/giải pháp hữu ích để người khác biết được mà đôi khi có thể dẫn đến những xâm phạm và việc phát hiện, xử lý những xâm phạm như vậy thường rất khó khăn thậm chí không thực hiện được.

Hơn nữa việc giữ bí mật sáng chế/giải pháp hữu ích còn có thể kéo dài địa vị độc quyền của doanh nghiệp cho đến khi những thông tin về bản chất sáng chế/giải pháp hữu ích bị người khác phát hiện trong khi nếu

đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích thì thời hạn được độc quyền sử dụng chỉ là 10 năm (đối với giải pháp hữu ích) và 20 năm (đối với sáng chế) tính từ ngày nộp Đơn hợp lệ.

Tuy nhiên việc giữ bí mật tuyệt đối sáng chế/giải pháp hữu ích là điều rất khó thực hiện, nhất là ngày nay trình độ công nghệ cho phép phát hiện ra bất cứ các thông tin nào về các sáng chế/giải pháp hữu ích lưu thông trên thị trường. Mặt khác sáng chế/giải pháp hữu ích mà doanh nghiệp giữ bí mật rất có thể được người khác nghiên cứu tạo ra một cách độc lập và khi đó độc quyền sử dụng (dựa trên cơ sở giữ bí mật) của doanh nghiệp chẳng những không còn mà doanh nghiệp còn có thể bị cấm không được sử dụng nếu như người tạo ra sáng chế/giải pháp hữu ích sau đó thực hiện các thủ tục đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích.

Do vậy việc giữ bí mật hay đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là vấn đề mà doanh nghiệp cần phải cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định.

Doanh nghiệp cần phải cân nhắc những vấn đề gì trước khi quyết định nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là việc làm phức tạp và tốn kém vì vậy trước khi quyết định làm và nộp Đơn đăng ký, doanh nghiệp cần xem xét, cân nhắc kỹ những vấn đề sau:

- Liệu sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp có khả năng được cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích ? (có phải là giải pháp kỹ thuật không? có thuộc một trong số các đối tượng không được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích không? có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích không?);

- Việc khai thác, sử dụng sáng chế có thể đem lại những lợi ích gì cho doanh nghiệp, đặc biệt là lợi ích kinh tế- kể cả khả năng bán Lixăng cho các tổ chức cá nhân khác?

- Có nên đăng ký sáng chế hay giữ bí mật sáng chế?

- Nên tự tiến hành làm và nộp Đơn đăng ký hay uỷ quyền cho một Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN làm việc đó?

3. THỦ TỤC XÁC LẬP QUYỀN SHCN ĐỐI VỚI SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Ai có quyền nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Những người sau đây có quyền nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích:

- Tác giả (các tác giả) của sáng chế/giải pháp hữu ích, nếu tác giả tự đầu tư kinh phí, phương tiện vật chất để tạo ra sáng chế/giải pháp hữu ích đó;

- Tổ chức nơi tác giả làm việc, nếu sáng chế/giải pháp hữu ích được tạo ra do tác giả thực hiện nhiệm vụ do tổ chức đó giao;

- Tổ chức, cá nhân ký hợp đồng thuê việc với tác giả, nếu sáng chế/giải pháp hữu ích được tạo ra do thực hiện Hợp đồng thuê việc và trong Hợp đồng thuê việc không có thoả thuận nào khác;

- Tổ chức cung cấp kinh phí, phương tiện vật chất cho tác giả nếu sáng chế/giải pháp hữu ích được tạo ra do tác giả sử dụng kinh phí, phương tiện vật chất đó.

Luật SHTT:

- Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng nhau tạo ra hoặc đầu tư để tạo ra sáng chế thì các tổ chức, cá nhân đó có chung quyền đăng ký và quyền đăng ký chỉ được thực hiện nếu được tất cả các tổ chức, cá nhân đó đồng ý.

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích phải đáp ứng các yêu cầu gì ?

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức và nội dung quy định trong Thông tư hướng dẫn thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế/giải pháp hữu ích của Bộ KH-CN (Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN), cụ thể là:

- Yêu cầu về hình thức: Đơn phải làm bằng tiếng Việt, trình bày theo chiều dọc trên một mặt giấy khổ A4, mỗi trang chứa tối đa 450 từ, Đơn được đánh máy hoặc in bằng mực khô khó phai, tài liệu nào cần lập theo mẫu thì phải sử dụng theo mẫu bằng cách điền vào các ô thích hợp. Nếu có nhiều trang thì phải đánh số trang...

- Yêu cầu về nội dung:

Đơn phải bảo đảm tính thống nhất: Mỗi Đơn chỉ được yêu cầu bảo hộ một sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc một số sáng chế/giải pháp hữu ích thống nhất với nhau tức là có mối liên hệ kỹ thuật với nhau để cùng giải quyết một vấn đề kỹ thuật chung duy nhất. Thí dụ: xi măng đông kết nhanh, phương pháp và thiết bị sản xuất xi măng đông kết nhanh. Đó là 3 sáng chế có thể được nộp chung trong một Đơn.

Đơn phải bộc lộ hoàn toàn bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích đến mức bất cứ ai có trình độ trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng đều có thể thực hiện được sáng chế đó.

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích phải gồm những tài liệu gì ?

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích phải bao gồm các tài liệu thiết yếu sau:

- Tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, làm theo mẫu quy định;
- Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Chứng từ lệ phí nộp Đơn và lệ phí công bố Đơn, phí xét nghiệm nội dung (nếu có yêu cầu xét nghiệm nội dung), phí phân loại sáng chế/giải pháp hữu ích nếu người nộp đơn không phân loại.

Ngoài ra, tùy từng trường hợp cụ thể, Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích phải có những tài liệu bổ sung sau:

- Giấy uỷ quyền (trường hợp Đơn được nộp thông qua người đại diện);
- Bản sao Đơn đầu tiên hoặc tài liệu chứng nhận trưng bày triển lãm nếu trong Đơn có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo Điều ước quốc tế;
- Chứng từ nộp lệ phí yêu cầu hưởng quyền ưu tiên (nếu có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên).

Từ năm 1982 đến năm 2004, Cục SHTT đã nhận được 12.794 Đơn đăng ký sáng chế, trong đó có 1.182 Đơn của người Việt Nam và 11.612 Đơn của người nước ngoài. Hoa Kỳ là nước có số Đơn đăng ký sáng chế nộp vào Việt Nam nhiều nhất: 2.822 Đơn, tiếp đến là Nhật Bản: 1.981 Đơn.

Doanh nghiệp có thể nhận mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích và sự hướng dẫn về việc làm và nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ở đâu ?

Mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích cũng như mẫu yêu cầu xét nghiệm nội dung Đơn và các loại mẫu yêu cầu khác được cung cấp miễn phí tại Cục Sở hữu trí tuệ (386- Nguyễn Trãi Hà Nội) hoặc tại Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú Xương, Quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du, Quận Hải Châu) hoặc tại các Sở Khoa học Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Bộ phận quản lý SHTT). Doanh nghiệp cũng có thể yêu cầu được hướng dẫn thủ tục đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích tại các địa điểm nói trên.

giả vào ô này. Các tác giả khác được ghi vào ô tương ứng trong trang bổ sung của Tờ khai;

- Ô số (6): Ô này chủ yếu dành cho người nước ngoài nộp đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích tại Việt Nam có yêu cầu hưởng quyền ưu tiên theo các Điều ước quốc tế. Người khai ghi đầy đủ các thông tin liên quan đến quyền ưu tiên vào các cột tương ứng. Trường hợp không yêu cầu hưởng quyền ưu tiên thì để trống ô này;

- Ô số (7): Nếu Người nộp đơn chưa quyết định có cần xét nghiệm nội dung sáng chế/giải pháp hữu ích hay không thì để trống ô này. Nếu Người nộp đơn muốn được xét nghiệm nội dung sớm hơn thời hạn quy định thì đánh dấu vào khung vuông trước “yêu cầu xét nghiệm nhanh” và phải ghi rõ thời hạn kết thúc xét nghiệm nội dung. Thời hạn đó không được ngắn hơn thời hạn 15 tháng tính từ ngày ưu tiên của Đơn ;

- Ô số (8): Ghi yêu cầu chuyển đổi Đơn sáng chế thành Đơn giải pháp hữu ích để phòng trường hợp kết quả xét nghiệm nội dung cho thấy sáng chế yêu cầu bảo hộ không đáp ứng tiêu chuẩn “trình độ sáng tạo”. Trường hợp đánh dấu vào ô này, giải pháp kỹ thuật có thể được bảo hộ là giải pháp hữu ích nếu đáp ứng các tiêu chuẩn khác của giải pháp;

- Ô số (9): Ghi các khoản phí, lệ phí và số chứng từ phí, lệ phí (nếu phí, lệ phí được nộp qua bưu điện hoặc bằng cách chuyển khoản). Người

TỜ KHAI YÊU CẦU CẤP BẢNG ĐỐC QUYỀN SÁNG CHẾ		DANH KHẨN ĐƠN SÁNG CHẾ	
<i>Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ</i> 364 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội Ngài/ta tên thật đầy đủ của ta/của ta hiện tại và sơ sinh với đơn xin cấp bằng độc quyền sáng chế:		(1) SỐ TIÊU ĐỀ NHẬN ĐƯỢC Tên này được nộp theo từ điển PT Số đơn: Ngày nộp quốc tế Cùng họ quốc tế của: ngày: Ngày chấp Việt Nam (nếu có)	
(2) TÊN SÁNG CHẾ		Phân loại sáng chế quốc tế	
(3) MÃ SỐ NGƯỜI ĐƠN Tên đầy đủ Quốc tịch Địa chỉ liên hệ (nếu cần):		Mã số Hiện tại (hoặc) Quê Điện thoại	
(4) DANH DIỆN Tên		Mã số	
(5) TÊN GIA Họ tên Quốc tịch		Điện thoại (H) Mã số KHAI KÝ TÊN	
Tên của ta/của ta người nộp đơn gần đây ở ở số ① Tên của ta/của ta người khác (khỏi từ trong hồ sơ)			

TỜ KHAI VỀ VIỆC CẤP BẰNG ĐỐC QUYỀN SÁNG CHẾ <i>Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ</i> 384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội Người ký tên dưới đây này của Cục Sở hữu trí tuệ có tên và địa chỉ cấp bằng độc quyền sáng chế:		BÀI KHUYẾN ĐUYỀN VÀ MÔ ĐUYỀN	
(1) SỐ HIỆT ĐUYỀN BIẾT ĐUYỀN		1. Tên nhà được nộp đơn cấp sáng chế (PC) Số đơn: Ngày nộp quốc tế Cùng bộ quốc tế số ngày Ngày xem xét: Ngày tiếp nhận	
(2) TÊN SÁNG CHẾ		Phạm loại sáng chế quốc tế	
(3) SỐ QUÂN NỘP ĐUYỀN Tên đầy đủ:		Mã số:	
Địa chỉ: Địa chỉ liên hệ (nếu cần):		Điện thoại: Fax: E-mail:	
Người nộp đơn này đồng thời là tác giả sáng chế Người này (còn có) Người nộp đơn khác (khỏi tài trung bộ sung)			
(4) BÀI ĐUYỀN Tên:		Mã số:	
Địa chỉ:		Điện thoại:	
(5) TÁC GIẢ Họ tên:		(1) NGƯỜI KHÁI KÝ TÊN	
Địa chỉ:		Quốc tịch:	
1. Tác giả này là người nộp đơn ghi ở số ① 2. Người nộp đơn này là tác giả khác (khỏi tài trung bộ sung)			

Mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế

khai phải tách phí, lệ phí thành từng khoản thích hợp theo biểu mức thu phí, lệ phí SHCN thuộc Thông tư 132/2004/TT-BTC của Bộ Tài chính.

- Ô số (10): Người khai tổng hợp danh mục các tài liệu có trong Đơn. Tài liệu nào có trong Đơn thì đánh dấu vào khung vuông dành cho tài liệu đó. Nếu có các tài liệu khác thì phải đánh dấu và ghi tổng số tài liệu, còn tên từng tài liệu thì ghi vào trang bổ sung. Người nộp đơn không cần phải điền vào phần "Kiểm tra danh mục tài liệu".

Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích phải bao gồm những nội dung gì ?

Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích gồm có phần mô tả, yêu cầu bảo hộ, bản vẽ, sơ đồ, bản tính toán... (nếu cần thiết để làm rõ bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích).

- Phần mô tả: Phải bộc lộ hoàn toàn bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích cần được bảo hộ (tính mới, khả năng áp dụng, trình độ sáng tạo, nếu đối tượng cần bảo hộ là sáng chế và tính mới, khả năng áp dụng nếu đối tượng cần bảo hộ là giải pháp hữu ích) trong đó phải có đầy đủ các thông tin đến mức căn cứ vào đó, bất kỳ người nào có trình độ trung bình trong lĩnh vực kỹ thuật tương ứng đều có thể thực hiện được sáng chế/giải pháp hữu ích đó.

- Yêu cầu bảo hộ: Chức năng của yêu cầu bảo hộ là để xác định phạm vi (khối lượng) bảo hộ của sáng chế/giải pháp hữu ích. Vì vậy yêu cầu bảo hộ cần phải được trình bày ngắn gọn rõ ràng, phù hợp với phần mô tả và hình vẽ của bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích.

Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích phải được trình bày như thế nào?

Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích phải được trình bày theo trình tự sau:

- Tên sáng chế/giải pháp hữu ích: phải ngắn gọn, rõ ràng, thể hiện được bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích và phù hợp với nội dung trình bày ở phần mô tả bản chất kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập: Chỉ rõ lĩnh vực kỹ thuật mà sáng chế/giải pháp hữu ích được sử dụng hoặc có liên quan tới;

- Tình trạng kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích: Phải nêu các thông tin về các giải pháp kỹ thuật đã biết (tính đến ngày ưu tiên của Đơn) tương tự với sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn và chỉ ra giải pháp có bản chất kỹ thuật gần giống nhất với sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn, mô tả tóm tắt giải pháp này và chỉ ra các hạn chế, thiếu sót của giải pháp đó trong việc giải quyết vấn đề kỹ thuật. Việc khắc phục những

hạn chế, thiếu sót đó chính là mục đích của sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn yêu cầu bảo hộ;

- Mô tả bản chất kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích: Mở đầu bằng việc trình bày mục đích mà sáng chế/giải pháp hữu ích cần đạt được hoặc vấn đề kỹ thuật mà sáng chế/giải pháp hữu ích cần giải quyết nhằm khắc phục các hạn chế, thiếu sót của giải pháp gần giống nhất đã biết nêu ở phần “Tình trạng kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích”. Tiếp đó là mô tả các dấu hiệu tạo nên sáng chế/giải pháp hữu ích. Đặc biệt phải trình bày các dấu hiệu mới của sáng chế/giải pháp hữu ích so với giải pháp kỹ thuật gần giống nhất nêu ở phần “Tình trạng kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích”.

- Mô tả vắn tắt các hình vẽ: Nếu trong bản mô tả có hình vẽ thì phải có danh mục các hình vẽ và giải thích vắn tắt từng hình vẽ;

- Ví dụ thực hiện sáng chế/giải pháp hữu ích: Trường hợp cần thiết có thể nêu ra một hoặc một vài ví dụ thực hiện sáng chế/giải pháp hữu ích để chứng minh khả năng áp dụng của sáng chế/giải pháp hữu ích đó.

- Những lợi ích (hiệu quả) có thể đạt được khi sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích: Trong trường hợp cần thiết có thể nêu ra các hiệu quả kinh tế - kỹ thuật của sáng chế/giải pháp hữu ích để chứng minh ưu điểm của sáng chế/giải pháp hữu ích đó so với các giải pháp kỹ thuật đã biết.



T.E Edison (1847-1931), nhà sáng chế vĩ đại người Mỹ đã được Cơ quan Patent và Nhân hàng Hoa Kỳ cấp 1093 Bằng độc quyền sáng chế (Patent) trong đó có những sáng chế nổi tiếng như bóng đèn điện hình quả lê, máy quay đĩa, bộ truyền âm thanh bằng than sử dụng trong điện thoại và microphone, hệ thống ánh sáng và điện thương mại đầu tiên...

Yêu cầu bảo hộ phải được trình bày như thế nào?

- Yêu cầu bảo hộ phải được trình bày phù hợp với các quy định sau:
- + Phù hợp với bản mô tả và hình vẽ;
- + Chứa các dấu hiệu cơ bản của sáng chế/giải pháp hữu ích đủ để đạt được mục đích hoặc giải quyết nhiệm vụ đặt ra;
- + Không chứa các hình vẽ;

+ Mỗi điểm độc lập trong yêu cầu bảo hộ chỉ được đề cập tới một đối tượng yêu cầu bảo hộ.

- Cấu trúc của yêu cầu bảo hộ:

Yêu cầu bảo hộ có thể có một hay nhiều điểm độc lập (tương ứng với số lượng sáng chế/giải pháp hữu ích có trong đơn). Mỗi điểm độc lập có các điểm phụ thuộc;

Mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ chứa đầy đủ các dấu hiệu cơ bản cần và đủ để xác định phạm vi bảo hộ của một sáng chế/giải pháp hữu ích;

Điểm phụ thuộc viện dẫn đến điểm độc lập mà nó phụ thuộc vào, tức là chứa tất cả các dấu hiệu của điểm độc lập và còn chứa thêm các dấu hiệu bổ sung nhằm cụ thể hoá hoặc phát triển các dấu hiệu nêu trong điểm độc lập.

- Cách lập yêu cầu bảo hộ: Yêu cầu bảo hộ phải được viết thành một câu và nên (không bắt buộc) được thể hiện thành 2 phần: “Phần giới hạn” và “Phần khác biệt”.

“Phần giới hạn” gồm tên đối tượng và các dấu hiệu của đối tượng đó trùng với các dấu hiệu của đối tượng gần nhất đã biết và được nối với “phần khác biệt” bởi cụm từ “khác biệt ở chỗ” hoặc “đặc trưng ở chỗ” hoặc các từ tương đương.

“Phần Khác biệt” chỉ ra các dấu hiệu khác biệt của sáng chế/giải pháp hữu ích so với sáng chế/giải pháp hữu ích gần nhất và các dấu hiệu này kết hợp với các dấu hiệu của “Phần giới hạn” tạo nên sáng chế/giải pháp hữu ích.

Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích nhằm phục vụ mục đích gì và được trình bày như thế nào ?

Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích được dùng để công bố một cách vắn tắt bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích trên Công báo SHCN dưới hình thức công bố Đơn đăng ký hay công bố Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích. Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích còn được in trên trang đầu của bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích do cơ quan SHCN quốc gia ấn hành sau khi công bố Đơn đăng ký và sau khi cấp Văn bằng bảo hộ.

Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích phải bộc lộ những nội dung chủ yếu về bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích nhằm mục đích thông tin, giúp cho người đọc có thể sơ bộ hiểu về mục đích và bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích đó.

Bản tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích phải được trình bày một cách ngắn gọn, súc tích (không quá 150 từ đơn), có thể có hình vẽ hoặc công thức đặc trưng.

Hãy nêu ví dụ về một bản mô tả sáng chế đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế !

Dưới đây là bản mô tả sáng chế đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế số 67, công bố ngày 25.12.1989. Chủ Bằng độc quyền sáng chế: Trường đại học Xây dựng Hà Nội.

- Tên sáng chế: THIẾT BỊ NẤU BI TUM

- Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập: SC thuộc lĩnh vực công nghiệp xây dựng đường và vật liệu xây dựng, cụ thể là chế tạo thiết bị nấu bi tum (nhựa đường).

- Tình trạng kỹ thuật của sáng chế: Đã biết thiết bị đun nóng chảy bi tum gồm thùng chứa bi tum có vỏ cách nhiệt, buồng đốt, cửa nạp, cửa xả bi tum. Nhược điểm của thiết bị này là cổng kênh, nhiên liệu bị tiêu hao nhiều, thời gian nóng chảy bi tum lâu do buồng đốt đặt ở ngoài thùng nấu bi tum nên phải có hệ thống quạt để thổi hơi nóng.

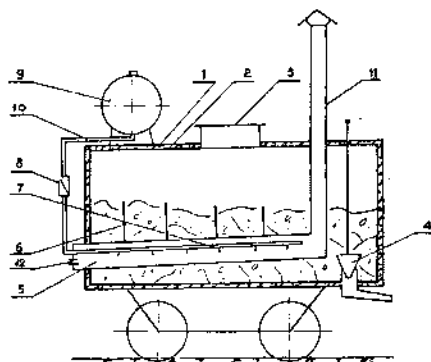
- Bản chất của sáng chế: Mục đích của sáng chế là đơn giản hoá kết cấu, tiết kiệm nhiên liệu và rút ngắn thời gian đun nóng chảy bi tum. Mục đích đề ra được thực hiện bằng thiết bị nấu bi tum gồm thùng chứa bi tum có vỏ cách nhiệt, buồng đốt, cửa nạp bi tum, cửa xả bi tum và ống khói, trong đó buồng đốt với các cánh truyền nhiệt và hệ thống kim phun dầu được đặt trong lòng thùng chứa bi tum và nối với thùng chứa dầu đặt trên bề mặt của thùng chứa bi tum và hệ thống van dầu nhờ ống dẫn dầu.

Thiết bị nấu bi tum được mô tả trên hình vẽ như sau: Thiết bị gồm thùng chứa 1 có lớp vỏ cách nhiệt 2, cửa nạp bi tum rắn 3, cửa xả bi tum nóng 4, Buồng đốt 5 có các cánh truyền nhiệt 6 được đặt trong thùng chứa bi tum gồm hệ thống kim phun 7, một đầu được nối với van dầu 8 và thùng chứa dầu 9 nhờ ống dẫn dầu 10, thùng chứa dầu 9 được đặt trên bề mặt thùng chứa bi tum. Buồng đốt còn có cửa cấp khí 12 và ống khói 11. Toàn bộ thiết bị được đặt trên khung di chuyển 13.

Thiết bị làm việc như sau: Bi tum rắn được nạp vào thùng chứa 1 qua cửa nạp 3. Dầu từ thùng chứa 9 qua van 8 theo đường ống 10 phun vào buồng đốt 5 qua hệ thống kim phun 7. Châm lửa qua cửa nạp khí 12. Khí thải theo ống khói 11 thoát ra ngoài. Dầu cháy trong buồng đốt nung nóng thùng đốt và các cánh truyền nhiệt 6, cấp nhiệt cho bi tum làm bi tum nóng chảy nhanh và đồng đều. Khi nhiệt độ bitum đạt 170-180 C kéo van ở cửa xả 4 và bitum được đổ ra khỏi thùng. Muốn thiết bị ngừng hoạt động thì chỉ cần khoá van dầu lại. Do dầu cháy ở dạng khí và nhiệt lượng sinh ra được truyền trực tiếp trong khối bi tum nên tiết kiệm được dầu đốt, rút ngắn được thời gian đun nóng bi tum và đơn giản hoá kết cấu vì không cần hệ thống quạt thổi nóng. Với thiết bị này để nấu chảy 1 tấn bi tum đạt nhiệt độ 170-180 C cần 30 lít dầu ma đun trong thời gian 30 phút.

- Yêu cầu bảo hộ:

Thiết bị nấu bi tum gồm thùng chứa bi tum có vỏ cách nhiệt, buồng đốt, cửa nạp và cửa xả bi tum, khác biệt ở chỗ với mục đích đơn giản hoá kết cấu, tiết kiệm nhiên liệu và rút ngắn thời gian đun nóng chảy bi tum, buồng đốt với các cánh truyền nhiệt gồm hệ thống kim phun được đặt trong lòng thùng chứa bi tum, một đầu nối với thùng chứa dầu và hệ thống van dầu nhờ ống dẫn dầu.



Doanh nghiệp có nên bộc lộ sáng chế/giải pháp hữu ích của mình trước khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích không ?

Hoàn toàn không nên, bởi lẽ bất cứ một sự bộc lộ công khai nào (như phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng; công bố trên sách, báo, tạp chí, đưa ra sử dụng công khai, trưng bày tại các triển lãm, hội chợ...) cho dù vô tình hay cố ý đều có thể làm mất tính mới và làm cho sáng chế/giải pháp hữu ích mất khả năng được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích. Chính vì vậy các doanh nghiệp có kinh nghiệm trong việc bảo hộ quyền SHCN thường giữ bí mật sáng chế/giải pháp hữu ích của mình cho đến khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích.

Số Đơn đăng ký sáng chế đã nộp và số Bằng độc quyền Sáng chế đã cấp từ 1981 đến 2005

Năm	Số Đơn đăng ký sáng chế			Số Bằng độc quyền sáng chế đã cấp		
	của người Việt Nam	của người nước ngoài	Tổng số	cho người Việt Nam	cho người nước ngoài	Tổng số
1989-1992	641	116	757	118	39	157
1993	33	194	227	3	13	27
1994	22	270	292	5	14	19
1995	23	659	682	3	53	56
1996	37	941	1008	4	58	62
1997	30	1234	1264	0	111	111
1998	25	1080	1105	5	343	348
1999	35	1107	1142	13	322	335
2000	34	1205	1239	10	620	630
2001	52	1234	1286	7	776	783
2002	69	1142	1211	9	734	743
2003	78	1072	1150	17	757	774
2004	103	1328	1431	22	676	698
2005	-	-	1952	27	641	668
Tổng số			14746	243	5157	5400

Doanh nghiệp phải nộp những khoản phí, lệ phí gì khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Khi nộp Đơn đăng ký, doanh nghiệp phải nộp các khoản phí, lệ phí sau:

- Lệ phí nộp Đơn (cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ): 150.000đ

Nếu bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích có trên 5 trang thì từ trang thứ 6 trở đi phải nộp thêm cho mỗi trang: 10.000 đ.

- Lệ phí công bố Đơn:

100.000 đ

Nếu có trên 1 hình, từ hình thứ 2 trở đi phải nộp thêm cho mỗi hình:
50.000 đ

- Phí xét nghiệm nội dung Đơn (nếu người nộp Đơn có yêu cầu xét nghiệm nội dung ghi trong tờ khai) cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ: 350.000 đ (đối với sáng chế), 300.000 đ (đối với giải pháp hữu ích).

- Phí tra cứu thông tin phục vụ xét nghiệm nội dung (cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ)
100.000 đ

Khi nhận được Thông báo kết quả xét nghiệm nội dung trong đó chỉ rõ sáng chế/giải pháp hữu ích đáp ứng các yêu cầu bảo hộ, doanh nghiệp phải nộp tiếp các khoản lệ phí sau:

- Lệ phí đăng bạ Bảng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích: 100.000đ

- Lệ phí cấp Bảng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích: 100.000đ

- Lệ phí công bố Bảng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích: 100.000đ

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích có thể nộp tại những địa điểm nào?

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích có thể nộp tại Cục Sở hữu trí tuệ (386 Nguyễn Trãi - Hà Nội), hoặc tại Văn phòng đại diện của Cục Sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh (9B Tú Xương - Quận 3) và Đà Nẵng (40 Nguyễn Du - Quận Hải Châu).

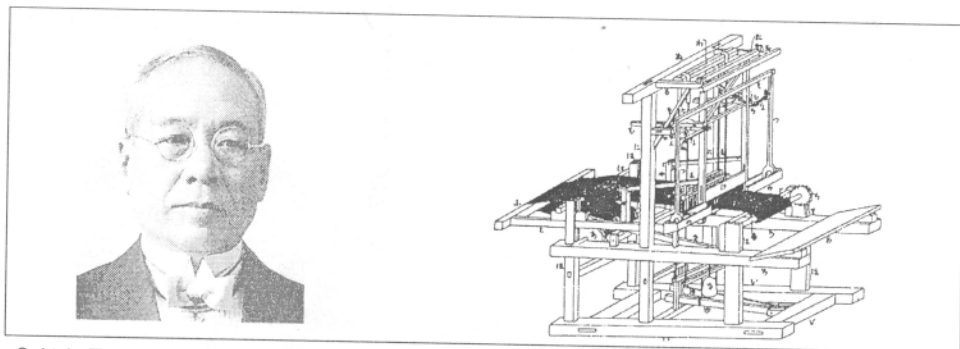
Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích có thể nộp dưới hình thức thư bảo đảm gửi qua bưu điện đến các địa điểm nói trên.

Tại sao doanh nghiệp cần đến sự trợ giúp của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN trong việc làm và nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Chuẩn bị hồ sơ đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, đặc biệt là viết bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích là việc làm khó khăn và phức tạp bởi vì nó vừa là một tài liệu kỹ thuật vừa là tài liệu pháp lý và thường những người có đủ kiến thức chuyên môn, nắm vững luật pháp và có kinh nghiệm mới làm được. Chuẩn bị hồ sơ đăng ký không tốt có thể dẫn đến sự chậm trễ trong việc cấp văn bằng bảo hộ, gây nhiều lãng phí về thời gian và tiền của, vì vậy sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp càng có tiềm năng khai thác thương mại bao nhiêu hoặc càng phức tạp bao nhiêu thì lại càng cần đến sự trợ giúp của các chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp bấy nhiêu.

Nếu doanh nghiệp chưa có những chuyên gia có trình độ chuyên môn cần thiết, được đào tạo chuyên sâu về SHCN thì tốt hơn hết nên uỷ quyền

cho một tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thay mặt mình làm, nộp Đơn và theo đuổi Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích cũng như thực hiện những công việc khác có liên quan đến việc duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ, giải quyết tranh chấp vi phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp.



Sakichi Toyoda (1867-1930) là nhà sáng chế nổi tiếng nhất của Nhật bản. Ông đã được Cục Sở hữu công nghiệp Nhật cấp 84 Bằng độc quyền sáng chế và 35 Bằng độc quyền mẫu hữu ích, trong số đó có sáng chế về máy dệt tự động nổi tiếng thế giới (ảnh).

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý theo trình tự nào ?

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý theo trình tự tổng quát sau:

- Xét nghiệm hình thức: Là việc kiểm tra sự tuân thủ các quy định về hình thức đối với Đơn để từ đó đưa ra kết luận Đơn có hợp lệ hay không hợp lệ.

Các trường hợp đơn bị coi là không hợp lệ được quy định tại điểm 10, mục 3, chương 2, Thông tư số 30/2003/TT-BKHCN của Bộ Khoa học Công nghệ. Thời gian xét nghiệm hình thức là 1 tháng tính từ ngày nộp đơn.

- Công bố Đơn hợp lệ: Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích được chấp nhận hợp lệ được công bố trên Công báo sở hữu công nghiệp trong tháng thứ 19 tính từ ngày ưu tiên hoặc vào thời điểm sớm hơn theo yêu cầu của người nộp đơn.

Đơn được công bố trong tháng thứ 19 tính từ ngày ưu tiên. Đơn có yêu cầu công bố sớm phải được công bố trong tháng thứ 2 tính từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được yêu cầu công bố sớm.

- Yêu cầu xét nghiệm nội dung: Cục Sở hữu trí tuệ chỉ tiến hành xét nghiệm nội dung đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích khi có yêu cầu

xét nghiệm nội dung và người yêu cầu xét nghiệm nội dung phải nộp phí tra cứu và phí xét nghiệm nội dung theo quy định.

Thời hạn nộp yêu cầu xét nghiệm nội dung là 42 tháng đối với Đơn sáng chế và 36 tháng đối với Đơn giải pháp hữu ích tính từ ngày ưu tiên của Đơn đăng ký. Nếu trong thời hạn nói trên không có yêu cầu xét nghiệm nội dung thì Đơn bị coi như bị rút bỏ tại thời điểm kết thúc thời hạn đó. Người nộp đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích có thể ghi yêu cầu xét nghiệm nội dung ngay trong tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích và phải nộp phí tra cứu và xét nghiệm nội dung theo quy định.

Thời hạn xét nghiệm nội dung đơn là 12 tháng tính từ ngày nhận được yêu cầu xét nghiệm nội dung hoặc tính từ ngày công bố đơn, nếu yêu cầu xét nghiệm nội dung được nộp trước ngày công bố đơn.

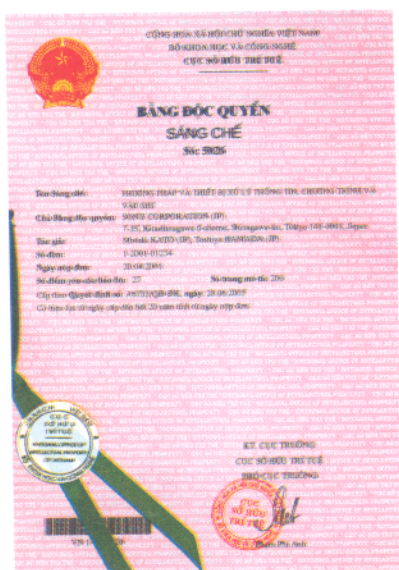
Luật SHTT: Thời hạn yêu cầu thẩm định nội dung đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích là 36 tháng kể từ ngày nộp đơn hoặc kể từ ngày ưu tiên trong trường hợp đơn có quyền ưu tiên.

- Xét nghiệm nội dung Đơn:

Xét nghiệm nội dung Đơn là việc xem xét, đánh giá khả năng được bảo hộ của sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn đăng ký theo các tiêu chuẩn bảo hộ và xác định phạm vi (khối lượng) bảo hộ tương ứng. Thời hạn xét nghiệm nội dung Đơn là 12 tháng tính từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được yêu cầu xét nghiệm nội dung. Cục Sở hữu trí tuệ sẽ thông báo kết quả xét nghiệm nội dung Đơn cho người nộp đơn và cho người yêu cầu xét nghiệm nội dung, trong đó nêu rõ sáng chế/giải pháp hữu ích có đáp ứng tiêu chuẩn bảo hộ hay không.

- Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích:

Đối với những sáng chế/giải pháp hữu ích đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ và người nộp đơn đã nộp lệ phí công bố Văn bằng bảo hộ, lệ phí đăng bạ và cấp Văn bằng bảo hộ, Cục Sở hữu trí tuệ sẽ ghi nhận sáng chế/giải



Tính đến cuối năm 2004, Cục SHTT đã cấp 4732 Bằng độc quyền sáng chế, trong đó có 216 Bằng cấp cho người Việt nam và 4516 Bằng cấp cho người nước ngoài.

pháp hữu ích, Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích và tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế/giải pháp hữu ích tương ứng, cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích cho người nộp đơn.

- Công bố quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích:

Các Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích đã cấp đều được công bố trong tháng thứ hai kể từ ngày ra quyết định cấp Bằng trên Công báo SHCN (Tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành hàng tháng.

Số đơn đăng ký giải pháp hữu ích đã nộp và số bằng độc quyền giải pháp hữu ích đã cấp từ năm 1989 đến 2005:

Năm	Số đơn đăng ký GPIH đã nộp			Số Bằng độc quyền GPIH đã cấp		
	của người Việt Nam	của người nước ngoài	Tổng số	cho người Việt Nam	cho người nước ngoài	Tổng số
1989-1992	148	27	175	90	2	92
1993	38	20	58	9	1	10
1994	34	24	58	18	9	27
1995	26	39	65	8	16	24
1996	41	38	79	5	6	11
1997	24	42	66	8	12	10
1998	15	13	28	3	14	17
1999	28	14	42	6	12	18
2000	35	58	93	10	13	23
2001	35	47	82	17	9	26
2002	67	64	131	21	26	47
2003	76	51	127	28	27	55
2004	103	62	165	44	25	69
2005	-	-	249	41	33	74
Tổng số			1418	308	205	513

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

**BẢNG ĐỘC QUYỀN
GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**

Số: H1-103/U MẪU

Tên Giải pháp hữu ích: THIẾT BỊ SẤY NUNG GẠCH LIÊN HỢP

Chủ Bảng: Xi nghiệp gạch ngói Hữu Hưng

Xã Thái Mỹ, huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tác giả: Trần Ngọc Quang và Đinh Quang Huy

Số đơn: H-242/93 Ngày nộp đơn hợp lệ: 03.06.93
Ngày ưu tiên: 03.06.93

Được cấp theo Quyết định số: 200/QĐ-ĐH Ngày: 16.08.93

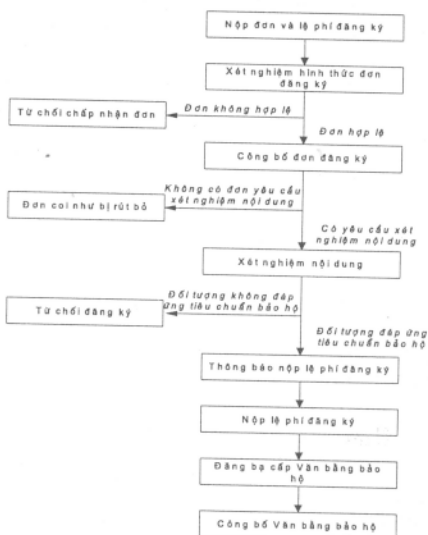
Thời hạn bảo hộ của Bảng: 6 năm tính từ ngày ưu tiên

Bản mô tả kèm theo gồm: 2 trang, yêu cầu bảo hộ gồm 1 điểm

K.T. CỤC TRƯỞNG
CỤC SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
Phó Cục Trưởng

Phạm Đình Chương

**SƠ ĐỒ TỔNG QUÁT QUY TRÌNH XỬ LÝ ĐƠN
ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ / GIẢI PHÁP HỮU ÍCH**



Việc bảo mật đối với đơn đăng ký sáng chế trước khi công bố được quy định như thế nào?

Luật SHTT:

Trước thời điểm đơn đăng ký sáng chế được công bố trên công báo SHCN, cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN có trách nhiệm bảo mật thông tin trong đơn. Cán bộ, công chức của cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN làm lộ bí mật đơn đăng ký sáng chế thì bị xử lý kỷ luật; nếu việc làm lộ bí mật thông tin gây thiệt hại cho người nộp đơn thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn đăng ký đã được công bố trong Công báo SHCN không ?

Có. Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền có ý kiến về việc ủng hộ hoặc phản đối việc cấp Văn bằng bảo hộ cho người nộp đơn. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm xem xét các ý kiến của doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc ý kiến đó có được chấp nhận hay không. Nếu ý kiến không được chấp nhận phải nêu rõ lý do.

Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế và đối với giải pháp hữu ích có gì khác biệt nhau ?

Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế và giải pháp hữu ích về

cơ bản là giống nhau, tuy nhiên cũng có một số điểm khác biệt mà doanh nghiệp cần chú ý như:

- Thời hạn yêu cầu xét nghiệm nội dung đối với sáng chế là 42 tháng còn đối với giải pháp hữu ích là 36 tháng tính từ ngày ưu tiên của Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ;

- Thời hạn bảo hộ đối với sáng chế là 20 năm còn đối với giải pháp hữu ích là 10 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ;

- Mức phí xét nghiệm nội dung Đơn cũng như phí thẩm định, giám định pháp lý đối với sáng chế là 350.000 đồng còn đối với giải pháp hữu ích là 300.000 đồng cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ.

Nội dung công bố Đơn đăng ký sáng chế/ giải pháp hữu ích trên Công báo SHCN gồm có những thông tin gì ?

Những thông tin liên quan đến Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích công bố trên Công báo SHCN (Tập A) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành gồm: Số công bố Đơn, số Đơn, ngày nộp Đơn, số Đơn PCT, ngày nộp Đơn PCT, số Đơn ưu tiên, ngày nộp Đơn ưu tiên, nước xuất xứ, chỉ số phân loại sáng chế quốc tế, ngày công bố Đơn, số công bố Đơn PCT, ngày công bố, tên và địa chỉ của người nộp đơn, tên tác giả, tên người đại diện SHCN, tên sáng chế/giải pháp hữu ích, tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích, hình vẽ, sơ đồ, công thức hóa học (nếu cần thiết)

Dưới đây là ví dụ về công bố một Đơn đăng ký sáng chế trên Công báo SHCN (Tập A) số 05.2005:

(11) Số công bố Đơn: 10682

(21) Số Đơn: 1-2005-00318

(51) Phân loại SC quốc tế: A43B 7/12

(22) ngày nộp Đơn: 18.09.2003

(43) Ngày công bố Đơn: 25.05.2005

(86) Số Đơn PCT, ngày nộp Đơn

(87) Số công bố Đơn PCT, ngày công bố

PCT/EP2003/010395, 18.9.2003 WO2004/028284, 08.04.2004

(30) Số Đơn ưu tiên, ngày ưu tiên, nước xuất xứ: PD2002A00024624.09.2002 IT

(71) Tên, địa chỉ của người nộp Đơn: GEOX S.P.A. (IT)

Via Feltrina Conto 16, 31044 Montebelluna, Localita Biadene (Trevio), Italy

(72) Tên tác giả:

POLEGATO MORET-

Ti, Mairo (IT)

(74) Đại diện SHCN:

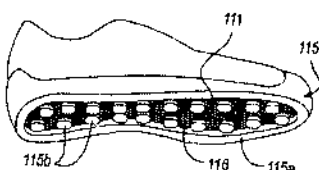
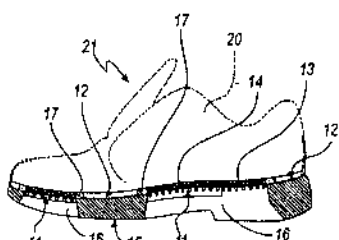
Công ty SHTT Thảo

Thọ Quyển (INVEN-

CO)

(54) Tên SC: Đế giày

không thấm nước và



thấm khí, và giấy có đế này.

(57) Tóm tắt SC: Sáng chế đề cập đến giấy không thấm nước và thấm khí, kết cấu để bao gồm lớp đỡ (10,110), ít nhất ở các phần vĩ mô định trước (11,111) được làm bằng lưới, nilon hoặc vật liệu có lỗ khoét tán khác; màng (13,113) làm bằng vật liệu không thấm nước và thấm hơi nước được kết hợp bên trên lớp đỡ (10,110) ít nhất ở một phần vĩ mô định trước (11,111) làm bằng lưới, nilon hoặc vật liệu có lỗ khoét tán khác mà nó che phủ, để ngoài (15,115) làm bằng chất dẻo mà ít nhất một phần có lỗ xuyên vĩ mô (16,116) ở ít nhất một phần vĩ mô định trước (11,111) làm bằng lưới, nilon hoặc vật liệu có lỗ khoét tán khác, được nối kín với màng (13,113) và với lớp đỡ (10,110) ít nhất ở chu vi của ít nhất một phần vĩ mô (11,111) làm bằng lưới, nilon hoặc vật liệu có lỗ khoét tán khác.

Nội dung công bố Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?

Những thông tin liên quan đến Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích công bố trên Công báo SHCN (Tập B) do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành gồm: Số Bằng, ngày cấp Bằng, Số Đơn, ngày nộp Đơn, số Đơn và ngày nộp Đơn PCT, số công bố Đơn và ngày công bố Đơn PCT, số Đơn ưu tiên, ngày nộp Đơn ưu tiên và nước xuất xứ, ngày công bố Bằng, ngày công bố Đơn, tên và địa chỉ của Chủ Bằng, tên tác giả, tên người đại diện, tên sáng chế/giải pháp hữu ích, tóm tắt sáng chế/giải pháp hữu ích, phân loại sáng chế quốc tế.

Dưới đây là ví dụ về công bố một Bằng độc quyền sáng chế trên Công báo SHCN (Tập B) số: 4.2005

(11) Số Bằng: 1-0004832

(15) Ngày cấp: 15.03.2005

((21) Số Đơn: 1-2004-00255

(45) Ngày công bố Bằng: 25.04.2005

(30) Số Đơn ưu tiên, ngày nộp Đơn ưu tiên, nước xuất xứ:
2003-09872402.04.2003 (JP)

(73) Tên, địa chỉ của Chủ Bằng: HONDA MOTOR CO., LTD.
(JP)

1-1, Minamiaoyama 2-chome, Minato-ku, Tokyo, Japan

(72) Tên tác giả: Kazunori KIKUCHI(JP), Ryo KUBOTA
(JP)

(74) Đại diện SHCN: Văn phòng luật sư Phạm và Liên danh
(PHAM & ASSOCIATES)

(54) Tên sáng chế: Hệ thống bôi trơn dùng cho động cơ đốt trong

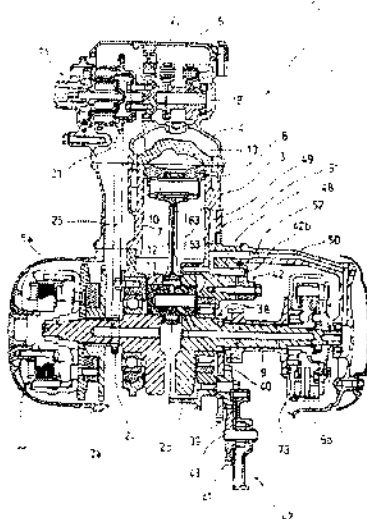
(57) Tóm tắt sáng chế: Sáng chế đề xuất hệ thống bôi trơn được cải thiện dùng cho động cơ đốt trong cỡ nhỏ

Hệ thống bôi trơn dùng cho động cơ đốt trong (1) bao gồm bơm dầu (42) được dẫn động nhờ chuyển động quay của trục khuỷu (9) sau khi tốc độ của nó được giảm xuống, khác

(51) Phân loại SC: F01M 1/02, 1/08,

(22) Ngày nộp Đơn: 23.03.2004

(43) Ngày công bố Đơn: 25.06.2004



biệt ở chỗ, tỷ số truyền giảm tốc được chọn sao cho khoảng tốc độ quay của bơm dầu (42) bằng hoặc thấp hơn hai phần ba tốc độ quay tới hạn mà ở tốc độ đó các khí xâm thực xuất hiện trong bơm dầu (42) và công suất xả của bơm dầu (42) được chọn sao cho nó đáp ứng được lượng dầu định trước do động cơ đốt trong (1) yêu cầu trong khoảng tốc độ quay này

Ngoài việc công bố Đơn đăng ký và Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích trên Công báo SHCN, Cục Sở hữu trí tuệ còn ấn hành những tài liệu nào liên quan đến Đơn đăng ký hoặc Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Sau khi công bố Đơn đăng ký trên công báo, Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành Bản mô tả sáng chế kèm theo Đơn và sau khi công bố Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích kèm theo Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích. Đây là những tài liệu quan trọng, vừa có giá trị kỹ thuật, vừa mang tính pháp lý, trong đó chứa đựng những thông tin bộc lộ bản chất của sáng chế/giải pháp hữu ích cũng như yêu cầu bảo hộ - phần xác định phạm vi (khối lượng) bảo hộ của sáng chế/giải pháp hữu ích.

Doanh nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp những thông tin chi tiết về sáng chế/giải pháp hữu ích đã được công bố trên công báo SHCN không ?

Có. Sau khi Đơn đăng ký và/ hoặc Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích được công bố, doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức cá nhân nào đều có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ cung cấp thông tin về bản chất sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn hoặc trong văn bằng bảo hộ; kể cả các bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích. Người yêu cầu cung cấp thông tin phải nộp phí cung cấp thông tin theo quy định

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc bảo hộ đối với những sáng chế/giải pháp hữu ích nêu trong Đơn đăng ký đã được công bố không ?

Có. Trong quá trình xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền có ý kiến về việc ủng hộ hoặc phản đối việc cấp Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích cho người nộp đơn. Cục Sở hữu trí tuệ có trách nhiệm xem xét các ý kiến của doanh nghiệp và thông báo cho doanh nghiệp về việc ý kiến đó có được chấp nhận hay không, nếu ý kiến không được chấp nhận phải nêu rõ lý do.

Trong quá trình xét nghiệm hình thức và xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, người nộp đơn có quyền yêu cầu bổ sung, sửa đổi các tài liệu đã nộp không ?

Có. Trong quá trình xét nghiệm hình thức và nội dung Đơn, kể cả trước khi Cục Sở hữu trí tuệ ra Thông báo từ chối chấp nhận Đơn, Thông báo từ chối cấp văn bằng bảo hộ hoặc Quyết định cấp Văn bằng bảo hộ, người nộp đơn có thể chủ động hoặc theo yêu cầu của Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung các tài liệu của Đơn (kể cả việc tách một hoặc một số giải pháp kỹ thuật trong Đơn thành nhiều Đơn mới) và ghi nhận những thay đổi về tên, địa chỉ của người nộp đơn và thay đổi về người nộp đơn (chuyển nhượng Đơn, chuyển dịch quyền đối với Đơn do thừa kế, tách, sáp nhập pháp nhân...)

Yêu cầu sửa đổi bổ sung tài liệu của Đơn cũng như yêu cầu ghi nhận những thay đổi về người nộp đơn phải được làm thành văn bản và người yêu cầu phải nộp lệ phí sửa đổi đơn với mức quy định hiện nay là 100.000đ mỗi Đơn.

Người nộp đơn đăng ký sáng chế có quyền đề nghị chuyển đổi Đơn đăng ký sáng chế thành Đơn đăng ký giải pháp hữu ích không ?

Có. Trong thời gian trước khi kết thúc việc xét nghiệm nội dung, người nộp đơn có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ chuyển đổi Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế thành Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích.

Yêu cầu chuyển đổi đơn chỉ được chấp nhận trong trường hợp việc từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế vì lý do giải pháp kỹ thuật không có tính sáng tạo. Người yêu cầu chuyển đổi đơn phải nộp lệ phí chuyển đổi đơn

Luật SHTT:

Trước khi cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN thông báo từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc quyết định cấp Bằng độc quyền sáng chế, người nộp đơn có quyền yêu cầu chuyển đổi đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế thành đơn đăng ký sáng chế có yêu cầu cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích và ngược lại.

Người nộp đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận Đơn, từ chối cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không ?

Có. Người nộp đơn có quyền khiếu nại với Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ về các quyết định từ chối chấp nhận đơn hoặc từ chối cấp Bằng độc

quyền sáng chế/giải pháp hữu ích.

Hồ sơ khiếu nại phải đáp ứng các yêu cầu về hình thức quy định tại thông tư 30/2003/TT-BKHCN của Bộ KHCN và người khiếu nại phải nộp lệ phí theo quy định.

Nếu không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, người nộp đơn có quyền khiếu nại với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (khiếu nại lần 2) hoặc khởi kiện theo thủ tục hành chính.

Nước Mỹ cấp Bằng sáng chế đầu tiên vào ngày 31.07.1790 và ngày 31.12.2004 Cục Patent và Nhân hàng Mỹ cấp Bằng sáng chế thứ 6.850.000. Nếu như trước đây, nước Mỹ cần tới 121 năm để cấp 1 triệu Bằng sáng chế từ số Bằng đầu tiên thì ngày nay từ Bằng sáng chế thứ 5 triệu đến Bằng sáng chế thứ 6 triệu chỉ mất hơn 8 năm. Ở Nhật Bản cũng đã phải mất 95 năm để cấp 1 triệu Bằng sáng chế từ số Bằng đầu tiên, trong khi chỉ mất có 15 năm để cấp 1 triệu Bằng tiếp theo.

Hồ sơ khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ phải gồm những tài liệu gì ?

Hồ sơ khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ phải gồm những tài liệu sau:

- Tờ khai khiếu nại, làm theo mẫu quy định;
- Bản sao Quyết định bị khiếu nại;
- Bản sao Quyết định giải quyết khiếu nại lần thứ nhất (đối với khiếu nại lần thứ hai);
- Chứng cứ chứng minh lý lẽ khiếu nại (nếu cần);
- Giấy ủy quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện);
- Chứng từ nộp lệ phí khiếu nại.

Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không ?

Có. Doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn cho Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích nếu xảy ra một trong những trường hợp sau:

- Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích tuyên bố từ bỏ các quyền được hưởng theo Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích tương ứng;
- Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không nộp lệ phí duy

trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích theo quy định.

Người yêu cầu đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích phải nộp đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực và lệ phí đình chỉ hiệu lực cho Cục Sở hữu trí tuệ. Mức lệ phí đình chỉ hiệu lực theo quy định hiện nay là 150.000 đ cho mỗi đơn đề nghị.

Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không ?

Có. Doanh nghiệp hoặc bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng có quyền nộp đơn yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích nếu xét thấy:

- Người được cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không có quyền nộp đơn hoặc không được người có quyền nộp đơn chuyển nhượng quyền đó;

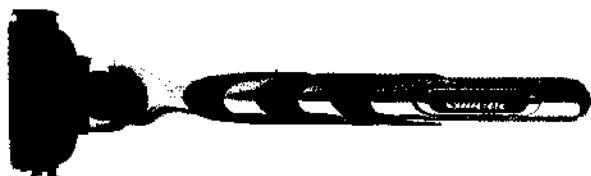
- Quyền nộp đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc về nhiều cá nhân, pháp nhân nhưng một hoặc một số trong đó không đồng ý nộp đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích ghi nhận sai tác giả do sự cố ý của người nộp đơn;

- Sáng chế/ Giải pháp hữu ích không đáp ứng các tiêu chuẩn bảo hộ.

Muốn đình chỉ/huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, doanh nghiệp phải làm gì ?

Muốn đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, doanh nghiệp phải nộp đơn cho Cục Sở hữu trí tuệ yêu cầu đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực trong đó phải nêu rõ lý do. Khi nộp đơn yêu cầu đình chỉ/huỷ bỏ hiệu lực một Văn bằng bảo hộ, doanh nghiệp phải nộp lệ phí đình chỉ/huỷ bỏ hiệu lực với mức quy định hiện nay là 150.000 đồng cho mỗi đơn đề nghị.



King Camp Gillette được cấp Bằng sáng chế vào năm 1901, ý tưởng về một chiếc dao cạo râu an toàn với các lưỡi dao cạo tháo lắp được đã được trông đợi suốt gần 40 năm. Tuy nhiên vào cuối những năm 1940 gần 16 triệu dao cạo an toàn đã được tiêu thụ hàng năm. Đã có hàng nghìn sáng chế liên quan đến dao cạo râu được cấp Bằng sáng chế nhưng dao cạo râu có hai lưỡi song song (lưỡi kép) là một trong những sáng chế quan trọng nhất.

4. TRA CỨU THÔNG TIN SÁNG CHẾ

Tại sao doanh nghiệp cần phải tra cứu thông tin sáng chế trước khi làm và nộp Đơn đăng ký ?

Một giải pháp kỹ thuật muốn được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích phải có tính mới đối với thế giới, vì vậy việc tra cứu thông tin để xem giải pháp đó có mới hay không là việc làm rất cần thiết.

Sáng chế/ giải pháp hữu ích của doanh nghiệp có thể bị từ chối bảo hộ nếu như trước ngày nộp đơn đăng ký, sáng chế/giải pháp hữu ích đó được công bố ở bất cứ đâu, dưới hình thức công bố đơn đăng ký hay công bố Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích.

Để tránh xảy ra điều đó, trước khi làm và nộp đơn đăng ký, doanh nghiệp cần tiến hành tra cứu thông tin để xác định xem đã có ai nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ cho sáng chế/giải pháp hữu ích đó chưa? Nếu kết quả tra cứu cho thấy sáng chế/giải pháp hữu ích chưa được công bố, doanh nghiệp có thể tiến hành việc làm và nộp đơn đăng ký. Bằng việc tra cứu như vậy, doanh nghiệp có thể tiết kiệm được các chi phí không đáng mất như chi phí nộp đơn cho các sáng chế/giải pháp hữu ích không có khả năng được cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích.

Ngoài mục đích kiểm tra tính mới của giải pháp kỹ thuật trước khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, việc tra cứu sáng chế còn nhằm mục đích gì ?

Ngoài mục đích kiểm tra tính mới của giải pháp kỹ thuật trước khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, việc tra cứu sáng chế còn phục vụ cho các mục đích chủ yếu sau:

- Tra cứu sáng chế để kiểm tra khả năng vi phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích của người khác. Thông thường trước khi đưa một sản phẩm mới ra thị trường, doanh nghiệp thường tiến hành tra cứu sáng chế để xác định xem sản phẩm của mình có vi phạm quyền của người khác đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích cho sản phẩm đó không? Chỉ khi xác định không vi phạm mới đưa sản phẩm ra thị trường tiêu thụ;

- Tra cứu sáng chế để tránh nghiên cứu trùng lặp. Trước khi tiến hành nghiên cứu giải quyết một vấn đề kỹ thuật, doanh nghiệp cần tiến hành tra cứu sáng chế để xác định xem có những sáng chế/giải pháp hữu ích nào đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích liên quan đến vấn đề này chưa? Nếu vấn đề đã được giải quyết (đã

được cấp Bằng hoặc đã nộp đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích) thì không nên tiến hành nghiên cứu lặp lại.

Ngoài ra tra cứu sáng chế còn nhằm phục vụ các mục đích khác như dự đoán xu hướng phát triển công nghệ trong một lĩnh vực cụ thể để quyết định phương hướng cho hoạt động R&D của doanh nghiệp, tìm kiếm sáng chế/giải pháp hữu ích để mua Li xăng,...

Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về sáng chế/giải pháp hữu ích ở những tài liệu nào ?

Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về sáng chế/giải pháp hữu ích trong Công báo sở hữu công nghiệp do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành định kỳ hàng tháng hoặc trong Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế/giải pháp hữu ích lưu giữ tại Cục Sở hữu trí tuệ. Ngoài ra doanh nghiệp còn có thể tra cứu các bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích do Cục Sở hữu trí tuệ ấn hành cùng lúc với việc công bố đơn đăng ký (Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích kèm theo đơn đăng ký) hoặc Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích (Bản mô tả sáng chế/giải pháp hữu ích kèm theo Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích). Cục Sở hữu trí tuệ cũng xây dựng các cơ sở dữ liệu lưu trữ 27 triệu bản mô tả sáng chế của nước ngoài và tổ chức các phòng tra cứu để phục vụ độc giả đến khai thác tư liệu sáng chế.

Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin sáng chế trên mạng Internet được không ?

Có thể. Tra cứu sáng chế (cũng như tra cứu các đối tượng khác của quyền SHCN) trên mạng Internet đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ trên thế giới bởi lẽ đây là cách tra cứu dễ thực hiện, cho kết quả nhanh chóng và chính xác. Các Cơ quan SHCN quốc gia - đặc biệt là ở các nước công nghiệp phát triển - đã xây dựng được những cơ sở dữ liệu điện tử khổng lồ lưu trữ hàng chục triệu sáng chế và đưa lên mạng Internet để mọi người tra cứu miễn phí. Dưới đây là trang Web của một số cơ quan SHCN quốc gia và tổ chức quốc tế mà doanh nghiệp có thể truy cập để tra cứu sáng chế/giải pháp hữu ích một cách có hiệu quả:

- Trang Web của Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam:

[http:// www.noip.gov.vn](http://www.noip.gov.vn)

Truy cập vào trang Web này doanh nghiệp có thể tra cứu toàn bộ sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ tại Việt nam tính đến tháng 7 năm 2003.

- Trang Web của Cơ quan patent Châu Âu:

<http://ep.esp@cenet.com>

Truy cập vào trang Web này doanh nghiệp có thể tra cứu hơn 46 triệu sáng chế của nhiều nước trên thế giới như: Mỹ, Nhật, các nước Châu Âu, Trung quốc,...

- Trang Web của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO)

<http://www.wipo.int/>

Truy cập vào trang Web này doanh nghiệp có thể tra cứu các sáng chế được đăng ký bảo hộ theo Hiệp định Hợp tác Patent (với tổng số 1.121.418 Đơn đăng ký tính đến cuối năm 2004), trong đó có những sáng chế được chỉ định bảo hộ tại Việt nam.

- Trang Web Của Cơ quan Patent và Nhân hàng Hoa kỳ:

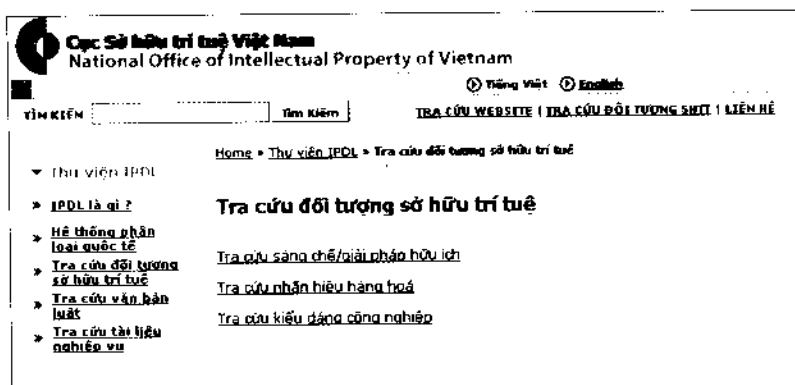
<http://www.uspto.gov/>

Vào trang Web này doanh nghiệp có thể tra cứu toàn bộ sáng chế đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế tại Mỹ từ 1790 đến nay (khoảng 7 triệu sáng chế)

- Trang Web của Cơ quan Patent Nhật bản:

<http://www.jpo-miti.gov.jp>

Vào trang Web này doanh nghiệp có thể tra cứu khoảng 40 triệu Đơn yêu cầu cấp văn bằng bảo hộ quyền SHCN (bao gồm sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa) được Cơ quan Patent Nhật bản công bố từ thời Minh Trị đến nay.



Trang Web của Cục SHTT trên mạng Internet



Hơn 27 triệu bản mô tả sáng chế được lưu giữ dưới dạng đĩa quang, vi phiếu, giấy cùng hàng chục ngàn công báo, tạp chí các loại được lưu giữ và khai thác tại Trung tâm TTTL Cục SHTT.



Phòng tra cứu thông tin tại Cục SHTT được trang bị những phương tiện hiện đại sẵn sàng phục vụ độc giả đến tra cứu tư liệu sáng chế.

Đến nay trên toàn thế giới có khoảng 40 triệu sáng chế đã được công bố, con số đó mỗi năm tăng thêm hàng triệu! Theo thống kê của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO), năm 2002 đã có 14322625 đơn đăng ký sáng chế (trong đó có cả đơn được chỉ định theo hiệp định PCT) đã được nộp và 954556 Bằng độc quyền sáng chế đã được cấp ở 119 nước và khu vực trên thế giới, tính trung bình cứ 1 phút có gần 2 Bằng sáng chế được cấp.

Doanh nghiệp có thể áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích tìm được trong các cơ sở dữ liệu của Cục Sở hữu trí tuệ hoặc trên mạng Internet không ?

Có thể. Nhưng trước khi áp dụng, doanh nghiệp cần kiểm tra xem sáng chế/giải pháp hữu ích đó có được bảo hộ tại Việt nam không, nếu có thì văn bằng bảo hộ có còn hiệu lực không? Nếu sáng chế/giải pháp hữu ích không được đăng ký hoặc có được đăng ký nhưng thời hạn hiệu lực của đăng ký đã hết thì doanh nghiệp có thể sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích đó mà không cần phải xin phép ai.

Cần chú ý là nếu áp dụng sáng chế/giải pháp hữu ích đã tìm được để sản xuất sản phẩm xuất khẩu thì trước khi xuất, doanh nghiệp cần tra cứu xem sản phẩm đó có khả năng vi phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích đã được bảo hộ ở nước mà doanh nghiệp định xuất sản phẩm sang không? Nếu qua tra cứu thông tin mà thấy xuất hiện khả năng vi phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích thì tốt nhất là không nên xuất khẩu sản phẩm sang nước đó.

5. BẢO HỘ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là gì ?

Đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là thủ tục hành chính do Cục Sở

hữu trí tuệ tiến hành nhằm xác lập quyền sở hữu đối với sáng chế/giải pháp hữu ích của một chủ thể nhất định.

Hình thức đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích là ghi nhận sáng chế/giải pháp hữu ích, Chủ sở hữu và tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế/giải pháp hữu ích và cấp Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích cho Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích. Sáng chế/giải pháp hữu ích được đăng ký trên cơ sở kết quả xem xét đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ căn cứ vào các quy định pháp luật về hình thức và nội dung đơn.

Hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế/ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được quy định như thế nào ?

Bằng độc quyền sáng chế/Bằng độc quyền giải pháp hữu ích có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ Việt nam.

Thời hạn hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế là 20 năm, của Bằng độc quyền giải pháp hữu ích là 10 năm tính từ ngày nộp đơn hợp lệ và không được gia hạn.

Lệ phí duy trì hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế/ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được quy định như thế nào ?

Trong suốt thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích, hàng năm chủ Văn bằng bảo hộ phải nộp lệ phí duy trì hiệu lực Văn bằng bảo hộ tương ứng. Văn bằng bảo hộ bị đình chỉ hiệu lực khi chủ Văn bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực Văn bằng bảo hộ đúng thời hạn quy định.

Lệ phí duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được quy định như sau:

Lệ phí duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ (mỗi năm) cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ.	Mức thu (Nghìn đồng)	
	Bằng độc quyền SC	Bằng độc quyền GPHI
Năm thứ 1, Năm thứ 2	250	250
Năm thứ 3, Năm thứ 4	400	400
Năm thứ 5, Năm thứ 6	650	650
Năm thứ 7, Năm thứ 8	1000	1000
Năm thứ 9, Năm thứ 10	1500	1500
Năm thứ 11- Năm thứ 13	2100	
Năm thứ 14- Năm thứ 16	2750	
Năm thứ 17- Năm thứ 20	3500	

Lệ phí duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế/ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích được nộp như thế nào ?

Để duy trì hiệu lực Bằng độc quyền sáng chế/ giải pháp hữu ích, Chủ bằng phải nộp lệ phí duy trì hiệu lực trong vòng 6 tháng trước ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực. Lệ phí duy trì hiệu lực có thể nộp muộn hơn thời hạn trên nhưng không được quá 6 tháng tính từ ngày kết thúc kỳ hạn hiệu lực trước và Chủ bằng phải nộp thêm 10% lệ phí cho mỗi tháng nộp muộn.

Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích có quyền yêu cầu sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích không ?

Có. Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích có quyền yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận mọi sự thay đổi về tên, địa chỉ của Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích và thay đổi về Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích (chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, sát nhập, phân tách, chuyển đổi hình thức pháp lý của cơ sở kinh doanh hoặc theo quyết định của Tòa án). Người yêu cầu ghi nhận thay đổi tên và địa chỉ, thay đổi về Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích phải nộp lệ phí sửa đổi Văn bằng bảo hộ. Mức lệ phí yêu cầu sửa đổi là 100.000 đồng đối với mỗi lần sửa đổi.

Để được sửa đổi các nội dung nêu trên, Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích phải nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ đơn yêu cầu sửa đổi, gồm:

- Tờ khai yêu cầu sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích, làm theo mẫu quy định;
- Bản gốc Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Tài liệu xác nhận việc thay đổi Chủ Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích (Giấy chứng nhận quyền thừa kế, Giấy chứng nhận về việc sát nhập, hợp nhất, phân tách pháp nhân, Quyết định của Tòa án...);
- Chứng từ nộp lệ phí sửa đổi Bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Giấy uỷ quyền (trường hợp nộp đơn thông qua đại diện).

Ái được công nhận là Chủ sở hữu sáng chế / giải pháp hữu ích ?

Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích là tổ chức, cá nhân được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Bằng độc quyền sáng chế / Bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc tổ chức, cá nhân được chuyển giao hợp pháp quyền sở hữu đối với sáng chế/giải pháp hữu ích.

Chủ hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có các quyền gì?

Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có các quyền sau đây:

- Độc quyền sử dụng sáng chế/ giải pháp hữu ích;
- Chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu hoặc để thừa kế quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích cho người khác;
- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người có hành vi xâm phạm quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích của mình phải chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại.

Luật SHTT: Chủ sở hữu sáng chế có các quyền tài sản sau đây:

- Sử dụng, cho phép người khác sử dụng sáng chế;
- Ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế;
- Định đoạt sáng chế (chuyển nhượng quyền sở hữu sáng chế, chuyển quyền sử dụng sáng chế).

Việc sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc quyền của Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích bao gồm những hành vi nào ?

Hành vi sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc độc quyền của Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích là việc thực hiện một hoặc một số hành vi sau đây đối với sáng chế/giải pháp hữu ích nhằm mục đích kinh doanh:

- Sản xuất sản phẩm được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Áp dụng quy trình được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Khai thác sản phẩm được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Đưa vào lưu thông, quảng cáo nhằm để bán, chào bán, tàng trữ để bán sản phẩm được bảo hộ hoặc được sản xuất theo quy trình được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích;
- Nhập khẩu sản phẩm được bảo hộ hoặc sản phẩm được sản xuất theo quy trình được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích.

Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có nghĩa vụ gì ?

Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có các nghĩa vụ sau:

- Trả thù lao cho tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích trong trường hợp tác giả không đồng thời là Chủ sở hữu và giữa Chủ sở hữu và tác giả không có thỏa thuận khác;
- Nộp lệ phí duy trì hiệu lực của Bằng độc quyền sáng chế / Bằng độc quyền giải pháp hữu ích;
- Sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích nhằm đáp ứng nhu cầu của quốc

gia hoặc/và của xã hội nếu sáng chế/giải pháp hữu ích có ảnh hưởng đặc biệt đối với an ninh, quốc phòng, bảo vệ sức khỏe của nhân dân hoặc bảo vệ môi trường. Nếu Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích đã cố gắng hết mức mà vẫn không đáp ứng nhu cầu của quốc gia hoặc của xã hội thì có nghĩa vụ cấp Lixăng cho người khác có khả năng và có ý muốn sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích đó theo các điều kiện hợp lý.

Nghĩa vụ của Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích về việc trả thù lao cho tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích được quy định như thế nào?

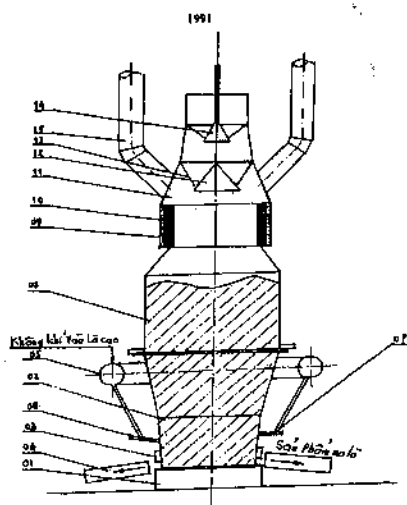
Trong thời hạn hiệu lực của Văn bằng bảo hộ, Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả hoặc các đồng tác giả về việc đã tạo ra sáng chế/giải pháp hữu ích theo mức và thời hạn trả thù lao như sau:

- Mức thù lao tối thiểu cho tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích là 10% số tiền làm lợi thu được trong mỗi năm sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc 15% tổng số tiền mà Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích thu được trong mỗi lần nhận tiền thanh toán do bán Li xăng;
- Việc thanh toán tiền thù lao cho tác giả phải được thực hiện chậm nhất là 2 tháng sau mỗi năm sử dụng hoặc không muộn hơn 1 tháng tính từ ngày Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích nhận tiền thanh toán do bán Li xăng.

Nếu giữa tác giả và Chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích có thoả thuận khác các quy định trên đây thì việc trả thù lao được thực hiện theo thoả thuận đó.

Công ty Phân lân Nung chảy Văn Điển
là Chủ của 1 Bằng độc quyền sáng chế
(số 1991) và 5 Bằng độc quyền giải pháp
hữu ích (các số 30, 31, 89, 167, 265) về
“Lò cao phân lân nung chảy” và “Phối
liệu để sản xuất phân lân nung chảy”.
Việc áp dụng các sáng chế và giải pháp
hữu ích này đã đem lại cho Công ty mỗi
năm khoảng 150 tỷ đồng tiền làm lợi.

“Lò cao phân lân nung chảy” của Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển được cấp Bằng độc quyền sáng chế số 1991



Ai được công nhận là tác giả sáng chế/ giải pháp hữu ích ?

Tác giả sáng chế/ giải pháp hữu ích là người đã sáng tạo ra sáng chế/ giải pháp hữu ích bằng chính lao động sáng tạo của mình.

Các đồng tác giả sáng chế/ giải pháp hữu ích là những người cùng sáng tạo ra sáng chế/ giải pháp hữu ích đó.

Tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích có những quyền gì?

Tác giả hay đồng tác giả sáng chế/giải pháp hữu ích có các quyền sau đây:

- Được ghi tên vào Bằng độc quyền sáng chế/Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, vào Sổ đăng ký quốc gia về sáng chế/ giải pháp hữu ích và các tài liệu khoa học khác;

- Nhận thù lao khi sáng chế / giải pháp hữu ích được sử dụng, nếu Chủ sở hữu và tác giả không có thỏa thuận khác;

- Yêu cầu xử lý, khởi kiện về việc xâm phạm các quyền nói trên.

Quyền nhận thù lao và quyền yêu cầu xử lý, khởi kiện của tác giả có thể chuyển giao hoặc để thừa kế cho người khác theo các quy định của pháp luật.



Một trong những công trình đề chắn sóng được xây dựng theo sáng chế của tác giả Phan Đức Tác (Bằng độc quyền SC số 178).

6. NHỮNG HÀNH VI XÂM PHẠM QUYỀN CỦA CHỦ SÁNG CHẾ/GIẢI PHÁP HỮU ÍCH

Những hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Những hành vi dưới đây - do bất cứ tổ chức, cá nhân nào thực hiện nhằm mục đích kinh doanh mà không được Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích cho phép - bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích:

- Sản xuất (chế tạo, gia công, lắp ráp, chế biến, đóng gói) sản phẩm mà sản phẩm đó trùng với sản phẩm được bảo hộ là sáng chế/ giải pháp hữu ích của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Áp dụng quy trình mà quy trình đó trùng với quy trình đang được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Sử dụng, khai thác sản phẩm mà sản phẩm đó trùng với sản phẩm đang được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích;

- Nhập khẩu, xuất khẩu hoặc đưa vào lưu thông (bán, vận chuyển) quảng cáo nhằm để bán; chào bán; tàng trữ để bán các sản phẩm mà các sản phẩm đó trùng với sản phẩm đang được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích hoặc được sản xuất theo quy trình mà quy trình đó đang được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích.

Trong trường hợp nào thì việc khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Việc khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích trong các trường hợp sau:

- Sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích không nhằm mục đích kinh doanh;

- Sử dụng sản phẩm do chủ sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích, người được chuyển giao quyền sử dụng, người được cấp Li-xăng không tự nguyện, người có quyền sử dụng trước đưa ra thị trường, kể cả thị trường nước ngoài

- Việc sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích chỉ nhằm mục đích duy trì hoạt động của phương tiện vận tải của người nước ngoài đang quá cảnh hoặc tạm thời nằm trên lãnh thổ Việt Nam.

Luật SHTT:

- Sử dụng sáng chế nhằm phục vụ nhu cầu cá nhân hoặc các mục đích phi thương mại, hoặc nhằm mục đích đánh giá, phân tích, nghiên cứu, giảng dạy, thử nghiệm, sản xuất thử hoặc thu thập thông tin để thực hiện thủ tục xin phép sản xuất, nhập khẩu, lưu hành sản phẩm.

Việc xem xét, kết luận một hành vi xâm phạm quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích được thực hiện trên cơ sở nào ?

Việc xem xét kết luận một hành vi có phải là hành vi xâm phạm quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích hay không được thực hiện trên cơ sở so sánh sản phẩm hay quy trình bị nghi ngờ xâm phạm với sản phẩm hay quy trình đang được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích thuộc quyền của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích.

Nếu kết quả so sánh cho thấy tất cả mọi dấu hiệu (đặc điểm) nêu trong yêu cầu bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích đều có mặt trong sản phẩm/quy trình bị nghi ngờ vi phạm thì có thể kết luận sản phẩm/quy trình đó trùng (đồng nhất) với sản phẩm/quy trình được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích. Nếu có một dấu hiệu (đặc điểm) nằm trong yêu cầu bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích không có trong sản phẩm/quy trình bị nghi ngờ xâm phạm thì có thể kết luận sản phẩm /quy trình đó không thuộc phạm vi bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích của chủ sáng chế/giải pháp hữu ích đó.

7. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH Ở NƯỚC NGOÀI

A. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH Ở NƯỚC NGOÀI

Tại sao doanh nghiệp lại phải đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài ?

Bằng độc quyền sáng chế hay Bằng độc quyền giải pháp hữu ích (Patent) do cơ quan có thẩm quyền của một nước cấp chỉ có hiệu lực trên lãnh thổ của nước đó. Nếu muốn sáng chế/giải pháp hữu ích của mình được bảo hộ ở nước khác thì doanh nghiệp có sáng chế/giải pháp hữu ích phải tiến hành các thủ tục đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của mình ở nước đó. Một trong những lý do cơ bản của việc đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài là giành được độc quyền khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích và ngăn cản người khác sử dụng trái phép sáng chế/giải pháp hữu ích của mình trên lãnh thổ nước đó. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với những doanh nghiệp nghiên cứu chế

tạo được những sản phẩm, công nghệ mới và muốn sản phẩm, công nghệ đó chiếm lĩnh thị trường nước ngoài.

Việc đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài còn có những tác dụng gì đối với doanh nghiệp ngoài việc giành độc quyền khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích ?

Việc đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ra nước ngoài trước hết nhằm bảo đảm cho sản phẩm được sản xuất trên cơ sở sáng chế/giải pháp hữu ích khi xuất khẩu ra nước ngoài không bị các đối thủ cạnh tranh sao chép bất hợp pháp nhất là đối với những sản phẩm mới, có hàm lượng kỹ thuật cao.

Việc đầu tư ra nước ngoài dưới hình thức xây dựng nhà máy để sản xuất sản phẩm cũng cần đến sự bảo hộ quyền sở hữu đối với các sáng chế/giải pháp hữu ích có trong máy móc thiết bị, quy trình công nghệ hay chính bản thân sản phẩm được sản xuất. Mặt khác khi sáng chế/giải pháp hữu ích được công bố (dưới dạng Đơn đăng ký hay Văn bằng bảo hộ sáng chế/ giải pháp hữu ích) nhiều người sẽ biết đến sáng chế/giải pháp hữu ích và tìm kiếm khả năng khai thác sáng chế/giải pháp hữu ích một cách hợp pháp để thu lợi, điều này sẽ mở đường cho việc chuyển giao quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế/giải pháp hữu ích tại nước mà sáng chế được bảo hộ. Khi được cấp Văn Bằng bảo hộ, Chủ sáng chế/giải pháp hữu ích có lợi thế trong việc áp đặt những điều kiện có lợi cho mình, kể cả điều kiện về việc trả tiền khai thác, sử dụng sáng chế/giải pháp hữu ích.

Mặt khác việc nộp đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài, cho dù không được cấp Văn bằng bảo hộ vì không có yêu cầu xét nghiệm, cũng có thể ngăn cản người khác nhận được sự bảo hộ cho sáng chế/giải pháp hữu ích tương tự; nhờ đó doanh nghiệp có thể an tâm đầu tư, mở rộng sản xuất để chiếm lĩnh thị trường nước đó đối với sản phẩm được chế tạo theo sáng chế/giải pháp hữu ích của mình.

Công nghệ mới (sản phẩm mới, quy trình công nghệ mới) khi được cấp Patent thường có giá trị cao hơn nhiều so với sản phẩm hoặc công nghệ không được cấp Patent.

Khi đăng ký bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì ?

Khi đăng ký bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề sau:

- Ở Việt Nam, giải pháp hữu ích được bảo hộ có thể là những giải pháp

kỹ thuật được thể hiện dưới dạng “vật thể” (ví dụ như máy móc, thiết bị, sản phẩm hoặc chi tiết, cụm chi tiết của máy móc, thiết bị, sản phẩm...), “chất thể” (ví dụ như vật liệu, chất liệu, thực phẩm, dược liệu, mỹ phẩm...) hay “quy trình” (thí dụ như phương pháp hoặc quy trình chế tạo sản phẩm, quy trình xử lý, khai thác, đo đạc, thăm dò...) nhưng ở các nước khác, mẫu hữu ích (tương tự như Giải pháp hữu ích ở Việt Nam) chỉ được bảo hộ cho những giải pháp kỹ thuật dạng “vật thể”, các giải pháp kỹ thuật dạng “chất thể” hoặc “quy trình” không được bảo hộ là mẫu hữu ích. Do đó doanh nghiệp chỉ có thể nộp Đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền mẫu hữu ích ở nước ngoài cho những giải pháp hữu ích của mình ở dạng “vật thể”.

- Các tiêu chuẩn bảo hộ mẫu hữu ích ở các nước về cơ bản cũng giống như các tiêu chuẩn bảo hộ giải pháp hữu ích ở Việt Nam, tức là mẫu hữu ích phải đáp ứng yêu cầu về tính mới đối với thế giới và phải có khả năng áp dụng mang tính công nghiệp.

- Ở những nước khác nhau còn có những quy định khác nhau về thủ tục xác lập quyền (thí dụ hệ thống mẫu hữu ích ở Nhật bản là hệ thống không xét nghiệm nội dung mà chỉ tiến hành xét nghiệm hình thức đối với các Đơn đã được đăng ký) hay về thời hạn bảo hộ...

“VÒNG XẾP DUY LỢI”- BÀI HỌC VỀ ĐĂNG KÝ BẢO HỘ QUYỀN SHCN Ở NƯỚC NGOÀI

Ngày 23.03.2000 Cơ sở Duy Lợi (Q.10- tp. Hồ Chí Minh) nộp Đơn cho Cục SHCN (nay là Cục Sở hữu trí tuệ) yêu cầu cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp cho sản phẩm “Khung mắc vòng”. Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp của Cơ sở Duy Lợi được công bố ngày 26.06.2000 trên Công báo SHCN số tháng 6/2000 và đến ngày 25.09.2003 Cơ sở Duy Lợi được Cục SHCN cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp số 7173. Tiếp đó, ngày 14.09.2001 Cơ sở Duy lợi lại nộp Đơn đăng ký giải pháp hữu ích cho sản phẩm “Khung treo vòng/hỏi” (Đơn được công bố trên Công báo SHCN số tháng 1/2002) và đến ngày 27.01.2003 thì được cấp Bằng độc quyền giải pháp hữu ích số 314. Như vậy sản phẩm “vòng xếp Duy Lợi” đã được bảo hộ tại Việt Nam cả về kiểu dáng công nghiệp (hình dáng bên ngoài của sản phẩm) lẫn giải pháp hữu ích (kết cấu của sản phẩm). Sau khi nộp Đơn đăng ký kiểu dáng, Cơ sở Duy Lợi đã đưa ra thị trường một khối lượng lớn sản phẩm vòng xếp và xuất khẩu sang một số nước, trong đó có Nhật Bản và Hoa Kỳ.

Ngày 03.04.2001 một người có tên là Johnson Miki đã nộp Đơn cho Cục SHCN Nhật Bản (JPO) yêu cầu bảo hộ mẫu hữu ích cho sản phẩm “Khung vòng xếp” và ngày 22.08 2001 ông Johnson Miki đã được JPO cấp Bằng độc quyền (Patent) mẫu hữu ích số 3081528 cho sản phẩm đã đăng ký. Ngay sau khi được cấp Patent, thông qua người đại diện của mình, Ông Johnson Miki đã khuyến cáo Cơ sở Duy Lợi không được xuất khẩu vòng xếp sang Nhật vì cho rằng làm như vậy là xâm phạm quyền sở hữu mẫu hữu ích của Ông đã được pháp luật Nhật bảo hộ. Sau khi phát hiện mẫu hữu ích đã được bảo hộ tại Nhật của Ông Johnson Miki giống hệt kiểu dáng “khung mắc vòng” của mình đã nộp Đơn đăng ký tại Cục SHCN, Cơ sở Duy Lợi đã uỷ quyền cho Văn phòng Luật sư Phạm và Liên danh (một tổ chức dịch vụ đại diện SHCN) tiến hành các thủ tục để nghị JPO hủy bỏ hiệu lực của Patent mẫu hữu ích số 3081528 với lý do là vào thời điểm Ông Johnson Miki nộp Đơn đăng ký mẫu hữu ích tại JPO, kiểu dáng sản phẩm đó đã được Cơ sở Duy Lợi nộp Đơn đăng ký tại Việt Nam và được công bố công khai trên Công báo SHCN. Kết quả là ngày 15.04.2003 JPO đã ra quyết định hủy bỏ hiệu lực Patent mẫu hữu ích số 3081528.

Ngày 15.08.2002 Cục Patent và Nhân hàng Hoa Kỳ (USPTO) tiếp nhận Đơn đăng ký sáng chế cho sản phẩm

	CỘNG HÒA		(139)	YTM
	XÃ HỘI CHỦ NGHĨA		(141)	334
	VIỆT NAM		(147)	AMF 704
			(15)	Y
ĐƯỢC MÃ SỐ THU CÔNG NHẬN				
BẢN MÔ TẢ GIẢI PHÁP MỚI				
THUỘC ĐĂNG ĐƯỢC QUYỀN GIẢI PHÁP MỚI				
(15)				

[illegible][illegible]

(1) United States Patent We (2) Invention: <u>Improvement in</u> (3) Inventor: <u>Charles Henry McLean</u> (4) Filed for Patent: <u>June 1, 1899</u> (5) State: <u>Mass.</u> (6) Name of Agent: <u>John H. McLean, Jr., Boston, Mass.</u> (7) Title: <u>Improvement in</u> (8) Description: <u>See Specification and Claims</u> (9) Drawing: <u>See Specification and Claims</u> (10) Claims: <u>See Specification and Claims</u> (11) Abstract: <u>See Specification and Claims</u> (12) References: <u>See Specification and Claims</u> (13) Remarks: <u>See Specification and Claims</u>	(14) Patent No.: <u>U.S. 6,367,199</u> (15) Date of Patent: <u>Oct. 22, 1900</u> (16) Inventor's Name: <u>Charles Henry McLean</u> (17) Name of Agent: <u>John H. McLean, Jr., Boston, Mass.</u> (18) Title: <u>Improvement in</u> (19) Description: <u>See Specification and Claims</u> (20) Drawing: <u>See Specification and Claims</u> (21) Claims: <u>See Specification and Claims</u> (22) Abstract: <u>See Specification and Claims</u> (23) References: <u>See Specification and Claims</u> (24) Remarks: <u>See Specification and Claims</u>
---	---

"khung treo võng" của một người Đài Loan có tên là Chung-Sen-Wu và đến ngày 22.10.2002 thì Ông này được USPTO cấp Bằng độc quyền sáng chế số: 6.467.109. Ngay sau khi được cấp Patent, Ông Wu cũng lại yêu cầu Cơ sở Duy Lợi không được xuất khẩu sản phẩm khung võng xếp sang Hoa Kỳ. Một lần nữa Cơ sở Duy Lợi lại phải uỷ quyền cho Văn phòng Luật sư Phạm và Liên danh thực hiện các thủ tục để nghị USPTO huỷ bỏ hiệu lực của Patent đã cấp cho Ông Chung-Sen- Wu. Trên cơ sở đơn để nghị của Cơ sở Duy Lợi, ngày 19.09.2005 USPTO đã ra quyết định huỷ bỏ hiệu lực Patent số 6.467.109.

Từ những sự việc trên có thể đưa ra những nhận định sau: Việc một doanh nghiệp tạo ra một sản phẩm có kiểu dáng hoặc kết cấu mới đăng ký bảo hộ quyền SHCN của mình tại Cục Sở hữu trí tuệ như Cơ sở Duyệt

Lợi đã thực hiện là việc làm đúng đắn và cần thiết. Tuy nhiên nếu xét thấy sản phẩm đó có khả năng xuất khẩu thì ngay khi nộp Đơn đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ, doanh nghiệp cần tiến hành nghiên cứu thăm dò khả năng xuất khẩu sản phẩm để quyết định tiến hành việc đăng ký bảo hộ quyền SHCN ở nước mà sản phẩm sẽ được xuất sang. Việc đề nghị hủy bỏ hiệu lực các Văn bằng bảo hộ quyền SHCN ở Nhật Bản và Hoa Kỳ như đã nói ở trên tuy tốn kém nhưng chỉ mới giải quyết được vấn đề doanh nghiệp được tiếp tục xuất khẩu sản phẩm sang thị trường các nước đó chứ không được độc quyền khai thác sản phẩm (kể cả việc độc quyền xuất khẩu sản phẩm) như người được cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN đối với sản phẩm đó.

Doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì trước khi đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài ?

Đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài là việc làm phức tạp và tốn kém vì vậy ngoài những vấn đề cần cân nhắc như khi đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ở trong nước, trước khi đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề sau:

- Chỉ tiến hành đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài đối với những sáng chế/giải pháp hữu ích có hiệu quả kinh tế- kỹ thuật lớn, tức là những sáng chế/giải pháp hữu ích bảo đảm tạo ra những sản phẩm có trình độ công nghệ cao và mang lại hiệu quả kinh tế lớn so với sản phẩm cùng loại hiện có trên thế giới;

- Chỉ tiến hành đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước nào mà doanh nghiệp thực sự có ý đồ xuất khẩu sản phẩm hay đầu tư xây dựng nhà máy để sản xuất sản phẩm được bảo hộ là sáng chế/giải pháp hữu ích;

Nếu sản phẩm xuất khẩu được tạo ra trên cơ sở một số sáng chế thì phải chọn ra các sáng chế góp phần quan trọng vào việc đảm bảo có được các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật tiên tiến so với tình độ kỹ thuật thế giới và tiến hành việc đăng ký bảo hộ cho các sáng chế đó.

B. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ, GIẢI PHÁP HỮU ÍCH Ở NƯỚC NGOÀI THEO CÔNG ƯỚC PARI VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Công ước Pari về bảo hộ sở hữu công nghiệp là gì ?

Công ước Pari về bảo hộ SHCN (sau đây gọi là Công ước Pari) được ký kết ngày 20.3.1883 tại Pari. Tính đến ngày 22/7/2004, đã có 169 nước tham gia ký kết Công ước. Việt nam đã tham gia Công ước này từ ngày 8.3.1949.

Nội dung của Công ước Pari đề cập đến nhiều vấn đề then chốt về bảo hộ SHCN trên phạm vi thế giới, trong đó có những vấn đề chủ yếu sau:

- Nguyên tắc đối xử quốc gia: Mỗi nước thành viên của Công ước phải

dành cho công dân của các nước thành viên khác sự bảo hộ quyền SHCN tương tự như sự bảo hộ dành cho công dân của nước mình. Quy định về chế độ đối xử quốc gia không chỉ nhằm bảo đảm quyền của người nước ngoài được bảo hộ mà còn bảo đảm rằng họ không bị phân biệt đối xử theo bất kỳ cách nào liên quan đến bảo hộ quyền SHCN.

- Quyền ưu tiên: Công ước Pari quy định quyền ưu tiên đối với sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa. Cụ thể, trên cơ sở một Đơn hợp lệ đầu tiên đã được nộp tại một trong số các nước thành viên, trong một thời hạn nhất định (12 tháng đối với sáng chế/ giải pháp hữu ích, 6 tháng đối với nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp) Người nộp đơn có thể nộp Đơn yêu cầu bảo hộ tại bất cứ nước thành viên nào của Công ước và các Đơn nộp sau sẽ được coi như đã được nộp vào cùng ngày với ngày nộp đơn đầu tiên. Nói cách khác, những Đơn nộp sau đó sẽ có quyền ưu tiên đối với các Đơn có thể đã được những người khác nộp trong khoảng thời gian ưu tiên nói trên cho chính sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu hàng hóa đó. Một trong những lợi ích thiết thực của quy định này là khi Người nộp đơn muốn giành được sự bảo hộ ở một số nước, họ không bắt buộc phải nộp đồng thời tất cả các Đơn tại nước xuất xứ và tại các nước khác mà có đến 12 tháng hoặc 6 tháng để quyết định xem nên nộp Đơn yêu cầu bảo hộ ở những nước nào và tiến hành nộp Đơn ở nước được chọn lựa.

Doanh nghiệp phải làm gì khi đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích của mình ở nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN ?

Muốn bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích của mình ở nước ngoài, trước hết doanh nghiệp cần phải làm thủ tục đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích đó tại Việt Nam mà việc đầu tiên cần phải tiến hành là làm và nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Khi Đơn đăng ký được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận hợp lệ, tức là ngày nộp đơn hợp lệ (ngày ưu tiên của đơn) được ghi nhận, thì trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày đó, doanh nghiệp có thể nộp Đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích tại bất cứ cơ quan SHCN nào của các nước thành viên Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp và ngày nộp đơn tại Cục Sở hữu trí tuệ được xem là ngày nộp đơn tại nước đó (Quyền ưu tiên theo Công ước).

Thủ tục làm và nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ở các nước về cơ bản là giống nhau nhờ sự hài hòa về luật sáng chế của các nước, trong đó bao gồm cả các quy định về đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của người nước ngoài.

Khi nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích vào một nước, doanh nghiệp cần thực hiện những việc sau:

- Chuẩn bị hồ sơ đăng ký: Hồ sơ đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích nộp vào nước nào thì phải làm theo quy định của nước đó, cả về hình thức và nội dung - đặc biệt là các tài liệu của Đơn đăng ký phải làm bằng ngôn ngữ của nước nhận đơn hoặc một ngôn ngữ khác mà nước đó chấp nhận. Trong Đơn đăng ký phải ghi rõ yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên theo Công ước;

- Phải nộp lệ phí theo mức và loại tiền tệ mà nước nhận đơn quy định;

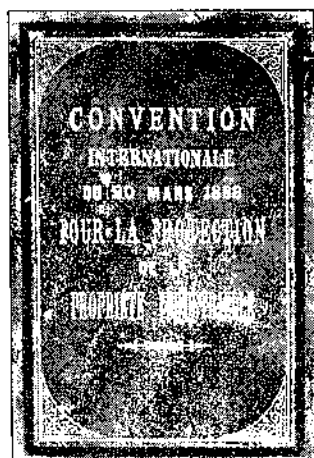
- Phải tìm người đại diện ở nước nhận đơn và uỷ quyền cho người đó thay mặt doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký sáng chế tại cơ quan SHCN quốc gia chứ không được nộp Đơn đăng ký trực tiếp. Như vậy ngoài các khoản lệ phí quốc gia nộp cho cơ quan SHCN, doanh nghiệp còn phải trả cho người đại diện phí dịch vụ đại diện SHCN. Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp nộp thông qua người đại diện SHCN sẽ được cơ quan SHCN nước nhận đơn xử lý theo thủ tục quy định của luật Patent nước đó. Khi đã uỷ quyền cho người đại diện thì mọi giao dịch giữa doanh nghiệp và cơ quan SHCN nước nhận đơn đều được thực hiện thông qua người đại diện SHCN.

Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp được cơ quan SHCN nước nhận đơn xử lý như thế nào?

Về cơ bản thủ tục xử lý Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp tại cơ quan SHCN nước nhận đơn cũng giống như thủ tục xử lý Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích của doanh nghiệp tại Cục Sở hữu trí tuệ và được thực hiện theo trình tự tổng quát sau:

Đơn sẽ được xét nghiệm hình thức, nếu được chấp nhận hợp lệ, Đơn sẽ được công bố trên Công báo sáng chế do cơ quan SHCN nước nhận đơn ấn hành định kỳ cùng với việc ấn hành Bản mô tả sáng chế kèm theo Đơn. Đơn chỉ được xét nghiệm nội dung khi có yêu cầu xét nghiệm nội dung và yêu cầu đó phải được nộp trong thời hạn quy định. Quá thời hạn đó mà không có yêu cầu xét nghiệm nội dung thì Đơn coi như bị rút bỏ.

Nếu kết quả xét nghiệm nội dung cho thấy sáng chế/giải pháp hữu ích đáp ứng các tiêu



chuẩn bảo hộ và doanh nghiệp nộp các khoản phí, lệ phí theo quy định của luật pháp nước đó thì sáng chế sẽ được đăng ký và Bằng độc quyền sáng chế hay Bằng độc quyền mẫu hữu ích (Patent) sẽ được cấp cho doanh nghiệp và được công bố trên Công báo sáng chế. Cùng lúc với việc công bố Văn bằng bảo hộ trên Công báo sáng chế, Bản mô tả sáng chế kèm theo Bằng độc quyền sáng chế hoặc bản mô tả mẫu hữu ích kèm theo Bằng độc quyền mẫu hữu ích cũng được ấn hành.

Trong quá trình xử lý Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, người đại diện SHCN sẽ thay mặt doanh nghiệp thực hiện các yêu cầu của Cơ quan sở hữu công nghiệp liên quan đến Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích đó.



Trụ sở của Cơ quan Patent Nhật bản

Doanh nghiệp có cần sự hỗ trợ của chuyên gia tư vấn về SHCN khi tiến hành các thủ tục đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài không?

Có. Đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích ở nước ngoài là việc làm khá phức tạp, đặc biệt là việc lập hồ sơ đăng ký ở từng nước và tìm người đại diện có uy tín để uỷ quyền cho họ thay mặt doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích với Cơ quan SHCN quốc gia.

Các tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có những chuyên gia am hiểu luật sáng chế của các nước có thể hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lập hồ sơ đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích và thông qua mối quan hệ đối tác đã được thiết lập, họ có thể giới thiệu cho doanh nghiệp người đại diện SHCN có thể thực hiện tốt các công việc mà doanh nghiệp uỷ quyền.

C. ĐĂNG KÝ SÁNG CHẾ THEO HIỆP ƯỚC HỢP TÁC VỀ SÁNG CHẾ

Hiệp ước hợp tác về sáng chế là gì ?

Hiệp ước hợp tác về sáng chế (Patent Cooperation Treaty - viết tắt là PCT) là một thỏa thuận về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nộp đơn yêu cầu cấp Bằng độc quyền sáng chế (Patent), tra cứu thông tin và xét nghiệm sơ bộ Đơn đăng ký sáng chế cũng như công bố thông tin kỹ thuật về các Đơn đó.

Mục tiêu chủ yếu của PCT là hợp lý hoá thủ tục nộp đơn khi Người nộp đơn yêu cầu bảo hộ sáng chế của mình ở nhiều nước là thành viên của PCT và làm cho việc nộp đơn đó có lợi cho Người nộp đơn và cho các Cơ quan Patent quốc gia mà sáng chế đó được yêu cầu bảo hộ.

PCT được ký tại Washington vào ngày 24/01/1978 và có hiệu lực từ ngày 01/06/1978. Hiện nay PCT có trên 100 nước thành viên, Việt nam tham gia PCT từ ngày 10/3/1993.

Hệ thống PCT là gì ?

Hệ thống PCT là hệ thống được hình thành và hoạt động trên cơ sở của PCT. Hệ thống PCT không phải là hệ thống “cấp” Patent mà chỉ là hệ thống “nộp đơn” yêu cầu cấp Patent. Quyết định cấp Patent ở giai đoạn quốc gia là hoàn toàn thuộc về cơ quan Patent quốc gia.

Nội dung cơ bản của hệ thống PCT là:

- Thiết lập Hệ thống nộp đơn quốc tế, cho phép người ở một nước thành viên của PCT có thể nộp một Đơn đăng ký sáng chế duy nhất gọi là “Đơn quốc tế” vào một cơ quan Patent quốc gia duy nhất gọi là “Cơ quan nhận đơn” bằng một ngôn ngữ có hiệu lực trong mỗi nước thành viên PCT mà Người nộp đơn chỉ ra trong đơn của mình;

- Quy định việc xét nghiệm hình thức Đơn quốc tế bởi một cơ quan Patent duy nhất - Cơ quan nhận đơn;

- Quy định việc tiến hành tra cứu thông tin phục vụ xét nghiệm nội dung đơn đăng ký gọi là “Tra cứu quốc tế” được kết thúc bởi một “Báo cáo tra cứu quốc tế” trong đó chỉ ra các tài liệu có liên quan đến sáng chế nêu trong Đơn quốc tế cần phải được xem xét khi đánh giá khả năng được cấp Patent của sáng chế đó. Báo cáo này được gửi cho Người nộp đơn quốc tế sau đó được công bố cùng với Đơn.

- Quy định việc công bố tập trung đơn quốc tế cùng với Báo cáo tra cứu quốc tế có liên quan cũng như quy định việc gửi chúng cho các cơ

quan patent của các nước được chỉ định;

- Quy định việc lựa chọn xét nghiệm sơ bộ quốc tế đối với đơn quốc tế. Xét nghiệm sơ bộ quốc tế được thực hiện tại một Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế có thẩm quyền và được kết thúc bằng một Báo cáo xét nghiệm sơ bộ quốc tế. Báo cáo này được gửi cho Người nộp đơn, Văn phòng quốc tế và các cơ quan Patent của nước được chọn trong đó có đưa ra ý kiến không ràng buộc về việc sáng chế nêu trong Đơn quốc tế có đáp ứng các tiêu chuẩn để được cấp Patent hay không;

- Quy định những công việc mà Người nộp đơn quốc tế phải thực hiện để tiến hành việc yêu cầu bảo hộ sáng chế của mình tại các nước được chỉ định trong Đơn quốc tế.

Doanh nghiệp muốn đăng ký bảo hộ sáng chế của mình ở các nước thành viên của PCT thì phải làm gì?

Doanh nghiệp hoặc bất cứ tổ chức cá nhân nào ở Việt Nam muốn đăng ký bảo hộ sáng chế của mình ở các nước thành viên của PCT phải thực hiện các công việc sau:

- Làm Đơn quốc tế (Đơn đăng ký sáng chế quốc tế) và gửi Đơn đó cho Cục Sở hữu trí tuệ (Cơ quan nhận đơn) hoặc cho Văn phòng quốc tế của Tổ chức SHTT thế giới tại Geneve, Thụy Sĩ.

Đơn quốc tế phải đáp ứng các yêu cầu quy định của Văn phòng quốc tế. Tài liệu của đơn gồm:

+ Tờ khai, làm theo mẫu quy định: 3 bản (Doanh nghiệp có thể nhận mẫu tờ khai miễn phí từ Cục Sở hữu trí tuệ);

+ Bản mô tả sáng chế, yêu cầu bảo hộ, hình vẽ (nếu có): 3 bản. Các tài liệu của đơn phải được làm bằng tiếng Anh hoặc tiếng Nga.

- Nộp các khoản lệ phí sau đây trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ nhận được Đơn quốc tế:

+ Lệ phí chuyển Đơn cho Văn phòng quốc tế: 500.000 đồng tiền Việt Nam (nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ);

+ Lệ phí nộp Đơn quốc tế (nộp cho văn phòng quốc tế thông qua Cục Sở hữu trí tuệ) là 1400 Franc Thụy sĩ;

+ Lệ phí tra cứu sáng chế (nộp cho cơ quan tra cứu quốc tế thông qua Cục Sở hữu trí tuệ): tùy theo nước được chỉ định tra cứu và loại tiền tệ được sử dụng.

Thủ tục xử lý Đơn quốc tế của doanh nghiệp được thực hiện như thế nào?

Đơn quốc tế của doanh nghiệp được thực hiện theo trình tự sau:

- Tại Cục Sở hữu trí tuệ: Khi nhận Đơn quốc tế, Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận tạm thời số Đơn và ngày nộp đơn sau đó kiểm tra xem sáng chế nêu trong Đơn có thuộc diện sáng chế bí mật hay không theo quy định hiện hành. Nếu sáng chế thuộc diện bí mật thì Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho Người nộp đơn là Đơn đó không được nộp theo PCT. Nếu sáng chế không thuộc diện bí mật thì Cục Sở hữu trí tuệ sẽ kiểm tra xem có thể ghi nhận ngày nộp đơn là ngày nộp đơn quốc tế hay không? Những thiếu sót của Đơn được Cục Sở hữu trí tuệ thông báo cho Người nộp đơn. Nếu các thiếu sót đó không được khắc phục thì Đơn bị coi là không hợp lệ. Ngày nộp đơn quốc tế là ngày mà Cục Sở hữu trí tuệ nhận được các tài liệu sửa đổi bổ sung (nhằm khắc phục các thiếu sót của Đơn).

Sau khi ghi nhận ngày nộp đơn quốc tế, Cục Sở hữu trí tuệ gửi bản sao Đơn cho Văn phòng quốc tế và "bản tra cứu" cho Cơ quan tra cứu quốc tế cùng những khoản lệ phí có liên quan trong thời hạn không muộn hơn 5 ngày trước khi kết thúc tháng 13 kể từ này ưu tiên.

- Tra cứu quốc tế: Việc tra cứu quốc tế được tiến hành tại Cơ quan tra cứu quốc tế được Cục SHTT lựa chọn trong số các Cơ quan tra cứu quốc tế có thẩm quyền được Đại hội đồng PCT chỉ định. Kết quả của việc tra cứu quốc tế được thể hiện trong Báo cáo tra cứu quốc tế. Bản sao Báo cáo tra cứu quốc tế cùng những tài liệu dẫn ra trong đó được gửi cho Người nộp đơn và Văn phòng quốc tế.

Khi nhận được Báo cáo tra cứu quốc tế, Người nộp đơn có thể nộp tài liệu sửa đổi cho Văn phòng quốc tế theo quy định.

- Công bố đơn quốc tế: Văn phòng quốc tế tiến hành việc công bố Đơn sau khi kết thúc 18 tháng tính từ ngày ưu tiên. Đơn có thể được công bố sớm hơn theo yêu cầu của Người nộp đơn.

Công bố Đơn quốc tế được thực hiện dưới hình thức ấn hành tập mỏng với nội dung bao gồm toàn văn Đơn quốc tế do Người nộp đơn nộp, trong đó Tờ khai được thay thế bằng trang đầu chứa những dữ liệu thư mục chính của Đơn quốc tế lấy từ Tờ khai này. Công bố Đơn quốc tế cũng bao gồm cả Báo cáo tra cứu quốc tế cùng những sửa đổi yêu cầu bảo hộ do Người nộp đơn nộp. Đơn được công bố bằng ngôn ngữ mà Người nộp đơn sử dụng khi nộp Đơn.

Văn phòng quốc tế sử dụng tập mỏng (được phát hành để công bố Đơn quốc tế) cho việc thông báo Đơn quốc tế tới các Cơ quan được chỉ định.

Việc công bố Đơn quốc tế tại nước được chỉ định có hiệu lực như việc công bố Đơn yêu cầu cấp Patent quốc gia theo quy định của Luật Patent nước đó.

Sau khi công bố Đơn quốc tế, trong vòng 19 tháng tính từ ngày ưu tiên, Văn phòng quốc tế gửi Đơn quốc tế và Báo cáo tra cứu quốc tế kèm theo sửa đổi (nếu có) cho Cơ quan được chỉ định trọng Đơn quốc tế. Người nộp Đơn quốc tế cũng được thông báo về điều này.

- Xét nghiệm sơ bộ quốc tế: Việc xét nghiệm sơ bộ quốc tế chủ yếu nhằm mục đích đưa ra ý kiến sơ bộ, không ràng buộc về việc sáng chế yêu cầu bảo hộ trong Đơn quốc tế có đáp ứng các tiêu chuẩn về tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng theo PCT hay không, qua đó giúp cho Người nộp đơn có cơ hội đánh giá lại một lần nữa khả năng được cấp Patent cho sáng chế của mình trước khi chi các khoản tiền cần thiết cho việc nộp Đơn.

Việc xét nghiệm sơ bộ quốc tế được tiến hành tại Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế có thẩm quyền theo chỉ định của Cục Sở hữu trí tuệ.

Để đơn được xét nghiệm sơ bộ, Người nộp đơn phải nộp yêu cầu xét nghiệm sơ bộ quốc tế. Đơn yêu cầu xét nghiệm phải được làm theo mẫu trong đó phải chỉ ra nước hoặc các nước thành viên PCT mà tại đó người nộp đơn dự định sử dụng kết quả xét nghiệm sơ bộ quốc tế (gọi là “nước được chọn”).

Cùng với việc nộp Đơn yêu cầu xét nghiệm sơ bộ quốc tế, Người nộp đơn phải nộp 2 loại phí: phí xét nghiệm sơ bộ cho Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế và phí xử lý cho Văn phòng quốc tế.

Ngay sau khi nhận được yêu cầu xét nghiệm sơ bộ quốc tế, Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế kiểm tra yêu cầu này theo quy định, nếu yêu cầu xét nghiệm không đáp ứng quy định, Người nộp đơn được yêu cầu khắc phục. Sau đó Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế gửi yêu cầu gốc cho Văn phòng quốc tế và Văn phòng quốc tế thông báo việc đó cho các nước được chọn và cho Người nộp đơn.

Kết quả xét nghiệm sơ bộ được thể hiện trong Báo cáo xét nghiệm sơ bộ quốc tế do Cơ quan xét nghiệm sơ bộ quốc tế lập theo mẫu trong thời hạn quy định và được gửi cùng với các tài liệu kèm theo cho người nộp đơn và Văn phòng quốc tế.

Từ 1978 đến 2004 đã có 1.047.418 Đơn quốc tế được nộp cho Văn phòng Quốc tế, riêng năm 2004 đã có tới 121.746 Đơn. Tính đến cuối tháng 7 năm 2005 đã có 712.133 Đơn quốc tế chỉ định vào Việt nam.

- Vào giai đoạn quốc gia:

Sau khi kết thúc giai đoạn quốc tế, để tiến hành việc yêu cầu bảo hộ sáng chế của mình tại các nước đã được chỉ định trong Đơn quốc tế hoặc đã được chọn ghi trong yêu cầu xét nghiệm sơ bộ quốc tế, Người nộp đơn phải thực hiện các công việc sau để đơn có thể “vào giai đoạn quốc gia”:

+ Nộp lệ phí quốc gia theo quy định của nước đó:

+ Nộp các tài liệu cần thiết trong một thời hạn nhất định là 30 tháng tính từ ngày ưu tiên của Đơn.

Một số nước thành viên của PCT quy định rằng việc vào giai đoạn quốc gia phải được người đại diện Patent (đại diện SHCN) thực hiện.

Việc xem xét và ra Quyết định có cấp Patent hay không là trách nhiệm của cơ quan Patent quốc gia của nước được chỉ định.

PCT dành cho mỗi nước thành viên quyền tự quy định các điều kiện cơ bản về khả năng cấp Patent (điều kiện bảo hộ) áp dụng ở giai đoạn quốc gia.

Cần chú ý là sau khi đơn quốc tế đã được Cục Sở hữu trí tuệ gửi cho Văn phòng quốc tế thì mọi giao dịch giữa Người nộp đơn và Văn phòng quốc tế cũng như các cơ quan có liên quan đều được thực hiện thông qua Cục Sở hữu trí tuệ.

Chương 5

BẢO HỘ BÍ MẬT KINH DOANH, CHỈ DẪN ĐỊA LÝ, TÊN THƯƠNG MẠI VÀ QUYỀN CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH

1. KHÁI NIỆM CHUNG

Chỉ dẫn thương mại là gì?

Chỉ dẫn thương mại là các dấu hiệu, thông tin nhằm hướng dẫn người tiêu dùng về hàng hoá, dịch vụ lưu thông trên thị trường. Chỉ dẫn thương mại bao gồm: nhãn hiệu hàng hoá, tên thương mại, biểu tượng và khẩu hiệu kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của hàng hoá, nhãn sản phẩm...

Thế nào là sử dụng chỉ dẫn thương mại ?

Sử dụng chỉ dẫn thương mại là việc gắn (in, dán, đính, đúc, dập...) chỉ dẫn thương mại lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch kinh doanh, phương tiện quảng cáo; bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán; nhập khẩu hàng hoá có gắn chỉ dẫn thương mại đó.

Thành quả đầu tư là gì ?

Thành quả đầu tư là những kiến thức, thông tin dưới dạng công nghệ, sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bí quyết kỹ thuật, bí quyết kinh doanh... thu được từ hoạt động đầu tư về tài chính hoặc trí tuệ.

Thế nào là sử dụng thành quả đầu tư ?

Sử dụng thành quả đầu tư là việc sử dụng kiến thức, thông tin thu được từ hoạt động đầu tư (dưới dạng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, bí quyết kỹ thuật...) để thực hiện hoạt động sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, thương mại hàng hoá; bán, quảng cáo để bán, nhập khẩu sản phẩm được sản xuất do sử dụng kiến thức, thông tin đó.

2. BẢO HỘ QUYỀN SHCN ĐỐI VỚI BÍ MẬT KINH DOANH

Bí mật kinh doanh là gì ?

Luật SHTT: Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

Bí mật kinh doanh muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?

Bí mật kinh doanh được bảo hộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Không phải là hiểu biết thông thường;
- Có khả năng sử dụng trong kinh doanh và khi sử dụng sẽ tạo cho người nắm giữ thông tin đó có lợi thế so với người không nắm giữ hoặc không sử dụng thông tin đó;
- Được Chủ sở hữu giữ bí mật bằng các biện pháp cần thiết để thông tin đó không bị tiết lộ và không dễ dàng tiếp cận được.

Những thông tin bí mật nào không được bảo hộ là bí mật kinh doanh?

Các thông tin bí mật không liên quan đến kinh doanh như bí mật về nhân thân, về quản lý nhà nước và an ninh, quốc phòng không được bảo hộ dưới danh nghĩa là bí mật kinh doanh.

Quyền sở hữu bí mật kinh doanh được xác lập như thế nào ?

Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh tự động được xác lập khi có đủ điều kiện quy định mà không cần phải đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật SHTT: Quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh được xác lập trên cơ sở có được một cách hợp pháp bí mật kinh doanh và thực hiện việc bảo mật bí mật kinh doanh đó.

Thời hạn bảo hộ bí mật kinh doanh được quy định như thế nào?

Các quyền của chủ sở hữu quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh được bảo hộ khi bí mật kinh doanh còn đáp ứng đủ các điều kiện quy định đối với bí mật kinh doanh.

Ai có thể được công nhận là Chủ sở hữu bí mật kinh doanh?

Chủ sở hữu bí mật kinh doanh là tổ chức, cá nhân đã đầu tư về tài chính hoặc trí tuệ để tạo ra hoặc có được thành quả đầu tư là bí mật kinh doanh. Nếu bí mật kinh doanh được người làm thuê, người thực hiện hợp đồng tạo ra trong khi thực hiện công việc được giao thì bí mật kinh doanh đó thuộc quyền sở hữu của bên thuê hoặc bên giao việc, trừ trường hợp các bên liên quan có thỏa thuận khác.

Chủ sở hữu bí mật kinh doanh có quyền gì ?

Chủ sở hữu quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt bí mật kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Luật SHTT: Chủ sở hữu bí mật kinh doanh có các quyền tài sản sau đây:

- Sử dụng, cho phép người khác sử dụng bí mật kinh doanh của mình;
- Ngăn cấm người khác sử dụng bí mật kinh doanh của mình;
- Định đoạt bí mật kinh doanh của mình (Chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển quyền sử dụng bí mật kinh doanh cho người khác).

Việc sử dụng bí mật kinh doanh thuộc quyền sở hữu của Chủ sở hữu bí mật kinh doanh bao gồm những hành vi nào?

Luật SHTT: Sử dụng bí mật kinh doanh là việc thực hiện các hành vi sau đây:

- Áp dụng bí mật kinh doanh để sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ, thương mại hàng hoá;
- Bán, quảng cáo để bán, tàng trữ để bán, nhập khẩu sản phẩm được sản xuất do áp dụng bí mật kinh doanh.

Việc chuyển giao quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh được quy định như thế nào ?

- Quyền sở hữu công nghiệp đối với bí mật kinh doanh được phép chuyển giao hoặc thừa kế theo pháp luật.
- Việc chuyển giao quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh phải được thực hiện dưới hình thức hợp đồng bằng văn bản, trong đó Bên giao phải ghi rõ bí mật kinh doanh được chuyển giao. Trong trường hợp các bên thoả thuận chỉ chuyển giao quyền sử dụng bí mật kinh doanh thì Bên nhận có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp bảo mật cần thiết theo yêu cầu của Bên giao.

Những hành vi nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu bí mật kinh doanh ?

Những hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh bao gồm:

- Tiếp cận, thu thập thông tin thuộc bí mật kinh doanh bằng cách chống lại các biện pháp bảo mật của Chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó;
- Bộc lộ, sử dụng thông tin thuộc bí mật kinh doanh mà không được phép của Chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó;
- Vi phạm hợp đồng bảo mật hoặc lừa gạt, lợi dụng lòng tin của người có nghĩa vụ bảo mật để tiếp cận, thu thập và làm bộc lộ thông tin thuộc bí mật kinh doanh của Chủ sở hữu bí mật kinh doanh đó;
- Tiếp cận, thu thập các thông tin thuộc bí mật kinh doanh của người khác khi họ làm thủ tục xin giấy phép kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm - đặc biệt là các mặt hàng dược phẩm và sản phẩm hoá nông, hoặc bằng

cách chống lại các biện pháp bảo mật của các cơ quan hành chính, hoặc sử dụng những thông tin đó nhằm mục đích kinh doanh, kể cả nhằm mục đích xin cấp giấy phép liên quan đến kinh doanh hoặc lưu hành sản phẩm.

Luật SHTT:

- Sử dụng, bộc lộ bí mật kinh doanh dù đã biết hoặc có nghĩa vụ phải biết bí mật kinh doanh đó do người khác thu được có liên quan đến một trong các hành vi nêu tại các điểm trên đây;

- Không thực hiện nghĩa vụ bảo mật theo quy định.

3. BẢO HỘ QUYỀN SHCN ĐỐI VỚI TÊN THƯƠNG MẠI

Tên thương mại là gì?

Tên thương mại được bảo hộ là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với các chủ thể kinh doanh khác trong cùng một lĩnh vực kinh doanh.

Thông thường một tên thương mại đầy đủ gồm 2 phần: Phần mô tả và phần phân biệt.

Phần mô tả thể hiện loại hình doanh nghiệp, hình thức sở hữu và lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp.

Phần phân biệt: Do doanh nghiệp tự đặt, có thể là một từ ngữ, một tập hợp các chữ cái có thể kèm theo chữ số dùng để phân biệt doanh nghiệp đó với các doanh nghiệp khác trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

Ví dụ: Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên.

Trong đó: "Công ty TNHH sản xuất hàng tiêu dùng" là phần mô tả, "Bình Tiên" là phần phân biệt của tên thương mại đó.

Luật SHTT: Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với các chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Tên thương mại được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?

Tên thương mại được bảo hộ nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là tập hợp các chữ cái, có thể kèm theo chữ số, phát âm được (không nhất thiết phải phát âm như một từ);

- Có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với các chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

Luật SHTT: Tên thương mại được bảo hộ phải có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh.

Tên thương mại được coi là có khả năng phân biệt nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp đã biết đến rộng rãi do sử dụng;
- Không trùng hoặc không tương tự tới mức gây nhầm lẫn với tên thương mại mà người khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh;
- Không trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác hoặc với chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ trước ngày tên thương mại đó được sử dụng.

Những tên gọi nào không được bảo hộ tên thương mại?

Các tên gọi dưới đây không được bảo hộ dưới danh nghĩa là tên thương mại:

- Tên gọi của các cơ quan hành chính, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc tên gọi của các chủ thể không liên quan đến hoạt động kinh doanh;
- Tên gọi nhằm mục đích thực hiện chức năng của tên thương mại nhưng không có khả năng phân biệt chủ thể kinh doanh của các cơ sở kinh doanh trong cùng một lĩnh vực;
- Tên thương mại gây nhầm lẫn với tên thương mại của người khác đã sử dụng từ trước trên cùng một địa bàn và cùng một lĩnh vực kinh doanh, gây nhầm lẫn với nhãn hiệu hàng hoá của người khác đã được bảo hộ từ trước khi bắt đầu sử dụng tên thương mại đó.

Quyền sở hữu tên thương mại được xác lập như thế nào?

Quyền sở hữu đối với tên thương mại tự động được xác lập khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện mà pháp luật quy định đối với tên thương mại mà không cần đăng ký tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Luật SHTT:

Quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp tên thương mại đó.

Ai được công nhận là Chủ sở hữu tên thương mại?

Chủ sở hữu tên thương mại là tổ chức, cá nhân tiến hành hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.

Chủ sở hữu tên thương mại có quyền gì?

Chủ sở hữu tên thương mại có các quyền sau đây:

- Sử dụng tên thương mại vào mục đích kinh doanh bằng cách dùng tên

thương mại để xưng danh trong các hoạt động kinh doanh, thể hiện tên thương mại trong các giấy tờ giao dịch, trên biển hiệu, trên sản phẩm, trên bao bì sản phẩm và trên các phương tiện quảng cáo ;

- Chuyển giao tên thương mại theo hợp đồng hoặc thừa kế cho người khác với điều kiện việc chuyển giao phải được tiến hành cùng toàn bộ cơ sở kinh doanh dưới tên thương mại đó;

- Yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền buộc người thực hiện hành vi xâm phạm quyền của mình chấm dứt hành vi xâm phạm và bồi thường thiệt hại;

Luật SHCN: Chủ sở hữu tên thương mại có các quyền tài sản sau đây:

- Sử dụng, cho phép người khác sử dụng tên thương mại của mình;

- Ngăn cấm người khác sử dụng tên thương mại của mình;

- Định đoạt tên thương mại của mình (Chuyển nhượng quyền sở hữu hoặc chuyển quyền sử dụng tên thương mại cho người khác).

Việc sử dụng tên thương mại thuộc quyền của Chủ sở hữu tên thương mại bao gồm những hành vi nào ?

Luật SHTT: Sử dụng tên thương mại là việc thực hiện các hành vi nhằm mục đích thương mại bằng cách dùng tên thương mại để xưng danh trong các hoạt động kinh doanh, thể hiện tên thương mại trong các giấy tờ giao dịch, biển hiệu, sản phẩm, hàng hoá, bao bì hàng hoá và phương tiện cung cấp dịch vụ, quảng cáo.

Thời hạn bảo hộ tên thương mại được quy định như thế nào?

Quyền sở hữu đối với tên thương mại được bảo hộ khi Chủ sở hữu tên thương mại vẫn còn duy trì hoạt động kinh doanh dưới tên thương mại đó.

Những hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu tên thương mại?

Hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với tên thương mại là hành vi sử dụng bất kỳ chỉ dẫn thương mại nào trùng hoặc tương tự với tên thương mại của người khác cho cùng loại sản phẩm, dịch vụ hoặc cho sản phẩm/dịch vụ tương tự gây nhầm lẫn về chủ thể kinh doanh hoạt động dưới tên thương mại đó.

4. BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

A. KHÁI NIỆM VỀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Chỉ dẫn địa lý là gì?

Chỉ dẫn địa lý là thông tin về nguồn gốc địa lý của hàng hoá, có chức năng thông báo cho người tiêu dùng về một loại sản phẩm được sản xuất ở một địa điểm cụ thể và có chất lượng mong muốn nhất định mà chỉ tìm thấy ở địa điểm đó.

Luật SHTT: Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ hàng hoá có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

Chỉ dẫn địa lý muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?

Chỉ dẫn địa lý muốn được bảo hộ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Thể hiện dưới dạng một từ ngữ, dấu hiệu, biểu tượng hoặc hình ảnh, dùng để chỉ một quốc gia, một vùng lãnh thổ hoặc một địa phương thuộc một quốc gia;

- Thể hiện trên hàng hoá, bao bì hàng hoá hay giấy tờ giao dịch liên quan đến việc mua bán hàng hoá nhằm chỉ dẫn rằng hàng hoá nói trên có nguồn gốc tại quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc địa phương mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hoá này có được chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.

Luật SHTT: Chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau:

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ vùng lãnh thổ của địa phương, khu vực hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý;

- Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của địa phương, khu vực hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

Danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được quy định như thế nào ?

Luật SHTT:

- Danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được xác định bằng mức độ tin nhiệm của người tiêu dùng đối với sản phẩm đó thông qua mức độ rộng rãi những người tiêu dùng biết đến và chọn lựa sản phẩm đó.

- Chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được xác định bằng một hoặc một số chỉ tiêu định tính, định lượng hoặc cảm quan về vật lý, hoá học, vi sinh và các chỉ tiêu đó phải có khả năng kiểm tra được bằng phương tiện kỹ thuật hoặc chuyên gia, theo phương pháp kiểm tra phù hợp.

Điều kiện địa lý liên quan đến chỉ dẫn địa lý bao gồm những yếu tố nào?

Luật SHTT:

- Các điều kiện địa lý liên quan đến chỉ dẫn địa lý là những yếu tố tự nhiên, yếu tố về con người quyết định danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

- Yếu tố tự nhiên bao gồm yếu tố về khí hậu, thủy văn, địa chất, địa hình, hệ sinh thái và các điều kiện tự nhiên khác.

- Yếu tố về con người bao gồm kỹ năng, kỹ xảo của người sản xuất, quy trình sản xuất truyền thống của địa phương.

Khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý được xác định như thế nào ?

Luật SHTT: Khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý có ranh giới được xác định một cách chính xác bằng từ ngữ và bản đồ.

Các đối tượng nào không được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý ?

Các thông tin địa lý đã trở thành tên gọi thông thường của hàng hoá, đã mất khả năng chỉ dẫn nguồn gốc địa lý thì không được bảo hộ dưới danh nghĩa là chỉ dẫn địa lý.

Luật SHTT: Các đối tượng sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa chỉ dẫn địa lý:

- Tên gọi, chỉ dẫn đã trở thành tên gọi chung của hàng hoá ở Việt Nam;
- Chỉ dẫn địa lý của nước ngoài mà tại nước đó chỉ dẫn địa lý không được bảo hộ, đã bị chấm dứt bảo hộ hoặc không còn được sử dụng;
- Chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự với một nhãn hiệu đang được bảo hộ, nếu việc sử dụng chỉ dẫn địa lý đó được thực hiện thì sẽ gây nhầm lẫn về nguồn gốc của sản phẩm;
- Chỉ dẫn địa lý gây hiểu sai lệch cho người tiêu dùng về nguồn gốc địa lý thực của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đó.

Mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá được hiểu như thế nào?

Chỉ dẫn địa lý là một khái niệm rộng bao gồm cả chỉ dẫn nguồn gốc (hàng hoá) và tên gọi xuất xứ hàng hoá.

Chỉ dẫn nguồn gốc (hàng hoá) là bất kỳ một dấu hiệu hay cách thức thể hiện nào (dưới dạng từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng...) dùng để chỉ dẫn rằng một hàng hoá hay dịch vụ nào đó có nguồn gốc từ một quốc gia, vùng lãnh thổ hay một địa danh cụ thể, trong khi tên gọi xuất xứ hàng hoá, chỉ được

thể hiện dưới dạng tên gọi của một quốc gia, một vùng lãnh thổ hay tên một địa danh gắn liền với tên hàng hoá để chỉ dẫn rằng hàng hoá đó có tính chất, chất lượng đặc thù mà tính chất, chất lượng đặc thù đó do điều kiện địa lý độc đáo và ưu việt (bao gồm yếu tố tự nhiên, con người hoặc kết hợp cả 2 yếu tố đó) quyết định. Do vậy tên gọi xuất xứ hàng hoá thực chất là một dạng đặc biệt của chỉ dẫn địa lý. Nếu chỉ dẫn địa lý là tên gọi xuất xứ hàng hoá thì việc bảo hộ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về tên gọi xuất xứ hàng hoá.

B. XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Đi có quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý ?

Luật SHTT: Quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của Việt Nam thuộc về nhà nước.

Nhà nước cho phép tổ chức, cá nhân sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tổ chức tập thể đại diện cho các tổ chức, cá nhân đó hoặc cơ quan quản lý hành chính địa phương nơi có chỉ dẫn địa lý thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý. Người thực hiện quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý không trở thành chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý đó.

Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý phải đáp ứng những yêu cầu gì ?

Luật SHTT: Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý gồm các tài liệu sau đây:

+ Tờ khai đăng ký, làm theo mẫu quy định;

+ Tài liệu, thông tin xác định chỉ dẫn địa lý cần bảo hộ trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý;

+ Giấy uỷ quyền, nếu đơn nộp thông qua đại diện;

+ Chứng từ nộp phí, lệ phí. -

- Tài liệu, thông tin xác định chỉ dẫn địa lý cần bảo hộ trong đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý bao gồm:

+ Tên gọi, dấu hiệu là chỉ dẫn địa lý;

+ Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

+ Bản mô tả tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý và các yếu tố đặc trưng của điều kiện tự nhiên tạo nên tính chất, chất lượng đặc thù, danh tiếng của sản phẩm đó (gọi là bản mô tả tính chất đặc thù);

+ Bản đồ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý;

+ Tài liệu chứng minh chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ tại nước có chỉ dẫn địa lý đó, nếu là chỉ dẫn địa lý của nước ngoài.

Thủ tục xử lý đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được thực hiện như thế nào ?

Luật SHTT: Thủ tục xử lý đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được thực hiện theo trình tự sau:

- Thẩm định hình thức đơn đăng ký: Mục đích của việc thẩm định hình thức đơn đăng ký là để đánh giá tính hợp lệ của đơn. Thời gian quy định cho việc thẩm định hình thức đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý là 1 tháng kể từ ngày nộp đơn;

- Công bố đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý: Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được coi là hợp lệ được công bố trên Công báo SHCN trong thời hạn 2 tháng kể từ ngày đơn được chấp nhận là đơn hợp lệ;

- Thẩm định nội dung đơn đăng ký: Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý đã được công nhận là hợp lệ được thẩm định nội dung để đánh giá khả năng cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho chỉ dẫn địa lý nêu trong đơn đăng ký theo các điều kiện bảo hộ đối với chỉ dẫn địa lý. Thời gian thẩm định nội dung đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý là 6 tháng kể từ ngày công bố đơn;

- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý, đăng bạ: Nếu chỉ dẫn địa lý trong đơn đăng ký đáp ứng các điều kiện quy định và người nộp đơn nộp lệ phí quy định thì cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý và ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia về chỉ dẫn địa lý;

- Công bố Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý: Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý được cơ quan quản lý nhà nước về quyền SHCN công bố trên Công báo SHCN trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

C. BẢO HỘ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ

Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý là gì ?

Luật SHTT: Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý là Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý. Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý ghi nhận tổ chức quản lý tập thể quyền đối với chỉ dẫn địa lý, các tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ, tính chất đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý, tính chất đặc thù về điều kiện địa lý và khu vực địa lý tương ứng.

Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý được quy định như thế nào ?

Luật SHTT: Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp.

Trong trường hợp nào thì Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý bị chấm dứt hiệu lực bảo hộ ?

Luật SHTT: Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý bị chấm dứt hiệu lực trong trường hợp các điều kiện địa lý tạo nên danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý bị thay đổi làm mất danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm đó.

Ai được công nhận là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý ?

Luật SHTT: Chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý của Việt Nam là nhà nước. Nhà nước trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho tổ chức, cá nhân tiến hành việc sản xuất sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý tại địa phương tương ứng và đưa sản phẩm đó ra thị trường. Nhà nước trực tiếp thực hiện quyền quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý cho tổ chức đại diện quyền lợi của tất cả các tổ chức, cá nhân được trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Tổ chức, cá nhân được Nhà nước trao quyền sử dụng, quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền gì ?

Luật SHTT: Tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền sử dụng hoặc quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền ngăn cấm người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý đó.

Tổ chức được trao quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền cho phép người khác sử dụng chỉ dẫn địa lý.

Sử dụng chỉ dẫn địa lý là việc thực hiện các hành vi nào ?

Luật SHTT: Sử dụng chỉ dẫn địa lý là việc thực hiện các hành vi sau đây:

- Gắn chỉ dẫn địa lý được bảo hộ lên hàng hoá, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động kinh doanh;

- Lưu thông, chào bán, quảng cáo nhằm để bán, tàng trữ để bán hàng hoá có mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ;

- Nhập khẩu hàng hoá có mang chỉ dẫn địa lý được bảo hộ.

Những hành vi nào bị coi là xâm phạm quyền đối với chỉ dẫn địa lý ?

Hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý bao gồm:

- Sử dụng bất kỳ chỉ dẫn thương mại nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ gây ấn tượng sai lệch về xuất xứ địa lý của hàng hoá;

- Sử dụng bất kỳ chỉ dẫn thương mại nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho hàng hoá cùng loại, tương tự hoặc có liên quan mà không đảm bảo uy tín, danh tiếng của hàng hoá mang chỉ dẫn địa lý đó, kể cả trường hợp sử dụng cùng với các từ như "phương pháp",

"kiểu", "loại", "dạng", "phỏng theo" hoặc những từ ngữ tương tự;

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý về rượu vang hoặc rượu mạnh cho những loại rượu vang hoặc rượu mạnh không có xuất xứ tại lãnh thổ được chỉ dẫn, kể cả trường hợp có nêu chỉ dẫn về xuất xứ thật của hàng hoá hoặc chỉ dẫn địa lý được sử dụng dưới hình thức dịch sang ngôn ngữ khác hoặc được sử dụng kèm theo các từ như "kiểu", "loại", "dạng", "phỏng theo" hoặc những từ ngữ tương tự.

Luật SHTT:

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm mặc dù có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý, nhưng sản phẩm đó không đáp ứng các tiêu chuẩn về tính chất, chất lượng đặc thù của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý;

- Sử dụng chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm tương tự với sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm mục đích lợi dụng danh tiếng, uy tín của chỉ dẫn địa lý;

- Sử dụng bất kỳ dấu hiệu nào trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý được bảo hộ cho sản phẩm không có nguồn gốc từ khu vực địa lý tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch rằng sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực địa lý đó;

5. BẢO HỘ QUYỀN CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SHCN

Những hành vi nào bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN ?

Hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN bao gồm:

- Sử dụng chỉ dẫn thương mại để làm sai lệch về nhận thức và thông tin về chủ thể kinh doanh, cơ sở kinh doanh, hoạt động kinh doanh, hàng hóa, dịch vụ nhằm mục đích:

+ Lợi dụng uy tín, danh tiếng của người sản xuất, kinh doanh khác trong sản xuất, kinh doanh của mình;

+ Làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của người sản xuất kinh doanh khác trong sản xuất, kinh doanh của mình;

+ Gây nhầm lẫn về xuất xứ, cách sản xuất, tính năng, chất lượng, số lượng hoặc đặc điểm khác của hàng hóa, dịch vụ cho người tiêu dùng trong quá trình nhận biết, chọn lựa hàng hóa, dịch vụ hoặc hoạt động kinh doanh.

- Chiếm đoạt, sử dụng thành quả đầu tư của người khác mà không được

người đó cho phép.

Luật SHTT

- Sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ tại một nước là thành viên của Điều ước quốc tế có quy định cấm người đại diện hoặc đại lý của Chủ sở hữu nhãn hiệu sử dụng nhãn hiệu đó mà Việt Nam cũng là thành viên, nếu người sử dụng là người đại diện hoặc đại lý của Chủ sở hữu nhãn hiệu và việc sử dụng đó không được sự đồng ý của Chủ sở hữu nhãn hiệu và không có lý do chính đáng;

- Đăng ký, chiếm giữ quyền sử dụng hoặc sử dụng tên miền trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, tên thương mại được bảo hộ của người khác hoặc chỉ dẫn địa lý mà mình không có quyền sử dụng nhằm mục đích chiếm giữ tên miền, lợi dụng hoặc làm thiệt hại đến uy tín, danh tiếng của nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý tương ứng.

Ai có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh ?

Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc có khả năng bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh thuộc lĩnh vực SHCN có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền: buộc người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh phải chấm dứt hành vi đó, yêu cầu bồi thường thiệt hại; xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh.

Các Hội người tiêu dùng, Hội nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân có quyền đại diện cho các hội viên của mình yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện các biện pháp xử lý nêu trên đối với người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại cho hội viên của mình.

Người yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nghĩa vụ gì ?

Khi thực hiện quyền yêu cầu xử lý người có hành vi cạnh tranh không lành mạnh, người yêu cầu có nghĩa vụ chứng minh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc của tổ chức, cá nhân do mình đại diện đang bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị thiệt hại do hành vi cạnh tranh không lành mạnh gây ra.

THỰC THI QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Thực thi quyền SHCN là gì ?

Thực thi quyền SHCN là việc thực hiện các biện pháp theo quy định của pháp luật nhằm bảo vệ các quyền của Chủ SHCN và ngăn chặn, xử lý người khác sử dụng, khai thác trái phép đối tượng SHCN được bảo hộ.

Những biện pháp nào có thể được sử dụng để xử lý những hành vi xâm phạm quyền SHCN ?

Luật SHTT:

- Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN của tổ chức cá nhân khác thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm, có thể bị xử lý bằng biện pháp hành chính, dân sự hoặc hình sự.

- Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời, biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHCN, các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Chủ SHCN có quyền áp dụng những biện pháp gì để bảo vệ quyền SHCN của mình ?

Luật SHTT:

Chủ SHCN có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền SHCN của mình:

- Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền SHCN;

- Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

- Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN theo luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Khởi kiện ra Tòa án hoặc Trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Chủ SHCN giữ vai trò gì trong việc đảm bảo thực thi quyền SHCN ?

Đối tượng SHCN khi được đăng ký bảo hộ, trở thành tài sản của doanh nghiệp. Tài sản đó càng có giá trị thì càng có nguy cơ bị xâm phạm. Việc bảo vệ tài sản đó chống lại mọi sự xâm phạm của người khác là trách nhiệm của doanh nghiệp.

Việc doanh nghiệp chủ động theo dõi, phát hiện và đề nghị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN giữ vai trò quan trọng, có tính chất quyết định đối với việc bảo đảm thực thi quyền SHCN của doanh nghiệp. Mặt khác doanh nghiệp không chỉ là người phát hiện, tố cáo và cung cấp chứng cứ vi phạm ban đầu mà còn có thể tham dự vào quá trình điều tra của cơ quan thực thi pháp luật để chứng minh và làm rõ các hành vi xâm phạm làm căn cứ cho việc xử phạt được chính xác.

Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?

Luật SHTT:

- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các cơ quan Tòa án, Thanh tra, Quản lý thị trường, Hải quan, Công an, Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN.

- Việc áp dụng biện pháp dân sự, hình sự thuộc thẩm quyền của Tòa án. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật.

- Việc áp dụng biện pháp hành chính thuộc thẩm quyền của các cơ quan Thanh tra, Công an, Quản lý thị trường, Hải quan, Ủy ban nhân dân các cấp. Trong trường hợp cần thiết, các cơ quan này có thể áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính theo quy định của pháp luật.

- Việc áp dụng biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến SHCN thuộc thẩm quyền của cơ quan hải quan.

Giám định về sở hữu công nghiệp là gì ?

Luật SHTT: Giám định về SHCN là việc tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sử dụng kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn để đánh giá, kết luận về những vấn đề có liên quan đến vụ việc xâm phạm quyền SHCN.

Ai có quyền trưng cầu ý kiến giám định hoặc yêu cầu giám định về SHCN?

Luật SHTT:

Những tổ chức, cá nhân sau đây có quyền trưng cầu ý kiến giám định hoặc yêu cầu giám định về SHCN:

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN có quyền trưng cầu ý kiến giám định về SHCN để giải quyết vụ việc mà mình đang thụ lý.

- Chủ thể quyền SHCN và tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền yêu cầu giám định về SHCN để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

2. BIỆN PHÁP XỬ LÝ HÀNH CHÍNH ĐỐI VỚI CÁC VI PHẠM QUYỀN SHCN

Biện pháp xử lý hành chính là gì ?

Biện pháp xử lý hành chính là biện pháp do cơ quan có thẩm quyền thực hiện bằng việc áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với các tổ chức cá nhân có hành vi bị coi là xâm phạm quyền SHCN theo đề nghị của Chủ SHCN hoặc theo sự phát hiện của chính cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính.

Hành vi vi phạm hành chính về SHCN là hành vi cố ý hoặc vô ý vi phạm các quy định về bảo hộ và quản lý nhà nước về SHCN do tổ chức, cá nhân thực hiện nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính về SHCN là các cơ quan thuộc hệ thống hành pháp có chức năng liên quan đến quản lý nhà nước về SHCN.

Từ 1997 đến 2005, Cục SHTT đã nhận và xử lý 3191 đơn khiếu nại về việc vi phạm quyền sở hữu công nghiệp, trong đó chủ yếu là đơn khiếu nại về vi phạm nhãn hiệu hàng hóa và kiểu dáng công nghiệp. Riêng năm 2005, Cục SHTT đã nhận được 594 đơn khiếu nại về vi phạm quyền SHCN và 340 đơn yêu cầu giám định pháp lý về SHCN.

Các hành vi vi phạm nào bị xử phạt hành chính về SHCN ?

Các hành vi vi phạm bị xử phạt hành chính về SHCN gồm:

- Hành vi vi phạm quy định về thủ tục xác lập, thực hiện quyền SHCN và thủ tục xin cấp phép hoạt động dịch vụ đại diện SHCN;
- Hành vi vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền SHCN;
- Hành vi vi phạm quy định về hoạt động dịch vụ tư vấn, đại diện SHCN;
- Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ SHCN;
- Hành vi vi phạm quy định về bảo hộ quyền SHCN.

Luật SHTT:

- Mặc dù đã được chủ thể quyền SHCN thông báo bằng văn bản yêu cầu chấm dứt hành vi xâm phạm quyền SHCN nhưng người có hành vi xâm phạm không chấm dứt việc xâm phạm đó;

- Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán hàng hoá giả mạo về SHCN hoặc giao cho người khác thực hiện những hành vi này;

- Sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, buôn bán vật mang nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ hoặc giao cho người khác thực hiện hành vi này;

Những loại hàng hoá nào bị coi là hàng hoá giả mạo về SHCN ?

Luật SHTT: Hàng hoá giả mạo về SHCN bao gồm hàng hoá giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý.

Hàng hoá giả mạo nhãn hiệu là hàng hoá, bao bì của hàng hoá có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý.

Biện pháp xử lý hành chính có những ưu điểm gì so với các biện pháp kiện dân sự hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự ?

Biện pháp xử lý hành chính thường được doanh nghiệp lựa chọn khi xảy ra xâm phạm bởi lẽ biện pháp này có những ưu điểm sau:

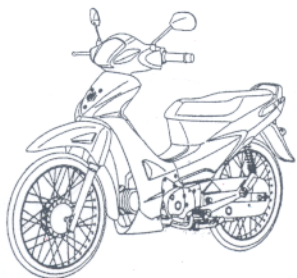
- Việc xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN thường được thực hiện trong thời gian ngắn nhờ đó mà ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm quyền SHCN ;

- Với ý nghĩa trừng phạt đối với tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm, biện pháp này có tác dụng răn đe và phòng ngừa cao đối với việc tái phạm cũng như đối với những người khác có ý đồ thực hiện các hành vi xâm phạm ;

- Thủ tục xử lý vi phạm đơn giản, đỡ tốn kém.

Trường hợp nào thì doanh nghiệp nên chọn biện pháp xử lý hành chính để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?

Doanh nghiệp nên chọn biện pháp xử lý hành chính trong trường hợp hành vi xâm phạm chưa đến mức phải truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc doanh nghiệp không có yêu cầu bồi thường thiệt hại do hành vi xâm phạm đó gây ra mà chỉ muốn ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm và răn đe người khác không được vi phạm quyền SHCN của mình.



Kiểu dáng xe "Wave" của hãng Honda đã được đăng ký bảo hộ



Kiểu dáng xe vi phạm đã bị xử phạt hành chính

Ai có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp xử lý hành chính để xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN ?

Những tổ chức, cá nhân sau đây có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN:

- Chủ SHCN (Chủ sở hữu Văn bằng bảo hộ quyền SHCN);
- Người được Chủ SHCN uỷ quyền ;
- Người được chuyển giao quyền sở hữu, thừa kế quyền sở hữu đối tượng SHCN ;

- Người được chủ SHCN chuyển giao Lixăng trong trường hợp Người chuyển giao Lixăng không tiến hành các biện pháp thoả đáng để bảo vệ quyền lợi cho Bên được chuyển giao Lixăng theo quy định của pháp luật.

Thời hiệu xử phạt hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?

Thời hiệu xử phạt hành chính trong lĩnh vực SHCN là một năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Riêng đối với nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ, thời hiệu xử phạt là 2 năm tính từ ngày thực hiện hành vi vi phạm. Điều đó có nghĩa là, nếu quá thời hạn nói trên thì tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm không bị xử phạt hành chính nhưng có thể bị áp dụng biện pháp nhằm khắc phục những hậu quả do hành vi xâm phạm đó gây ra như buộc tiêu huỷ vật phẩm, hàng hoá vi phạm gây hại cho sức khoẻ con người.

Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về SHCN ?

Khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN, Chủ SHCN có quyền yêu cầu các cơ quan dưới đây xử phạt hành chính:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ;
- Cơ quan cảnh sát;
- Cơ quan quản lý thị trường ;
- Cơ quan hải quan ;
- Thanh tra chuyên ngành SHCN.

Các cơ quan nói trên thực hiện chức năng xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN xảy ra trong phạm vi địa phương mình quản lý. Thanh tra chuyên ngành SHCN thuộc Bộ Khoa học Công nghệ có thẩm

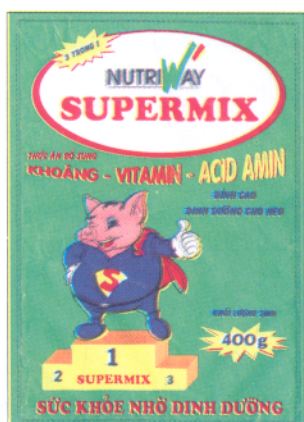
quyền xử phạt hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN trong phạm vi cả nước.

Trong thực tế khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình, doanh nghiệp thường đề nghị một trong các cơ quan thực thi pháp luật ở địa phương (Quản lý thị trường, Cảnh sát kinh tế, Thanh tra chuyên ngành SHCN, Hải quan) nơi xảy ra xâm phạm xem xét và xử lý tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm. Trong quá trình xử lý vụ việc, nếu xét thấy mức hình phạt cần áp dụng vượt quá thẩm quyền quyết định của mình thì cơ quan được yêu cầu xử phạt làm các thủ tục đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền.

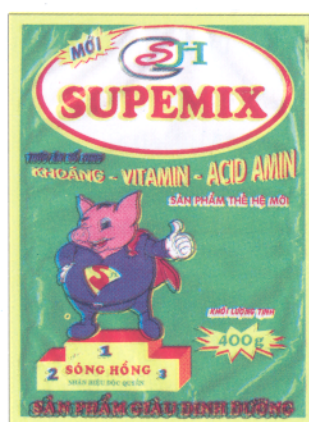
Như vậy Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh không trực tiếp thực hiện các thủ tục xử phạt hành chính mà chỉ ra quyết định xử phạt trên cơ sở ý kiến tham mưu của các cơ quan chức năng ở địa phương.



Nhãn hiệu dược phẩm "NATUSMINE" của Hãng Sanofi-Synthelabo (Pháp) đã được đăng ký bảo hộ tại Việt Nam với số GCN 46482 (hình bên trái) và nhãn hiệu vi phạm (hình bên phải) đã bị xử lý vi phạm hành chính về SHCN.



Nhãn hiệu "SUPERMIX" của Công ty Nutriway Việt nam (số GCN: 27779)



Nhãn hiệu vi phạm đã bị xử phạt hành chính

Doanh nghiệp nên chọn cơ quan nào để đề nghị xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?

Khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình, doanh nghiệp chỉ nên chọn một trong số các cơ quan thực thi pháp luật ở địa phương để đề nghị xử lý vụ việc đó.

Thông thường chủ SHCN chọn các cơ quan dưới đây:

- Khi phát hiện hàng giả (trong đó có hàng giả về nhãn hiệu hàng hoá hoặc giả về nhãn sản phẩm được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp), hàng có yếu tố vi phạm quyền SHCN thì đề nghị Cơ quan quản lý thị trường xử lý hàng hoá vi phạm và xử phạt người có hành vi vi phạm ;

- Nếu muốn điều tra, khám phá nơi sản xuất, tàng trữ và đường dây tiêu thụ hàng hoá vi phạm quyền SHCN để xử lý triệt để vụ vi phạm thì chủ SHCN đề nghị Cơ quan cảnh sát (cảnh sát kinh tế) giải quyết ;

- Nếu muốn ngăn chặn và xử lý hàng hoá xuất nhập khẩu có yếu tố vi phạm quyền SHCN thì đề nghị Cơ quan hải quan giải quyết ;

- Đối với những vụ việc phức tạp, khó kết luận về hành vi xâm phạm thì Chủ SHCN đề nghị Thanh tra chuyên ngành SHCN thuộc sở Khoa học Công nghệ hoặc Thanh tra chuyên ngành thuộc Bộ Khoa học Công nghệ giải quyết.

Doanh nghiệp có cần yêu cầu giám định pháp lý về SHCN để làm căn cứ đề nghị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình không ?

Có !. Đây là việc làm cần thiết trước khi doanh nghiệp yêu cầu cơ quan chức năng xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình. Mục đích của việc yêu cầu giám định về SHCN là làm rõ tình trạng pháp lý của đối tượng SHCN có liên quan và ý kiến kết luận của cơ quan chức năng về đối tượng nghi ngờ chứa yếu tố vi phạm.

Kết luận giám định của cơ quan chức năng về đối tượng vi phạm được xem là bằng chứng quan trọng có tính chất quyết định trong việc xác định hành vi xâm phạm SHCN.

Muốn yêu cầu giám định pháp lý về SHCN doanh nghiệp cần phải làm gì ?

Muốn yêu cầu giám định về SHCN, doanh nghiệp phải làm đơn yêu cầu giám định và gửi cho Sở Khoa học Công nghệ địa phương hoặc gửi trực tiếp cho Cục SHTT theo địa chỉ: 386 Nguyễn Trãi - Hà Nội.

Đơn yêu cầu giám định phải nêu cụ thể nội dung yêu cầu giám định (tình trạng pháp lý của đối tượng SHCN có liên quan, kết luận về đối

tượng nghi ngờ chứa yếu tố vi phạm) và kèm theo các chứng cứ (tài liệu, ảnh, mẫu vật phẩm vi phạm...) mà doanh nghiệp có được.

Khi nộp đơn yêu cầu giám định, doanh nghiệp còn phải nộp phí giám định về SHCN. Mức phí giám định SHCN theo quy định hiện hành là:

- Đối với sáng chế: 350000đ cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ;
- Đối với giải pháp hữu ích: 300000đ cho mỗi điểm độc lập của yêu cầu bảo hộ;
- Đối với kiểu dáng Công nghiệp: 250000đ cho mỗi phương án của từng sản phẩm;
- Đối với nhãn hiệu hàng hoá: 250000đ cho mỗi nhóm có đến 6 sản phẩm / dịch vụ.

Doanh nghiệp cần làm gì khi yêu cầu cơ quan chức năng xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình?

Để xử lý hành chính hành vi xâm phạm quyền SHCN, doanh nghiệp cần phải làm đơn yêu cầu xử lý xâm phạm gửi cho cơ quan chức năng có thẩm quyền ở địa phương nơi xảy ra xâm phạm trong đó phải chỉ rõ tổ chức hoặc cá nhân thực hiện hành vi xâm phạm cũng như những hành vi cụ thể mà tổ chức, cá nhân đó đã thực hiện. Đơn yêu cầu xử lý xâm phạm phải kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có xác nhận của cơ quan chức năng;
- Văn bản kết luận giám định pháp lý của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
- Các thông tin và chứng cứ về hành vi xâm phạm quyền;
- Các chứng từ hợp lệ khẳng định Người nộp đơn có thẩm quyền yêu cầu xử lý xâm phạm (đối với trường hợp người nộp đơn yêu cầu xử lý xâm phạm không phải là Chủ Văn bằng bảo hộ, thí dụ người được Chủ SHCN uỷ quyền, người được chuyển giao hoặc thừa kế quyền sở hữu...)

Người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN có thể phải chịu hình phạt gì khi bị xử lý hành chính?

Người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN có thể phải chịu những hình phạt sau:

- Phạt cảnh cáo: Được áp dụng đối với trường hợp vô ý vi phạm, vi phạm nhỏ, vi phạm lần đầu và có tình tiết giảm nhẹ ;

- Phạt tiền: Đây được coi là hình thức phạt chính trong việc xử lý các vi phạm hành chính về SHCN. Mức phạt được quy định là từ 5 triệu đến 100 triệu, tùy theo tính chất, mức độ của hành vi xâm phạm ;

- Các hình thức phạt bổ sung: Người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN ngoài việc bị phạt tiền còn phải chịu các hình phạt bổ sung nhằm triệt để xử lý vi phạm và loại trừ các nguyên nhân và điều kiện tiếp tục vi phạm hoặc để khắc phục những hậu quả do hành động vi phạm gây ra. Các hình phạt bổ sung gồm:

+ Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn hoặc không thời hạn;

+ Tịch thu tang vật và phương tiện vi phạm hành chính ;

+ Buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm trên sản phẩm, hàng hoá, phương tiện kinh doanh ;

+ Buộc tiêu huỷ vật phẩm mang yếu tố vi phạm có chất lượng kém gây hại cho sức khoẻ con người.

Luật SHTT:

+ Buộc tiêu huỷ hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại hàng hoá giả mạo về SHCN, nguyên vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá giả mạo về SHCN với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHCN;

+ Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng quá cảnh xâm phạm quyền SHCN hoặc buộc tái xuất hàng hoá giả mạo về SHCN, phương tiện, nguyên vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất hàng hoá giả mạo về SHCN sau khi đã loại bỏ các yếu tố vi phạm trên hàng hoá.

+ Mức tiền phạt đối với những người có hành vi vi phạm về SHCN được ấn định ít nhất bằng giá trị hàng hoá vi phạm đã phát hiện được và nhiều nhất không vượt quá 5 lần giá trị hàng hoá vi phạm phát hiện được.

Các biện pháp nào có thể được áp dụng để ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính ?

Luật SHTT:

+ Tạm giữ người theo thủ tục hành chính;

+ Tạm giữ hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm;

+ Khám người theo thủ tục hành chính;

+ Khám phương tiện vận tải, đồ vật theo thủ tục hành chính; khám nơi cất dấu hàng hoá, tang vật, phương tiện vi phạm về SHCN;

+ Các biện pháp ngăn chặn hành chính khác theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.



h.1

TOMOT

h.2



h.3

Nhãn hiệu "OMO và hình " (số GCN: 39308) của Unilever N.V (h.1) và nhãn hiệu "TOMOT" (số GCN: 35229) của Công ty HOA HOP (h.2) đều được đăng ký bảo hộ cho sản phẩm xà phòng giặt (nhóm 3). Công ty HOA HOP đã bị xử phạt hành chính vì sử dụng nhãn hiệu tương tự với nhãn hiệu "OMO và hình" của Unilever gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng (h.3)



Những nhãn hiệu nhái nhãn hiệu OMO cũng đã bị xử lý bằng biện pháp hành chính.

Trong trường hợp nào thì tổ chức cá nhân có quyền đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính ?

Luật SHTT:

Trong các trường hợp dưới đây, tổ chức cá nhân có quyền đề nghị áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính:

+ Hành vi xâm phạm quyền SHCN có nguy cơ gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho người tiêu dùng hoặc cho xã hội;

+ Tang vật vi phạm có nguy cơ bị tẩu tán hoặc tổ chức, cá nhân vi phạm có biểu hiện trốn tránh trách nhiệm

+ Nhằm bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính được áp dụng đối với hành vi xâm phạm quyền SHCN bao gồm:

Doanh nghiệp có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính buộc người có hành vi xâm phạm quyền SHCN phải bồi thường thiệt hại cho mình không ?

Không! Pháp lệnh về xử phạt vi phạm hành chính năm 2002 không quy định biện pháp buộc bồi thường thiệt hại do vi phạm hành chính gây ra. Do vậy, nếu muốn được bồi thường thiệt hại, doanh nghiệp phải khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án buộc người có hành vi xâm phạm phải bồi thường thiệt hại cho mình do hành vi xâm phạm đó gây ra.

Những tổ chức cá nhân thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán, vận chuyển tàng trữ để buôn bán, nhập khẩu, xuất khẩu đề can nhãn sản phẩm, mẫu nhãn hiệu, bao bì sản phẩm mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự với nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá hoặc kiểu dáng công nghiệp đang được bảo hộ có bị xử lý hành chính về vi phạm quyền SHCN không ?

Có. Những tổ chức, cá nhân thực hiện các hành vi nêu trên, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị phạt tiền từ 2 triệu đến 10 triệu, ngoài ra còn có thể bị tịch thu tang vật phương tiện vi phạm và buộc tiêu hủy vật phẩm mang yếu tố vi phạm.

Việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền SHCN được quy định như thế nào ?

- Tổ chức, cá nhân thực hiện một trong các hành vi dưới đây có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng:

- + Chỉ dẫn sai về chủ SHCN ;
- + Chỉ dẫn sai (kể cả chỉ dẫn dưới dạng ký hiệu) về việc sản phẩm, dịch vụ có yếu tố được bảo hộ quyền SHCN;
- + Sử dụng nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp không đúng như mẫu đã đăng ký nhưng chỉ dẫn rằng nhãn hiệu hàng hoá, tên gọi xuất xứ hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp đó đã được đăng ký bảo hộ quyền SHCN ;
- + Chỉ dẫn sai về việc sản phẩm được sản xuất, dịch vụ được thực hiện theo Lixăng ;
- + Chỉ dẫn sai tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp.

- Tổ chức cá nhân thực hiện một trong những hành vi dưới đây có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền là từ 1 triệu đến 5 triệu:

- + Không nêu chỉ dẫn về việc sản xuất sản phẩm, thực hiện dịch vụ theo Lixăng đối với các sản phẩm, dịch vụ được sản xuất, thực hiện theo Lixăng;

+ Không ghi hoặc ghi không rõ ràng trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm cụm từ "sản xuất tại Việt Nam" đối với các sản phẩm được sản xuất tại Việt Nam theo Lixăng của nước ngoài.

Ngoài hình thức phạt tiền nêu trên, người có hành vi vi phạm về chỉ dẫn bảo hộ quyền SHCN còn có thể phải chịu các hình phạt bổ sung như tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh từ 1 đến 3 tháng, tịch thu tang vật / phương tiện vi phạm, buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm trên sản phẩm hàng hoá, phương tiện kinh doanh...

3. BIỆN PHÁP TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ

Các hành vi xâm phạm quyền SHCN nào có thể bị truy tố trách nhiệm hình sự ?

Theo Bộ Luật hình sự (sửa đổi) được Quốc hội thông qua ngày 21-12-1999 thì các hành vi sau đây có thể bị truy tố trách nhiệm hình sự:

- Chiếm đoạt, sử dụng bất hợp pháp các đối tượng SHCN đang được bảo hộ tại Việt Nam nhằm mục đích kinh doanh (Điều 171) ;
- Sản xuất, buôn bán hàng giả (Quy định tại điều 156, 157, 158, 167).

Theo Thông tư liên tịch số 10/2000/TTLT-BTM-BCA-BKHCNMT thì hàng giả bao gồm: hàng giả về chất lượng hay công dụng; hàng giả về nhãn hiệu hàng hoá, nguồn gốc, xuất xứ; hàng giả về nhãn sản phẩm.

Các hành vi xâm phạm quyền SHCN quy định tại các điều khoản nói trên của Bộ Luật hình sự bị xem là tội phạm khi các hành vi đó:

- Gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng hoặc được thực hiện nhiều lần, có tổ chức ;
- Người thực hiện hành vi xâm phạm đã bị xử phạt hành chính về hành vi này nhưng chưa hết thời hạn bị coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính, hoặc đã bị kết án về tội này nhưng chưa được xoá án tích.

Cơ quan nào có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHCN ?

Khi xác định hành vi xâm phạm quyền SHCN có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì các cơ quan dưới đây có thẩm quyền quyết định khởi tố vụ án hình sự:

- Cơ quan điều tra;
- Viện kiểm sát nhân dân;
- Tòa án nhân dân.

Ai có quyền tố cáo hành vi xâm phạm quyền SHCN với các cơ quan có thẩm quyền để truy tố trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xâm phạm đó ?

Bất kỳ tổ chức, cá nhân nào - đặc biệt là Chủ SHCN - khi phát hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN có dấu hiệu cấu thành tội phạm đều có quyền tố cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để truy tố trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi đó. Người tố cáo phải làm Đơn tố cáo gửi cho Viện kiểm sát nhân dân, Cơ quan điều tra hình sự của lực lượng cảnh sát nhân dân, Tòa án các cấp để các cơ quan này khởi tố vụ án hình sự về tội xâm phạm quyền SHCN.

Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?

Theo Bộ Luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền xét xử sơ thẩm những tội phạm có hình phạt tù từ 7 năm trở xuống. Tuy nhiên do tính chất phức tạp của vụ việc và trình độ chuyên môn của Thẩm phán, thông thường các vụ án hình sự liên quan đến xâm phạm quyền SHCN và sản xuất, tiêu thụ hàng giả có hình phạt dưới 7 năm tù được Tòa hình sự của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh lấy lên để giải quyết.

Việc phúc thẩm các Bản án sơ thẩm của Tòa hình sự thuộc Tòa án nhân dân cấp Tỉnh do Tòa hình sự thuộc Tòa án nhân dân Tối cao đảm nhiệm.

Về thẩm quyền theo lãnh thổ thì Tòa án có thẩm quyền xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHCN là Tòa án nơi tội phạm được thực hiện. Trong trường hợp không xác định được nơi thực hiện tội phạm thì Tòa án có thẩm quyền xét xử là nơi kết thúc việc điều tra.

Những hình phạt nào được áp dụng đối với người bị kết tội xâm phạm quyền SHCN ?

Theo quy định của Bộ Luật hình sự thì người có hành vi chiếm đoạt sử dụng bất hợp pháp đối tượng SHCN nhằm mục đích kinh doanh bị truy tố hình sự theo điều 171 có thể bị phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 200 triệu đồng hoặc bị cải tạo không giam giữ đến 2 năm, Phạm tội có tổ chức, phạm tội nhiều lần gây hậu quả rất nghiêm trọng thì có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm, Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đến 100 triệu và cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề từ 1 năm đến 5 năm.

Người thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả (trong đó có hàng giả về nhãn hiệu hàng hoá và hàng giả về nhãn sản phẩm được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp) bị truy tố trách nhiệm hình sự theo các điều 156, 157, 158 và 167 có thể bị phạt tù từ 6 tháng đến chung thân hoặc tử

hình tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả gây ra cho xã hội của hành vi phạm tội đó.

Cần chú ý là: Đối với biện pháp xử lý hành chính thì chủ thể của hành vi phạm phải chịu trách nhiệm hành chính có thể là cá nhân hoặc tổ chức nhưng đối với biện pháp truy cứu trách nhiệm hình sự thì chủ thể của hành vi xâm phạm phải là cá nhân cụ thể chịu trách nhiệm hình sự.

Thủ tục tố tụng hình sự đối với các vụ án về xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?

Thủ tục tố tụng hình sự đối với các vụ án về xâm phạm quyền SHCN được thực hiện một cách tổng quát như sau:

- Đơn tố cáo hành vi xâm phạm quyền SHCN của bất kỳ tổ chức, cá nhân nào cũng được các cơ quan có thẩm quyền (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án ...) xem xét giải quyết. Nếu xác định hành vi bị tố cáo có dấu hiệu cấu thành tội phạm thì ra quyết định khởi tố vụ án hình sự.

- Khi có Quyết định khởi tố vụ án hình sự, Cơ quan điều tra tiến hành điều tra các hành vi phạm tội để xác định tội phạm và người đã thực hiện hành vi phạm tội đó. Nếu có đủ căn cứ để xác định người đã thực hiện hành vi phạm tội thì cơ quan điều tra ra quyết định khởi tố bị can.

- Khi đã có đủ chứng cứ để xác định có tội phạm và bị can thì Cơ quan điều tra làm Bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố. Bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố được chuyển đến Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để cơ quan này thực hiện quyền công tố của mình đối với vụ án.

- Tòa hình sự của Tòa án nhân dân có thẩm quyền tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm theo đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp. Nếu có kháng cáo, kháng nghị Bản án sơ thẩm thì Tòa hình sự của Tòa án nhân dân cấp trên có thẩm quyền giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

4. BIỆN PHÁP KIẾN DÂN SỰ

Trường hợp nào doanh nghiệp nên áp dụng biện pháp kiện dân sự để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?

Doanh nghiệp nên lựa chọn biện pháp kiện dân sự khi xét thấy hành vi xâm phạm được thực hiện một cách có tổ chức, với quy mô lớn gây thiệt hại đáng kể cho doanh nghiệp và ngoài việc yêu cầu chấm dứt xâm phạm, doanh nghiệp còn muốn người xâm phạm phải bồi thường thiệt hại cho mình do hành vi xâm phạm quyền SHCN của người đó gây ra.

Ai có quyền khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN ?

Những chủ thể sau đây có quyền khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN:

- Chủ Văn bằng bảo hộ quyền SHCN ;
- Người được uỷ quyền của Chủ SHCN;
- Người được chuyển giao quyền sở hữu, thừa kế quyền sở hữu;
- Bên nhận Li -xăng trong trường hợp Bên giao Li-xăng không tiến hành các biện pháp thoả đáng để bảo vệ quyền lợi cho Bên nhận theo quy định của pháp luật.

Thông thường khi khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN, nguyên đơn thường uỷ quyền khởi kiện cho tổ chức đại diện SHCN hoặc luật sư am hiểu về luật SHCN.

Thẩm quyền của Tòa án trong việc xét xử các vụ kiện dân sự về xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?

Theo quy định hiện hành thì Tòa dân sự thuộc Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về sở hữu trí tuệ nói chung (trong đó bao gồm cả hành vi xâm phạm quyền SHCN) theo thủ tục sơ thẩm. Trường hợp nếu trong tranh chấp có một hoặc các bên là cá nhân, pháp nhân nước ngoài thì Tòa dân sự thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Thẩm quyền xét xử phúc thẩm đối với các Quyết định, Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh liên quan đến các tranh chấp về SHCN thuộc về Tòa án nhân dân Tối cao.

Những biện pháp dân sự nào được Tòa án áp dụng để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN ?

Luật SHTT:

Toà án áp dụng các biện pháp dân sự sau đây để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN:

- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm;
- buộc xin lỗi, cải chính công khai;
- Buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự;
- Buộc bồi thường thiệt hại;
- Buộc tiêu hủy hoặc buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục

đích thương mại hàng hoá, nguyên vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hoá xâm phạm quyền SHCN với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền SHCN.

Muốn khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN, người có quyền khởi kiện phải làm gì ?

Muốn khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN, người có quyền khởi kiện phải làm đơn khiếu kiện gửi cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh nơi mình cư trú hoặc nơi làm việc của Bị đơn (nếu Bị đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của Bị đơn (nếu Bị đơn là pháp nhân). Trong đơn khiếu kiện, người khởi kiện (Nguyên đơn) phải chỉ ra đích danh người Bị khởi kiện (Bị đơn) cũng như nơi cư trú, nơi làm việc hoặc trụ sở của người bị khởi kiện, Nguyên đơn cũng phải đưa ra những bằng chứng chứng minh hành vi xâm phạm của Bị đơn và những yêu cầu về hình thức xử lý người xâm phạm.

Để chứng minh hành vi xâm phạm của Bị đơn, người khởi kiện phải tự mình (hoặc uỷ quyền cho người đại diện) tiến hành việc điều tra, giám sát thị trường để phát hiện người và nơi đã thực hiện hành vi xâm phạm. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc khi hành vi xâm phạm quyền của Bị đơn được bên khởi kiện chứng minh. Kèm theo đơn khiếu kiện, người nộp đơn khiếu kiện còn phải nộp cho Tòa án:

- Bản sao Văn bằng bảo hộ quyền SHCN có xác nhận của cơ quan chức năng;
- Chứng từ xác định tư cách khởi kiện hợp pháp của Người nộp đơn (trường hợp Người nộp đơn khiếu kiện không phải là Chủ Văn bằng bảo hộ);
- Chứng từ xác định hành vi xâm phạm của Bị đơn (bao gồm cả kết luận chính thức của Cục SHTT về hành vi xâm phạm nếu có) ;
- Các tài liệu, chứng cứ hoặc thông tin mà người khởi kiện căn cứ vào đó đưa ra yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại.

Ví dụ về khiếu kiện liên quan đến quyền sở hữu công nghiệp VỤ NHÂN HIỆU “TRƯỜNG SINH”

Công ty TNHH Foremost Việt nam được cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH số: 27280 cho sản phẩm sữa đặc có đường, sữa bột (nhóm 29). Công ty TNHH Trường sinh sử dụng nhãn hiệu “Trường sinh” cho sản phẩm sữa đậu nành do mình sản xuất và đưa ra thị trường tiêu thụ. Công ty Foremost khởi kiện Công ty Trường sinh ra Tòa án nhân dân thành phố Hà nội yêu cầu chấm dứt vi phạm vì cho rằng sữa đậu nành và sữa đặc có đường là tương tự

với nhau về mặt sản phẩm và việc sử dụng một nhãn hiệu trùng với một nhãn hiệu đang được bảo hộ cho sản phẩm tương tự là hành vi xâm phạm quyền SHCN. Ngày 9.3.2000 Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tổ chức phiên tòa xét xử sơ thẩm và ra phán quyết buộc Công ty Trường sinh phải chấm dứt việc sử dụng nhãn hiệu “Trường sinh” cho sản phẩm sữa đậu nành. Công ty Trường sinh có đơn kháng án, đề nghị xử phúc thẩm. Ngày 18.9.2000 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa phúc thẩm tại Hà Nội và đã quyết định y án sơ thẩm.

Thủ tục tố tụng đối với một vụ kiện dân sự về xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?

Sau khi nhận được Đơn khiếu kiện, nếu thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của mình thì Tòa án sẽ thông báo cho Nguyên đơn nộp án phí theo quy định tại nghị định 70/CP ngày 12- 6- 1997 về án phí, lệ phí Tòa án. Sau khi Nguyên đơn nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án sẽ chính thức thụ lý điều tra vụ án. Trong quá trình điều tra, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết (như lấy lời khai của đương sự, người làm chứng, xem xét tại chỗ hoặc trưng cầu giám định).

Sau khi kết thúc điều tra vụ án, Tòa án tiến hành hoà giải giữa các đương sự. Nếu hoà giải thành thì Tòa án sẽ lập biên bản hoà giải thành. Biên bản này sẽ gửi cho Viện kiểm soát cùng cấp và các bên đương sự. Nếu trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập biên bản mà đương sự không thay đổi ý kiến hoặc Viện kiểm soát không phản đối thoả thuận đó thì Tòa án ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Quyết định này do một thẩm phán đưa ra, không phải qua Hội đồng xét xử và có hiệu lực pháp luật.

Nếu hoà giải không thành hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày lập Biên bản hoà giải mà đương sự có thay đổi ý kiến hoặc Viện kiểm sát phản đối thoả thuận đó thì Tòa án ra quyết định đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án phải mở phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ kiện trong thời hạn một tháng kể từ ngày ra quyết định đưa vụ kiện ra xét xử.

Việc thi hành bản án, quyết định dân sự về hành vi xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?

Các Bản án, Quyết định dân sự về hành vi xâm phạm quyền SHCN của Tòa án được cơ quan thi hành án dân sự tổ chức thực hiện theo quy định của pháp lệnh thi hành án dân sự.

Để Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành, Người được thi hành

án (Nguyên đơn) phải nộp đơn yêu cầu thi hành án cho Cơ quan thi hành án. Việc thi hành án dân sự được tiến hành trên cơ sở Quyết định thi hành án của Thủ trưởng cơ quan thi hành án. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi có Quyết định thi hành án, bên Bị đơn phải tự nguyện thi hành án. Nếu quá thời hạn trên mà người phải thi hành án không thi hành án thì cơ quan thi hành án sẽ áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

Thời hiệu thi hành án được quy định như sau:

Trong thời hạn 3 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với trường hợp người được thi hành án là cá nhân hoặc trong thời hạn một năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với người được thi hành án là cơ quan, tổ chức, người được thi hành án có quyền gửi đơn đến Cơ quan thi hành án để yêu cầu thi hành án. Nếu hết thời hạn nói trên mà người được thi hành án không yêu cầu thi hành thì bản án hết hiệu lực thi hành.

Ví dụ về khiếu kiện dân sự liên quan đến quyền SHCN

- VỤ NHÂN HIỆU SƠN "MAXILITE".

Công ty TNHH Nippon Pain Việt nam nộp đơn đăng ký nhãn hiệu "Nippon Pain Super Maxilitex & hình" cho sản phẩm sơn nước với số đơn là: 4-2001-04590. Ngày 1.12.2003 Cục SHTT đã ra quyết định số 3152/ĐK từ chối bảo hộ từng phần nhãn hiệu nêu trong đơn số 4-2001-04590 với lý do là dấu hiệu MAXILITEX tương tự với nhãn hiệu "MAXILITE" của Công ty Imperial Chemical Industries PLE (Anh) đã được cấp GCNĐKNHHH số: 17513 cho sản phẩm sơn nước. Công ty Nippon Pain khởi kiện vụ án dân sự và đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà nội tuyên hủy Quyết định số: 3152/ĐK của Cục SHTT. Ngày 27.8.2004 Tòa án nhân dân Hà nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ khiếu kiện này và ra phán quyết bác đơn khởi kiện của Nippon Pain và giữ nguyên quyết định số 3152/ĐK của Cục SHTT. Công ty Nippon Pain nộp đơn kháng án và đề nghị xử phúc thẩm. Ngày 24.2.2005 Tòa phúc thẩm Tòa án NDTC tổ chức phiên tòa phúc thẩm tại Hà nội và quyết định bác nội dung đơn kháng cáo của Công ty Nippon Pain và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm của TAND thành phố Hà nội.

Người khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN có quyền yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nào ?

Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì trong quá trình giải quyết vụ kiện dân sự (trong đó bao gồm cả các vụ kiện về xâm phạm quyền SHCN), Tòa án có thể tự mình hoặc theo đề nghị của Viện kiểm sát hoặc theo yêu cầu của Bên khởi kiện ra Quyết định áp dụng một hoặc một số biện pháp khẩn cấp tạm thời sau:

- Kê biên tài sản (sản phẩm, hàng hoá vi phạm) để tránh việc tẩu tán;
- Cấm chuyển dịch tài sản (sản phẩm hàng hoá vi phạm, phương tiện

vi phạm);

- Cấm hoặc buộc người vi phạm thực hiện một số hành vi nhất định, chẳng hạn cấm hành vi tiếp tục sản xuất, tiêu thụ sản phẩm vi phạm.

Luật SHTT:

- Thu giữ;

- Cấm chuyển dịch quyền sở hữu (bán, tặng cho, và các hình thức tương tự)

Người yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ gì ?

Để Toà án có thể ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Bên khởi kiện phải làm đơn yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và phải có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là cần thiết. Người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải cam kết đền bù mọi thiệt hại cho Bị đơn nếu việc áp dụng các biện pháp đó là không xứng đáng và bị lạm dụng. Trước khi ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Toà án có thể yêu cầu Người khởi kiện tạm đóng một khoản tiền bảo đảm để khi có thiệt hại do việc thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời gây ra thì bồi thường ngay và Toà án sẽ giải quyết việc bồi thường đó trong cùng một vụ kiện.

Luật SHTT:

- Chủ thể quyền SHCN yêu cầu Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ chứng minh quyền yêu cầu của mình trong các trường hợp sau:

+ Đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho mình;

+ Hàng hoá xâm phạm quyền SHCN hoặc các chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền SHCN có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời.

- Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại gây ra cho người bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời trong trường hợp người đó không xâm phạm quyền SHCN, người yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phải nộp khoản bảo đảm bằng một trong các hình thức sau đây:

+ Khoản tiền bằng 20% giá trị hàng hoá cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc tối thiểu 20 triệu đồng, trong trường hợp không xác định được giá trị hàng hoá đó;

+ Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác.



Tiêu huỷ các sản phẩm vi phạm kiểu dáng xe máy của hãng Honda(Nhật)



Xử lý vụ vi phạm nhãn hiệu bật lửa Zippo của hãng Zippo Manufacturing Company (Hoa Kỳ)

5. CÁC BIỆN PHÁP KIỂM SOÁT BIÊN GIỚI NHẪM BẢO ĐẢM THỰC THI QUYỀN SHCN.

Biện pháp kiểm soát biên giới là gì ?

Biện pháp kiểm soát biên giới là biện pháp được cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện biện pháp kiểm soát biên giới là Cơ quan hải quan thuộc Bộ Tài chính.

Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới giữ vai trò gì trong việc bảo đảm thực thi quyền SHCN?

Các biện pháp kiểm soát biên giới giữ vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn hàng hoá có yếu tố vi phạm quyền SHCN được sản xuất ở nước ngoài tràn vào Việt Nam cũng như hàng hóa sản xuất trái phép tại Việt nam xuất khẩu ra nước ngoài, qua đó bảo vệ quyền lợi và uy tín của chủ SHCN cũng như lợi ích chính đáng của người tiêu dùng trong nước.

Biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan hàng hoá xuất nhập khẩu liên quan đến SHCN là gì ?

Luật SHTT: Tạm dừng thủ tục hải quan đối với hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHCN là biện pháp được tiến hành theo yêu cầu của chủ thể quyền SHCN nhằm thu thập thông tin, chứng cứ về lô hàng để chủ thể quyền SHCN thực hiện quyền yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền và yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc các biện pháp ngăn chặn.

Ai có quyền yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới ?

Những người sau đây có quyền yêu cầu cơ quan chức năng có thẩm quyền tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu bị nghi ngờ là vi phạm quyền SHCN:

- Chủ Văn bằng bảo hộ quyền SHCN;
- Người được uỷ quyền của Chủ SHCN;
- Người được chuyển giao quyền sở hữu, thừa kế quyền sở hữu đối tượng SHCN ;
- Bên nhận Lixăng trong trường hợp Bên giao Lixăng không tiến hành các biện pháp thoả đáng để bảo vệ quyền lợi cho Bên nhận theo quy định của pháp luật.

Người yêu cầu cơ quan hải quan áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan có nghĩa vụ gì ?

Luật SHTT:

Người yêu cầu cơ quan hải quan áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan có các nghĩa vụ sau đây:

- Chứng minh mình là chủ thể quyền SHCN bằng các tài liệu, chứng cứ như: Bản sao hợp pháp Văn bằng bảo hộ, bản trích lục Sổ đăng ký quốc gia về đối tượng SHCN tương ứng, Hợp đồng sử dụng đối tượng SHCN.
- Cung cấp đầy đủ thông tin để xác định hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền SHCN hoặc hàng hoá có dấu hiệu xâm phạm quyền SHCN;
- Nộp đơn cho cơ quan hải quan và nộp phí, lệ phí theo quy định của pháp luật;
- Bồi thường thiệt hại và thanh toán các khoản chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan trong trường hợp hàng hoá bị kiểm soát không xâm phạm quyền SHTT.

Cơ quan nào có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới ?

Cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu là:

- Cục giám sát- Quản lý về hải quan thuộc Tổng cục Hải quan (đối với yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan có liên quan đến nhiều đơn vị hải quan trên phạm vi cả nước) ;
- Chi cục hải quan tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc Hải quan cửa khẩu nơi trực tiếp làm thủ tục hải quan cho lô hàng bị nghi ngờ là hàng vi phạm quyền SHCN.

Khi muốn yêu cầu Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thì Chủ SHCN phải làm gì ?

Khi muốn yêu cầu Cơ quan hải quan tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu hay nhập khẩu, Chủ SHCN phải:

- Có đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan gửi Chi Cục hải quan nơi có hàng hoá xuất khẩu hay nhập khẩu;
- Nộp một khoản tiền tạm ứng bằng 20% trị giá lô hàng theo giá ghi trong Hợp đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan hải quan tại kho bạc nhà nước hoặc nộp chứng từ bảo lãnh của tổ chức tín dụng để bảo đảm việc bồi thường thiệt hại cho Chủ hàng hoá và việc thanh toán các chi phí phát sinh do yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra cho tổ chức, cá nhân có liên quan ;
- Xuất trình cho Cơ quan hải quan Văn bằng bảo hộ quyền SHCN hoặc tài liệu chứng minh về quyền sở hữu hợp pháp đối tượng SHCN ;
- Đưa ra chứng cứ ban đầu về việc nghi ngờ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu vi phạm quyền SHCN ;
- Giấy uỷ quyền nộp đơn yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan trong trường hợp người yêu cầu không phải là Chủ sở hữu đối tượng SHCN.

Luật SHTT: Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại và thanh toán các chi phí phát sinh cho người bị áp dụng biện pháp tạm dừng thủ tục hải quan trong trường hợp hàng hoá bị kiểm soát không xâm phạm quyền SHCN, người yêu cầu cơ quan hải quan áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan phải nộp khoản bảo đảm bằng một trong các hình thức sau:

- Khoản tiền bằng 20% giá trị lô hàng cần áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hoặc tối thiểu 20 triệu đồng, trong trường hợp không thể xác định được giá trị lô hàng đó.

- Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của các tổ chức tín dụng khác.

Thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan được thực hiện như thế nào ?

Khi người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đáp ứng đầy đủ các điều kiện đề nghị tạm dừng thủ tục hải quan, Chi cục trưởng Chi cục hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng bị nghi ngờ là hàng vi phạm.

Quyết định tạm dừng được gửi cho Chủ lô hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu và người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan trong đó ghi rõ lý do và thời hạn tạm dừng để các bên liên quan biết và thực hiện.

Thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan là 10 ngày tính từ ngày Quyết

định tạm dừng được ban hành. Trong thời hạn đó người yêu cầu tạm dừng phải đưa ra được các bằng chứng chính thức hoặc kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định lô hàng vi phạm quyền SHCN. Thời hạn tạm dừng nói trên có thể được gia hạn thêm không quá 10 ngày nếu người yêu cầu tạm dừng có đơn đề nghị và nộp bổ sung thêm tiền tạm ứng.

Kết thúc thời hạn tạm dừng (kể cả thời hạn tạm dừng được gia hạn), nếu người yêu cầu tạm ứng không đưa ra được bằng chứng hay kết luận của cơ quan có thẩm quyền chứng minh lô hàng xâm phạm quyền SHCN, thì Chi cục trưởng Chi Cục hải quan ra quyết định làm thủ tục thông quan cho lô hàng, buộc người yêu cầu tạm dừng phải bồi hoàn cho người xuất khẩu, nhập khẩu mọi thiệt hại trực tiếp do yêu cầu tạm dừng không đúng gây ra.

Trường hợp người yêu cầu tạm dừng chứng minh được Chủ hàng hoá xuất khẩu hay nhập khẩu đã vi phạm quyền SHCN thì lô hàng và Chủ hàng hoá được xử lý theo pháp luật. Chủ hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng vi phạm phải thực hiện các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bồi thường thiệt hại cho Chủ SHCN, thanh toán các chi phí phát sinh do việc tạm dừng gây ra. Cơ quan hải quan hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền đã tạm ứng.

Luật SHTT:

- Khi người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định thì cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng.

- Trong trường hợp chủ thể quyền SHCN có đề nghị dài hạn thì khi phát hiện lô hàng có dấu hiệu xâm phạm quyền SHCN, cơ quan hải quan phải thông báo ngay cho người có đề nghị dài hạn. Trong thời hạn 3 ngày làm việc, kể từ ngày được thông báo, nếu người có đề nghị dài hạn không yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan và cơ quan hải quan không quyết định xem xét việc áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với người xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng đó thì cơ quan hải quan có trách nhiệm tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng.

- Khi kết thúc thời hạn tạm dừng làm thủ tục hải quan mà người yêu cầu tạm dừng không khởi kiện dân sự và cơ quan hải quan không quyết định thụ lý vụ việc theo thủ tục xử lý vi phạm hành chính đối với người xuất khẩu, nhập khẩu lô hàng thì cơ quan hải quan có trách nhiệm:

+ Tiếp tục làm thủ tục hải quan cho lô hàng;

+ Buộc người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan phải bồi thường cho chủ lô hàng toàn bộ thiệt hại do yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan không đúng gây ra và phải thanh toán các chi phí lưu kho bãi, bảo quản hàng hoá và các chi

phí phát sinh khác cho cơ quan hải quan và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định của pháp luật hải quan;

+ Hoàn trả cho người yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan khoản tiền bảo đảm còn lại sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường và thanh toán các chi phí phát sinh do phải lưu giữ, bảo quản lô hàng.

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

TỜ KHAI**YÊU CẦU CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ**

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ xem xét đơn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hoá

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN

1**SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT ĐƠN****2****NHÃN HIỆU**Mẫu nhãn hiệuChú thích về nhãn hiệu

Nhãn hiệu tập thể

Nhãn hiệu liên kết Nhãn hiệu kinh khởi

Mô tả nhãn hiệu:

Màu sắc:

Phân loại yếu tố hình:

Mô tả:

3**NGƯỜI NỘP ĐƠN**

Mã số:

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Nước:

Số điện thoại:

Số fax:

E-mail:

Địa chỉ liên hệ (nếu cần):

10**NGƯỜI KHAI
KÝ TÊN**

Chú thích: Trong trang này và các trang sau, đánh dấu "x" vào khung vuông nếu các thông tin ghi sau các khung vuông là phù hợp

4	ĐẠI DIỆN	Mã số:
Tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp: Địa chỉ: _____ Số điện thoại: _____		
5	Các chỉ dẫn liên quan đến quyền ưu tiên	
YÊU CẦU QUYỀN ƯU TIÊN Theo đơn nộp sớm hơn Căn cứ để Người nộp đơn yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên là: Công ước Paris Thỏa thuận khác, cụ thể là: _____	<u>Số đơn</u>	<u>Ngày nộp đơn</u>
		<u>Nước nộp đơn</u>
6	PHÍ, LỆ PHÍ	
Lệ phí nộp đơn cho các nhóm sản phẩm/dịch vụ: _____ nhóm x 150.000đ = Lệ phí nộp đơn cho sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi: _____ sản phẩm/dịch vụ x 25.000đ = Lệ phí công bố đơn: Lệ phí yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: Phí tra cứu phục vụ xét nghiệm nội dung (XNND) cho mỗi nhóm sản phẩm, dịch vụ: _____ nhóm sản phẩm/dịch vụ x 50.000đ = Phí tra cứu phục vụ XNND cho sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi: _____ sản phẩm/dịch vụ x 20.000đ = Phí xét nghiệm nội dung cho các nhóm sản phẩm/dịch vụ: _____ nhóm x 250.000đ = Phí xét nghiệm nội dung cho sản phẩm/dịch vụ từ thứ 7 trở đi: _____ sản phẩm/dịch vụ x 50.000đ = Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là: Số chứng từ (trường hợp nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):		
7	CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU
Tờ khai, _____ gồm _____ trang x _____ bản Mẫu nhãn hiệu, _____ gồm _____ mẫu Tài liệu xác nhận quyền sử dụng hợp pháp các dấu hiệu đặc biệt (quốc kỳ, quốc huy, ảnh người, tên gọi xuất xứ, địa danh ...), _____ gồm _____ trang Chứng từ xác nhận hoạt động sản xuất, kinh doanh hợp pháp, _____ gồm _____ trang Quy chế sử dụng NH tập thể, gồm _____ trang x _____ bản Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên, _____ gồm _____ bản Giấy uỷ quyền (bản gốc) Giấy uỷ quyền (bản sao, bản gốc gửi sau) Giấy uỷ quyền (bản sao từ Giấy uỷ quyền đã nộp theo đơn khác, số đơn: _____) Giấy chuyển nhượng quyền nộp đơn Chứng từ phí, lệ phí Tài liệu khác, cụ thể là: _____		10 NGƯỜI KHAI ký tên

8

DANH MỤC HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MANG NHÃN HIỆU

(Ghi tuần tự từng nhóm theo Bảng phân loại quốc tế về sản phẩm, dịch vụ; sử dụng dấu “;” giữa các sản phẩm, dịch vụ trong nhóm; kết thúc mỗi nhóm ghi tổng số sản phẩm/dịch vụ trong nhóm đó)

9

XÁC NHẬN CHỮ KÝ

(trường hợp Người khai không có con dấu)

10

Khai tại :

Ngày tháng năm

Họ tên, chức vụ, chữ ký của Người khai, đóng
dấu (nếu có)

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN
Kiểu Dáng Công Nghiệp

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN

Người ký tên dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ
 xem xét đơn và cấp Bằng độc quyền kiểu dáng công
 nghiệp

① SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT ĐƠN			
② TÊN KIỂU DÁNG CÔNG NGHIỆP	Kiểu dáng cần bảo hộ là phương án bổ sung của kiểu dáng trong đơn số: nộp ngày:	<u>Phân loại quốc tế KDCN</u>	
③ NGƯỜI NỘP ĐƠN			Mã số:
Tên đầy đủ: Địa chỉ : Điện thoại : Fax: Địa chỉ liên hệ (nếu cần): E-mail: Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp Ngoài ra, còn có Người nộp đơn khác (khai tại trang bổ sung)			
④ ĐẠI DIỆN			Mã số:
Tên: Địa chỉ: Điện thoại:			
⑤ TÁC GIẢ		⑥ NGƯỜI KHAI KÝ TÊN	
Họ tên: Quốc tịch: Địa chỉ : Tác giả này là người nộp đơn ghi ở ô số ③ Ngoài ra còn có tác giả khác (khai tại trang bổ sung)			

Chú thích: Trong trang này và các trang sau, đánh dấu "X" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các
 khung vuông là phù hợp

⑥ YÊU CẦU QUYỀN ƯU TIÊN Theo đơn nộp sớm hơn Theo đối tượng được trưng bày tại triển lãm Căn cứ để Người nộp đơn yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên là: Công ước Paris Thoả thuận khác, cụ thể là:	<u>Các chỉ dẫn liên quan đến quyền ưu tiên</u>		
	Số đơn (hoặc tên <u>triển lãm</u>)	Ngày nộp đơn (hoặc <u>ngày triển lãm</u>)	Nước nộp đơn (hoặc nước <u>ưu tiên</u>)
⑦ PHÍ, LỆ PHÍ Lệ phí nộp đơn cho mỗi phương án của KDCN: phương án x 150.000đ = Lệ phí công bố đơn: Lệ phí công bố hình thứ hai trở đi: hình x 50.000đ = Lệ phí yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: Phí tra cứu phục vụ xét nghiệm nội dung: phương án x 100.000đ = Phí xét nghiệm nội dung: phương án x 250.000đ = Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là : Số chứng từ (trường hợp nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):			
⑧ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN Tờ khai, gồm trang Bản mô tả bằng tiếng gồm trang Bộ bản vẽ/ảnh chụp, gồm ảnh x bản Tài liệu xác nhận quyền sở hữu: nhân hiệu hàng hoá trên KDCN, gồm trang Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên, gồm bản Giấy uỷ quyền bản gốc bản sao (bản gốc sẽ nộp sau bản gốc đã nộp theo Đơn số:) Giấy chuyển nhượng quyền nộp đơn Chứng từ phí, lệ phí Tài liệu khác, cụ thể là:	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU		
	⑨ Khai tại Ngày tháng năm Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)		

01 - Trang bổ sung số:

③ NHỮNG NGƯỜI NỘP ĐƠN KHÁC Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số điện thoại: Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số điện thoại: Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp	
Tên đầy đủ: Địa chỉ: Số điện thoại: Người nộp đơn này đồng thời là tác giả kiểu dáng công nghiệp	
⑤ CÁC TÁC GIẢ KHÁC Họ tên: Quốc tịch: Địa chỉ:	
Họ tên: Quốc tịch: Địa chỉ:	
Họ tên: Quốc tịch: Địa chỉ:	
Họ tên: Địa chỉ: Quốc tịch:	⑥ NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

Còn ... trang bổ sung

TỜ KHAI
YÊU CẦU CẤP BẰNG ĐỘC QUYỀN
SÁNG CHẾ

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ
xem xét đơn và cấp Bằng độc quyền sáng chế

DẤU NHẬN ĐƠN VÀ SỐ ĐƠN

① SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT ĐƠN	Đơn này được nộp trên cơ sở đơn PCT Số đơn: Ngày nộp quốc tế: Công bố quốc tế số: ngày: Ngày chọn Việt Nam (nếu có):	
② TÊN SÁNG CHẾ		Phân loại sáng chế quốc tế
③ NGƯỜI NỘP ĐƠN Tên đầy đủ: Địa chỉ : Địa chỉ liên hệ (nếu cần): Người nộp đơn này đồng thời là tác giả sáng chế Ngoài ra, còn có Người nộp đơn khác (khai tại trang bổ sung)		Mã số: Điện thoại: Fax: E-mail:
④ ĐẠI DIỆN Tên: Địa chỉ:		Mã số: Điện thoại:
⑤ TÁC GIẢ Họ tên: Quốc tịch: Địa chỉ: Tác giả này là người nộp đơn ghi ở ô số ③ Ngoài ra còn có tác giả khác (khai tại trang bổ sung)		(11) NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

Chú thích: Trong trang này và các trang sau, đánh dấu "x" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp.

⑥ YÊU CẦU QUYỀN ƯU TIÊN Theo đơn nộp sớm hơn Theo đối tượng được trưng bày tại triển lãm Căn cứ để Người nộp đơn yêu cầu được hưởng quyền ưu tiên là: Công ước Paris Thỏa thuận khác, cụ thể là	CÁC CHỈ DẪN LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN ƯU TIÊN		
	Số đơn (hoặc tên triển lãm)	Ngày nộp đơn (hoặc ngày triển lãm)	Nước nộp đơn (hoặc nước triển lãm)
⑦ YÊU CẦU XÉT NGHIỆM NỘI DUNG Yêu cầu xét nghiệm với thời hạn bình thường Yêu cầu xét nghiệm nhanh, cụ thể là tháng	⑧ CHUYỂN ĐỔI ĐƠN Yêu cầu chuyển thành Đơn giải pháp hữu ích nếu giải pháp không đáp ứng tiêu chuẩn trình độ sáng tạo		
⑨ PHÍ, LỆ PHÍ Lệ phí nộp đơn: ... điểm YCBH độc lập x 150.000đ = Lệ phí cho bản mô tả từ trang thứ sáu trở đi: ... trang x 10.000đ = Lệ phí công bố đơn: Lệ phí công bố từ hình thứ hai trở đi: ... hình x 50.000đ = Lệ phí yêu cầu hưởng quyền ưu tiên: Phí tra cứu phục vụ xét nghiệm nội dung: ... điểm YCBH độc lập x 100.000đ = Phí xét nghiệm nội dung: ... điểm YCBH độc lập x 350.000đ = Lệ phí chuyển đổi đơn: Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là: Số chứng từ (trường hợp nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):			
⑩ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG ĐƠN Tờ khai, gồm ... trang Bản mô tả bằng tiếng ... , gồm ... trang Yêu cầu bảo hộ gồm ... điểm trong đó có ... điểm độc lập, gồm ... trang Bản tóm tắt bằng tiếng ... , gồm ... trang Bản vẽ, sơ đồ, bản tính toán, gồm ... trang Tài liệu xin hưởng quyền ưu tiên, gồm ... trang Giấy uỷ quyền bản gốc bản sao (bản gốc sẽ nộp sau bản gốc đã nộp theo Đơn số:) Giấy chuyển nhượng quyền nộp đơn Chứng từ phí, lệ phí Tài liệu khác gồm ... tài liệu, (cụ thể khai ở trang bổ sung)	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU		
	(11) Khai tại : Ngày tháng năm Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)		

01 - Trang bổ sung số:

⑩

CÁC TÀI LIỆU KHÁC

(Khai chi tiết từng loại tài liệu: tên, số trang . . .)

(11) NGƯỜI KHAI KÝ TÊN

Còn trang bổ sung

TỜ KHAI

**YÊU CẦU ĐÌNH CHỈ/HỦY BỎ
HIỆU LỰC VĂN BẰNG BẢO HỘ**

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ

384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ
đình chỉ / hủy bỏ hiệu lực Văn bằng bảo hộ

DẤU BIÊN NHẬN, SỐ BIÊN NHẬN

❶ SỐ HIỆU ĐỀ NHẬN BIẾT HỒ SƠ

❷ NGƯỜI YÊU CẦU

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ liên hệ (nếu cần):

E-mail:

❸ ĐẠI DIỆN

Mã số:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

❹ VĂN BẰNG BẢO HỘ

Bảng độc quyền kiểu dáng công nghiệp

Số Văn bằng:

❺ NỘI DUNG YÊU CẦU

Đề nghị : Đình chỉ hiệu lực Văn bằng

Hủy bỏ hiệu lực Văn bằng

Lý do :

**❻ NGƯỜI KHAI
KÝ TÊN**

Chú thích: Trong trang này và trang sau, đánh dấu "X" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp

YÊU CẦU SỬA ĐỔI ĐƠN/VĂN BẰNG BẢO HỘ

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ ghi nhận việc sửa đổi Đơn /Văn bằng bảo hộ

DẤU BIÊN NHẬN VÀ SỐ BIÊN NHẬN

1 SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT HỒ SƠ											
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 80%; padding: 5px;">2 NGƯỜI YÊU CẦU</td> <td style="width: 20%; padding: 5px;">Mã số:</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;">Tên đầy đủ:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">Địa chỉ :</td> <td style="padding: 5px;">Điện thoại:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;"></td> <td style="padding: 5px;">Fax:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">Địa chỉ liên hệ (nếu cần):</td> <td style="padding: 5px;">E-mail:</td> </tr> </table>		2 NGƯỜI YÊU CẦU	Mã số:	Tên đầy đủ:		Địa chỉ :	Điện thoại:		Fax:	Địa chỉ liên hệ (nếu cần):	E-mail:
2 NGƯỜI YÊU CẦU	Mã số:										
Tên đầy đủ:											
Địa chỉ :	Điện thoại:										
	Fax:										
Địa chỉ liên hệ (nếu cần):	E-mail:										
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 80%; padding: 5px;">3 ĐẠI DIỆN</td> <td style="width: 20%; padding: 5px;">Mã số:</td> </tr> <tr> <td colspan="2" style="padding: 5px;">Tên:</td> </tr> <tr> <td style="padding: 5px;">Địa chỉ:</td> <td style="padding: 5px;">Điện thoại:</td> </tr> </table>		3 ĐẠI DIỆN	Mã số:	Tên:		Địa chỉ:	Điện thoại:				
3 ĐẠI DIỆN	Mã số:										
Tên:											
Địa chỉ:	Điện thoại:										
4 ĐƠN/VĂN BẰNG BẢO HỘ CẦN SỬA ĐỔI											
☐ Đơn sáng chế ☐ Đơn giải pháp hữu ích	Số Đơn:										
Bảng độc quyền sáng chế Bảng độc quyền giải pháp hữu ích	Số Văn bằng:										
5 NỘI DUNG YÊU CẦU SỬA ĐỔI ☐ Đề nghị ghi nhận thay đổi về Người nộp đơn/Chủ Văn bằng ☐ Tên: ☐ Địa chỉ: ☐ Người nộp đơn/ Chủ Văn bằng: ☐ Chuyển giao Đơn ☐ Chuyển dịch quyền sở hữu do thừa kế, sáp nhập, phân tách... ☐ Đề nghị chuyển đổi Đơn sáng chế ↔ Đơn giải pháp hữu ích ☐ Đề nghị sửa đổi nội dung Đơn (khai tại trang bổ sung)	6 NGƯỜI KHAI KÝ TÊN										

Chú thích: Trong trang này và các trang sau, đánh dấu "X" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp

6 PHÍ, LỆ PHÍ	
-----------------------------	--

03 - Trang bổ sung số:

5

Sửa đổi nội dung Đơn

Còn ... trang bổ sung

YÊU CẦU**CẤP PHÓ BẢN/CẤP LẠI VĂN BẰNG BẢO HỘ****Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ**

384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ cấp Phó bản/cấp lại Văn bằng bảo hộ

DẤU BIÊN NHẬN, SỐ BIÊN NHẬN**1 SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT HỒ SƠ****2 NGƯỜI YÊU CẦU**

Mã số:

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ liên hệ (nếu cần):

E-mail:

3 ĐẠI DIỆN

Mã số:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

4 VĂN BẰNG BẢO HỘ

Bảng độc quyền sáng chế

Bảng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Văn bằng:

5 NỘI DUNG YÊU CẦU

Cấp Phó bản Văn bằng (cho chủ sở hữu chung)

Cấp lại Văn bằng (Số lần đã được cấp:)

Cấp lại Phó bản Văn bằng (Phó bản số: Số lần đã được cấp:)

Lý do xin cấp lại: Văn bằng bị mất

Văn bằng bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...)

**6 NGƯỜI KHAI
KÝ TÊN**Chú thích:

Trong trang này và trang sau, đánh dấu "X" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp

6

PHÍ, LÊ PHÍ

Lệ phí cấp phó bản/cấp lại Văn bằng:

Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:

Số chứng từ (trường hợp nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):

7

TÀI LIỆU KÈM THEO

Văn bản giải trình lý do khiến Văn bằng bị mất

Bản gốc Văn bằng bị hỏng (rách, bẩn, phai mờ...)

Giấy uỷ quyền:

Bản gốc

Bản sao (Bản gốc sẽ nộp sau

Bản gốc đã nộp trong Đơn số:

Chúng từ nộp phí, lệ phí

KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU

§ Khai tai

Ngày tháng năm

Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)

YÊU CẦU XÉT NGHIỆM NỘI DUNG

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ
384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây đề nghị Cục Sở hữu trí tuệ xét nghiệm nội dung đơn

DẤU BIÊN NHẬN

1 SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT HỒ SƠ

2 NGƯỜI YÊU CẦU

Mã số:

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ liên hệ (nếu cần):

E-mail:

3 ĐẠI DIỆN

Mã số:

Tên:

Địa chỉ:

Điện thoại:

4 ĐỐI TƯỢNG YÊU CẦU XÉT NGHIỆM

Đơn sáng chế

Đơn giải pháp hữu ích

Số đơn:

5 PHÍ, LỆ PHÍ

☐ Phí xét nghiệm nội dung:

☐ Phí xét nghiệm nhanh:

Tổng số phí và lệ phí nộp theo đơn là:

Số chứng từ (trường hợp nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):

6 TÀI LIỆU KÈM THEO

7 Khai tại:

Ngày tháng năm

Họ tên, chữ ký của Người khai và con dấu (nếu có)

Chú thích: Đánh dấu "X" vào ô vuông ☐ nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp

**TỜ KHAI
KHIẾU NẠI**

DẤU BIÊN NHẬN VÀ SỐ BIÊN NHẬN

Kính gửi: Cục Sở hữu trí tuệ

384 - 386 Nguyễn Trãi, Hà Nội

Người ký tên dưới đây khiếu nại Cục Sở hữu trí tuệ

1 SỐ HIỆU ĐỂ NHẬN BIẾT HỒ SƠ

2 ĐỐI TƯỢNG KHIẾU NẠI

Đối tượng khiếu nại là quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ liên quan tới :

☐ Đơn sáng chế

☐ Đơn giải pháp hữu ích

Số Đơn:

☐ Bằng độc quyền sáng chế

☐ Bằng độc quyền giải pháp hữu ích

Số Văn bằng:

Quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ bị khiếu nại được thể hiện tại:

☐ Quyết định số: ...

, ngày ...

☐ Thông báo số: ...

, ngày ...

3 NGƯỜI KHIẾU NẠI

Tên đầy đủ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

Địa chỉ liên hệ (nếu cần):

Email:

4 ĐẠI DIỆN

Mã số:

Tên :

Địa chỉ:

Điện thoại:

5 PHÍ

☐ Phí khiếu nại:

☐ Phí xem xét nhanh:

Tổng số phí đã nộp:

Số chứng từ (nếu nộp qua Bưu điện hoặc chuyển khoản):

**7 NGƯỜI KHAI
KÝ TÊN**

Chú thích: Trong trang này và trang sau, đánh dấu "X" vào ô vuông nếu các thông tin ghi sau các ô vuông là phù hợp

⑥ TÀI LIỆU KÈM THEO ☐ Bản thuyết minh về căn cứ, lý do, lý lẽ khiếu nại, gồm ... trang ☐ Giấy uỷ quyền: ☐ bản chính ☐ bản sao (☐ bản chính sẽ nộp sau ☐ bản chính đã nộp theo Đơn số: ☐ Chứng từ nộp phí ☐ Tài liệu khác gồm ... tài liệu, cụ thể:	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐
⑦ Khai tại: Ngày tháng năm Họ tên, chữ ký của Người khiếu nại và con dấu (nếu có)	

MẪU GIẤY ỦY QUYỀN

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi/chúng tôi, ký tên dưới đây là :

.....
Bằng văn bản này chỉ định
.....

làm người đại diện hợp pháp của
tôi/chúng tôi, được toàn quyền
thay mặt tôi/chúng tôi nộp đơn
xin.....
.....

.....
tại Cơ quan thẩm quyền nhà nước
Việt Nam và được toàn quyền ký,
nộp đơn và rút văn bản, thanh toán
các khoản phí, lệ phí, nộp và khiếu
nại thực hiện mọi thủ tục pháp lý
khác theo luật pháp và các quy định
pháp lý hiện hành.

Ký tại.....ngày
.....tháng.....năm.....

(ký tên, đóng dấu)

Giám đốc

POWER OF ATTORNEY

I/We, the undersigned

.....
do hereby appoint
.....

as my/our lawful attorneys with full
power of substitution and revocation,
on my/our behalf to prosecute the
application (s) for
.....
.....

at Vietnam competent Authorities.

And, if necessary, to sign any
document, to submit or withdraw
, any papers and document, to pay
any fees, charges or taxes, to apply
for trial and appeal, and in broad
terms, to perform all other formalities
and acts under the provision of the
prevailing laws and regulations with
regard to the above.

Signed at.....

This... day of, the year.....

MẪU GIẤY ỦY QUYỀN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi/chúng tôi, ký tên dưới đây là :

.....
.....

Bằng văn bản này chỉ định

.....
làm người đại diện hợp pháp của tôi/chúng tôi, được toàn quyền
thay mặt tôi/chúng tôi nộp đơn xin

.....
tại Cơ quan thẩm quyền nhà nước Việt Nam và được toàn quyền
ký, nộp đơn và rút văn bản, thanh toán các khoản phí, lệ phí, nộp
và khiếu nại thực hiện mọi thủ tục pháp lý khác theo luật pháp
và các quy định pháp lý hiện hành.

Ký tại.....ngàytháng.....năm.....

(ký tên, đóng dấu)

Giám đốc

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Luật Dân sự được Quốc hội thông qua ngày 28/10/1995;
2. Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
3. Bộ Luật hình sự (sửa đổi) được quốc hội thông qua ngày 12.12.1999;
4. Luật Hải quan được Quốc hội thông qua ngày 29.06.2001;
5. Nghị định số 63/CP ngày 24/10/1996 của Chính phủ quy định chi tiết về SHCN (Được sửa đổi bổ sung theo Nghị Định 06/2001/NĐ-CP ngày 1/2/2001 của chính phủ);
6. Nghị định 54/2000/NĐ-CP ngày 03.10.2000 của Chính phủ về bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN;
7. Nghị định 12/1999/ NĐ-CP của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực SHCN;
8. Nghị định 42/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 02.05.2003 về bảo hộ quyền SHCN đối với thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn
9. Chỉ thị số 31/1999/TC-TTg ngày 27.10.1999 của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả.
10. Thông tư 3055/TT-SHCN ngày 31-12-1996 của Bộ KHCHNT hướng dẫn thi hành các quy định về thủ tục xác lập quyền SHCN và các thủ tục khác trong Nghị định 63/CP;
11. Thông tư 29/2003/ TT-BKHCN ngày 05-11-2003 của Bộ KHCHN hướng dẫn các thủ tục xác lập quyền SHCN đối với KDCN;
12. Thông tư 30/2003 /TT-BKHCN ngày 05.11.2003 của Bộ KHCHN hướng dẫn thực hiện các thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế/giải pháp hữu ích;
13. Thông tư 132/2004/TT-BTC ngày 30-12-2004 của Bộ Tài chính quy định về phí và lệ phí SHCN;
14. Thông tư 825/2000/ TT-BKHMT ngày 3/5/2000 của Bộ KHCHMT hướng dẫn thi hành Nghị định 12/1999/NĐ-CP;
15. Thông tư số 03/NCPL ngày 22.7.1989 của Toà án Nhân dân Tối cao hướng dẫn xét xử một số tranh chấp về quyền sở hữu công nghiệp;
16. Thông tư số 10/2000/TTLB-BTM-BTC-BCA-BKHCNMT ngày 27.4.2000 của

Bộ thương mại, Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn thực hiện chỉ thị số 31/1999/CT-TTG ngày 27.10.1999 của Chính phủ về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả.

17. Paris Covention (1883) for the Protection of IndustrialProperty;
18. Madrid Agreement (1891) concerning the International Registration of Marks;
19. Patent Cooperation Treaty (PCT)
20. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS);
21. Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ,2000;
22. Bảo hộ Sáng chế - Cẩm nang dành cho Doanh nhân, Japan Patent Office, Asia-Pasific Industrial Property Center, JIII-2002;
23. Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá - Cẩm nang dành cho Doanh nhân, Japan Patent Office, Asia- Pasific IndustrialProperty Center, JIII- 2002;
24. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp- Cẩm nang dành cho Doanh nhân, Japan Patent Office, Asia- Pasific IndustrialProperty Center; JIII-2002;
25. Tài liệu Hướng dẫn đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế, giải pháp hữu ích, Hợp đồng Li-xăng-Cục Sở hữu trí tuệ -2004;
26. Các Thông tin khái quát mà các doanh nghiệp cần biết về Sở hữu trí tuệ, Dự án EC- Việt Nam về Sở hữu trí tuệ(Phần I, II, III) , xuất bản năm 2000;
27. Tạo dựng & quản trị Thương hiệu- Danh tiếng Lợi nhuận, Nhà Xuất bản Lao động Xã hội,2003;
28. Nhãn hiệu hàng hoá và Sản phẩm, Báo Thương mại & Cục Sở hữu công nghiệp,1999;
29. Sách giáo khoa chuẩn về quyền sở hữu công nghiệp, Cơ quan Patent Nhật Bản
30. Kamilldris, Sở hữu trí tuệ- Một công cụ đắc lực để phát triển kinh tế, WIPO Publication No. 888;
31. WIPO, Cẩm nang Sở hữu trí tuệ, Số xuất bản 888;
32. WIPO, General Information, Publication No. 400(E), các năm từ 2000 đến 2004;
33. WIPO, Making a Mark, Publication No. 900(E);
34. WIPO. Annual Reports, Publication No. 441E;

35. WIPO, Promotion of Technological Innovation, WIPO/INN/S/1;
36. Guidelines for the Management and Exploitation of patented Invention of Research and Development Institution in Developing Countries, WIPO, 1989;
37. Background Reading Material on Intellectual Property, WIPO Publication No. 659(E), ISBN 92-805-0184-4, 1998;
38. Intellectual Property and Development- Lessons from Recent Economic Research, A copublication of the World Bank and Oxford University Press;
39. Các Điều ước Quốc tế về Sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập, Chương trình hợp tác đặc biệt Việt Nam- Thụy Sĩ về Sở hữu trí tuệ, 7.2002.
40. Giới thiệu về quyền sở hữu trí tuệ, Văn phòng các Chương trình Thông tin Quốc tế – Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ;
41. USPTO Today, The Magazine of the United States Patent & Trademark Office, 2000;
42. Experience of Japan, Institute of Intellectual Property of Japan, 2001.
43. Bernhardt, Lehrbuch des Patentrechts; C.H.Beck sche Verlagsbuchhandlung Muenchen 1973.
44. Managing Change for Global Challenges, USPTO, 1996,
45. Leading American Innovation, USPTO;
46. Century of American Invention, USPTO, 1999.

MỤC LỤC

HỎI ĐÁP VỀ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Chương I: Những vấn đề chung về sở hữu công nghiệp

1. Các khái niệm, thuật ngữ

Tài sản trí tuệ là gì ?	1
Quyền Sở hữu trí tuệ là gì ?	1
Quyền tác giả là gì ?	1
Quyền Sở hữu công nghiệp là gì ?	2
Bảo hộ quyền SHCN là gì ?	2
Đăng ký đối tượng sở hữu công nghiệp là gì ?	3
Quyền sở hữu công nghiệp được xác lập như thế nào ?	3
Văn bằng bảo hộ quyền SHCN là gì ?	4
Thế nào là nguyên tắc nộp đơn đầu tiên ?	5
Quyền ưu tiên đối với Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được xác định như thế nào ?	5

2. Cơ sở pháp lý của việc bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

Những Văn bản pháp luật nào về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp đã được ban hành ?	6
Doanh nghiệp có thể tìm kiếm những văn bản pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ở đâu ?	7
Việt Nam tham gia các Điều ước quốc tế nào về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ?	7

3. Thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp

Tại sao doanh nghiệp cần phải đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ?	8
Ai có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp ?	8
Cơ quan nào có thẩm quyền tiến hành thủ tục đăng ký quyền sở hữu công nghiệp ?	9
Đơn yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp có thể nộp ở đâu ?	9
Doanh nghiệp có thể uỷ quyền cho người khác thực hiện các thủ tục xác lập và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp không ?	9
Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	

phải đáp ứng những yêu cầu gì ?	10
Tính thống nhất của đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ quyền SHCN được quy định như thế nào ?	10
Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ được Cục Sở hữu trí tuệ xử lý theo trình tự nào ?	10
Người nộp Đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục Sở hữu trí tuệ về việc từ chối chấp nhận đơn hoặc từ chối cấp Văn bằng bảo hộ không ?	11
Sau khi đơn đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích, đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được công bố, người nộp đơn có quyền ngăn cấm người khác sử dụng sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp nêu trong đơn đăng ký không ?	11
Văn bằng bảo hộ quyền SHCN bị đình chỉ hiệu lực trong những trường hợp nào ?	12
Văn bằng bảo hộ quyền SHCN bị huỷ bỏ hiệu lực trong những trường hợp nào ?	12
Ai có quyền đề nghị đình chỉ hoặc huỷ bỏ hiệu lực một Văn bằng bảo hộ quyền SHCN ?	12
Cục Sở hữu trí tuệ công bố những thông tin gì liên quan đến các đối tượng SHCN đã nộp đơn đăng ký hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ ?	13
4. Bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp	
Những ai được coi là Chủ sở hữu đối tượng sở hữu công nghiệp ?	14
Chủ sở hữu công nghiệp có những quyền gì ?	14
Chủ sở hữu công nghiệp có nghĩa vụ gì ?	14
Chủ sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Cục Sở hữu trí tuệ sửa đổi Văn bằng bảo hộ không ?	15
Chủ sở hữu công nghiệp có thể yêu cầu Cục SHTT cấp lại Văn bằng bảo hộ quyền SHCN không ?	15
Hồ sơ yêu cầu cấp lại Văn bằng bảo hộ quyền SHCN gồm những tài liệu gì ?	15
Ai được công nhận là tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp ?	15
Tác giả sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp có quyền gì ?	16

5. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp

Quyền chuyển giao quyền SHCN được quy định như thế nào ?	16
Chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN là gì ?	16
Chủ SHCN được lợi gì khi chuyển giao Li xăng ?	17
Doanh nghiệp mua Li xăng có thể thu được những lợi ích gì ?	17
Ai có quyền chuyển giao Li xăng ?	18
Hợp đồng Li xăng là gì ?	18
Có mấy loại Hợp đồng Li xăng ?	18
Có những quy định nào hạn chế đối với việc chuyển giao quyền sử dụng đối tượng SHCN ?	18
Hợp đồng Li xăng phải có những nội dung gì ?	19
Nghĩa vụ của các bên ký kết Hợp đồng Li xăng được quy định như thế nào ?	20
Những điều khoản nào không được phép đưa vào Hợp đồng Li xăng ?	20
Nếu việc chuyển giao Li xăng là một phần của hợp đồng khác thì nội dung chuyển giao cần phải được thể hiện như thế nào ?	21
Chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là gì ?	21
Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN là gì ?	21
Hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu đối tượng SHCN phải có những nội dung gì ?	22
Có các quy định hạn chế nào đối với việc chuyển nhượng quyền SHCN ?	22
Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN có phải đăng ký với Cục SHTT không ?	22
Hồ sơ đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền SHCN phải gồm những tài liệu gì ?	24
Thủ tục đăng ký Hợp đồng chuyển giao quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?	24
Khi đàm phán ký kết Hợp đồng cung cấp dây chuyền thiết bị để sản xuất một loại sản phẩm mới, đối tác nước ngoài yêu cầu doanh nghiệp phải trả tiền mua Li xăng cho một số đối tượng SHCN có trong hệ thống thiết bị đó, doanh nghiệp phải xử lý thế nào ?	25

6. Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp

Tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp là gì ?	26
---	----

Chức năng của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được quy định như thế nào ?	26
Quyền hạn của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN được quy định như thế nào ?	26
Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN có nghĩa vụ gì ?	27
Trường hợp nào doanh nghiệp có thể uỷ quyền, trường hợp nào bắt buộc phải uỷ quyền cho Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN thực hiện việc nộp Đơn yêu cầu cấp Văn bằng bảo hộ và tiến hành các thủ tục có liên quan ?	27
Tại sao doanh nghiệp lại cần sử dụng dịch vụ đại diện SHCN trong quá trình xác lập và bảo hộ quyền SHCN ?	27
Có bao nhiêu Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN đang được phép hoạt động tại Việt Nam ?	28

Chương II Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá và tên gọi xuất xứ hàng hoá

A. BẢO HỘ NHÃN HIỆU HÀNG HOÁ

1. Các khái niệm, thuật ngữ

Nhãn hiệu hàng hoá là gì ?	29
Những dấu hiệu nào có thể sử dụng làm NHHH ?	29
Khi chọn dấu hiệu từ ngữ để làm NHHH, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì?	30
Dấu hiệu dùng làm NHHH phải đáp ứng những điều kiện gì ? ...	30
Những dấu hiệu nào không được coi là có khả năng phân biệt (không được bảo hộ là NHHH) ?	31
Doanh nghiệp có thể lấy tên một địa danh để đăng ký NHHH ? ...	31
Doanh nghiệp cần chú ý gì khi chọn dấu hiệu để đăng ký NHHH ?	32
Nhãn hiệu tập thể là gì ?	32
Nhãn hiệu chứng nhận là gì ?	33
Nhãn hiệu liên kết là gì ?	33
Nhãn hiệu nổi tiếng là gì ?	33
Các tiêu chí nào được xem xét khi đánh giá một nhãn hiệu là nổi tiếng ?	34
Nhãn hiệu hàng hoá khác Nhãn hàng hoá ở những điểm nào ? ...	34
NHHH khác với Tên thương mại ở những điểm nào ?	35

Doanh nghiệp có thể lấy Tên thương mại để đăng ký NHHH không?	35
Ngoài chức năng phân biệt hàng hoá/dịch vụ của các doanh nghiệp sản xuất/ kinh doanh khác nhau, NHHH còn được sử dụng vào mục đích gì ?	36
2. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với NHHH	
Tại sao doanh nghiệp lại cần phải đăng ký NHHH ?	36
Doanh nghiệp có bắt buộc phải đăng ký NHHH mà mình đang sử dụng không ?	36
Có thể nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH cho nhãn hiệu đang được sử dụng không ?	37
Ai có quyền nộp Đơn đăng ký NHHH ?	37
Đơn đăng ký NHHH phải gồm những tài liệu gì ?	38
Bảng phân loại hàng hoá và dịch vụ dùng để đăng ký NHHH là gì ?	38
Tờ khai yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH được làm như thế nào ?	39
Doanh nghiệp làm thế nào để có thể biết được NHHH mà mình định đăng ký đã có ai đăng ký chưa ?	40
Đơn đăng ký NHHH có thể nộp ở đâu và nộp bằng cách nào ? ..	41
Doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký NHHH phải nộp những khoản phí, lệ phí gì ?	41
Doanh nghiệp có nên sử dụng dịch vụ đại diện SHCN để làm và nộp Đơn đăng ký NHHH không ?	41
Sau khi nộp Đơn đăng ký và nhận được Thông báo chấp nhận Đơn hợp lệ, doanh nghiệp có nên chuẩn bị sẵn bao gói sản phẩm có in nhãn hiệu để khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH có thể nhanh chóng đưa sản phẩm mang nhãn hiệu ra thị trường tiêu thụ không ?	42
Trình tự xem xét Đơn đăng ký NHHH tại Cục SHTT được thực hiện như thế nào ?	42
Nội dung công bố Đơn đăng ký NHHH trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?	45
Nội dung công bố Giấy chứng nhận đăng ký NHHH trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?	45

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH đối với những nhãn hiệu trong Đơn đăng ký đã được công bố không?	46
Trong quá trình xét nghiệm hình thức và xét nghiệm nội dung đơn đăng ký NHHH, người nộp đơn có quyền yêu cầu bổ sung, sửa đổi các tài liệu đã nộp không?	46
Người nộp đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục SHTT về việc từ chối chấp nhận đơn, từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH không?	46
Hồ sơ khiếu nại các quyết định của Cục SHTT phải gồm những tài liệu gì?	47
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT đình chỉ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký NHHH đã cấp không?	47
Đơn yêu cầu đình chỉ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký NHHH phải gồm những tài liệu gì?	48
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT huỷ bỏ hiệu lực một Giấy chứng nhận đăng ký NHHH không?	49
Đơn yêu cầu huỷ bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký NHHH phải gồm những tài liệu gì?	49
Khi một Giấy chứng nhận đăng ký NHHH bị đình chỉ hiệu lực vì lý do 5 năm liên tục không được sử dụng thì người đề nghị đình chỉ hiệu lực có thể nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH đối với nhãn hiệu đó không?	49
3. Bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá	
Đăng ký NHHH là gì?	50
Hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký NHHH được quy định như thế nào?	50
Muốn gia hạn hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký NHHH, Chủ NHHH phải làm gì?	50
Chủ NHHH có quyền yêu cầu Cục SHTT sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký NHHH không?	51
Doanh nghiệp có cần phải đăng ký bảo hộ những thay đổi đối với mẫu NHHH đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký NHHH không?	51
Ai được công nhận là Chủ sở hữu NHHH?	53
Chủ sở hữu NHHH có quyền gì?	53

Việc sử dụng NHHH của Chủ sở hữu NHHH bao gồm những hành vi nào ?	53
Chủ sở hữu NHHH có nghĩa vụ gì ?	53
Trường hợp nhãn hiệu in trên nhãn sản phẩm và nhãn sản phẩm đó được các cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì có thể coi nhãn hiệu được sử dụng một cách hợp pháp không ?	54
Một số nhãn hiệu gắn trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm có kèm theo dấu hiệu R, dấu hiệu đó có ý nghĩa gì ?	54
Doanh nghiệp phải làm gì để bảo vệ nhãn hiệu của mình đã được đăng ký bảo hộ ?	55

3. Hành vi xâm phạm quyền của Chủ NHHH

Những hành vi nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ NHHH ?	55
Một dấu hiệu (dùng làm NHHH) như thế nào thì bị coi là trùng với một NHHH đang được bảo hộ ?	56
Một dấu hiệu (dùng làm NHHH) như thế nào thì bị coi là tương tự gây nhầm lẫn với một NHHH đang được bảo hộ ?	57
Một sản phẩm như thế nào thì bị coi là cùng loại với sản phẩm mang nhãn hiệu đang được bảo hộ ?	57
Một sản phẩm như thế nào thì bị coi là tương tự với sản phẩm mang nhãn hiệu đang được bảo hộ ?	58
Trường hợp nào có thể kết luận việc sử dụng một dấu hiệu làm NHHH là hành vi xâm phạm quyền của Chủ NHHH ?	58
Trường hợp nào thì việc sử dụng NHHH không bị coi là xâm phạm quyền của chủ sở hữu NHHH ?	58

4. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài

A. Sự cần thiết của việc đăng ký NHHH ra nước ngoài

Tại sao doanh nghiệp cần bảo hộ nhãn hiệu của mình ở nước ngoài ?	59
Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hoá sang một nước mà không đăng ký bảo hộ NHHH ở nước đó thì có thể xảy ra hậu quả gì ?	59
Doanh nghiệp nên chọn những nước nào để đăng ký NHHH ? ...	59

b. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài theo Thỏa ước Madrid

Hệ thống đăng ký nhãn hiệu quốc tế theo Thỏa ước Madrid là gì ?	60
---	----

Nội dung cơ bản của Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế NHHH là gì ?	60
Thời hạn hiệu lực của Đăng ký quốc tế NHHH được quy định như thế nào ?	61
Lệ phí đăng ký quốc tế NHHH được quy định như thế nào ?	61
Sau khi NHHH được Văn phòng quốc tế ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc tế NHHH, Chủ nhân hiệu có thể yêu cầu mở rộng phạm vi bảo hộ NHHH sang lãnh thổ các nước khác không ?	61
Những nước nào là thành viên của Thỏa ước Madrid ?	62
Ưu điểm của việc đăng ký quốc tế NHHH theo Thỏa ước Madrid là gì?	62
Doanh nghiệp có quyền nộp đơn đăng ký quốc tế NHHH theo Thỏa ước Madrid không ?	63
Doanh nghiệp cần phải làm gì để nhãn hiệu của mình có thể được bảo hộ tại các nước thành viên của Thỏa ước Madrid ?	63
Đơn đăng ký quốc tế NHHH của doanh nghiệp được xử lý như thế nào?	64
Doanh nghiệp có quyền khiếu nại quyết định từ chối bảo hộ NHHH của cơ quan SHCN nước được chỉ định không ?	64
Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về NHHH được đăng ký theo Thỏa ước Madrid ở đâu ?	65
c. Đăng ký bảo hộ NHHH ra nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN	
Nội dung cơ bản của Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là gì ?	65
Đăng ký NHHH ra nước ngoài theo Công ước Pari (sau đây gọi là đăng ký trực tiếp) được áp dụng trong trường hợp nào ?	66
Để được đăng ký bảo hộ NHHH của mình ở nước ngoài dưới hình thức đăng ký trực tiếp, doanh nghiệp phải làm gì ?	66
Doanh nghiệp có cần sự trợ giúp của Tổ chức đại diện SHCN trong nước khi đăng ký NHHH của mình ra nước ngoài không ?	67

B. TÊN GỌI XUẤT XỨ HÀNG HOÁ

Tên gọi xuất xứ hàng hoá (TGXX) là gì ?	68
Ai có quyền nộp đơn đăng ký TGXXHH?	68

Đơn đăng ký TGXXHH nộp ở đâu ?	68
Đơn đăng ký TGXXHH gồm những tài liệu gì ?	68
Đơn đăng ký NHHH được xử lý tại Cục SHTT như thế nào ?	70
Thời hạn bảo hộ TGXXHH được quy định như thế nào ?	70
Vấn bằng bảo hộ TGXXHH là gì ?	70
Ai có quyền nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH ?	71
Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH phải gồm những tài liệu gì ?	71
Người nộp đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH phải nộp những khoản phí, lệ phí gì ?	71
Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH có quyền gì ?	72
Việc sử dụng TGXXHH của doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH bao gồm những hành vi nào ?	72
Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH có nghĩa vụ gì ?	72
Trường hợp nào thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng TGXXHH bị đình chỉ hiệu lực ?	73

Chương III Bảo hộ Kiểu dáng công nghiệp

1. Các khái niệm cơ bản về Kiểu dáng công nghiệp

Kiểu dáng công nghiệp là gì ?	75
Thế nào là hình dáng bên ngoài của sản phẩm ?	75
Kiểu dáng công nghiệp muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?	76
Các đối tượng nào không được bảo hộ với danh nghĩa là kiểu dáng công nghiệp ?	76
Kiểu dáng công nghiệp như thế nào thì được công nhận là có tính mới đối với thế giới ?	77
Kiểu dáng công nghiệp như thế nào thì được coi là có khả năng dùng làm mẫu để chế tạo sản phẩm công nghiệp hoặc thủ công nghiệp ?	78
Tính sáng tạo của kiểu dáng công nghiệp được quy định như thế nào?	78

Kiểu dáng các bộ phận của một sản phẩm hoàn chỉnh có thể được bảo hộ kiểu dáng công nghiệp không ?	78
Nhân sản phẩm (dùng để gắn lên sản phẩm hoặc bao gói sản phẩm) có thể được bảo hộ là kiểu dáng công nghiệp không ?	79
2. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với KDCN ?	
Ai có quyền nộp đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp ?	79
Yêu cầu về tính thống nhất của Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp được quy định như thế nào?	79
Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp phải bao gồm những tài liệu gì?	80
Doanh nghiệp có thể nhận mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền KDCN và nhận sự hướng dẫn về thủ tục đăng ký KDCN ở đâu ? ..	81
Tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền KDCN được làm như thế nào ?	81
Bản mô tả KDCN cần phải được trình bày như thế nào ?	82
Hãy cho ví dụ về một bản mô tả KDCN đã được đăng ký bảo hộ? ..	83
Bộ ảnh chụp/bản vẽ KDCN phải đáp ứng những yêu cầu gì ?	84
Đơn đăng ký KDCN có thể nộp ở đâu ?	85
Khi nộp Đơn đăng ký, doanh nghiệp phải nộp những khoản phí, lệ phí gì ?	85
Tại sao doanh nghiệp lại cần phải tra cứu KDCN trước khi nộp Đơn đăng ký KDCN ?	86
Doanh nghiệp có cần sử dụng dịch vụ đại diện SHCN trong việc làm và nộp Đơn đăng ký KDCN không ?	86
Khi nào doanh nghiệp nên công bố KDCN của mình ?	87
Trình tự xem xét Đơn đăng ký KDCN tại Cục SHTT được thực hiện như thế nào ?	87
Nội dung công bố Đơn đăng ký KDCN trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?	89
Nội dung công bố Bằng độc quyền KDCN trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?	90
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT cung cấp những thông tin chi tiết về bản chất KDCN nêu trong Đơn đăng ký hoặc trong Bằng độc quyền KDCN đã được công bố trên Công báo SHCN không ?	91

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc bảo hộ đối với những KDCN nêu trong Đơn đăng ký đã được công bố trong Công báo SHCN không ?	91
Trong quá trình xét nghiệm hình thức và nội dung Đơn đăng ký, doanh nghiệp có thể đề nghị Cục SHTT bổ sung, sửa đổi các tài liệu của Đơn đăng ký không ?	91
Doanh nghiệp nộp Đơn đăng ký có quyền khiếu nại các Thông báo, Quyết định của Cục SHTT về việc từ chối chấp nhận Đơn, từ chối cấp Bằng độc quyền KDCN không ?	92
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT hủy bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền KDCN không ?	93
Muốn hủy bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền KDCN, doanh nghiệp phải làm gì ?	93
Trường hợp nào doanh nghiệp cần đề nghị hủy bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền KDCN ?	94
3. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp	
Đăng ký kiểu dáng công nghiệp là gì ?	94
Hiệu lực của Bằng độc quyền KDCN được quy định như thế nào?	94
Muốn gia hạn hiệu lực Bằng độc quyền KDCN, Chủ KDCN phải làm gì ?	95
Chủ KDCN có thể yêu cầu Cục SHTT sửa đổi Bằng độc quyền KDCN không ?	95
Chủ KDCN là ai ?	96
Chủ KDCN có quyền gì ?	96
Quyền được độc quyền sử dụng KDCN của Chủ KDCN bao gồm những hành vi sử dụng nào ?	96
Nghĩa vụ trả thù lao cho tác giả của Chủ KDCN được quy định như thế nào ?	97
Tác giả KDCN có quyền gì ?	97
Doanh nghiệp cần làm gì để bảo vệ KDCN của mình khi KDCN đó đã được đăng ký ?	98
Khi phát hiện ở thị trường nước ngoài một loại sản phẩm có kiểu dáng đẹp, doanh nghiệp có thể lấy kiểu dáng đó làm mẫu để chế tạo sản phẩm tiêu thụ trong nước hoặc xuất khẩu không ?	99
4. Xâm phạm quyền sở hữu KDCN của Chủ KDCN	

Thế nào là hành vi xâm phạm quyền sở hữu KDCN ?	99
Những hành vi sử dụng nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền sở hữu KDCN ?	99
Thế nào là yếu tố vi phạm quyền sở hữu KDCN ?	101
Khi nào thì có thể kết luận một sản phẩm có yếu tố xâm phạm quyền sở hữu KDCN ?	101
5. Đăng ký bảo hộ KDCN ra nước ngoài	
Đăng ký bảo hộ KDCN ra nước ngoài nhằm mục đích gì ?	102
Doanh nghiệp nên đăng ký bảo hộ KDCN của mình ở những nước nào?	102
Doanh nghiệp có thể đăng ký bảo hộ KDCN của mình ở nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN không ?	103
Muốn đăng ký bảo hộ KDCN ra nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền SHCN, doanh nghiệp phải làm gì ?	103

Chương IV: Bảo hộ Sáng chế và Giải pháp hữu ích

1. Khái niệm về sáng chế, giải pháp hữu ích

Sáng chế (SC) là gì ?	105
Giải pháp hữu ích (GPHI) là gì ?	105
Giải pháp kỹ thuật - đối tượng của SC/GPHI-là gì ?	105
Muốn được bảo hộ là SC, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng những yêu cầu gì ?	105
Muốn được bảo hộ là GPHI, giải pháp kỹ thuật phải đáp ứng những yêu cầu gì ?	106
Yêu cầu về tính mới của SC/GPHI được quy định như thế nào ? ..	106
Yêu cầu về khả năng áp dụng của SC/GPHI được quy định như thế nào?	107
Một sáng chế như thế nào thì được coi là có trình độ sáng tạo ? ..	107
Các đối tượng nào không được bảo hộ là SC/GPHI ?	108
Sáng chế và giải pháp hữu ích giống nhau và khác nhau ở những điểm nào ?	108
Hãy cho một ví dụ để làm rõ sự khác biệt giữa SC và GPHI ! ...	109
Liệu các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể có sáng chế khi mà luật pháp yêu cầu sáng chế phải có tính mới đối với thế giới, có trình độ sáng tạo và có khả năng áp dụng ?	109

2. Sự cần thiết của việc bảo hộ quyền SHCN đối với SC/GPHI

Tại sao doanh nghiệp lại cần đăng ký bảo hộ SC/GPHI do mình tạo ra ?	110
Doanh nghiệp có thể khai thác SC/GPHI do mình tạo ra mà không cần đăng ký bảo hộ không ?	111
Doanh nghiệp có nên giữ bí mật SC/GPHI của mình không ?	111
Doanh nghiệp cần phải cân nhắc những vấn đề gì trước khi quyết định nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ?	112

3. Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế, giải pháp hữu ích

Ai có quyền nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ?	112
Đơn đăng ký SC/GPHI phải đáp ứng các yêu cầu gì ?	113
Đơn đăng ký SC/GPHI phải gồm những tài liệu gì ?	114
Doanh nghiệp có thể nhận mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền SC/GPHI và sự hướng dẫn về việc làm và nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ở đâu?	114
Mẫu tờ khai yêu cầu cấp Bằng độc quyền SC/GPHI được lập như thế nào ?	115
Bản mô tả SC/GPHI phải bao gồm những nội dung gì ?	117
Bản mô tả SC/GPHI phải được trình bày như thế nào ?	117
Yêu cầu bảo hộ phải được trình bày như thế nào ?	118
Bản tóm tắt SC/GPHI nhằm phục vụ mục đích gì và được trình bày như thế nào ?	119
Hãy nêu ví dụ về một bản mô tả của sáng chế đã được cấp Bằng độc quyền sáng chế!	120
Doanh nghiệp có nên bộc lộ SC/GPHI của mình trước khi nộp Đơn đăng ký SC/GPHI không ?	121
Doanh nghiệp phải nộp các khoản phí, lệ phí gì khi nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ?	121
Đơn đăng ký SC/GPHI có thể nộp tại những địa điểm nào ?	122
Tại sao doanh nghiệp cần đến sự trợ giúp của Tổ chức dịch vụ đại diện SHCN trong việc làm và nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ? ..	122
Đơn đăng ký SC/GPHI được Cục SHTT xử lý theo trình tự nào ?	123
Việc bảo mật đối với đơn đăng ký sáng chế trước khi công bố được quy định như thế nào ?	126

Doanh nghiệp có quyền có ý kiến về việc bảo hộ SC/GPHI nêu trong đơn đăng ký đã được công bố trong Công báo SHCN không ? ...	126
Thủ tục xác lập quyền SHCN đối với sáng chế và giải pháp hữu ích có gì khác biệt nhau ?	126
Nội dung công bố Đơn đăng ký SC/GPHI trên Công báo SHCN gồm có những thông tin gì ?	127
Nội dung công bố Bằng độc quyền SC/GPHI trên Công báo SHCN gồm những thông tin gì ?	128
Ngoài việc công bố Đơn đăng ký và Bằng độc quyền SC/GPHI trên Công báo SHCN, Cục SHTT còn ấn hành những tài liệu nào liên quan đến SC/GPHI đã được nộp đơn hoặc đã được cấp Văn bằng bảo hộ ?	129
Doanh nghiệp có thể yêu cầu Cục SHTT cung cấp những thông tin chi tiết về SC/GPHI đã được công bố trên Công báo SHCN không ?	129
Doanh nghiệp có quyền có ý kiến đối việc bảo hộ đối với những SC/GPHI trong Đơn đăng ký đã được công bố không ? ...	129
Trong quá trình xét nghiệm hình thức và xét nghiệm nội dung Đơn đăng ký, người nộp đơn có quyền yêu cầu bổ sung, sửa đổi các tài liệu của Đơn đăng ký không ?	130
Người nộp đơn đăng ký SC có quyền đề nghị chuyển đổi Đơn đăng ký SC thành Đơn đăng ký GPHI không ?	130
Người nộp đơn có quyền khiếu nại các quyết định của Cục SHTT về việc từ chối chấp nhận đơn, từ chối cấp Bằng độc quyền SC/GPHI không ?	130
Hồ sơ khiếu nại các quyết định của Cục SHTT phải gồm những tài liệu gì ?	131
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT đình chỉ hiệu lực một Bằng độc quyền SC/GPHI không ?	131
Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Cục SHTT huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền SC/GPHI không ?	132
Muốn đình chỉ/huỷ bỏ hiệu lực một Bằng độc quyền SC/GPHI, doanh nghiệp phải làm gì ?	132

4. Tra cứu thông tin sáng chế

Tại sao doanh nghiệp cần phải tra cứu thông tin sáng chế trước khi làm và nộp Đơn đăng ký SC/GPHI ?	133
---	-----

Ngoài mục đích kiểm tra tính mới của giải pháp kỹ thuật trước khi nộp Đơn đăng ký SC/GPHI, việc tra cứu sáng chế còn nhằm mục đích gì ?	133
Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin về SC/GPHI ở những tài liệu nào?	134
Doanh nghiệp có thể tra cứu thông tin sáng chế trên mạng Internet không ?	134
Doanh nghiệp có thể áp dụng SC/GPHI tìm được trong các cơ sở dữ liệu của Cục SHTT hoặc trên mạng Internet không ?	136
5. Bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích	
Đăng ký SC/GPHI là gì ?	136
Hiệu lực của Bằng độc quyền SC/GPHI được quy định như thế nào ?	137
Lệ phí duy trì hiệu lực Bằng độc quyền SC/GPHI được quy định như thế nào ?	137
Lệ phí duy trì hiệu lực Bằng độc quyền SC/GPHI được nộp như thế nào?	138
Chủ Bằng độc quyền SC/GPHI có quyền yêu cầu sửa đổi Bằng độc quyền SC/GPHI không ?	138
Ai được công nhận là Chủ sở hữu SC/GPHI ?	138
Chủ SC/GPHI có quyền gì ?	139
Việc sử dụng SC/GPHI thuộc quyền của Chủ SC/GPHI gồm những hành vi nào ?	139
Chủ SC/GPHI có nghĩa vụ gì ?	139
Nghĩa vụ của Chủ SC/GPHI về việc trả thù lao cho tác giả SC/GPHI được quy định như thế nào ?	140
Ai được công nhận là tác giả SC/GPHI ?	141
Tác giả SC/GPHI có những quyền gì ?	141
6. Xâm phạm quyền sở hữu SC/GPHI của Chủ SC/GPHI	
Những hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm quyền của Chủ SC/GPHI ?	142
Trong trường hợp nào thì việc khai thác, sử dụng SC/GPHI không bị coi là xâm phạm quyền của Chủ SC/GPHI ?	142
Việc xem xét, kết luận một hành vi xâm phạm quyền của Chủ SC/GPHI được thực hiện trên cơ sở nào ?	143

7. Đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích ở nước ngoài

A. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SC Ở NƯỚC NGOÀI143

Tại sao doanh nghiệp lại cần phải đăng ký bảo hộ SC/GPHI của mình ở nước ngoài ?143

Việc đăng ký bảo hộ SC/GPHI ở nước ngoài còn có tác dụng gì đối với doanh nghiệp ngoài việc giành được độc quyền khai thác, sử dụng SC/GPHI ?144

Khi đăng ký bảo hộ giải pháp hữu ích ở nước ngoài, doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì ?144

Doanh nghiệp cần chú ý những vấn đề gì trước khi đăng ký bảo hộ SC/GPHI của mình ở nước ngoài ?147

B. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SC Ở NƯỚC NGOÀI THEO CÔNG ƯỚC PARI VỀ BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp là gì ?147

Doanh nghiệp phải làm gì khi đăng ký bảo hộ sáng chế của mình ở nước ngoài theo Công ước Pari về bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp?148

Đơn đăng ký SC của doanh nghiệp được cơ quan SHCN nước nhận đơn xử lý như thế nào ?149

Doanh nghiệp có cần sự trợ giúp của chuyên gia tư vấn về SHCN khi tiến hành thủ tục đăng ký sáng chế ở nước ngoài không ?150

C. ĐĂNG KÝ BẢO HỘ SÁNG CHẾ Ở NƯỚC NGOÀI THEO HIỆP ƯỚC HỢP TÁC VỀ SÁNG CHẾ

Hiệp ước hợp tác về sáng chế là gì ?151

Hệ thống PCT là gì ?151

Doanh nghiệp muốn đăng ký bảo hộ sáng chế của mình ở các nước thành viên của PCT thì phải làm gì ?152

Thủ tục xử lý Đơn quốc tế của doanh nghiệp được thực hiện như thế nào ?153

Chương V: Bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại và bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan tới sở hữu công nghiệp

1. Khái niệm chung157

Chỉ dẫn thương mại là gì ?	157
Thế nào là sử dụng chỉ dẫn thương mại ?	157
Thành quả đầu tư là gì ?	157
Thế nào là sử dụng thành quả đầu tư ?	157
2. Bảo hộ quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh	
Bí mật kinh doanh được bảo hộ là gì ?	157
Những thông tin bí mật nào không được bảo hộ là bí mật kinh doanh?	158
Quyền sở hữu bí mật kinh doanh được xác lập như thế nào ?	158
Ai được công nhận là Chủ sở hữu quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh ?	158
Quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh có thể được chuyển giao cho người khác không ?	159
Những hành vi nào có thể bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với bí mật kinh doanh ?	159
3. Tên thương mại	
Tên thương mại là gì ?	160
Những tên gọi nào không được bảo hộ là tên thương mại ?	161
Quyền sở hữu tên thương mại được xác lập như thế nào ?	161
Ai được công nhận là Chủ sở hữu quyền SHCN đối với tên thương mại ?	161
Chủ sở hữu quyền SHCN đối với tên thương mại có quyền gì ?	161
Thời hạn bảo hộ tên thương mại được quy định như thế nào ?	162
Tên thương mại ghi trong giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp có thể coi là tên thương mại đã được chứng nhận không ?	
Những hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với tên thương mại ?	162
4. Chỉ dẫn địa lý	
<i>a. Khái niệm</i>	
Chỉ dẫn địa lý là gì ?	163
Chỉ dẫn địa lý muốn được bảo hộ phải đáp ứng những điều kiện gì ?	163

Danh tiếng, chất lượng, đặc tính của sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý được quy định như thế nào ?	163
Điều kiện địa lý liên quan đến chỉ dẫn địa lý bao gồm những yếu tố nào ?	164
Khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý được xác định như thế nào ?	164
Các đối tượng nào không được bảo hộ với danh nghĩa là chỉ dẫn địa lý ?	164
Mối quan hệ giữa chỉ dẫn địa lý và tên gọi xuất xứ hàng hoá được hiểu như thế nào ?	164
b. Xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý	
Ai có quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý ?	165
Đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý phải đáp ứng những yêu cầu gì ?	165
Thủ tục xử lý đơn đăng ký chỉ dẫn địa lý được thực hiện như thế nào ?	166
c. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý	
Văn bằng bảo hộ chỉ dẫn địa lý là gì ?	166
Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý được quy định như thế nào ?	166
Trong trường hợp nào thì Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý bị chấm dứt hiệu lực bảo hộ ?	167
Ai được công nhận là chủ sở hữu chỉ dẫn địa lý ?	167
Tổ chức, cá nhân được nhà nước trao quyền sử dụng, quyền quản lý chỉ dẫn địa lý có quyền gì ?	167
Sử dụng chỉ dẫn địa lý là việc thực hiện những hành vi nào ? ...	167
Những hành vi nào bị coi là hành vi xâm phạm quyền SHCN đối với chỉ dẫn địa lý ?	167
5. Bảo hộ quyền chống cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến quyền SHCN	
Những hành vi nào bị coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến SHCN ?	168
Ai có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi cạnh tranh không lành mạnh?	169
Người yêu cầu xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nghĩa vụ gì ?	169

Chương VI: Thực thi quyền sở hữu công nghiệp

1. Những vấn đề chung

Thực thi quyền sở hữu công nghiệp là gì ?	171
Những biện pháp nào có thể được áp dụng để xử lý những hành vi xâm phạm quyền SHCN ?	171
Chủ SHCN có quyền áp dụng những biện pháp gì để bảo vệ quyền SHCN của mình ?	171
Chủ SHCN giữ vai trò gì trong việc bảo đảm thực thi quyền SHCN ?	172
Thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?	172
Giám định về SHCN là gì ?	172
Ai có quyền trưng cầu ý kiến giám định hoặc yêu cầu giám định về SHCN ?	172

2. Biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN

Biện pháp xử lý hành chính là gì ?	173
Các hành vi xâm phạm nào bị xử phạt hành chính về SHCN ? ...	173
Những loại hàng hoá nào bị coi là hàng hoá giả mạo về SHCN ?	174
Biện pháp xử lý hành chính có những ưu điểm gì so với biện pháp kiện dân sự hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự ?	174
Trường hợp nào thì doanh nghiệp nên chọn biện pháp xử lý hành chính để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ? ...	174
Ai có quyền yêu cầu áp dụng biện pháp xử lý hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN ?	175
Thời hiệu xử phạt hành chính đối với các hành vi xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?	175
Cơ quan nào có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính về SHCN ?	175
Doanh nghiệp nên chọn cơ quan nào để đề nghị xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?	177
Doanh nghiệp có cần yêu cầu giám định pháp lý về SHCN để làm căn cứ đề nghị các cơ quan thực thi pháp luật xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHCN không ?	177

Muốn yêu cầu giám định pháp lý về SHCN, doanh nghiệp cần phải làm gì ?	177
Doanh nghiệp cần làm gì khi yêu cầu cơ quan chức năng xử lý hành chính các hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?	178
Người thực hiện hành vi xâm phạm quyền SHCN có thể phải chịu hình phạt gì khi bị xử lý hành chính ?	178
Các biện pháp nào có thể được áp dụng để ngăn chặn và bảo đảm xử phạt hành chính ?	180
Doanh nghiệp có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính buộc người có hành vi xâm phạm quyền SHCN phải bồi thường thiệt hại cho mình không ?	180
Những tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán, vận chuyển, tàng trữ để buôn bán, nhập khẩu, xuất khẩu đồ can, nhãn sản phẩm, mẫu nhãn hiệu, bao bì sản phẩm mang dấu hiệu trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với NHHH, TGXXHH hoặc KDCN đang được bảo hộ có bị xử lý hành chính về vi phạm quyền SHCN không ?	181
Việc xử lý các hành vi vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền SHCN được quy định như thế nào ?	181
3. Biện pháp truy cứu trách nhiệm hình sự	
Các hành vi xâm phạm quyền SHCN nào có thể bị truy tố trách nhiệm hình sự ?	182
Cơ quan nào có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHCN ?	182
Ai có quyền tố cáo hành vi xâm phạm quyền SHCN với cơ quan có thẩm quyền để truy tố trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi xâm phạm đó ?	182
Thẩm quyền của Tòa án nhân dân trong việc xét xử các vụ án hình sự về xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?	
Những hình phạt nào có thể được áp dụng đối với người bị kết tội xâm phạm quyền SHCN ?	183
Thủ tục tố tụng hình sự đối với các vụ án về xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?	184
4. Biện pháp kiện dân sự	
Trường hợp nào doanh nghiệp nên áp dụng biện pháp kiện dân sự để xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN của mình ?	184

Ai có quyền khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN ?	184
Thẩm quyền của Tòa án trong việc xét xử các vụ kiện dân sự về xâm phạm quyền SHCN được quy định như thế nào ?	185
Những biện pháp dân sự nào được Tòa án áp dụng để xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền SHCN ?	185
Muốn khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN, người có quyền khởi kiện phải làm gì ?	186
Thủ tục tố tụng đối với một vụ kiện dân sự về xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?	187
Việc thi hành Bản án, Quyết định dân sự về hành vi xâm phạm quyền SHCN được thực hiện như thế nào ?	187
Người khởi kiện vụ án dân sự về xâm phạm quyền SHCN có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng những biện pháp khẩn cấp tạm thời nào ?	188
Người yêu cầu áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có nghĩa vụ gì ?	189
5. Các biện pháp kiểm soát biên giới nhằm bảo đảm thực thi quyền SHCN	
Biện pháp kiểm soát biên giới là gì ?	190
Việc áp dụng các biện pháp kiểm soát biên giới giữ vai trò gì trong việc bảo đảm thực thi quyền SHCN ?	190
Biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan hàng hoá xuất nhập khẩu liên quan đến SHCN là gì ?	190
Ai có quyền yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới ?	191
Người yêu cầu cơ quan hải quan áp dụng biện pháp tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất, nhập khẩu qua biên giới có nghĩa vụ gì ?	191
Cơ quan nào có thẩm quyền ra quyết định tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất nhập khẩu qua biên giới ?	191
Thủ tục tạm dừng làm thủ tục hải quan được thực hiện như thế nào ?	192

BẢO HỘ QUYỀN
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP
380 câu Hỏi & Đáp
dành cho doanh nghiệp

Chịu trách nhiệm nội dung:
TS. PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

Chủ biên:
VŨ KHẮC TRAI

Giấy phép xuất bản số 43/XB-GTVT ngày 16 tháng 2 năm 2006
In 1000 cuốn, khổ 16cm x 24cm. In tại Xưởng In Báo Người Hà Nội



Trụ sở Cục Sở hữu trí tuệ

BẢO HỘ QUYỀN

SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP

380

*câu Hỏi & Đáp
dành cho doanh nghiệp*

